

K.A. VIAZEMSKI

DU NGOẠN VÒNG QUANH CHÂU Á TRÊN LƯNG NGỰA



 **VTB**
General
sponsor

Konstantin Aleksandrovich
VYAZEMSKI

1853—1909

Князь К. А. ВЯЗЕМСКИЙ

ПУТЕШЕСТВИЕ
ВОКРУГ АЗИИ ВЕРХОМ

*Вьетнамские дневники
1892 год*

Составитель А. А. Соколов

Центр культуры и языков «Восток — Запад»

Перевод на вьетнамский язык
ХО БАТ ХУАТ, НГУЕН ТХИ НЬЫ НГУЕН

ГЕНЕРАЛЬНЫЙ СПОНСОР ИЗДАНИЯ



«Локид Премиум»
МОСКВА • 2014

K. A. VYAZEMSKI

DU NGOẠN VÒNG QUANH CHÂU Á
TRÊN LŨNG NGỰA

*Nhật ký Việt Nam
năm 1892*

Chủ biên: A. A. Sokolov

Центр культуры и языков «Восток — Запад»

HỒ BẮT KHUẤT, NGUYỄN THỊ NHƯ NGUYỄN
dịch từ nguyên bản tiếng Nga

NHÀ TÀI TRỢ CHÍNH



Nhà xuất bản Lokid Premium
MOSKVA • 2014



Nhà tài trợ chính

*Cuốn sách này được ấn hành
nhờ sự hỗ trợ của Tổ chức Liên bang
về Hoạt động của Cộng đồng các Quốc gia
Độc lập, của đồng bào sống ở nước ngoài và
về hợp tác nhân đạo quốc tế (Hợp tác Nga)*

Dịch từ nguyên bản tiếng Nga
Князь К. А. Вяземский
Путешествие вокруг Азии верхом.
Вьетнамские дневники. 1892 год
Москва: Институт востоковедения РАН, 2011

ISBN 978-5-904469-32-0

© Lokid Premium Ltd, bản tiếng Việt, 2014
© Nhà xuất bản Thế Giới, bản tiếng Việt, 2014

MỤC LỤC

LỜI NHỮNG NGƯỜI DỊCH	8
Cuộc phiêu lưu của Công tước Vyazemski ở Việt Nam. LỜI NÓI ĐẦU	10
CUỐN VỞ 19	27
Đến Lạng Sơn	28
Thời gian tôi ở Lạng Sơn	34
CUỐN VỞ 20	
Cuộc đón tiếp những tên cướp	38
Khởi hành từ Lạng Sơn	42
Đường đến Kép	43
Kép	45
Số phận của Pierre	47
Phú Lương, Đáp Cầu, Bắc Ninh	49
Hà Nội	52
Vịnh Hạ Long	61
Tình huống trên sông	63
Nam Định	66
Ninh Bình	67
Nơi ở của linh mục Siktus	68
Thanh Hóa	72

MỤC LỤC

CUỐN VỞ 21

Đường từ Bắc Kỳ vào An Nam	75
Vinh	78
Hà Tĩnh	89
Những khu rừng nguyên sinh đầu tiên	93
Đồn quân sự Minh Cầm	99
Ra đường cái quan	101
Căn bệnh nhiệt đới	102
Đồng Hới	107
Một chuyến đi trên cang	109
Ngày 4 tháng Năm	111
Ngày 5 tháng Năm	112

CUỐN VỞ 22

Quảng Trị	113
Ngày 7 tháng Năm	115
Huế	118
Chuẩn bị vào những nơi không thể đi qua	131
Đường trong mây	133
Đà Nẵng	140
Hành trình ngược lại	145
Lại nói về bệnh sốt rét	147
Khởi hành đến Xiêm	149

CUỐN VỞ 23

Ngày 21 tháng Năm	152
Ngày 22 tháng Năm	157
Ngày 23 tháng Năm	158
Ngày 24 tháng Năm	161
Ngày 25 tháng Năm	162
Ngày 26 tháng Năm	164
Ngày 27 tháng Năm	165

MỤC LỤC

Ngày 28 tháng Năm	165
Ngày 29 tháng Năm	167
Ngày 30 tháng Năm	170
 CUỐN VỞ 27	 171
Chuyến đi đến Nam Kỳ	172
Ngày 10 tháng Bảy	173
Ngày 11 tháng Bảy	176
 CUỐN VỞ 28	
Lại bàn về cà phê	179
Đồn Xoài Riêng	182
Chơi cá	184
Quân cờ Campuchia	186
Ngày 12 tháng Bảy	187
Ngày 13 tháng Bảy	188
Tân An	189
Ngày 14 tháng Bảy	192
Tây Ninh	183
 CUỐN VỞ 29	
Ngày 16 tháng Bảy	198
Sài Gòn	202
Chợ Lớn	212
 CUỐN VỞ 30	
Hành trình trở về	217
Bơi thuyền trên sông Mekong	222
 BÌNH LUẬN VÀ CHÚ GIẢI	 225

LỜI NHỮNG NGƯỜI DỊCH

Chúng tôi đã học chuyên ngành Tiếng Nga và Văn học tại nước Nga từ thế kỷ trước. Thời sinh viên, chúng tôi có biết đến Konstantin Aleksandrovich Vyazemski như một nhà khoa học, nhà văn hóa chứ không phải nhà văn và cũng chưa được đọc tác phẩm nào của ông, tuy nhiên, tên tuổi của ông vẫn được chúng tôi ghi nhớ.

Vào năm 2013, chúng tôi được tặng cuốn sách tiếng Nga của Công tước Konstantin Aleksandrovich Vyazemski, có tựa đề «Du ngoạn vòng quanh châu Á trên lưng ngựa. Nhật ký Việt Nam năm 1892». Chúng tôi đọc thấy vô cùng thú vị. Được sự gợi ý và động viên của Phó giáo sư — Tiến sĩ Anatoly Alekseeich Sokolov (người sưu tầm, biên soạn và giới thiệu cuốn sách này) và nhà thơ — dịch giả Thúy Toàn, chúng tôi đã dịch cuốn sách này. Đây là một công việc đầy hào hứng vì cả hai chúng tôi đều rất thích nội dung cuốn sách, muốn nhiều bạn đọc Việt Nam cùng thưởng thức món quà tinh thần này để biết thêm về đất nước xinh đẹp của chúng ta trong quá khứ và cũng để mà suy ngẫm về hiện tại.

Công tước Konstantin Aleksandrovich Vyazemski là một nhà quý tộc Nga, ông có khát vọng đi du ngoạn khắp nơi trên thế giới để tận mắt chiêm ngưỡng phong cảnh thiên nhiên và tìm hiểu lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán của các dân

tộc. Konstantin Aleksandrovich Vyazemski là một người uyên bác trong nhiều lĩnh vực, nhưng không phải là chính khách nên cách nhìn nhận của ông rất khách quan, vì vậy «Nhật ký Việt Nam năm 1892» là một tài liệu lịch sử — văn hóa có giá trị lớn đối với Việt Nam. Những gì ông viết ở đây là do ông quan sát, nhìn thấy và suy nghĩ như vậy. Ở đây có những nhận xét thẳng thắn, tinh tế và sâu sắc. Ông thích thú vẻ đẹp thiên nhiên Việt Nam khi ấy bởi sự hoang sơ và kỳ thú, làng mạc sơ sài mà vẫn có những nét đặc trưng, và ta cũng có thể thấy được cảm tình của ông đối với con người Việt Nam. Văn ông toát lên sự nhẹ nhàng, hồn hậu của một tâm hồn đầy nhân văn và sự thâm thúy, sâu sắc của một người nhiều trải nghiệm, kiến thức phong phú. Khiếu hài hước của ông góp phần không nhỏ khiến người đọc thích thú. Khi dịch, chúng tôi cố gắng chuyển tải điều này, mặc dù tiếng Nga và tiếng Việt có sự khác biệt khá lớn.

Vì cuốn sách do một du khách nước ngoài viết về Việt Nam từ hàng trăm năm trước nên một số từ ngữ, mô tả, nhất là những từ ngữ liên quan đến địa danh, cây cối, hoa trái... rất khó tra cứu chính xác. Dù chúng tôi đã rất cố gắng, nhưng có lẽ vẫn không tránh khỏi những sai sót khi chuyển ngữ. Chúng tôi rất mong bạn đọc gần xa góp ý để những lần xuất bản tiếp theo được tốt hơn.

TS. Hồ Bất Khuất và TS. Nguyễn Thị Như Nguyễn
Hà Nội, 21 tháng Sáu năm 2014

Cuộc phiêu lưu của ông tước Vyazemski ở Việt Nam

LỜI NÓI ĐẦU

Những thông tin đầu tiên về Việt Nam tại nước Nga bắt đầu xuất hiện từ giữa thế kỷ XIX, đây là những bài viết trên báo chí định kỳ (cả ở thủ đô và cấp tỉnh), và như thường thấy, chúng là các bản dịch từ báo chí nước ngoài, trước hết là từ báo chí Pháp. Sau đó ra đời những cuốn sách kể về vị trí địa lý Việt Nam, sự phong phú, đa dạng của thiên nhiên, phong tục tập quán và văn hóa dân tộc.

Trong những thập niên cuối của thế kỷ XIX, ngày càng có nhiều người châu Âu đi du lịch các nước khác nhau ở phương Đông. Sở dĩ có được điều này một phần không nhỏ là nhờ vào việc xây dựng đường sắt và mở những tuyến đường thủy, giúp dân cư của lục địa mới và cũ vươn tới những nơi mà trước đây được xem là không tới được. Chắc chắn, những yếu tố chính góp phần vào sự «bùng nổ Phương Đông» bắt nguồn từ lợi ích địa chính trị và sự gia tăng mâu thuẫn giữa

các quốc gia đang tích cực khai thác sức hấp dẫn lớn trong kế hoạch phát triển kinh tế ở các thuộc địa phương Đông.

Đông Dương bắt đầu thu hút sự chú ý của Nga vào những năm 80–90 của thế kỷ XIX (khi Pháp đã thực sự củng cố vững chắc vị thế trong khu vực), và điều này liên quan đến nhận thức về triển vọng của mối quan hệ Nga — Trung, về tầm quan trọng vị trí chiến lược — quân sự của Việt Nam và các nước láng giềng trong cuộc đấu tranh đang diễn ra, nhằm phân chia lại thế giới. [1]

Vì vậy, các con tàu của quân đội Nga thực hiện khá thường xuyên những chuyến đi trên Thái Bình Dương, đến các cảng biển Việt Nam như Hải Phòng, Sài Gòn, Vịnh Cam Ranh. Kết quả của những chuyến đi đó là những ấn phẩm trong các tạp chí chuyên ngành («Tạp chí về biển», «Tạp chí quân sự», «Khoa học tự nhiên và địa lý», v.v.), cũng như trên các tờ báo và tạp chí phổ biến («Ý tưởng Nga», «Người thương binh Nga», v.v.). Trong số các tác giả có các nhà văn nổi tiếng (K. M. Stanyukovich, V. V. Krestovski), các nhà khoa học (A. M. Bolshakov, E. Erickson), các nhà ngoại giao (G. de Vollan), các nhà quân sự chuyên nghiệp và thậm chí cả người kế vị ngai vàng, nhà vua tương lai của nước Nga Nikolai II. Đây là những tác phẩm văn học và chính luận có giá trị của những người Nga đầu tiên đến Việt Nam. Họ mang lại cho chúng ta không chỉ thông tin liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp của mình, mà cả những ấn tượng trực tiếp về một đất nước xa xôi, lạ lẫm đối với chúng ta. [2]

* * *

Trong số những người đầu tiên khám phá Đông Dương, nhiều người bị cái kỳ thú, mới lạ thu hút, còn số khác thì do cố gắng làm giàu khi đã mất hi vọng làm được điều đó ngay tại quê nhà. Nhưng cũng có những người muốn thử thách chính mình trong điều kiện thời tiết và địa hình khốc liệt, và rất khó nói trong ý định của họ thì sự lãng mạn hay tính mạo hiểm — cái gì nhiều hơn. Trong số những «người chinh phục» Đông Dương ấy, có người đồng hương của chúng ta — Công tước Konstantin Alexandrovich Vyazemski (1852–1904), người có số phận rất thú vị, đồng thời rất đáng học hỏi. Tính cách của ông đã thu hút sự chú ý của các nhà khoa học nước nhà, nhưng đáng tiếc là cho đến nay vẫn chưa xuất hiện một công trình riêng biệt, nghiêm túc mà, không còn nghi ngờ gì nữa, nhà du ngoạn Nga này xứng đáng được hưởng. [3]

* * *

Konstantin Aleksandrovich Vyazemski sinh ra trong một dòng họ được phong tước hiệu Công tước từ lâu đời, thuộc nhánh liên quan đến tỉnh Tula và tỉnh Vladimir. Ông sinh ra ở Moskva vào năm 1852, trong một gia đình quý tộc tương đối giàu có, được giáo dục tốt và có lòng tự trọng cao. Tuy nhiên, sau khi tốt nghiệp trường thiếu

sinh quân, Vyazemski không theo đuổi sự nghiệp quân sự. Ông bị cuốn hút bởi những vấn đề đạo đức — triết học; ông quan tâm đến cách sống, phong tục, tôn giáo của các quốc gia và các dân tộc. Bởi thế, ngay từ khi còn trẻ, ông đã thích đi du lịch, hơn nữa, theo một cách khá đặc biệt — trên lưng ngựa. Ông đặt ra nhiệm vụ «nghiên cứu trái đất ở nhiều nơi khác nhau với tất cả các đặc tính», và «nhận biết cuộc sống thực thụ của các dân tộc không bị tha hóa bởi nền văn minh phù sa». [4]

Công tước Vyazemski giải thích niềm đam mê du lịch trên lưng ngựa như sau: «...Nếu bạn muốn vào sâu lục địa một đất nước, nơi có thể nhìn thấy một cái gì đó độc đáo và đặc biệt, thì làm gì có phương thức di chuyển nào khác, bởi ngoài đường núi thì không còn con đường nào cả». [5] Trong vòng mười lăm năm, ông đã có mặt tại các hang cùng ngõ hẻm của nước Nga, Tây Âu, châu Phi và châu Á, vượt qua nhiều ngàn cây số.

Công tước ghi nhật ký thường xuyên, chỉ mới có một phần rất ít được in ở Pháp (báo «Le Figaro»), và ở báo chí nước nhà (tạp chí «Bình luận Nga»). Ngoài ra, ông trở nên nổi tiếng khắp châu Âu với những phát biểu công khai trong Hội địa lý ở Paris.

Trong những năm 1881–1882, ông đi khắp Maroc và là người Nga đầu tiên đến thăm đất nước này. Trong chuyến đi gần mười tháng, kéo dài từ tháng Chín năm 1883 đến tháng Sáu năm 1884, Konstantin Aleksandrovich Vyazemski đã du ngoạn đến vùng Tiểu Á, Syria, Palestin, sa

mạc Sinai, Ai Cập, Sudan, Lưỡng Hà, Kurdistan, Armenia và vùng Kavkaz.

Sau chuyến đi thực sự thành công của ông đến châu Phi, Công tước Vyazemski quyết định thực hiện một dự án mới, còn lớn hơn nhiều; ông đã viết như sau: «Cuộc hành trình này (lớn hơn tất cả những cuộc mà tôi đã thực hiện), tôi đặt ra mục tiêu đến tất cả các nơi của châu Á và làm một vòng tròn trọn vẹn quanh lục địa này rồi trở về, nếu Chúa cho phép». [6] Rõ ràng, không tin vào khả năng thành công của kế hoạch hoành tráng như vậy, Hội địa lý Nga đã từ chối giúp đỡ vật chất và bảo trợ cho công tước, do đó, tất cả chi phí, ông phải tự lo liệu. Trong chuyến đi vòng quanh châu Á, bắt đầu từ tháng Bảy năm 1891 và hoàn thành vào tháng Mười một năm 1893, ông vượt qua hơn 40 ngàn cây số, đi xuyên qua Sibir đến hồ Baikal, sau đó xuyên qua Mông Cổ, trên lưng ngựa, tới Bắc Kinh. Hơn nữa, ngoài Trung Quốc ra, ông đã đến Việt Nam (hồi đó là Đông Dương, thuộc địa của Pháp), Miến Điện, Lào, Xiêm, Campuchia, Ấn Độ, Tây Tạng. Ở Campuchia, ông di chuyển bằng chiếc xe trâu kéo; ở Ấn Độ, trên lưng voi; còn ở Himalaya, bằng bò rừng Tây Tạng. Công tước bị bọn cường tín bản địa gây thương tích, hai lần bị cướp, bị tấn công, bị đạn bắn trúng vai, bị lưỡi lê đâm vào chân, bị bọn cướp nhốt hai tuần và trở về quê hương với bệnh dịch sốt. [7]

Trong suốt các tháng dài của cuộc hành trình, Vyazemski ghi nhật ký, được đặt tên là «Du ngoạn vòng quanh châu Á trên lưng ngựa», bao gồm gần bốn chục cuốn vở chi chít chữ viết tay rất nhỏ.

Trong những năm 1894–1895, một số đoạn trích từ nhật ký của ông đã được công bố trên tạp chí «Bình luận Nga», kể về Sibir và Trung Quốc — giai đoạn đầu của cuộc hành trình. Tất cả những phần còn lại chưa hề được in. [8]

Trong ghi chép của mình, Vyazemski mô tả chi tiết ấn tượng trên đường đi về các đất nước và các dân tộc mà ông nhìn thấy, luân thường, đạo lý, phong tục, tôn giáo của họ. Tuy nhiên, thiên nhiên rực rỡ và kỳ thú của những đất nước xa lạ, những di tích lịch sử, các cuộc gặp gỡ với những người khác nhau vẫn không giải thoát ông khỏi sự bất bình nội tâm: «Nếu hoạt động của tôi chỉ hạn chế bằng cuộc du ngoạn này, thì tôi sẽ phải buồn bã công nhận rằng, tôi đã sống cuộc đời của kẻ vô dụng». [9] Lời thú nhận này, trong một chừng mực nhất định, đã phản ánh sự khủng hoảng tinh thần mà công tước phải trải qua trong cuối những năm 1880 — đầu những năm 1890. Đó chính là khi ông bắt đầu cảm thấy sự cần thiết phải «hoàn thiện đạo đức», gắn liền với sự tìm tòi tôn giáo và mỹ học của ông. Trong giai đoạn này của cuộc đời, Konstantin Aleksandrovich Vyazemski chịu ảnh hưởng của quan điểm triết học của Lev Nikolaevich Tolstoi và hoạt động truyền bá của giám mục Macary. Với Tolstoi, công tước kết nối bằng sự quen biết thân thiện và trao đổi thư từ bạn bè, ông đã hai lần tới Yasnaya Polyana. Cuộc gặp đầu tiên với nhà văn diễn ra vào ngày 11 tháng Bảy năm 1890, cuộc gặp thứ hai sau đó một năm, vào ngày 27 tháng Sáu năm 1891. [10] Chủ đề chính của việc trao đổi thư từ

giữa Vyazemski và Tolstoi là thảo luận về các vấn đề tôn giáo và đạo đức [11]; thư từ bị gián đoạn do Tolstoi bị lâm bệnh, phải đến Crum để điều trị.

Trong chuyến đi dài đầu tiên của mình, Konstantin Aleksandrovich Vyazemski làm quen với giám mục Macary, trụ trì tu viện Thánh Panteleimon trên núi Aphon. [12] Và chẳng bao lâu sau đó, Macary trở thành người cha tinh thần của công tước. Thư từ và giao tiếp với giám mục Macary đã ảnh hưởng đến thế giới quan của Konstantin Aleksandrovich Vyazemski và sau đó ấn định số phận cá nhân của ông. Năm 1895, ông xuống tóc và nhận tên thánh là Kiprian tại tu viện Thánh Panteleimon, và vào năm 1900, trở thành tu sĩ Ksenofont. [13] Lev Nikolaevich Tolstoi tán thành việc công tước rời bỏ đời sống trần tục và gửi cho ông một lá thư; về việc này Vyazemski có viết cho em gái mình vào ngày 8 tháng Tư năm 1901. [14]

Từ năm 1895 đến khi qua đời, Konstantin Aleksandrovich Vyazemski sống trong tu viện Thánh Panteleimon. Thư từ trao đổi của Vyazemski với N. M. Sologub [15] cho biết ông là thủ thư của tu viện. Làm việc trong một kho lưu trữ các bản thảo vô giá, chỉ có thể là người có học vấn cao. Trong những năm này, Vyazemski xử lý kết quả chuyến thám hiểm của mình và đăng bài trên các tạp chí khoa học Pháp.

Chiến dịch tuyệt giao với Lev Nikolaevich Tolstoi và nhà thơ tác động nghiêm trọng đến Konstantin Aleksandrovich Vyazemski. Vào đầu

những năm 1900, ông lâm bệnh và tạ thế ngày 4 tháng Bảy năm 1904, sau một cơn đau tim.

* * *

Thành quả chính của những chuyến du ngoạn dài ngày của Công tước Vyazemski là hai tập nhật ký: «Hành trình đến Maroc» (1881–1882, lưu trữ của Hội địa lý Nga, Peterburg) và «Du ngoạn vòng quanh châu Á trên lưng ngựa» (1891–1893, Phòng bản thảo của Thư viện Quốc gia Nga, Moskva). Ngoài ra, các tập nhật ký khác và các công trình khoa học của ông, thư từ trao đổi với Lev Nikolaevich Tolstoi — được lưu giữ ở các kho lưu trữ khác nhau của Nga — rõ ràng cũng rất thú vị.

Mục đích của ấn phẩm này là kể về chuyến đi của Công tước Vyazemski đến Việt Nam, tại thời điểm đó bao gồm Bắc Bộ, An Nam và Nam Kỳ, tương ứng với miền Bắc, miền Trung và miền Nam đất nước, và là một phần của cái gọi là Đông Dương thuộc Pháp. Như đã nói ở trên, phần này của cuộc hành trình vòng quanh châu Á của ông được phản ánh trong văn đàn rất ít và rời rạc.

Trước cuộc hành trình dài, Konstantin Aleksandrovich Vyazemski đã gửi một bức thư cho P. V. Bykov — nhà văn, nhà thư tịch học và nhà xuất bản người Moskva:

«Tôi thực hiện cuộc hành trình chưa từng có từ trước đến nay, mà tôi nghĩ, sẽ khiến giới trí thức quan tâm. Tôi dự định đi vòng quanh toàn

bộ châu Á trên lưng ngựa. Cuộc hành trình sẽ kéo dài từ một đến hai năm. Tôi sẽ đi vào đầu tháng Bảy. Thông tin khoa học tôi thu được trong cuộc hành trình sẽ được gửi tới Hội địa lý. Tôi xin gửi cho ngài những mô tả chuyển đi từ những nơi tôi đi qua. Tôi sẽ mang theo máy ảnh, vì vậy tôi có thể gửi cho ngài hình ảnh <...> các loài thú vị và nói chung, những cảnh sinh hoạt dân gian của những đất nước mà tôi đi qua». [16]

Ngày 6 tháng Bảy năm 1891, Konstantin Aleksandrovich Vyazemski cùng với đầu bếp, phiên dịch và người hầu [17] đi tàu hỏa đến Nizhni Novgorod, từ đây đi tàu thủy theo dòng Volga và dòng Kama đến Perm. Sau đó đi bằng xe bưu điện qua Tomsk, Irkutsk, và cuối cùng đã đến Kyakhta. Tại đây, ông được bố trí mấy người Côđắc hộ tống, một trong số đó có kinh nghiệm hành trình thám hiểm đường dài là Nikolai Mikhailovich Przhevalski. [18] Tiếp theo, đường đi của ông xuyên qua sa mạc Gobi.

Bỏ qua miền trung Trung Quốc, vào sáng ngày 14 tháng Ba năm 1892, Công tước Vyazemski và những người đồng hành đến thị trấn biên giới Lạng Sơn. [19] Cuộc hành trình dọc Việt Nam, có đi đến Campuchia và Xiêm, kết thúc tại Sài Gòn, vào tháng Bảy năm đó.

Ở khắp mọi nơi người ta đón tiếp vị khách du lịch người Nga rất trọng thị, đôi khi rất vô vập. Có lẽ, lý do của thái độ này có liên quan đến sự việc đã xảy ra trước đó: 1891, chuyến thăm Sài Gòn của Thái tử Nikolai năm 1891 và quan hệ hữu nghị Pháp — Nga. Ngoài ra, tên của Công

tước Vyazemski cũng đã khá nổi tiếng ở châu Âu. Nhưng căn cứ vào những gì được ghi trong nhật ký, điều này nếu không gây khó chịu thì ở mức độ nào đó cũng cản trở việc du lịch tự do, ông không muốn được đối xử như một chính khách. Dầu vậy, «yếu tố đồng minh» đã giúp ông rất nhiều ở Việt Nam.

Lưu ý một sự việc thú vị: Ngay trước khi bắt đầu cuộc hành trình đến Việt Nam, Công tước Vyazemski biết được rằng, trong đội quân Lê dương của quân đội Pháp có cả những người Nga bỏ trốn khỏi đất nước. [20]

Vyazemski ghi nhật ký hàng ngày. Những ghi chép liên quan đến nhiều thứ khác nhau: tập quán dân tộc, lối sống hàng ngày của người Việt Nam (ông gọi họ là người An Nam) và người Pháp, trang phục, hệ thực vật, động vật, cơ cấu tổ chức hành chính, v.v. Sau khi kiểm tra kỹ lưỡng, ông cho rằng khoảng cách giữa Thanh Hóa và Vinh là khoảng 150 *versta*¹, không phải 185 như ghi trong bản đồ của Bộ Tổng tham mưu Pháp.

Các ghi chú của Vyazemski có điều đặc biệt thế này: do có nhiều kinh nghiệm trong du ngoạn, ông luôn luôn so sánh các hiện tượng, sự kiện, đồ vật ở các nước khác nhau. Đúng là cũng có những nhận định gây tranh cãi, chẳng hạn như về pháo bông — đây là một «sáng chế của địa phương (sáng chế của người An Nam), chúng được sử dụng ở tất cả các trường hợp trang trọng, đặc biệt là trong các sự kiện có tính nghi lễ. Từ đây pháo

¹ *Versta*: đơn vị đo chiều dài Nga, bằng 1,066 km.

bông được đưa đến Trung Quốc, và người châu Âu lại vay mượn từ người Trung Quốc». [21]

Những cuộc gặp gỡ với đại diện của các tầng lớp quý tộc địa phương, dù là với thống đốc người Việt Nam (quan đốc) hay là với chính Hoàng đế An Nam, cũng đều rất thú vị. Ông tập trung vào vẻ bề ngoài của người đối thoại: quần áo, thái độ trong lúc trò chuyện, v.v. Khá lạ kỳ là người Việt Nam, thậm chí cả những người giữ chức vụ cao cấp, hầu như không biết gì về nước Nga. Chẳng hạn, trong một cuộc trò chuyện, quan đốc thấy Công tước Vyazemski và công sứ người Pháp (quan chức) nói chuyện với nhau thoải mái; ông rất ngạc nhiên về sự phổ biến rộng rãi tiếng Pháp ở Nga. Về nước Nga, viên quan Việt Nam này biết rất mù mờ và chỉ nghe nói đây là đất nước lạnh nhất trong tất cả các quốc gia. Khi biết Nga không phụ thuộc vào Trung Quốc, Pháp và cả Anh, vị quan chức người Việt này «thấy điều này thật lạ lùng và hỏi: tại sao người ta lại không chiếm lấy nó?» [22] Công sứ người Pháp giải thích cho ông ta rằng, «vào thời điểm này không có khả năng để làm việc đó, rằng nước Nga rộng lớn và mạnh mẽ, rất khó đánh nhau với nước Nga». [23]

Có một bằng chứng cụ thể về tính cách của Công tước Vyazemski, về ý thích mạo hiểm, muốn thử thách của ông. Khi ông quyết định đi xuyên qua những khu rừng nguyên sinh để vào sâu nội địa, viên công sứ người Pháp đã can ngăn, khuyên từ bỏ cách đi này và dọa bằng những mối nguy hiểm. Vyazemski trả lời: «...chính những điều nguy hiểm cuốn hút tôi, tôi không

xem mạng sống của mình là cái gì cả» [24] Cần phải thừa nhận rằng, những ghi chép liên quan đến việc đi xuyên rừng này có những cảm xúc đặc biệt trong cách miêu tả (vẻ đẹp của hệ thực vật xích đạo dường như không thể mô tả bằng lời), chúng chứa đựng vô số những chi tiết thú vị. Những dòng chữ tuyệt vời được ông dành cho voi, cho chim, cho bướm và các «cư dân» khác của rừng nhiệt đới. Ông viết về những cuộc gặp gỡ trong các làng Công giáo với các vị linh mục nói tiếng Latinh vô cùng cảm động, chân tình.

Một trong những cảnh đáng nhớ nhất trên đường được thể hiện trong nhật ký là việc đến Cố đô Huế. Thực chất, đây là một bài bút ký riêng về thành phố phương Đông được miêu tả từ các khía cạnh khác nhau: hành chính, văn hóa, chính trị, lịch sử. Hơn nữa, Vyazemski thường xuyên so sánh với những gì tương tự ông từng thấy ở Trung Quốc. Vùng ngoại ô Huế đặc biệt làm ông thích thú; ở đây, giữa những cánh rừng mỹ miều là lăng tẩm của các vị Hoàng đế An Nam. Ông mô tả chi tiết các cụm công trình kiến trúc, chỉ ra rằng «các ngôi mộ... trong đồng đồ nát và được bảo quản tồi, sân phủ đầy rác». [25]

Ở đây, Vyazemski gặp vua An Nam (thời Pháp thuộc được gọi là Trung Kỳ) Thành Thái, người đã mời vị khách du lịch Nga đến cung điện của mình. Đây là một đoạn trích từ nhật ký của ông: «Hoàng đế An Nam là một cậu bé 15 tuổi... sống gần như là tù nhân trong cung điện của mình. Danh tính của ông không được xác định rõ, ông được gọi là vua, là hoàng đế; trong các văn bản

chính thức ông được gọi là quốc vương vĩ đại của phương Nam, là người trị vì chính, là người được Trời lựa chọn. [26] Ông tiếp nhận ngai vàng thay người anh trai «bị lưu đày đến An-giê-ri vì bất tuân lệnh». [27]

Vyazemski mô tả mọi chi tiết trong cung điện Thành Thái, những người thân của nhà vua, các loại nhạc cung đình, các võ tuồng được diễn («người hóa trang thành những con thú, nhảy, lăn trên cỏ»). Để kỷ niệm cuộc gặp gỡ này, Hoàng đế Thành Thái tặng quà cho vị khách du lịch Nga, trong đó có hai huân chương (dân sự và quân sự) với các quyết định kèm theo, một hộp với mười huy chương hạng thấp hơn, hai cái quạt lông công lớn có cán bằng ngà voi và một chiếc lọng sang trọng.

Sau này, khi còn chưa khỏi hẳn bệnh, trong một bức thư gửi cho N. M. Sologub, công tước miêu tả giai đoạn này trong cuộc hành trình của mình:

«Có Trời biết, tôi có trở lại nước Nga được hay không, có được nhìn thấy tất cả các bạn hay không, sức khỏe của tôi đang lung lay, sức lực suy yếu, tôi vẫn chưa khỏi hẳn bệnh thương hàn, nó suýt mang tôi xuống mồ, và bây giờ tôi đang ở Thủ đô An Nam để nghỉ ngơi, nhưng vài ngày tới tôi sẽ vượt qua những ngọn núi chưa có dấu chân người để đến Vương quốc Xiêm; chính quyền Pháp cấp cho tôi một đoàn hộ tống, còn chính phủ An Nam đã tìm cho tôi những người dẫn đường từ các bộ lạc hoang dã sống ở giữa An Nam và Xiêm. Phải đi qua khu rừng nguyên sinh nhiệt đới đến sông Mekong, nơi vẫn chưa có bất

kỳ dấu chân người châu Âu nào. Chỉ cần bệnh thương hàn tha cho tôi, còn lại tôi không sợ gì cả. Tất cả chúng tôi sẽ được vũ trang đầy đủ, còn nếu có bị lạc trong rừng, có la bàn, chúng tôi sẽ thoát ra ở chỗ nào đó.

Hoàng đế An Nam tặng tôi huân chương vì đã đi ngựa tới đất nước của ông, vượt qua đất nước vốn không thể đi qua được là Trung Quốc (họ cho là như vậy). Tất cả mọi người ở đây đều ngạc nhiên về chuyến đi của tôi và rất khó khăn để tin rằng, tôi có thể đến đây từ Sibir, gần như không nghỉ ngơi ở đâu cả». [28]

Điểm dân cư tiếp theo Vyazemski đến là cảng biển Turan (Đà Nẵng hiện nay) — «nơi đầu tiên quân Pháp tiến vào Đông Dương». Ông đã chú ý đến tầm quan trọng kinh tế của cảng này, nơi xuất khẩu hàng hóa sang các nước khác (quế, gỗ mun, thảo quả, v.v.), ghi nhận số lượng lớn người châu Âu và quá trình Âu hóa đủ mạnh trong thành phố («thậm chí vợ các quan chức An Nam còn tán gẫu bằng tiếng Pháp và mặc váy liền áo kiểu châu Âu»).

Tiếp theo là thành phố Tây Ninh, vùng ngoại ô có ngọn núi làm công tước đặc biệt quan tâm: từ đỉnh núi đá có thể ngắm nhìn «toàn cảnh tuyệt đẹp của đất nước». [29] Tại ngôi đền ở đó, Vyazemski đã tham dự các nghi lễ tôn giáo, vốn được ông tái hiện cụ thể trong nhật ký và gọi là «lễ hiến sinh hoặc cúng thần linh». [30]

Vào tháng Sáu, Vyazemski đến Sài Gòn — «điểm cuối cùng trong chuyến du lịch vòng quanh châu Á». Trên thực tế, toàn bộ cuốn vở 29

của nhật ký được dành để mô tả chi tiết Sài Gòn và khu phố Tàu là Chợ Lớn. Để tôn vinh công tước Nga, chính quyền Pháp sở tại đã tổ chức buổi tiệc chiêu đãi và chúc mừng chuyến thám hiểm xuyên châu Á kết thúc thành công, đặc biệt, các nhà quân sự và nhà báo bày tỏ sự thán phục hơn ai hết.

Có lẽ từ những thông tin được cung cấp trong phần này của cuốn nhật ký, đối với bạn đọc, và đặc biệt là đối với các nhà nghiên cứu tự nhiên, những thông tin về thảo cầm viên — «nổi tiếng khắp phương Đông và là niềm vui lớn lao cho công chúng» — sẽ vô cùng lý thú và bổ ích. Vyazemski đã miêu tả các loài thực vật khác nhau (cây dương xỉ, cây thông xích đạo và nhiều loài cây khác), nhiều loài thú, loài chim trong những cánh rừng của vùng này (hổ, vẹt xanh, chim bồ câu màu xanh, rắn chuối, v.v.).

Trong ngày cuối cùng của ông trên đất Việt Nam, ông đã đến thăm Chợ Lớn, khu phố mà ông mô tả rất chính xác và súc tích: «Ở đây có sự pha trộn đầy đủ giữa các yếu tố châu Âu và châu Á; mọi người ở đây say mê buôn bán, và cũng thấy có xưởng sản xuất, nhà máy; dưới sông tập nập tàu thuyền chở đầy gạo, có nhiều máy xay xát gạo». [31]

Ông bị chấn động khi thấy ở đây thuốc phiện được sản xuất công khai như một ngành công nghiệp: «Ngoài sự vô đạo đức hoàn toàn, tôi còn kinh ngạc về sự thiển cận của các quan chức chính phủ. Họ thừa biết thuốc phiện làm suy yếu con người, làm cho họ trở nên lười biếng, mê

muội, không thể làm việc, trước khi giết chết họ. Các quan chức cũng hiểu rõ rằng, các thuộc địa chỉ phát triển được nhờ sức lao động của dân bản địa, và họ nhận thức được rằng, lao động đang thiếu, và đất Nam Kỳ chưa cần vì thế thì cũng đã chưa phát huy hết tiềm năng. Thế mà họ lại còn phổ biến thuốc phiện». [32]

Sau Sài Gòn, ông tiếp tục hành trình của mình ở Campuchia, Xiêm, Miến Điện; ông ở Calcutta và Ấn Độ trong ba tháng, từ tháng Hai đến tháng Năm 1893. Sau đó, ông vượt dãy Himalay, Tây Tạng, Pamir, Bukhara, Ba Tư, vùng Kavkaz và trở về nhà vào cuối năm 1893.

Năm 1895, Konstantin Aleksandrovich Vyazemski đến sống tại tu viện Thánh Panteleimon ở núi Aphon, nơi ông sống trọn những năm cuối cuộc đời.

Tên tuổi của Công tước Konstantin Aleksandrovich Vyazemski bị lãng quên một cách bất công mặc dù chuyến du lịch vòng quanh châu Á do ông tổ chức và thực hiện là có một không hai, có lẽ chẳng ai sánh được với ông trong lịch sử địa lý. Đó là «...một đóng góp quan trọng vào lịch sử của khoa học bởi ông đã sử dụng phương pháp so sánh, đặc tả chính xác đặc điểm của dân cư, điều kiện địa lý và hoàn cảnh lịch sử của thời đại mình». [33]

Nhật ký của ông thú vị bởi tính khoa học và văn chương. Ở trong đó chứa đựng rất nhiều sự so sánh những đặc điểm tự nhiên, văn hóa của nhiều nước châu Á, phong tục, tập quán, đạo đức của các dân tộc khác nhau, mối quan hệ qua

lại giữa người dân bản địa và thực dân. Nhiều chuyên gia, đặc biệt là các nhà địa lý, nhà thực vật học, động vật học, sử học, dân tộc học, và những người yêu thích du lịch sẽ tìm thấy trong ghi chép trên đường của Công tước Vyazemski nhiều điều bổ ích cho mình.

* * *

Văn bản nhật ký (chín cuốn vở «Việt Nam») được giữ nguyên vẹn tối đa như khi chúng được Konstantin Aleksandrovich Vyazemski viết ra, kể cả các địa danh, tên, thuật ngữ, v.v. Trong phần chú giải chúng tôi có đưa ra những giải thích cần thiết. Do nhật ký được viết hơn một trăm năm trước, nên trong một số trường hợp, chúng tôi không thể tìm được lời giải thích đầy đủ.

Tiến sĩ *Anatoly Sokolov*,
Viện nghiên cứu Phương Đông,
Viện hàn lâm khoa học Nga

CUỐN VỞ 19

Vượt qua một chặng đường dài trên lãnh thổ Trung Quốc, Công tước K. A. Vyazemski đến biên giới với Bắc Kỳ. Đây là cách ông mô tả trong nhật ký của mình bắt đầu cuộc hành trình qua Đông Dương và một số nước láng giềng:

Vào... 11 giờ ngày 14 tháng Ba năm 1892, dưới cơn mưa tầm tã và lội bùn, tôi đã đi vào cửa ngõ phía Nam của Trung Quốc và thấy phía trước, dưới dốc là thung lũng Lạng Sơn.

Kết thúc Vương quốc Trung Hoa! Tạm biệt Trung Quốc đáng yêu, tốt bụng và ngốc nghếch; tôi đã quen với người trong thời gian này. Từ biệt những tổ chim én! Từ biệt vây cá mập! Từ biệt trứng muối! Từ biệt bia gạo! Từ biệt những viên quan đeo thẻ bài trên cổ! Từ biệt những người lính với ô dù trong tay! Tất cả các bạn đã bay qua cuộc đời lang bạt của tôi như ánh sao băng. Bây giờ tôi sẽ nhìn thấy ai đây? Điều gì sẽ xảy ra tiếp theo?!

Bắc Kỳ và An

Đến Lạng Sơn

Những người lính An Nam chờ tôi sau cổng. Họ rất đông, tất cả nhỏ bé thế nào ấy, như là đồ chơi: gương mặt của họ có màu đất sét, áo khoác rất bảnh, nón tròn, đen, bằng phẳng, với hai dải băng vải màu đỏ thẫm treo sau gáy y như của các quý bà.

Tất cả những người lính, theo như các sĩ quan khẳng định, đều nói tiếng Pháp tuyệt vời, nhưng trong thực tế, họ chỉ biết có hai cụm từ: «Bonjour, capitaine»¹ và «Oui, mon capitaine»².

Có hỏi họ gì đi nữa, họ cũng chỉ trả lời một trong hai cụm từ đó. Từ «non» (không) họ không thể phát âm, vì vậy tất cả đều nói «oui» (vâng). Chủ yếu họ đi chân trần, hoặc đi dép. Khi xếp hàng duyệt đội ngũ, gương mặt họ hoàn toàn bất động, không có bất cứ biểu cảm gì, giống xác ướp Ai Cập, hơn nữa, màu da cũng tối nên càng giống. Trong các doanh trại, họ sống với vợ và tuân thủ toàn bộ kỷ luật quân sự, xếp hàng trước mặt các sĩ quan, nếu vi phạm kỷ luật, họ bị trừng phạt bằng cách quản thúc hay bị đánh bằng gậy tre, giống như ở nước Nga chúng ta phạt bằng roi da; ở An Nam hình phạt này được gọi là «cá đu lưới». Các quan tòa cũng dùng hình thức này nếu muốn tra

¹ «Xin chào đại úy».

² «Vâng, đại úy của tôi».

khảo tội nhân. Nhân thể nói thêm, có lẽ các độc giả của tôi cũng biết rằng, Bắc Kỳ trước đây được chuyển từ tay này đến tay khác, giờ đây được gắn vào An Nam như một nước được bảo hộ. Người Pháp tuyên bố tình trạng chiến tranh và xử sự như những ông chủ có quyền hành tuyệt đối.

Cách biên giới bốn *versta* là đồn quân sự Đồng Đăng, ở đó sĩ quan và nhân viên hải quan Pháp đón tôi với rượu sâm banh.

Những người đáng yêu này dường như rất hài lòng khi tôi đến, cùng với họ có hẳn một tiểu đoàn lính Âu, tuyển chọn từ những binh lính tình nguyện của nhiều quốc gia; có người Đức, Ý và cả những người Nga chạy trốn, đội binh này được gọi là «la Légion étrangère». [34] Mặc dù được tuyển chọn từ cái gọi là tầng lớp hạ lưu, nhưng đây là đội quân có lòng can đảm và sức chịu đựng, trong tất cả các trận chiến luôn được điều lên phía trước. Họ được chính chỉ huy quân sự Lạng Sơn gửi đến đón tôi.

Bắc Kỳ là lãnh địa của hải tặc, cướp của và giết người là chuyện phổ biến, các băng nhóm hàng trăm người rình rập trên các con đường; không ai dám đi lại mà không có đội quân hộ tống mạnh mẽ.

Quân đội Pháp ở đây rất ít người; thật ngạc nhiên là họ vẫn có thể trụ vững khi chống lại các bộ tộc thù địch ở đây; ngoài cái «Légion étrangères» và «infanterie de marine»¹, còn lại không hơn sáu ngàn người. Dân số ở đây có khoảng sáu triệu, và

¹ «Thủy quân lục chiến». [35]

già một phần ba trong số họ thù địch với người Pháp.

Khi tất cả chúng tôi đang ngồi uống sâm banh trên chiếc chiếu trải trên sàn trong một túp lều An Nam bẩn thỉu, có hai quan chức bản địa đến. Họ mặc trang phục màu tối và khăn xếp đen, cau có chào hỏi chúng tôi, rồi ngồi ra xa.

Người Pháp đối xử với họ trịch thượng, viên đại úy chỉ vào những chiếc cốc, nói với họ đơn giản và cụ thể: «Uống đi!» Những người An Nam cầm lấy cốc, nhún mình, quay đi và uống một chút. Nói chuyện về cuộc hành trình của tôi, họ bày tỏ sự ngạc nhiên là tôi có thể đi xuyên qua toàn bộ Trung Quốc mà vẫn toàn mạng, những người sĩ quan đề nghị tôi đến Lạng Sơn, từ đây đến đó chỉ 14 *versta*. Họ thông báo với tôi rằng, đại tá của họ vào thời điểm này đang đi vắng, nên cho tôi mượn nhà để nghỉ.

Vui vẻ trò chuyện, chúng tôi lên đường, dưới làn mưa không dứt, có lúc bị mắc kẹt trong bùn. Những người lính An Nam nhỏ thó chạy lên trước, một số người vợ trẻ chạy chân trần theo những người chồng của mình. Người Pháp gọi họ là «con gái», mặc dù đúng theo tiếng An Nam từ này có nghĩa là «cô gái».

Dọc hai bên đường, những người dân địa phương cùng vợ và con cái họ đón chúng tôi. Họ nhìn tôi với sự hiếu kỳ có lẽ còn hơn người Trung Quốc. Tất cả hét lên với tôi: «Bonjour capitaine», một số còn thêm: «Brave capitaine»¹. Các cô gái và

¹ «Đại úy dũng cảm».

những người phụ nữ ném hoa và các nhánh long não dưới móng ngựa của tôi, điều đó ít nhiều làm cho nó sợ và khiến nó chạy nhanh hơn, có lúc nhảy sang một bên.

Dân sống ở Bắc Kỳ là dân hỗn hợp, hầu hết là người An Nam, có cả người Trung Quốc và người Thổ [36]. Có thể dễ dàng phân biệt điều này căn cứ vào màu quần áo của họ. Những dân tộc này mặc màu xanh, còn người An Nam mặc màu hạt dẻ. Chữ viết của người An Nam cũng giống như của người Trung Quốc, nhưng cách phát âm khác. Do vậy người Trung Quốc và người An Nam có thể hiểu được nhau khi họ viết, nhưng khi nói thì không hiểu.

Những người xung quanh tôi, vì một lẽ gì đó tỏ ra vui sướng và hài lòng với số phận của mình, kể cả với thời tiết đông lạnh. Những bộ trang phục kiểu Pháp lấp lánh, tinh khiết và trang trọng. Còn trang phục của người An Nam gây ngạc nhiên bởi sự đa dạng sắc màu. Tôi cảm thấy hơi lúng túng khi xuất hiện giữa đám đông sắc sỡ này với bộ quần áo vải gai bụi bặm, cũ kỹ và bạc màu vì đã cùng tôi vượt qua hàng ngàn *versta* đường đất.

Mỗi khi đi qua các làng, chúng tôi được nghe từ nhiều phía tiếng lép bép của pháo bông; rồi những đám đông xuất hiện, cúi chào và tham gia hộ tống chúng tôi. Tất cả mọi người, kể cả đàn bà, các cô gái và thậm chí trẻ em đều chào theo lối nhà binh: đặt bàn tay vào đầu. Điều này gợi tôi nhớ lại cách chào đón khi tôi đến Hy Lạp năm 1882, khi tôi từ dãy núi Olympic xuống, bước vào thung lũng phía Nam Thessaly. [37] Chỉ có điều

là thiếu những bài hát vui vẻ, ngang tàng như khi những anh hùng Hy Lạp đón tôi.

Khoảng 4 giờ chiều, chúng tôi đến Lạng Sơn. Năm năm trước, đây là một ngôi làng nhỏ, còn bây giờ là một căn cứ quân sự quan trọng, được phòng thủ chẳng kém gì Gibraltar. [38]

Có một chiếc cầu phao bắc qua sông, điều này khiến người Trung Quốc và người An Nam sống ở đây rất ngạc nhiên.

Vẫn biết người Pháp rất nhiệt tình đối với chúng tôi — những người Nga, tôi chỉ nghĩ mình sẽ được đón tiếp lịch sự. Nhưng việc tiếp đón hoan hỉ đã vượt quá mong đợi của tôi: tất cả sĩ quan người Pháp đều đổ ra đón tôi, quốc kì Nga ở khắp nơi, mọi người đổ ra đường phố với những lời hô trang trọng. Một viên quan An Nam, người đứng đầu thành phố (quan án — theo cách gọi ở đây), xuất hiện trong trang phục đại lễ — một loại áo choàng rất nhiều màu sắc: trắng, xanh, vàng trộn lẫn vào nhau, tạo ra một ấn tượng kì lạ. Những người hầu của ông, theo nghi thức, che cho ông hai lọng vải dâu đen. Ông đi bộ và khi giáp mặt tôi, ông vái lạy sát đất, tay cầm một vuông lụa màu vàng với chữ đen, đây là biểu hiện lời chào mừng và niềm vui khi nhìn thấy tôi. Ngoài ra, còn có một hộp pháo bông. Tất cả những thứ này đều theo phong tục đất nước.

Pháo bông là một phát minh của người An Nam bản địa và được sử dụng trong tất cả các sự kiện long trọng, đặc biệt là khi tiếp khách quý. Từ đây pháo bông được chuyển sang Trung Quốc, châu Âu lại học theo người Tàu.

Những quan chức cốt cán người Pháp đợi tôi ở cửa nhà công vụ — nơi tôi được bố trí ăn nghỉ trong thời gian ở đây.

Một sĩ quan cao cấp đọc lời chúc mừng, ca ngợi sự can đảm tưởng tượng của tôi. (Với người không có gì để mất thì làm người dũng cảm chẳng có hại gì!)

Sự đón tiếp này, về quy mô hoành tráng và sự thân ái, còn hơn cả lần tôi được đón tiếp ở đế quốc Maroc của vị chúa đất hoang dã đáng yêu Myulehasan. [39]

Tôi thật sự bị chấn động và hoàn toàn sửng sò vì sự quan tâm này. Tôi chỉ tiếc một điều, ở đây có quá nhiều yếu tố chính trị: tôi được đón tiếp không chỉ như một nhà du lịch nổi tiếng, mà còn như đại diện của quốc gia liên minh, sẵn sàng cùng với họ chiến đấu chống lại một kẻ thù chung tưởng tượng.

Tất nhiên, sẽ là thất lễ nếu tôi giải thích cho những người nhà binh rằng, tôi coi tất cả các cuộc chiến tranh là man rợ và thảm họa, và trong các giới chức Nga, người ta hiểu cuộc chiến tranh với Đức sẽ gây tác hại thế nào. [40]

Nhưng nói với họ điều này thì cũng vô nghĩa như giảng giải với trẻ con rằng, chơi đồ chơi là vớ vẩn.

Hầu hết người trưởng thành thực chất là những đứa trẻ lớn, cách nhìn nhận của họ cơ bản được hình thành từ những điều họ quen nghe thấy xung quanh mình mà không hề kiểm soát.

Những người Pháp đón tiếp tôi vui vẻ và tôi rất vui.

Thời gian tôi ở Lạng Sơn

Tôi ở đó vài ngày, tất cả những người Pháp đáng mến đều cố gắng hết sức để tôi vui. Ngay buổi tối đầu tiên họ dựng rạp và huy động vũ công. Điều này ở đây rất độc đáo: vũ công tuyển chọn từ gái làng như cách chúng ta tuyển dụng tân binh.

Cô gái nào đủ 15 tuổi cũng phải đến trình diện vào một thời điểm nhất định để các nhà chức trách xem xét; nếu họ thấy phù hợp, cô gái được ghi danh vào đội vũ công. Những người lớn tuổi dạy nghề cho cô, sau đó trong tất cả các dịp long trọng, cô cùng với những người khác biểu diễn tài nghệ của mình. Trong lúc rảnh rỗi, họ được phép sống ở nhà với cha mẹ, có thể làm việc đồng áng. Những vũ công lớn tuổi bị thải loại và được hưởng một khoản lương hưu nhỏ. Để có chỗ biểu diễn, người ta dựng sân khấu trước hiên ngôi nhà tôi ở. Vở diễn có vẻ Trung Quốc: các diễn viên diện trang phục đầy màu sắc, múa máy, la hét, nhảy lên, đánh nhau; không thể hiểu ý nghĩa. Hầu hết các màn trình diễn đều thể hiện chiến tranh giữa An Nam với Trung Quốc, mà người chiến thắng là An Nam. < ... > Trên sân khấu xuất hiện ma quỷ, rồng, các ông vua huyền thoại với những chiếc lông chim trên đầu. Những cảnh tương tự lặp đi lặp lại nhiều lần.

Các vũ công ở đây rất điển hình: họ mặc áo choàng màu đỏ với những thứ ở trên đầu giống

như mũ giám mục Công giáo, nhưng phía sau treo rất nhiều băng dài đầy màu sắc.

Mỗi người cầm trong tay một cây đàn tranh nhỏ và cái lúc lắc là những vòng bằng đồng liên kết với nhau.

Họ đều rất trẻ, từ 15 đến 18 tuổi, nhảy chân trần và không có quần dài; khi họ nhảy, áo choàng tung bay, đôi khi để lộ da thịt đến thắt lưng; vú thì họ che rất cẩn thận; nói chung, phụ nữ An Nam cho rằng rất đáng xấu hổ khi hở hang trước đám đông. Thậm chí lúc tắm sông, họ còn mang dải yếm trên ngực. Còn các bộ phận khác của cơ thể, phụ nữ An Nam không quan tâm che giấu.

Tôi không nghĩ rằng điệu múa họ đang biểu diễn là điệu múa dân tộc: Họ nhấc chân rất cao, cảm thấy ảnh hưởng của trường phái Paris. [41]

Rất nhiều người dân tụ tập để xem biểu diễn. Việc biểu diễn chỉ bắt đầu khi trời đã tối; hôm sau lại tiếp tục; nếu lúc 5 giờ chiều không có lệnh dỡ sân khấu thì có lẽ đã lại kéo dài đến đêm.

Khán giả luôn đông đúc, toàn thành phố kéo đến xem.

Một quan chức An Nam cai quản và chỉ huy họ theo quân lệnh. Khi một vũ nữ không thực hiện đúng những bước nhảy, ông ta thân nhiên quát roi vào những phần dễ trần của cơ thể họ; điều này không khiến họ thấy bị xúc phạm, trái lại họ còn cười ré lên.

Khi tôi nói với viên quan rằng, không nên đánh các cô gái trẻ khi họ thực hiện không chính xác bước nhảy, ông ta trả lời là không có vấn đề gì, ở đây luôn luôn làm như vậy, hình phạt đánh đòn là

cần thiết để duy trì kỉ luật đối với dân chúng; và ngay lập tức, để chứng tỏ điều đó, viên quan điển hình này cho tôi thấy những điều thường diễn ra ở Bắc Kỳ, ra lệnh bắt một cậu bé từ phía khán giả, với cái cớ dường như cậu không tôn trọng ông ta, bắt nằm ra và đánh bằng roi tre. Với sự giúp đỡ của các sĩ quan Pháp và sự nỗ lực của mình, tôi đã buộc viên quan này để cho cậu bé được yên. Màn trừng phạt này khơi dậy niềm vui rất lớn và tiếng cười trong đám vũ nữ. Họ dừng nhảy múa, đến gần để xem; và phải nói rằng chính cậu bé bị trừng phạt, sau khi nhận vài roi, đã vui vẻ cúi đầu lay tạ rồi chạy vào đám đông để xem tiếp.

Tôi thực sự ngạc nhiên nhận thấy khi bị trừng phạt, không ai giữ mà cậu bé nằm im ngoan ngoan, không kêu rên một tiếng nào, dù là nhỏ nhất.

Ông đại tá người Pháp nói với tôi rằng thường là như vậy, và rằng người An Nam chịu đau thật giỏi .

Trong thời gian ở Lạng Sơn, tôi đã được xem mọi thứ có thể xem. Tôi đã đến nhà viên quan nghiêm khắc nọ. Nơi ở của ông ta rất bình thường. Ở đây, ông ta là quan tòa, có quyền lực gần như vô biên đối với tất cả người An Nam, người Trung Quốc sống trong địa hạt. Thậm chí ông ta có thể tuyên án tử hình, tất nhiên, với sự đồng ý của chính quyền Pháp. Ông ta được vua An Nam bổ nhiệm theo đề nghị của toàn quyền Pháp. Ông ta không bị thay thế cho đến khi qua đời, nếu tuân theo mệnh lệnh của chính quyền Pháp.

Tôi cũng đến thăm bệnh viện, nó được xây dựng và bảo dưỡng tuyệt vời. Trong bệnh viện đầy lính; họ bị thương trong các cuộc đụng độ với bọn cướp. Có một hạ sĩ người Nga bị một viên đạn bắn vào bụng. Tôi không thể biết được anh ta đến đây bằng cách nào. Chính quyền Pháp rất hài lòng về anh ta. Người hầu của tôi, Ludvig, nghe anh ta nói: hình như ở nước Nga anh ta phục vụ trong quân đội một thời gian dài; sau đó vì đấu súng bị giáng cấp làm lính trơn, rơi vào tay một sĩ quan chỉ huy đại đội rất tàn bạo nên quyết định bỏ trốn, đầu tiên là đến Áo, sau đó sang Pháp.

CUỐN VỞ 20

Cuộc đón tiếp những tên cướp

Vào đêm trước khi tôi khởi hành, từ Lạng Sơn, kẻ đứng đầu một băng cướp có gửi người đến để đàm phán thỏa thuận gì đó.

Kẻ đứng đầu băng cướp biết là đã bị quân đội Pháp bao vây tứ phía nên quyết định thuận phục và đàm phán về mạng sống và tự do của mình và đồng bọn.

Những tên cướp ở đây có pháo đài ở trên núi, có súng săn và đại bác; những trận chiến với chúng kéo dài và nguy hiểm; chính phủ Pháp sẵn sàng tiến hành đàm phán với chúng, tiếp nhận chúng là dân địa phương, tha thứ những tội ác cũ, thậm chí cung cấp cho chúng tiền bạc để đổi lấy việc giải giáp vũ khí của chúng.

Vẫn thường xảy ra việc những tên cướp được tha thứ, chán cuộc sống tẻ nhạt, lại lên núi, quy tập đồng bọn và lại đi cướp bóc.

Chúng tỏ ra rất tàn ác và liêu lĩnh, thường tấn công dân làng vào ban đêm, giết người, cướp gia

súc và bắt phụ nữ đưa lên núi, sau đó đưa sang Trung Quốc bán. Đôi khi những người rơi vào tay chúng (đặc biệt là châu Âu), bị chúng tra tấn nhiều kiểu khác nhau, như cắt ngón tay và khoét mắt.

Tên tướng cướp hiện nay đã từng một lần được tha thứ, rồi hăn lại lập băng đảng và đi cướp.

Những kẻ được phái đến gồm hai người Trung Quốc, một người dân tộc Thổ. Khuôn mặt của cả ba đúng là mặt của bọn cướp.

Chỉ huy đồn lính ở đây tiếp những người được phái đến một cách lạnh lùng, và trước khi bắt đầu đàm phán, gửi chúng đến chỗ viên quan An Nam, nơi người ta chuẩn bị cho chúng phòng ở, có lẽ là những chiếc lều.

Ba vị sứ giả chào và tạm biệt theo kiểu nhà binh, đưa cả bàn tay lên trán.

Tôi đã nói rằng, ở đây phương pháp giao tiếp này được sử dụng rộng rãi, thậm chí giữa những người phụ nữ với nhau họ cũng chào như thế.

Các sứ giả ăn mặc rất đơn giản, như dân làng, và cả ba đều khác nhau. Cùng đi với họ có mấy người hầu.

Viên sĩ quan Pháp đứng trên hiên nhà nói chuyện với họ, không mời vào phòng. Ba vị sứ giả có vẻ suồng sã, nhưng không bậm trợn, rõ ràng là họ tức giận vì sự tiếp đón thiếu trọng thị.

Tôi không biết cuộc đàm phán với họ kết thúc ra sao, vì sáng hôm sau đã đi khỏi đây.

Sự việc này nhắc nhở tôi về một cảnh tương tự, sự việc được giải quyết ổn thỏa nhờ sự linh hoạt và cứng rắn của Griva — một viên tướng

người Hy Lạp. Ngay trước chuyến đi của tôi đến Hy Lạp để dự Hội nghị Berlin [42], người ta đã quyết định cho phép quốc gia này chiếm miền Nam Thessaly, khi đó thuộc về Thổ Nhĩ Kỳ. Tôi rất biết ơn Bikonsfeld [43] vì quyết định này (ý tưởng là của ông ta), biết rằng bây giờ việc đi du lịch đến các nước này đã được đơn giản hóa đáng kể, và rằng hình như người Hy Lạp đã có thể kiểm chế các băng cướp làm ăn ở đó. Đây có lẽ là quyết định duy nhất hợp lý của Quốc hội Berlin khét tiếng, vì đã bác bỏ thiếu cơ sở Hiệp ước San-Stefano chia đôi Bulgaria. [44]

Tôi đã không nhầm trong mong đợi của mình, tướng Griva xuất hiện ở Larissa [45], chiếm vùng đất được giao, nhanh chóng đạt được những điều mong muốn bằng lòng nhiệt tình của mình.

Thủ lĩnh các băng cướp tính chuyện chung sống hòa bình với ông ta theo thỏa thuận, như đã từng có với chính quyền Thổ Nhĩ Kỳ, gửi phái đoàn đến chỗ ông ta; ông ta đón tiếp họ một cách lịch sự và nói rằng, ông muốn gặp và nói chuyện trực tiếp với các thủ lĩnh các băng nhóm và vì vậy, mời tất cả bọn họ đến ăn trưa vào một ngày ấn định.

Nỗi sợ hãi mà bọn cướp tạo ra đối với người dân địa phương khủng khiếp đến nỗi, thậm chí ở các thành phố cảng Thessaly và Macedonia, người châu Âu sợ khi đi ra vùng ngoại vi chỉ cách vài ba *versta*.

Trong tình thế như vậy, thủ lĩnh các băng cướp cho rằng, họ sẽ không bị chơi khăm, không bị gây bất cứ điều gì khó chịu, Griva sẽ sợ bị tay sai của

chúng trả thù, và vì thế tất cả đã không ngại xuất hiện.

Viên tướng tiếp đón chúng rất ân cần, chiêu đãi cà phê, rượu vodka, mứt (theo phong tục Hy Lạp), hỏi han về lối sống, công việc của chúng, và khi tất cả ra về, ra lệnh bắt gọn tất cả và áp tải tới Athens, tại đây lũ này đã bị chém đầu không cần xét hỏi lời thôi. Nghe nói tất cả bọn thuộc hạ của chúng quá sợ hãi, đã tự hoàn lương.

Và việc cướp bóc và trấn lột tài sản ở Nam Thessaly cũng chấm dứt, chứ như trước đây thì ở đó, người đi đường cũng thường bị bắt cóc lên núi, đòi tiền chuộc, cắt tai, mũi và nhiều điều khác.

Tôi thấy trước sự phản đối của những độc giả hiền lành của tôi, họ sẽ nói: «Vậy là ngài khuyến khích án tử hình! Chấp thuận nguyên tắc ác giả ác báo! Sau những điều này, ngài là người theo đạo chính thống thế nào đây?!»

Hoàn toàn đúng, tôi là một người theo đạo chính thống tối, nhưng dù vậy, tôi vẫn không chấp thuận án tử hình. Với sự xâm phạm đời tư, hoặc tài sản công, tôi cho rằng, cách tốt nhất là để con người tự cất vấn và đau đớn với lương tâm của chính mình. Nhưng bọn cướp tung tẩy trên các nẻo đường ở những đất nước ít được biết đến, chúng xuống tay với các nhà thám hiểm, những con người của khoa học, chính vì vậy chúng không chỉ là kẻ thù của những cá nhân nào đó, mà là kẻ thù của khoa học, và có nghĩa là kẻ thù của nhân loại; chúng là loài côn trùng độc hại, với chúng cần sử dụng tất cả mọi hình thức, tuy nhiên, cũng có thể là tôi sai lầm!

Khởi hành từ Lạng Sơn

Cũng trong ngày này, những người sĩ quan đáng yêu tổ chức cho tôi một bữa tiệc trong câu lạc bộ của họ. Đây là những gì mà họ gọi là một bữa rượu punch quân sự: có pháo bông, đủ mọi loại rượu từ vodka bình thường tới sâm banh. Tất cả đều vui vẻ, chúc mừng tôi đã đến và uống vì liên minh Pháp — Nga. Liên minh này kéo dài được bao lâu? Trên đời tất cả mọi thứ đều không bền vững, trong chính trị lại càng như thế. Tôi rất vui vì tới đây vào giai đoạn nồng ấm nhất của liên minh này. Tôi đề nghị nâng cốc vì tổng thống Carnot [46] của họ, nhưng nhận ra rằng, lời chúc này được đón nhận với sự lạnh nhạt thế nào ấy và hiểu ra rằng, họ không phải là những người cộng hòa, và từ đó tôi không dám nhắc tới chính phủ của họ.

Những người Pháp tiễn tôi cũng nồng ấm như khi đón.

Đang trong lúc các băng cướp hoành hành ở các vùng lân cận, tôi được bố trí một đoàn hộ tống, và ngày 19 tháng Ba, nói lời tạm biệt với những người tốt bụng này, tôi lên đường tiếp tục cuộc hành trình. Vị quan lại mặc trang phục chính tể đi tiễn tôi cùng với tất cả các vũ nữ của mình. Các cô chạy bên cạnh ngựa của tôi tới hai *versta*, chân trần sục trong bùn bẩn.

Đường đến Kép

Con đường quân sự kéo dài khoảng một trăm *versta*. Dọc đường là đồng ruộng, suối, vực, núi, tất cả đều đáng yêu, nhưng cũng có một phần là những cánh rừng cháy nham nhở. Ở những trạm gác quân sự, bữa sáng cùng với sâm banh. Khắp nơi đều nói về bọn cướp: chỗ kia một đoàn xe hàng bị cướp, chỗ nọ một ngôi làng bị đốt, chỗ đó hải quan bị chém, chỗ kia một cô gái bị bắt vào núi. Quân đội Pháp ngày đêm uống công đuổi theo bọn cướp; họ bắt được khoảng 10 tên, còn 500 tên chạy vào vùng sâu.

Nhiều lính Pháp bị chết, rất nhiều hàng hóa biến mất, nhưng bọn cướp bị tóm rất ít.

Bọn cướp chủ yếu bắt cóc các cô gái. Khi một sĩ quan Pháp mới kiếm cho mình một cô nhân tình người An Nam, tên cướp người Trung Quốc nhất định bắt cô ta, tra tấn vì tội đi với người châu Âu và bán sang Trung Quốc cho một viên quan nào đó.

Người Pháp tức giận, truy đuổi những tên cướp ở tất cả các hang cùng ngõ hẻm, nhưng không tìm thấy những kẻ thủ ác vì chúng khéo léo ẩn mình trong những khu rừng nhiệt đới, họ trút sự tức giận lên những cánh rừng tuyệt đẹp vô tội, họ đốt rừng không thương tiếc. Nhiều khu vực vì thế đã biến thành sa mạc. Chẳng bao lâu nữa Bắc Kỳ trù phú sẽ biến thành sa mạc Sahara.

Những người xây dựng đường sắt lại còn giúp đỡ nữa chứ, họ cũng chặt phá để xây dựng những con đường sắt chết chóc.

Tôi được mọi người đón tiếp niềm nở và tôn kính. Ở mọi nơi người ta chuẩn bị cho tôi những căn phòng trong những ngôi nhà tre được đan kết như đồ chơi.

(Trong ngôi nhà mà bây giờ tôi đang viết, sàn, trần và cả tường nhà được đan từ tre mỏng, vậy mà toàn bộ căn phòng trên lầu ở bên ngoài được trang trí bằng những lá cờ Nga.)

Những người Pháp vô cùng tốt bụng nấu cho tôi những bữa ăn bằng đồ hộp châu Âu tẩm lợm, họ đã bỏ qua sản vật địa phương do sự định kiến không hiểu nổi, tuy nhiên, chúng tôi cũng đã xơi những món đó nhờ chiêu rượu vang tuyệt hảo.

Thời tiết rất thuận lợi, tôi bơi mỗi ngày. Trong khi tắm, tôi được khoảng 20 tay súng bảo vệ khỏi bọn cướp.

Tôi không biết điều gì sẽ xảy ra tiếp theo, nhưng hiện tại rất vui vẻ!

Chẳng bao lâu sau, một quan chức địa phương đến tặng một con lợn sữa. Niềm vui phải thế chứ! Chúng tôi sẽ có món thịt rán ngon lành!

Những người xây dựng làng mạc ở đây rất thông minh, để đề phòng bọn cướp, họ leo lên những vách đá dựng đứng, nơi chỉ có thể đến được bằng thang dây, và như vậy là mạo hiểm cả mạng sống.

Tôi rất muốn đến thăm một ngôi làng như vậy, nhưng trước khi đến được đó, phải leo giữa

những bụi cây, dốc đá gần như thẳng đứng, vậy nên chưa lên được phía trên, tôi đã tụt xuống.

Ở đây thiên nhiên tuyệt đẹp, hoa rực rỡ sắc màu và bướm nhiều vô kể, có những loài thật quyến rũ. Thêm nữa, tôi đã tìm thấy một giống bướm hoàn toàn mới, chưa từng được biết đến trước kia, và gọi nó là bướm Bắc Kỳ, với đôi cánh mở dài tới 5 *vershok*¹, màu đen tuyền với những chấm màu xanh lớn, nó được tìm thấy sâu trong khu rừng hoang dã, và nhiều hơn là gần bờ suối.

Dưới cỏ có nhiều rắn, bọ cạp và các loài bò sát nguy hiểm khác, nhưng chúng hiếm khi làm phiền ai.

Vẹt nhiều đến khủng khiếp, phần lớn có màu xanh lá cây. Không có chim vẹt mào, không có các loài chim trĩ (*argus*) [47], cũng không có loài chim thiên đường nào, mặc dù lông của chúng có bán ở các chợ; có lẽ người ta mang tới từ những vùng xa hơn ở phía Nam; không sao, sắp tới chúng ta sẽ đến chỗ chúng.

Kép

Ở đây có một nhánh nhỏ của đường sắt, chạy đến đây từ thị trấn Phú Lương (chỉ cách 18 *versta*).

Trưởng đồn Kép chỉ cho tôi con đường sắt hiện nay vẫn là duy nhất ở Bắc Kỳ, lưu ý rằng đường sắt cần phải như thế: những con tàu đi trên đó và bị chậm, trật đường ray giống hệt như ở châu Âu.

¹ *Vershok*: đơn vị đo chiều dài cổ của Nga, bằng 4,44 cm.

Một khu dân cư An Nam nằm dưới chân núi, cách đồn chỉ khoảng một *versta*. Dưới sự giám sát của người Pháp, đường phố ở đây đối với châu Á sạch sẽ đến mức ngạc nhiên, và vì vậy không giống gì với Trung Quốc.

Ngay sau khi tôi đến Kép, một viên tướng chỉ huy chiến đấu với bọn cướp gần đó cũng đến. Viên tướng này tỏ vẻ quan trọng và nghiêm khắc; ngay khi vừa mới đến, đã gọi người trực ban là kẻ ngốc, khi thấy anh ta có vẻ sượng sùng, mắng mỏ viên đại úy; thậm chí không thèm nhìn nhóm sĩ quan trẻ, và đứng theo kiểu tướng, chìa hai ngón tay cho họ bắt.

Chỉ mới làm quen với tôi, ông ta đã bắt đầu giải thích là ông ta chiến đấu giỏi như thế nào, làm sao để vượt qua mọi khó khăn và giành chiến thắng.

Ngay lập tức, bản đồ nơi ông ta đã chiến đấu được mang tới, và tôi phải đọc bản kế hoạch bố trí tác chiến dài của trận đánh đã qua.

Mặc dù chỉ còn nửa giờ là phải lên đường, tôi chưa kịp nghỉ ngơi, chưa kịp ăn sáng nhưng vẫn phải nghe viên tướng đến cùng, chúc mừng thắng lợi và khen tài quân sự của ông ta. Chiến thắng này, cũng giống như tất cả các chiến thắng ở Bắc Kỳ, đã tàn phá cả đất nước vốn trù phú nhờ thảm thực vật phong phú, mà vẫn không hạn chế được nạn cướp bóc.

Cây cối, bụi rậm, cỏ, hoa — tất cả mọi thứ đã bị phá hủy, nhưng bọn cướp thì đã chạy thoát để lại bắt đầu cướp bóc ở những chỗ khác. Chỉ bắt được một tù binh, và đấy lại là một ông già 70 tuổi.

Người ta chuẩn bị cho viên tướng nghiêm khắc đó toa xe — salon, và ông ta mời tôi vào đó.

Đầy tớ của tôi, Ludvig, cùng với ngựa đi trong một toa đặc biệt, còn Pierre [48] xuống cảng biển để trở lại Thiên Tân.

Trên đường đến Phú Lương, không nhìn thấy bất cứ điều gì ngoài những cánh đồng lúa. Người Pháp ngưỡng mộ sự trù phú, màu mỡ của đất đai ở đây, nhưng họ chết như ruồi vì những cơn sốt do các chứng sưng nhiễm gây ra. Đáng chú ý là người bản địa cũng đang chết vì dịch sốt khủng khiếp, kể từ khi rừng ở vùng này bị phá để truy đuổi bọn cướp và khôi phục sự yên bình.

Ở đây bắt đầu xuất hiện cây cau cho quả để ăn trâu. Độc giả của tôi, tất nhiên, biết rằng trong tất cả các nước Đông Dương, cư dân nhai trâu với vôi và răng họ biến thành màu đỏ.

Chồi non của cây cau ăn được. Người Pháp làm món salat từ cau, nhưng loại thực phẩm này khá đắt đỏ, bởi vì để làm nó phải chặt cả cây. Hương vị loại này giống măng tre.

Số phận của Pierre

Anh chàng này trong thời gian gần đây đã quá được nuông chiều và sa vào việc hút thuốc phiện vô độ.

Ở Long Triều tôi đã nhận được đơn khiếu nại độc đáo của các nhà chức trách Trung Quốc, viết bằng tiếng Pháp rất kém. Đơn nói rằng, dọc đường ở tất cả những nơi chúng tôi đi qua,

Pierre đòi hối lộ từ người dân và quan chức địa phương, đòi tất cả các trưởng thôn phải đưa tiền, đe dọa nếu không chịu, tôi sẽ báo cáo cấp trên và họ sẽ bị đuổi việc; đơn cũng nói rằng anh ta còn đánh vỡ đồ dùng gì đó. Đơn kết luận rằng, anh ta là người có hại, làm mất uy tín của tôi ở Trung Quốc. Chính quyền Trung Quốc yêu cầu tôi giao nộp anh ta để xét xử. Với yêu cầu này, một người biết tiếng Pháp xuất hiện để trao đổi trực tiếp.

Trước sự ngạc nhiên của tôi, Pierre chẳng ngại ngần gì, thừa nhận rằng, thực tế anh ta đã lấy tiền từ các quan lại, và thậm chí, vừa cười, vừa nói là đã thu được hơn ba trăm rúp¹.

Trong trường hợp này, tôi muốn trao anh ta vào tay chính quyền Trung Quốc, nhưng lãnh sự Pháp khuyến cáo, nói rằng làm như vậy sẽ tạo ấn tượng xấu với toàn bộ dân chúng nếu một người Trung Quốc phục vụ người châu Âu bị trao cho chính quyền Trung Quốc xét xử và giam giữ ở nhà tù Trung Quốc, hơn nữa họ sẽ trừng phạt rất nghiêm khắc.

Theo lời khuyên của lãnh sự, tôi quyết định mang Pierre sang Bắc Bộ để anh ta không có nguy cơ rơi vào tay chính quyền Trung Quốc (khi có tôi, tất nhiên, họ không thể bắt giữ anh ta), và sau đó gửi anh ta trở lại nơi tôi nhận anh ta, với một bức thư cho lãnh sự ở Thiên Tân để giải thích những loại người như anh ta không nên giới thiệu cho những người châu Âu cần phiên dịch.

¹ *Rúp*: đơn vị tiền tệ của Nga.

Để cho anh ta được đi lại tự do, tôi đã viết một lá thư bảo đảm bằng tiếng Pháp, tựa như một loại hộ chiếu.

Kể từ đó, tôi không nghe nói thêm gì về anh ta.

Phú Lương, Đáp Cầu, Bắc Ninh

Đây là những phố xá hỗn hợp (yếu tố Pháp và An Nam trộn lẫn nhau) nằm trên đường đến Hà Nội, chúng cách nhau khoảng 7-8 *versta*.

Chúng rất giống nhau: chỗ nào cũng có doanh trại, pháo đài cổ kiểu Trung Quốc, đền chùa [49], cửa hàng Pháp, khách sạn, những ngôi nhà đẹp để có vườn cây nhiệt đới bao quanh của các vị chức sắc, và các lều tranh sơ sài có hàng rào làm bằng tre của những người An Nam nghèo.

Những người Pháp sống ở đây có tâm thế hội hè và tất cả đều vui sướng. Còn những người địa phương An Nam lại có vẻ rất nhát, dường như họ luôn luôn sợ sệt hay ngạc nhiên một điều gì đó. Họ sợ người châu Âu và len lét khi đi qua những ngôi nhà đá hai tầng. Khi gặp lính tráng, họ khiêm tốn cúi đầu và bỏ chạy ngay sau đó, nhất là phụ nữ. Nhà của người An Nam chen chúc nhau như ma trận; tất cả đều gần như thế này: ở giữa là sân nhỏ, đôi khi có lát gạch, bên cạnh là túp lều dùng làm nhà ở hoặc kho, bên trong có thể nhìn thấy bàn ghế xộc xệch, trên tường có trang trí giấy với những dòng chữ (có lẽ là những lời cầu nguyện), ở một số nơi có hình nhân bằng gỗ ở trong góc nhà, trên các kệ, và trước mặt họ có khói hương.

Bên cạnh túp lều có ao nhỏ để giặt quần áo; xung quanh là chuối, dừa, mấy luống cà rốt, bắp cải, hành. Tất cả được bảo vệ bằng hàng rào tre, bụi dừa và cây gai góc. Bên ngoài đào mương, kè được làm từ đất sét, bảo vệ khỏi bọn cướp.

Hai thị trấn đầu tiên mà tôi nói tới nằm cạnh sông lớn, ở chỗ hoàn toàn bằng phẳng, còn Bắc Ninh (dinh thự của viên tướng dũng cảm) nằm trên một ngọn đồi nhỏ. Ở Phú Lương bữa sáng đã được chuẩn bị cho viên tướng. Ở Đáp Cầu thì người ta chiêu đãi các đồ uống lạnh ở câu lạc bộ quân nhân, còn chúng tôi đến Bắc Ninh ăn trưa.

Tôi ở đó cả ngày, không nói là đặc biệt vui vẻ, nhưng cũng không buồn chán.

Viên tướng lịch thiệp nói cho tôi tất cả bí mật của nền hành chính địa phương. Ở đây còn có người đứng đầu dân sự là thống đốc. Viên tướng than thở nhiều về sự bất cập của cách tổ chức như vậy và sự xung đột nguy hiểm giữa chính quyền dân sự và quân sự, hậu quả là, theo ý kiến của viên tướng, người dân địa phương bị nhiều hiểm họa đe dọa. Nhưng tất cả sự bất cập của việc phân quyền như vậy chỉ dẫn tới việc bên dân sự không tiếp đón trọng thị ông ta — một viên tướng. Theo lời viên tướng thì điều này làm giảm uy tín của ông ta trước tất cả dân chúng.

Ở Bắc Ninh, lần đầu tiên tôi nhìn thấy panka nhiệt đới nổi tiếng. Ở vùng khí hậu nóng, không có ngôi nhà nào tử tế mà thiếu nó được.

Bước vào nhà ăn, tôi rất ngạc nhiên, khi thấy tận trên trần giữa phòng treo các bức rèm. «Kìa, tôi nghĩ, họ đã tìm được nơi lạ lùng để treo rèm».

Tuy nhiên, tôi im lặng. Khi chúng tôi ngồi xuống và bắt đầu ăn trưa, tôi nhận thấy một người đàn ông kéo một sợi dây thừng làm các bức rèm chuyển động, chúng như chiếc quạt lông khổng lồ tạo ra một làn gió mát.

Sau đó, tôi nhận thấy loại pankas này có mặt ở khắp mọi nơi ở các nước phương Nam: nó được sắp xếp trong phòng ngủ, nơi mà ban đêm, nó được điều khiển từ một phòng khác; và nó có mặt trong nhà thờ, nơi người ta đưa đẩy nó trong thời gian làm lễ; người ta còn nói rằng, nó tồn tại trong tất cả các khoang tàu biển chạy trên tuyến Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

Pankas có khả năng đuổi muỗi và những loài côn trùng hành hạ mọi người trong những vùng khí hậu này. Sau này ở Miến Điện, tôi thấy nó hoạt động cả trong mùa đông. Sự thật là mùa đông của họ còn ấm hơn mùa hè ở nước Nga của chúng ta.

Trong khi chúng tôi đang ăn trưa, có một bức điện tín đến từ Hà Nội, viên tư lệnh quân đội mời tôi ngày mai đến chỗ ông ta ăn trưa. Ông ta cũng hỏi tôi là giờ nào tôi đến thủ đô của họ.

Thật dễ chịu! Tất nhiên là tôi cảm ơn và báo rằng, ngày mai tôi sẽ rời Bắc Ninh vào sáng sớm. Từ đây đến kinh đô Bắc Kỳ chỉ 25 *versta*. Đường nhựa chạy qua không chỉ những cánh đồng lúa, mà hai bên còn thấy rõ những khu vườn tươi tốt đầy cây đa, cau, cao su và những thứ khác. Khu vực này rất sống động, gần Hà Nội, thậm chí còn có những cây dừa sum suê.

Tôi đến Hà Nội vào 3 giờ chiều ngày 25 tháng Ba năm 1892.

Hà Nội

Đây là Paris thu nhỏ. Sự sang trọng và sôi động trên đường phố không bút nào tả xiết. Sặc mùi châu Âu và chỉ châu Âu. Thuận tiện đủ bề! Muốn gì — cứ nói. Thậm chí có cả nước đá, mặc dù nóng khủng khiếp, và có tất cả đồ uống lạnh.

Các chủ quán người Nga nên biết xấu hổ! Các vị sống gần vòng tròn cực Bắc bằng giá vĩnh cửu mà lại không có nước đá để phục vụ, bia và kvas luôn nóng rẫy! Xấu hổ vì tiết kiệm vài xu nước đá. Đây là vùng nhiệt đới, nóng quanh năm, mà lại có nhiều nước đá hơn vùng đầm lầy đóng băng của các vị.

Tôi không nói về Peterburg, một thành phố khá văn minh đúng nghĩa. Ở đó, những gì bạn muốn, yêu cầu là có, nhưng phần còn lại là các tỉnh, ở đó không chỉ có nước đóng băng, mà đóng băng tất cả những khát vọng tinh thần và mọi tư duy tự chủ. Đây là đầm lầy đóng băng nên bia và kvas thì không có nước đá, và dân chúng buộc phải uống thứ nước nóng tởm lợm. Xấu hổ, một đất nước Bắc cực, đóng băng trí tuệ con người và không có khả năng làm mát cái thứ bia hơi hám. Xấu hổ, tôi nói, cái hạng người rúm ró vì sợ cảm lạnh, nhưng lại ngang nhiên dùng loại cồn độc hại!

Tất cả các vị, những người kinh doanh nhà hàng, đặc biệt là < ... > ở thành phố Vilno [50], với óc đông cứng và đầu thì bị thiêu đốt vì chất cồn, khi người ta yêu cầu nước đá, thì các vị trả

lời: «Chúng tôi biết lấy đâu ra?». Hãy học người Hà Nội, lấy nó ở đâu!

Hà Nội là thành phố nhiệt đới, nơi chưa ai nhìn thấy tuyết bao giờ, mặc dù mặt trời luôn thiêu đốt, nhưng người dân được dùng thức uống để lạnh, lại còn có thể dùng thêm nước đá, và không ai sợ cảm lạnh, vì ở đây không có chuyện bị cảm lạnh, và người đàn ông đắm mồ hôi ăn kem ngon lành, không sợ hãi bởi vì anh ta không say xỉn $\frac{3}{4}$ cuộc đời, không làm dạ dày hư thối vì đầy chất cồn như người dân đất nước các vị.

Nhưng chúng ta hãy gác vấn đề này lại, tất cả mọi lời cất lên chống lại việc say xỉn cũng chỉ là tiếng la hét ở sa mạc mà thôi; con người không thể không uống rượu — vì như vậy là không yêu nước, vì nó ảnh hưởng đến việc tiêu thụ, làm ngân khố thất thu. Vậy thì hãy cứ say đi! Một khi các bạn thích như vậy, còn tôi sẽ tiếp tục câu chuyện của mình.

Tôi được đón tiếp tại Hà Nội với nghi lễ hoàn toàn bất ngờ đối với tôi.

Cả thành phố đổ ra đường đón tôi và chúc mừng đã vượt qua Trung Quốc an toàn.

Quan chức quân sự và dân sự đi ngựa ra ngoài thành phố để đón tôi, họ mang theo rượu sâm banh và đọc nhiều diễn văn dài, tất cả đều nhằm mục đích khen ngợi sự cứng cỏi của tôi.

Phụ nữ và trẻ em, không biết được ai dạy, mà mang những bó hoa tặng tôi và bày tỏ sự ngạc nhiên về sự dũng cảm huyền hoặc của tôi. Vấn đề là ở chỗ chưa có ai đến đây theo con đường mà tôi đã đi, chưa ai đi trên đất liền từ Sibir tới An Nam.

Những người Pháp đáng mến còn say sưa đến mức tuyên bố cuộc hành trình của tôi là phi thường nhất trong những gì mà người ta làm trong thế kỷ này. [51]

Các nhà báo ngay lập tức xếp tôi vào hàng tướng. Tôi đã uống công phân trần với mọi người rằng tôi không phải là tướng, thậm chí chưa bao giờ phục vụ trong quân ngũ. Mọi người xem đây là sự khiêm tốn của tôi; nhiều người còn khẳng định là đã nhìn thấy tôi trong những trận đánh khác nhau, họ kể tiểu sử của tôi, tính năm, lại còn có cả những người khẳng định rằng họ biết tôi từ bé và đã là bạn hữu từ lâu. (Một viên sĩ quan đúng là có nhìn thấy tôi mười năm trước ở châu Phi trong thời gian đánh nhau với Krumiry [52], mặc dù tôi đến đó không phải để chiến đấu, mà chỉ thăm quan đất nước. Tôi được nhận Huân chương từ Vua Tunisi vì sự thắng trận của người Pháp đối với quân nổi dậy, mặc dù tôi thậm chí không bắn một viên đạn nào, hơn nữa bây giờ tôi cũng không còn giữ nó, vì nó đã bị mất cắp cùng với những đồ đạc khác trong vali khi tôi đi tàu hỏa, và tôi đã không bao giờ tìm nó.)

Trong thời gian tôi ở Hà Nội, hội hè gần như không kết thúc: những tiệc chiêu đãi của tổng tư lệnh với quân nhạc; những bữa trưa với người đứng đầu dân sự (thống đốc) cùng với vũ đoàn và đủ các loại hình giải trí; đi picnic ra ngoại ô với vũ đoàn và sâm banh như suối.

Những người đẹp — phụ nữ Pháp quên rằng, tôi đã là một ông già hết thời, và họ quay quanh

tôi trên đồng cỏ, trong tiếng nhạc của những điệu valse vui nhộn giữa những cây đa, vườn dừa trù phú, xanh mát, những lùm cây ngọc lan tây, chắc chúng cũng ngạc nhiên xem trò nhảy nhót châu Âu chưa từng thấy.

Ở đây tôi phải khẳng định rằng, người Pháp quả thật là dân tộc vui tươi nhất thế giới; họ biết cách vui vẻ, gạt bỏ sự câu nệ sang một bên. Các điệu nhảy của họ nhẹ nhàng, đẹp và không khó nhảy: tất cả đều quay cuồng, từ những ông tướng đáng kính trong quân phục trang trọng đến các cô bé trong những bộ váy mỏng tang; các bà thượng lưu, nà dòng, đầy thói ghen tuông, ăn mặc còn hở hang hơn chính các cô gái An Nam; các quan chức trẻ tuổi phải lòng các bà; những chàng sĩ quan rụt rè nhưng lại sẵn sàng giơ thân dưới làn đạn của bọn cướp; những bà mẹ rình bắt chú rể cho con gái. Tất cả mọi thứ quay quanh, quay cuồng, không sùng bái những bước nhảy thuần thực, chẳng nghĩ ngợi về bất cứ điều gì, ngoại trừ ngày hôm nay.

Trái ngược với những gì xảy ra ở Nga, ở đây các tay nhảy nam nhiều hơn đáng kể so với nữ, nhưng các điệu nhảy nối tiếp nhanh chóng khiến chẳng ai có thể buồn. Không như ở ta — tìm «đối tác» một cách ngu ngốc, mà ai đứng đối diện với ai thì nhảy với người đó. Không cần phải giới thiệu, mời bất cứ ai cũng được, người ta cho rằng đã gặp nhau trong một ngôi nhà thì coi như đã quen nhau.

Các buổi khiêu vũ bắt đầu từ 9 giờ tối và cũng kết thúc sớm, vì vậy không ai bị mệt, và bất cứ ai

tham gia đêm vũ hội, hôm sau vẫn dậy đúng giờ như thường và bắt tay vào công việc.

Ở Paris không hẳn như vậy, nhưng có lý do của nó, đương nhiên, xã hội Paris là hỗn hợp, hầu như số người ngoại quốc ngang bằng với người Pháp chính quốc. Còn ở Bắc Kỳ, tất nhiên, không có người nước ngoài nào và không bao giờ có.

Vùng ngoại ô Hà Nội thật duyên dáng. Các khu vườn trù phú, đan xen chuối, tre, vani, vải và trái cây khác (dứa ở đây chuẩn bị chín, người ta nói là rất ngon, nhưng không thể có trước tháng Sáu).

Có rất nhiều hồ nước với những hòn đảo trên đó có đền chùa; đâu đó ẩn hiện những cây cầu gỗ, cầu đá, có cả những bãi cỏ, những túp nhà tranh của người An Nam, tất cả đều rất sạch sẽ và duyên dáng, mọi thứ đều rất sạch sẽ và thanh lịch, các nhà chức trách Pháp quan tâm điều này.

Chùa chiền ở đây cũng giống như ở Trung Quốc (thờ Phật), nhưng bên trong gọn gàng, bố trí chặt chẽ và tối. Ánh sáng được tránh một cách có chủ ý; và xung quanh bàn thờ chính có nhiều cột nhỏ (kiến trúc này được học hỏi từ Ấn Độ). Ở hai bên lối vào có những con voi đá rất to (ở Trung Quốc không có điều này, không voi đá, không voi sống; chỉ có một hai ngoại lệ).

Ở đây có một tượng Phật kích thước khổng lồ khiến du khách ngạc nhiên. Pho tượng làm bằng đồng, có vẻ giống tượng mà tôi đã nhìn thấy [trước đó, ở Trung Quốc], nhưng nhỏ hơn đáng kể, đứng sâu trong một ngôi chùa nhỏ, xung quanh buông rèm, tranh tối tranh sáng, rất khó nhìn rõ.

Ở giữa thành phố, người Pháp đã tạo một khu vườn nhiệt đới sang trọng, và trong những ngày lễ có quân nhạc, công chúng tới nghe là đám đông ồn ào và sắc sỡ nhất.

Mới đây có lệnh của viên tổng chỉ huy không cho những người ở trần vào nghe, bản phụ lục của lệnh còn nói rằng, khi quân nhạc biểu diễn, cấm rửa ráy hoặc tắm tấp ở đài phun nước.

Người ta nói rằng, người An Nam, đặc biệt là phụ nữ, rất cần nhắc về sự nghiêm khắc này.

Ở đây, lần đầu tiên tôi thử uống nước dừa, tất nhiên loại này không giống với thứ tương tự như ở châu Âu được lấy ra từ loại quả nhập khẩu (dân bản địa chỉ uống nước dừa từ những quả vừa hái xuống; nếu để quá ba ngày coi như không dùng được nữa), song, ban đầu nó chẳng làm tôi thích thú. Sau này, khi ở trong các khu rừng của nước Xiêm, trong thời gian nóng và bị sốt, tôi mới đánh giá cao nó. Nước dừa cần được uống khi dạ dày trống rỗng, đây là thứ nước uống mát và bổ.

Tôi đã đi xem khu phố của dân Hà Nội. Dễ thương quá đi mất! Đây là phố — rừng! Ở đây nổi bật là những cây cau, cây đa, cây lan tây, có tre, tất cả ken dày, tất cả được bao phủ bởi các loại màu sắc, hương thơm lan tỏa khắp nơi, cây xanh ở khắp mọi nơi. Những căn nhà bé nhỏ của người An Nam phải tìm một cách cẩn thận mới thấy giữa những cây xanh tươi tốt, quăn quít. Tôi đến đó để thăm đáp lễ một vị quan chức làm quen với tôi ở đêm vũ hội tại tư dinh của khâm sứ. Vụ làm quen này khá độc đáo: sau một điệu nhảy với một người đẹp bản địa, là con gái của một tên

luật sư bịp bợm nào đó, tôi đưa cô gái đến quầy ăn kem, mấy người ăn mặc quần áo địa phương sắc sỡ đến chỗ chúng tôi, cúi chào sát đất. Hóa ra đây là quan đứng đầu địa phương và đoàn tùy tùng; khi đứng thẳng lên, ông đưa cho tôi danh thiếp viết bằng chữ nho như ở Trung Quốc, mực đen trên giấy đỏ viết từ trên xuống. Tôi cúi chào cảm ơn họ.

Khá vất vả mới tìm ra nơi ở của vị quan chức này, mặc dù đi cùng với tôi có một sĩ quan Pháp thông thạo địa hình nơi đây.

Ngôi nhà của ông ta nhỏ nhắn nhưng ấm cúng, có vẻ như một món đồ chơi, trang trí rất nhiều đồ lặt vặt, đến nỗi không có chỗ để quay trở, thậm chí là nguy hiểm khi đứng thẳng người, bởi vì có thể chạm vào trần và làm vỡ... đầu, bạn đọc có nghĩ thế không? Sự thật là trần nhà rất mỏng manh, lại bằng tre!

Vị quan chức này là một người đại lăm lờ và vui vẻ, ông mới đến đây từ phương Nam và trật tự ở đây không làm ông thích. Về lệnh của vị tổng chỉ huy, ông tỏ ra không hài lòng và nói thêm rằng, ở Huế (thủ đô của An Nam) viên khâm sứ Pháp cũng ban lệnh mọi người trong thành phố không được để mình trần đến tắm ở cái ao trước cung điện. Nhưng vị Hoàng đế tốt bụng của họ cho rằng lệnh này bất hợp lý, không hợp với với tập tục của họ, bởi không thể bắt con người mặc quần áo khi trời nóng bức, và người nghèo thì có thể chẳng có gì để mặc, còn ai cũng phải tắm, việc giữ vệ sinh thì đến Đức Phật (Thích Ca Mâu Ni) cũng đã ra lệnh rồi.

Viên sĩ quan Pháp khẳng định với tôi rằng, trên thực tế, vị Hoàng đế có ký một lệnh đại loại như vậy.

Viên quan tiếp tục triết lý về chủ đề này, ông ta giận dữ vung tay, nói với tôi: «Nếu nhân dân không được tắm rửa ở quảng trường giữa thành phố thì thử hỏi: họ tắm rửa ở đâu? Ở trong nhà mình? Chật. Ở ngoài sông cạnh thành phố? Nguy hiểm, ở đó cá sấu ăn thịt họ. Ở biển? Hoàn toàn không thể — ở đó có hàng đàn cá mập; tốt nhất là tắm ở ao thành phố, gần chỗ mọi người đi dạo, không có thú dữ làm hại. Bắt người ta phải mặc quần áo là vợ vắn; người có tiền thì không sao, còn những người ăn còn chả có, chả lẽ lại dùng những xu cuối cùng để mua quần đùi và nhịn đói. Còn chúng tôi không muốn cho con gái mình mặc váy, vì đơn giản là nó phi đạo đức, chỉ cần đưa váy cho chúng là chúng tưởng mình là công chúa, không cần nghe lời ai nữa». «Sao lại như thế được?» — tôi bật ra câu hỏi. «Tôi đã từng nhìn thấy trong thành phố một số phụ nữ, thậm chí là những bé gái của các ông mặc váy liền áo!» «Đạo đức suy đồi, thưa ngài» — ông ta nói, buồn bã lắc đầu. «Điều này chẳng mang lại điều gì tốt đẹp».

Này, mọi người, là bạn đọc của tôi, các bạn đọc và mỉm cười! Thế các bạn nghĩ sao? Chính vị quan chức này từ góc độ của mình hoàn toàn đúng: bắt mọi người tuân theo những phong tục xa lạ mà họ không thể hiểu được mục đích của chúng để làm gì? Bằng cách này, người châu Âu làm mất lòng tin vào họ.

Ở nước Xiêm, một cô gái học tiếng Pháp từ một nhà truyền giáo, từ chối chuyển sang đạo Thiên chúa, nói với tôi: «Tại sao tôi phải đặt gánh nặng cho mình và tuyên xưng cho một đức tin ngưng ngừng để làm gì, các vị linh mục Công giáo yêu cầu không hợp lý».

«Cô sợ cái gì trong giáo lý của Đức Chúa Kitô?» — tôi hỏi. «Những gì được yêu cầu mà cô cho là không hợp lý?».

«Thì đấy» — cô gái trả lời, «các vị linh mục bảo mặc váy và váy liền áo, mặc như vậy khi ra chợ người ta cười cho».

Đó là những gì xảy ra với tôn giáo của Đức Chúa Kitô khi chúng ta yêu cầu trộn lẫn với nền văn minh hiện đại! Chẳng được cái gì hết.

Sau cuộc trò chuyện có tính dạy bảo này, vị quan chức đưa tôi ra vườn, ở đó giữa loại cây bản địa, có loại cây châu Âu. Gia chủ vui mừng nhất đối với luống xà lách nhỏ; với niềm tự hào, ông chỉ cho tôi và thể hiện là ông đã tốn nhiều công sức để bảo vệ xà lách khỏi ánh mặt trời muốn làm lụi tàn một loài rau mỏng manh từ phương Bắc.

«Này, còn dưa» — tôi hỏi, «trong vườn của ông có không?»

«Chúng tôi cần dưa để làm gì?» — ông ta trả lời. «Ở đây đất nước thanh bình, không trộm cắp, tôi không cần phải bảo vệ rau của mình từ ai đó».

Thật là đáng thương, ông xem dưa chỉ là hàng rào bảo vệ.

«Sao thế!» — tôi tiếp tục. «Dưa là một loại quả tuyệt vời, khó mà tìm thấy loại ngon hơn nó».

«Ngài nói uống công rồi» — ông ta mỉm cười. «Chỉ các ngài, những người châu Âu mới thích đủ mọi thứ vớ vẩn đó, còn chúng tôi không cần những thứ đó; nếu muốn dỗ bọn trẻ con, chúng tôi ra chợ, muốn bao nhiêu cũng được; đến mùa thì có mà hàng xe, còn cây xà lách của tôi...» Ông ta nói thêm với sự hài lòng: «Đây là thứ quý hiếm, tất cả những người hàng xóm ghen tị với tôi».

Tôi rời nhà ông ta, ngạc nhiên suy nghĩ, đúng là trong cuộc sống tất cả chỉ là tương đối. Bạn đọc, các vị có thấy sự đánh giá loài cỏ vớ vẩn cao hơn loại quả tuyệt vời!

Vịnh Hạ Long

Nó nổi tiếng ở Bắc Kỳ bằng vẻ đẹp độc đáo và sự tạo hình như tranh vẽ. Trước đây tôi đã nghe rất nhiều về nó, và bây giờ rất vui khi viên thống đốc Hà Nội đề nghị đến đó chơi. Chúng tôi đi trên tàu của ông theo sông Cái (sông Hồng) đến Hải Phòng và sau đó lần theo những con kênh khác nhau để đến cái vịnh nổi tiếng này. Nó tuyệt vời bằng vô số những khối đá với hình thù khác nhau được sắp đặt không theo bất kỳ trật tự nào. Đây chính là mũi đá, ở một số nơi chúng đứng gần nhau đến nỗi tàu thủy phải khó khăn lắm mới đi qua được. Những khối đá xếp khéo léo trên đường ra đại dương để trong vịnh không hề có sóng. Giữa những khối đá kỳ lạ có hang động, đôi khi chúng ẩn mình trong nước; một trong những cái động như vậy dài hơn một *versta* và có

thể đi thuyền qua đó. Sang phía bên kia, chúng ta rơi vào một nơi hoang dã và tuyệt diệu được bao phủ bằng thảm thực vật đa dạng.

Ở vịnh Hạ Long có một nơi được gọi là rạp xiếc: đây là một cái hồ nhỏ được núi bao bọc xung quanh, nối với biển bằng một lối đi hẹp và kín; ở đó tối, khi đi trên thuyền, phải cúi đầu để không va vào đá. Trên bờ hồ là những vách đá gập ghềnh như dựng đứng, có các bụi cây và loài khỉ nháy nhót trên đó. Gần đó, trên một hòn đảo nhỏ, có mỏ than. Người Pháp rất vui sướng vì những mỏ than; họ kéo tôi đi theo những lối mòn tối và bẩn, giới thiệu tất cả máy móc dùng để khai thác than, kể về những lợi ích lớn lao sẽ ngự trị vùng mỏ này đối với dân chúng, và kết thúc màn thăm quan không mấy hay ho này bằng bữa trưa với rượu vang.

Họ đào bới và hủy hoại nhiều ngọn đồi tuyệt đẹp để tìm kiếm loại than ngu ngốc này.

Tôi, tất nhiên, vì lịch sử đã ca ngợi công việc của họ, nhưng trong thâm sâu tâm hồn, bản khoản tự hỏi: con người khai quật sản phẩm này từ trong lòng đất để làm gì?!

Người ta nói rằng, chúng sẽ thay thế nhiên liệu, tiết kiệm củi, và do đó bảo vệ rừng.

Tuy nhiên, tôi nhận thấy điều ngược lại: trên toàn bộ không gian, nơi đào cái loại than xấu số này, rừng bị chặt phá và đốt để lấy nơi sản xuất. Cuộc sống của dân tình bị đảo lộn, họ bỏ gia đình, bỏ đồng ruộng để đi làm ở mỏ than với đồng lương còm, họ ăn, uống, chơi và đôi khi mất hết tiền lương, trở thành những kẻ phát vãng

đi thang lang kiếm ăn khắp đất nước, một khi bị thất nghiệp.

Tuy nhiên, tôi không phải là quan tòa trong những vấn đề này, tôi chỉ thấy tất cả hoạt động của công xưởng là ghê tởm, không cần thiết và gây phương hại đến đạo đức của nhân dân. Có thể tôi sai, tôi sẽ không tranh luận.

Tình huống trên sông

Tình huống này rất điển hình cho đạo đức Bắc Kỳ.

Buổi tối ngày 3 tháng Tư, tôi đi trên một tàu thủy nhỏ dọc sông Hồng đến thành phố Nam Định, còn ngựa của tôi được gửi tới đó bằng đường bộ. Con tàu này là tàu hải quan, do một trong số các quan chức chỉ huy.

Khi chúng tôi kết thúc bữa ăn tối trên boong, phía trước, dưới ánh trăng xuất hiện một chiếc thuyền lớn không có đèn đóm gì cả.

«Aha» — vị quan chức kêu lên, «quân hải tặc đây».

Chiếc thuyền đi xuôi dòng, nhanh chóng sánh ngang với chúng tôi, rồi băng đi tiếp.

«Ồ, không» — viên quan tuyên bố, «không thể như vậy được, phải tóm bọn chúng». Và ông ta đã nổi còi.

Thuyền không dừng lại.

«Ngài cho phép hành động theo pháp luật?» — ông ta long trọng hướng về tôi.

«Tại sao lại không» — tôi nói. «Hãy luôn hành động theo pháp luật».

«Tôi có một khẩu pháo» — ông ta thì thầm nói thêm. «Tôi sẽ bắn».

Ông ta nổi còi báo động, thuyền dừng lại, những con người sợ sệt áp vào con tàu. Hóa ra họ là dân buôn thảo quả và quế, họ có giấy phép.

«Ồ các người đi trên sông nước, sao lại không có đèn đóm gì?» — viên quan lên giọng dọa nạt.

«Xin lỗi, vừa mới bị tắt đấy ạ» — mấy nhà buôn gào vọng sang trong sự khiếp đảm.

«Ta sẽ xử bắn các người, quân lừa đảo» — người bạn đường của tôi gầm lên.

«Xin tha cho!»

«Ta sẽ đày các người đến Caen lao động khổ sai» — vị quan chức này vẫn chưa yên. [53]

«Xin rủ lòng thương».

«Ta sẽ cho các người rũ tù».

«Hãy thương hại người nghèo khó».

«Ta sẽ đưa các người ra tòa».

«Xin ngài thể hiện lòng nhân từ».

«Ta sẽ phạt nặng đấy».

«Ngài hãy nương tay».

«Ta không muốn nói chuyện với các người nữa» — viên quan tự đắc. «Nộp phạt cho tử tế, không ta bỏ tù đấy».

Những người dưới thuyền vội vã rút từ túi ra 3 franc đưa cho viên quan; ông ta lấy tiền, hí hoáy viết cái gì đó trong giấy tờ của họ và đắc thắng uống nốt chỗ bia của mình, hài lòng nhìn tôi.

Tôi không hiểu nổi tại sao sự việc lại chuyển từ bắn giết tới thực tế chỉ có 3 franc nộp phạt và nói lên cái sự thắc mắc của mình. «Thế ngài ra lệnh phải làm gì» — viên quan trả lời. «Theo luật,

những vi phạm giao thông đường thủy chỉ được phạt 3 franc, tôi không có quyền lấy hơn, nếu không, tôi đã cho chúng biết tay» — viên quan này nói thêm với vẻ đe dọa, giọng nắm đấm ra. «Vây thì đe dọa để làm gì» — tôi hỏi, «nếu không được phép làm gì thêm». «Không nên, thưa ngài» — viên quan trả lời. «Đe dọa là cần thiết, đây là bọn dân hoang dã».

Lạ lùng! Tôi kết thúc chuyện này bằng cách uống một ngụm rượu vang và bắt đầu đi lại trên boong. Đêm mờ ảo, dịu dàng, ánh trăng rọi sáng đôi bờ bằng phẳng của dòng sông Cái, gần như hoàn toàn được bao phủ bởi các vườn chuối; đâu đó có thể nhìn thấy những cây si tuyệt diệu, được đánh giá cao ở châu Âu. Trời rất ấm áp, thậm chí là hơi nóng.

Tôi hạ lệnh trải giường cho tôi trên boong tàu, người bạn đường của tôi cũng thu xếp như vậy. Gió nhiệt đới nhẹ nhàng ru chúng tôi.

Sáng hôm sau tôi đến Nam Định, từ đây sẽ đi theo cái gọi là đường cái quan để đến thủ đô Huế của An Nam. [54]

Chúng tôi đến sớm, lúc 7 giờ, một cơn mưa nhiệt đới mạnh mẽ, nhưng ấm áp và dễ chịu đổ xuống, tất cả không khí ẩm ướt và có hương thơm không thể xác định được đối với người phương Bắc. Tôi nằm trên boong tàu, đắm mình trong mưa. Mặc dù phía trên có che một tấm vải, nhưng những hạt mưa lớn vẫn xuyên qua và rơi vào người tôi, vốn chỉ được đắp hờ một tấm vải mỏng.

Nam Định

Thành phố này là hỗn hợp: ở đây có người Trung Quốc, người An Nam, người Pháp, có công chức và quân nhân. Ở đây nổi tiếng với các vũ công.

Các đường phố rộng, thẳng, hai bên là những cây si và dừa.

Ở đây, cũng như ở Hà Nội, tôi được chào đón rất nồng nhiệt; tất cả quan chức tụ họp ở chỗ thống đốc dự tiệc chiêu đãi tôi.

Sau bữa tiệc là những điệu múa địa phương. Vũ công ở đây ăn mặc đơn giản hơn, trên đầu không có gì hết, nhưng bù lại, ở vai được gắn những chiếc đèn thấp sáng. Họ cũng nhảy chân trần, một số vũ công trong số họ nhỏ nhắn và dễ thương; tôi ngạc nhiên là tay họ rất sạch; điều này được giải thích là vì họ hầu hết là tình nhân của các sĩ quan.

Họ nhảy múa trong hai giờ, và có lẽ, họ vẫn còn tiếp tục, nếu như họ không buộc phải ra về.

Những bà đầm người Pháp trong doanh trại hầu như đã luống tuổi cả (không có người dưới 25 tuổi), họ tức giận vì những người đàn ông của họ ưa thích vũ công trẻ người An Nam hơn, dàn vũ công này tuổi chỉ từ 15 đến 18.

Tất nhiên, làm sao một bà nạ dòng mặt đầy phấn trên 25 tuổi có thể cạnh tranh được với cô gái 15 tuổi trẻ?! Cho dù là cô gái An Nam.

Khi bọn gái trẻ rút lui, một số người đẹp cao tuổi có ý muốn thể hiện tài năng của mình và ngồi vào cây đàn dương cầm; họ chơi không hay lắm: kết thúc bằng bản quốc ca Nga do một người đàn ông Pháp hát sai lời be bét.

Đến quá nửa đêm mọi người trở về nhà.

Ninh Bình

Thành phố tiếp theo sau Nam Định, quy mô nhỏ hơn, không có người Trung Quốc; ở phía Nam có những ngọn núi được nhìn thấy rõ, có rừng bao phủ; nhưng xung quanh thành phố thì bằng phẳng và trơ trụi, nhiều khu dân cư, được bao quanh bởi các khu vườn, chen chúc hai bên đường.

Ở đây, chuyện lặp lại như ở các thành phố khác, chúc tụng, yến tiệc, gặp gỡ các vũ công. Các vũ công ở đây thua ở Nam Định và cũng kém sạch sẽ hơn, rõ ràng là các nhà chức trách Pháp đã lơ là họ.

Ngày hôm sau, viên công sứ mời tôi dạo núi để xem chùa và lăng mộ của các hoàng đế đã từng trị vì An Nam.

Không rõ những vị hoàng đế nào đã được chôn cất nơi đây. Nghe nói, ở đây xưa kia đã từng có một thành phố lớn, bị phá hủy đã lâu, từng là thủ đô của cả nước.

Đường lên núi tuyệt đẹp, ở đây ta tìm thấy một vịnh Hạ Long trên đất liền: cũng vô số khối đá hình thù kỳ lạ, được bao phủ bằng những bụi cây

dày đặc, rải rác khắp vùng đồng bằng, và ở giữa chúng là những cánh đồng lúa, vườn tược và làng mạc.

Chùa chiến nằm cách thành phố 12 *versta*, gần một ngôi làng nhỏ, chúng khác biệt với chùa chiến ở Trung Quốc bằng kích thước nhỏ và sự sạch sẽ, ở phía trong có nhiều cột gỗ sơn son thiếp vàng, giống những ngôi chùa ở Ấn Độ; trần rất thấp, phía trong nửa tối, nửa sáng. Sân được lát đá, có những cây cau trồng thành hàng và những cây mít, tất cả điều này tạo cho những ngôi chùa hoàn toàn có vẻ nhiệt đới.

Viên quan An Nam tháp tùng chúng tôi trong chuyến thăm quan này, khi đến chùa, khoác một chiếc áo lễ, thắp hương và lẩm rầm khấn. Trong khi đó, tôi xuống tắm ở cái ao linh thiêng, tuy nhiên, ở đây có rất nhiều đĩa, và có những con dãi tới một phần tư arshin¹).

Đài tưởng niệm các hoàng đế nằm ở một nơi khá cao ráo trong hang núi, đường lên đó đi giữa thiên nhiên hoang dã và tuyệt đẹp. Bản thân những di tích không có gì đáng nói, nhưng quang cảnh đất nước nhìn từ đây thật đáng ca ngợi.

Nơi ở của linh mục Siktus²

Cách Ninh Bình 30 *versta* là nơi ở của vị linh mục Công giáo người An Nam Siktus. Đây là một

¹ *Arshin*: đơn vị đo chiều dài cổ của Nga, bằng 0,71 m.

² Xem bình luận. [55]

nhân vật vô cùng thú vị. Ông từ lâu đã được một số nhà truyền giáo địa phương cải đạo sang Kitô giáo và khai sáng. Trong thời gian chiến tranh và thời gian bị xua đuổi sau đó, ông đã từng bị quân phiến loạn bắt làm tù binh ở Lạng Sơn. Khi người Pháp chiếm thành phố, ông được giải thoát, theo sáng kiến của người Pháp, ông được Hoàng đế An Nam ưu ái, người ta biến ông thành một ông quan quan trọng, tuy chẳng giữ chức gì cả. Người ta nói, ông rất giàu và rất trung thành với người Pháp.

Nơi ông ở là Phát Diệm, nằm không xa đường đi của tôi nên tôi ghé vào thăm ông. Khâm sứ Ninh Bình cùng với vợ hộ tống tôi.

Siktus sống trong một ngôi nhà hai tầng sang trọng, một phần theo kiểu An Nam, một phần theo kiểu châu Âu. Phần giữa của bức tường chính, nơi thông thường người An Nam đặt tượng Phật thì Siktus treo một hình ảnh lớn của Đấng Cứu Thế và Đức mẹ. Xung quanh nhà là khu vườn tuyệt đẹp với nhiều ao vuông theo phong cách phương Đông.

Vị linh mục này đã già và ốm yếu, mặc một chiếc áo choàng lụa màu xanh, hàng ngày làm thánh lễ, không hiểu xây cất vài nhà thờ lớn theo mô hình chùa chiền Phật giáo để làm gì. Các nhà thờ này xây bằng đá cẩm thạch và gỗ mun, những cây cột lớn được mang về từ những khu rừng nhiệt đới láng giềng; tất cả từ trên xuống dưới được chạm khắc những cảnh trong Kinh Thánh. Việc sử dụng gỗ mun như vậy chỉ có thể thực hiện được ở những vùng sung túc, nơi mà gỗ mun không có giá trị gì.

Người Pháp ngưỡng mộ tất cả mọi thứ ông làm, và khẳng định rằng, ông có ảnh hưởng lớn trong dân địa phương; trong thời chiến, họ tính bố trí ông đứng đầu hàng quân, bên cạnh súng liên thanh và hy vọng ông khích lệ quân chúng. [56]

Người cha tinh thần này có đội bảo vệ riêng rất đông đảo. Tôi không xác định được liệu ông là người ngoan đạo hay là kẻ đạo đức giả.

Trong các ngôn ngữ châu Âu, ông chỉ biết tiếng La-tinh, tôi lại quên mất nó hoàn toàn, vì vậy chúng tôi đã phải nói qua một thông dịch viên, người này lẫn lộn và dịch méo mó mọi thứ.

Người ta nói rằng, ông có 30 000 giáo dân người An Nam theo ông. Gần dinh thự và nhà thờ của ông là một ngôi làng lớn, đâm mình giữa những khu vườn. Người ta cũng nói rằng, Siktus đã thu được những khoản đóng góp đáng kể của họ và sử dụng phần lớn khoản này làm từ thiện ở Hà Nội và Sài Gòn.

Ông phái kiệu thiếp vàng đến đón tôi. Suốt hành trình, đội lính bảo vệ đánh trống và chơi một số nhạc cụ kỳ dị (chắc là để khoe với dân chúng). Tiếng nhạc vang lên chói tai, làm nhớ đến những khúc cuồng tưởng của Liszt. [57]

Vị cha cố mời chúng tôi ăn trưa theo kiểu An Nam, nhưng rất tốt (bữa ăn của họ cũng giống của Trung Quốc, nhưng ít món hơn).

Trong vườn của người ngoan đạo này có cái hang nhân tạo sắp xếp theo kiểu mê cung với những hình ảnh các vị thánh trên tường. Phòng ngủ của ông treo đầy tranh thánh theo kiểu phòng nguyện.

Trước khi theo đạo Thiên Chúa, ông có nhiều vợ và con, nhưng sau đó ông gửi tất cả bọn họ đến nơi nào đó, người ta nói rằng, một trong số các cô con gái của ông biểu diễn sân khấu ở Nam Kỳ.

Người đàn ông già cả này được tôn lên tới mức Lanessan [58], viên toàn quyền tất cả các thuộc địa Pháp ở Viễn Đông đã cất công đến thăm ông ta và không hề phạt ý khi không được ông tiếp vì tuổi già.

Dân chúng coi ông là người có phép thuật. Người ta kể rằng, viên quan án Ninh Bình bị gãy chân, đến Siktus, và khi ông đặt tay lên cái chân gãy, quan án cảm thấy nhẹ nhõm. Siktus khiêm tốn nhận xét rằng, điều đó xảy ra có thể là do chính tay ông sắp xếp các tranh tượng thánh kho để đồ thờ. Vị quan án sau đó bị hoại thư và đã chết, tuy nhiên, chuyện này lan truyền trong cả nước, và gia đình quan án bị thuyết phục bởi những gì xảy ra, gia nhập đạo Thiên Chúa, đóng góp cho Siktus một khoản lớn để ông cầu nguyện cho người quá cố.

Trả lời câu hỏi của tôi: vị cha cố đáng kính thực sự có thể làm điều kỳ diệu không, Siktus trả lời rằng, trước đây thì có thể, còn nay già rồi nên không thể.

Từ câu trả lời như vậy, tôi cùng với viên thống sứ kết luận rằng, người dịch chắc chắn đã bóp méo, và vị linh mục không hiểu.

Khi tôi ra đi, Siktus tặng tôi mấy chục *funt*¹ chè tuyệt hảo của Trung Quốc đựng trong hộp

¹ *Funt*: đơn vị đo trọng lượng của Nga, bằng 0,45 kg.

sắt tây mỏng như giấy hình cái bình và có thể bị nhàu.

Thanh Hóa

Ở đây một lần nữa lại sự tiếp đón nồng nhiệt nhất và lịch sự nhất: những bữa ăn tuyệt vời với các loại đặc sản địa phương, món hầm từ da tê giác, sơn dương chiên và thịt chim công; buổi tối vũ công với những chiếc đèn, nến trên đầu và trên tay (lạ lùng là họ làm thế nào để chúng không rơi trong khi nhảy). Tất cả bọn họ ở đây đều xinh đẹp và đáng yêu, mặc những chiếc váy ngắn với màu sắc khác nhau; trong số họ có những cô bé.

Vị lãnh đạo ở đây là người rất đáng yêu, nhưng là một người theo phái Bonaparte, khi nói về Napoléon III, gọi ông là hoàng đế và tỏ ra thương tiếc cái chết sớm của con trai ông ta. Ông đã cho tôi đọc hồi ký của Morny [59] được gìn giữ như của quý, nó chỉ càng cho thấy con người giả dối và đố kỵ này dưới góc độ tệ hại hơn.

Ở tỉnh Thanh Hóa không có quân đội Pháp, để bảo vệ thành phố và dân chúng, dưới quyền vị thống sứ có vài trăm tay súng người An Nam được đào tạo kỹ lưỡng.

Tỉnh này có tiếng là giàu có, khắp nơi là cánh đồng lúa, bông, khoai lang, chàm và các loài cây ăn quả khác nhau (vô số các loại quả nhiệt đới). Ở đây, lần đầu tiên tôi được ăn quả ổi mà nhiều người khen ngợi. Mặc dù tôi yêu tất cả các loại trái cây, nhưng tôi phải thú nhận rằng, loại quả này hoàn toàn không ngon. Về bề ngoài, chúng

trông giống như mận hoặc quả hồng dại, thịt của chúng màu hồng, chẳng ngọt, chẳng xốp, không có hạt to, nhưng có rất nhiều hạt nhỏ li ti như quả vả; hương vị chúng giống thanh long (trái cây thuộc họ xương rồng) và phúc bồn tử; chả có vị chua gì.

Buổi tối, thay vì trà, chúng tôi được phục vụ món nước quế nóng. Đây là một sản vật địa phương được ưa chuộng và đánh giá rất cao. Món này có mùi rất thơm, có vị cay ngọt dịu nhẹ; người ta uống trong những chiếc chén bé nhất.

Vùng này xuất khẩu quế là đáng kể, quế ở đây được xem là tốt nhất trên toàn phương Đông.

Ở đây không có đồn điền trồng quế. Quế mọc vô số trong các khu rừng rậm và luôn luôn ẩn lẩn trong những loài cây khác.

Cây quế có vẻ đẹp khá quyến rũ, thân thon, thẳng, cành mọc thẳng, không bao giờ đạt kích thước lớn, như loài thông trăm năm của chúng ta, chỉ có điều nhỏ bé thôi. Quế tỏa hương rất tuyệt vời đáng yêu và lan xa, nhờ đó mà người ta tìm ra chúng ở trong rừng, đôi khi chúng mọc thành những nhóm nhỏ. Thực ra, quế giá trị ở cái vỏ. Khi người ta bóc hết vỏ, cây sẽ chết, vì vậy trồng ở vườn không có lợi, phải chờ đợi lâu để cây lớn và sau đó bóc vỏ, rồi ngay lập tức phải thay thế bằng cây khác.

Nếu không phải trong khu rừng nhiệt đới rất nhiều quế, thì loại sản phẩm này vô cùng đắt đỏ. Quả của cây quế bé như hạt cà phê, nhưng không làm thực phẩm được.

Làm khách ở Thanh Hóa hai ngày, tôi lại đi tiếp.

Tất cả các quan chức chính quyền thành phố, người Pháp cũng như người An Nam, đều long trọng tiễn tôi ra tận ngoại ô thành phố.

CUỐN VỞ 21

Đường từ Bắc Kỳ vào An Nam

Như tôi đã đề cập, Bắc Kỳ như là một công quốc của An Nam, được điều hành riêng biệt. Thực ra, về phương diện hành chính, ở đây có sự rối rắm: chính quyền địa phương Bắc Kỳ chỉ trực thuộc hoàng đế An Nam trên danh nghĩa. Những quan chức người Pháp ở Bắc Kỳ không liên can tới quan chức người An Nam, họ có quyền lớn hơn. Khi khâm sứ Huế cần trình hoàng đế việc gì đó, trong trường hợp hoàng đế không đồng ý, phải trình lên bộ ở Paris; còn khâm sứ Hà Nội tự quyết tất. Đứng trên các khâm sứ này có viên thống đốc toàn quyền (trong thời gian tôi đến là Lanessan), nhưng viên quan cuối cùng này trên thực tế không tới tất cả các nơi được. Lãnh thổ ủy thác cho ông ta quá rộng lớn và đa dạng, chỉ mỗi việc di chuyển từ nơi này sang nơi khác đã hết thời gian, vì vậy hầu như ông vắng mặt ở khắp mọi nơi. Ông quản lý Bắc Kỳ, An Nam, Nam Kỳ và Campuchia.

Ở mỗi đất nước dân chúng có đặc điểm riêng và cần quản lý bằng những luật lệ riêng. Dân số tất cả có hơn 40 triệu người.

Như vậy là tôi không được nhìn thấy vị tổng đốc toàn quyền suốt đời di chuyển này: khi tôi đến Hà Nội, thì ông vừa rời nơi đó để vào Huế (thủ đô của An Nam); khi tôi tới Huế thì ông lại đã vào Sài Gòn (thủ đô của Nam Kỳ), còn khi tôi vào tới Sài Gòn thì vị tổng đốc này bị ốm vì làm việc quá sức, đã đến Nhật Bản chữa bệnh.

Tại sao người Pháp vốn thực dụng lại cần một vị quan chức đắt giá và suốt đời lang thang này? Không thể hiểu nổi!

Không có sự phân định chính xác ranh giới giữa Bắc Kỳ và An Nam, hoặc là do những cuộc chiến tranh dai dẳng, sự bất tuân thủ và tái định cư, biên giới thay đổi. Hiện nay Thanh Hóa được xem là thuộc Bắc Kỳ (đang ở tình trạng quân luật), còn Vinh là thành phố tiếp theo, được tính là của An Nam.

Theo bản đồ của Bộ Tổng tham mưu Pháp, làm để chuyển thư từ, điện tín; từ Thanh Hóa vào Vinh được công bố là 185 *versta*. Tuy nhiên, tôi đã cẩn thận kiểm tra, khoảng cách này không thể hơn 150 *versta*. Không biết vì đâu mà lại cho sai sót lớn như vậy trong đo đạc?

Tôi đã sử dụng bốn ngày cho đoạn đường này. Đường rất tốt và rộng, lại gần biển. Địa hình khá bằng phẳng và thuần nhất, chỉ đôi khi mới gặp một vài ngọn đồi. Làng mạc rất nhiều và được bao quanh bởi những khu vườn rậm rạp (nếu có thể miêu tả như vậy). Chỗ nương thân cho những

nữ thần rừng ưu tư [60] như Pushkin [61] đã nói về những khu vườn của giới địa chủ của chúng ta, song chúng không thể phục vụ tốt vì ở đó quá sôi động, cách một phần tư *versta* đã nghe tiếng rì rào và tiếng ồn ào phát ra từ loài dế và những loài côn trùng khác. Ngoài ra, hồ từ những ngọn núi bên cạnh chạy vào các khu vườn, nhiều người, nhất là đàn bà và trẻ em, bị mất mạng.

Bởi vậy nếu có những vị thánh suy tư gì đó ở đây thì cũng đã bị ăn thịt từ lâu. Nhân tiện xin được nói thêm là những truyền thuyết của người An Nam cũng chẳng kém truyền thuyết của Hy Lạp và La Mã cổ đại. Dân xứ này rất thích thơ ca, truyền thuyết.

Hộ tống tôi trên đoạn đường này, đầu tiên là những người Pháp (thư ký và chỉ huy đội), họ có tất cả các loại thực phẩm, nhiều rượu, mọi việc ổn. Chúng tôi đi theo trật tự thế này: những người An Nam đi phía trước, mang theo những lá cờ màu sắc khác nhau, phía sau tôi — một đoàn mang lọng, che nắng rất tốt.

Những người vác lọng thì lại đi bộ và che cho tôi, người ngồi trên lưng ngựa. Nghi thức ở đây là như thế rồi!

Vượt qua chặng đường 60 *versta*, chúng tôi đã đến ranh giới tỉnh Vinh, và những người Pháp từ biệt tôi.

Viên công sứ Vinh chỉ phái một tổ người An Nam, không có người Pháp đi đón tôi, và tôi buộc phải dùng đồ của mình. Tôi đã phải ăn trứng và cơm; may mắn là những người An Nam đứng đầu các làng đã cho tôi gà và chuối, vậy là đôi khi có thể nấu súp và nước hoa quả.

Người hầu An Nam mà tôi thuê ở Thanh Hóa thay cho người phiên dịch té ra là một tay lừa đảo, lười nhác và hiểu ít tiếng Pháp. Người trước được lấy từ Ninh Bình, đi đến Phát Diệm thì trốn mất.

Sau hai ngày hành trình, tôi đến gần thành phố mong ước, và vui mừng được nghỉ ngơi ở đó. Trời mỗi lúc một nóng hơn. Chúng tôi đi về phía mặt trời. Chẳng bao lâu nữa nó sẽ ở ngay trên đầu chúng tôi.

Vinh

Một thành phố rất nghiêm cẩn. Các vị đứng đầu, người Pháp cũng như người An Nam, tỏ vẻ vô cùng quan trọng. Chỉ có một quan chức loại hai đi đón tôi, ông được khiêng trên một chiếc cáng, mặc áo dài lụa xanh, được che lọng và có lính đi cùng cờ quạt.

Nói thêm về những chiếc kiệu: chúng không giống như ở Trung Quốc được làm bằng gỗ trông như chiếc hộp hoặc chiếc xe nhỏ; ở đây, chúng giống như một cái vồng được làm bằng các vật liệu rắn khác nhau. Không thể ngồi được, mà phải nằm, chân cao hơn đầu. Nếu muốn ngủ, phải kéo mái che, rồi nằm nghiêng người về hướng đi chuyển, và lưng không tựa vào bất cứ cái gì.

Trong tất cả những thành phố An Nam đến nay tôi đã đi qua, tất nhiên ngoại trừ Hà Nội, Vinh là thành phố lớn nhất. Có rất nhiều nhà gạch hai tầng do người châu Âu chiếm hữu. Có những cửa hàng của những người đến từ Trung Quốc.

Để vào được trong thành (pháo đài), nơi các chỉ huy của Pháp cũng như An Nam sinh sống, buộc phải đi vòng hết cả thành phố.

Dinh thự của chính quyền được bao quanh bởi một số bức tường đồng tâm, phải qua ba hoặc bốn cổng để vào được nơi ở của các quan chức địa phương dũng cảm.

Công sứ là một đại tá giải ngũ (những người đang phục vụ trong quân đội không được làm khâm sứ); ông ta đón tôi tại cửa trong cùng, trịnh trọng nói với tôi: «Soyez le bien venu»¹, và dẫn tôi đến một ngôi nhà nhỏ một tầng, trước vốn là đền thờ nay được sửa chữa lại theo phong cách châu Âu. Ở đó có căn hộ của ông ta và một phòng cho tôi.

Đây là một quan chức rất miễn cán, ông ta không quan tâm đến bất cứ điều gì ngoài công vụ, sống ẩn dật, hầu như không giao du với ai. Tuy nhiên, với sự lịch thiệp của người Pháp, ông đã quan tâm để tôi không thiếu thốn gì và cố gắng làm cho tôi vui.

Sau khi tôi đến một ngày, ông nói với tôi là tổng đốc người An Nam (quan đốc, cao hơn quan án) mời cơm tôi. Nhân thế ông hỏi là vào giờ nào thì tôi muốn đến thăm ông. Câu hỏi này phần nào làm tôi ngạc nhiên: trong tất cả các thành phố An Nam mà tôi đã đi qua, chính quyền địa phương tự mình đến chỗ tôi. Trước mặt người châu Âu, họ cư xử khiêm nhường và cho rằng, là một vinh hạnh lớn nếu được ai đó đến thăm. Rõ ràng, ở

¹ «Nồng nhiệt chào mừng».

đây quan hệ giữa người châu Âu và người bản địa đã khác.

Tất nhiên, tôi không từ chối việc đến thăm một chức sắc quan trọng, tôi tò mò muốn xem viên quan này và cảnh trí của ông ta. Ông ta đã được thông báo giờ chúng tôi đến, như đã được thực hiện ở Trung Quốc trước đây.

Dinh cư của quan đốc này rất lớn, nhưng bao gồm cả một tổ hợp mấy cái nhà tranh lợp rạ và lá cọ khô.

Ở ngay lối vào có nhiều loại súng ống và giáo mác đặc biệt; ở đó có hai người lính đang ngủ, khi chúng tôi xuất hiện, họ ngay lập tức choàng dậy và đi báo cáo về chúng tôi.

Quan đốc gặp chúng tôi ngay phía trong cửa ngôi nhà tranh lớn nhất, cùng với thư ký của mình là một ông già tóc bạc, nhỏ thó.

Cả hai đều mặc áo lụa màu xanh với chiếc khăn đen trên đầu, quấn thành khăn xếp (giống hệt khăn của cha cố Siktus).

Quan đốc cư xử trang trọng gần như các viên quan Trung Quốc, chỉ có nụ cười của ông ta có vẻ khúm núm thế nào ấy.

Ông ta đã tiếp xúc với người Pháp, biết một số phong tục, bắt tay chúng tôi và dẫn chúng tôi qua mấy cái sân nhỏ, vào một căn phòng có bàn và những chiếc ghế gỗ, rất giống những phòng khách Trung Quốc.

Ông già — thư ký rất lâu không ngồi xuống và chỉ sau khi quan đốc mời như ra lệnh mới dám ngồi xuống mép ghế, và sau đó luôn nhồm dậy mỗi khi ông được hỏi chuyện.

Thông dịch viên người An Nam đứng suốt buổi.

Quan đốc đãi chúng tôi rượu sâm banh và bánh quy do các cô con gái của ông, tuổi chừng 16–17, rất dễ thương, mang tới. Hai cô nói được một chút tiếng Pháp; một cô tên là Nương, và cô kia tên Ấu Tạ. Cả hai đều mặc áo trắng ngắn, chạm gần đến đầu gối, chân đi sandal, ngón chân và ngón tay đều đeo nhẫn vàng, tóc được vấn lên không lấy gì làm đẹp lắm, dựng ngược lên trông như những tòa tháp. Hai cô nán lại nói chuyện, nhưng không ngồi xuống. Quan đốc giải thích với tôi rằng, ở đất nước này, phụ nữ không được phép ngồi khi có sự hiện diện của đàn ông.

Trong cuộc trò chuyện, hai cô gái nói với chúng tôi: «Toi capitaine»¹; họ không thể nói «ngài», thực ra, cả cuộc chuyện trò của họ chỉ là những nụ cười bên lên và xuýt xoa.

Khi chúng tôi ra về, hai cô gái tiễn chúng tôi đến tận cửa ngoài, khâm sứ nói rằng, cần đưa tay cho họ để từ biệt. Trước sự ngạc nhiên của tôi, thay vì bắt tay tôi, hai cô đưa lên môi và hôn. «Để làm gì vậy?» — tôi hỏi lại viên công sứ. «Cần phải như vậy» — ông ta trả lời, rồi cũng tự đưa tay để các con gái quan đốc hôn. Hai cô gái phủ đầy mình các loại đá quý mà bất kỳ cô tiểu thư nào của chúng ta cũng phải ghen tỵ.

Tôi ngạc nhiên, người Pháp cần ủng hộ những thủ tục ngu ngốc này để làm gì; cứ để cho người An Nam hôn tay người của họ, nếu họ thích!

¹ «Anh đại úy» (tiếng Pháp bị bóp méo).

Quan đốc nhắc lại lời mời tôi dùng bữa, và vẫn chưa hài lòng với điều này, một giờ sau chuyến thăm của chúng tôi, một lần nữa lại gửi lời mời bằng văn bản. Tôi giữ lại vì nó rất điển hình: giữa các chữ màu đen và màu đỏ, vẽ người đàn ông ngồi ăn trên sàn nhà, phía sau là người hầu.

Lời mời, tất nhiên, là viết bằng chữ Trung Quốc.

Ngay sau đó quan đốc cùng với thư ký và thông dịch viên tự đến thăm đáp lễ. Cuộc trò chuyện, cũng như khi ở chỗ ông ta, không được gắn kết cho lắm, bởi vì thông dịch viên biết tiếng Pháp kém, nhầm lẫn và rất rụt rè.

Nhìn thấy tôi nói chuyện thoải mái với công sứ, không cần thông dịch viên gì cả, quan đốc ngạc nhiên và muốn biết: làm thế nào mà chúng tôi — những người của các dân tộc khác nhau — lại hiểu được nhau.

Ông ta rất ngạc nhiên khi biết rằng ở Nga, tiếng Pháp rất thịnh hành. Về nước Nga, hiểu biết của ông ta rất tù mù, chỉ biết rằng đây là nước lạnh nhất trong tất cả các nước. Biết được từ công sứ rằng nước Nga không lệ thuộc cả Trung Quốc, cả Anh, cả Pháp, ông ta thấy điều này rất lạ và hỏi: tại sao không chiếm lấy nó?

Ông công sứ mỉm cười, nói rằng vào thời điểm này không có khả năng như vậy, rằng nước Nga rộng lớn và mạnh mẽ, và không dễ dàng gây chiến với họ.

Nghe xong ý kiến này, quan đốc nhìn tôi ngượng ngùng và bắt đầu đối xử với tôi đầy vẻ tôn kính.

Buổi tối, rất nhiều người châu Âu đến chỗ ông dự tiệc. Hai cô con gái của viên quan này xuất hiện rất lộng lẫy với quần áo đẹp và những vòng hoa tươi quanh cổ. Họ một lần nữa hôn tay chúng tôi, nhưng chỉ đến gần tôi và ông thống đốc, còn với những người khác chỉ chào lấy lệ. Họ cũng không ngồi cùng bàn với chúng tôi, thậm chí là đi đâu đó về phòng mình; sau đó lại xuất hiện và mang cho chúng tôi rượu vang và hoa quả.

Dự tiệc có một bà đầm, người phụ nữ Pháp duy nhất sống ở Vinh; còn có nhà du lịch nổi tiếng Mase, đã đi khắp nước Xiêm, khẳng định ảnh hưởng của Pháp ở Bắc Lào và thành lập văn phòng thương mại đó. Làm quen với tôi, ông được gọi là bạn của Vogue [62] và nói thêm: «N'est ce pas qu'il est l'ami des Russes?»¹. Tôi trả lời: «Que s'il est l'ami des quelques Russes, il n'est joint le mien»² — rằng, mặc dù tôi thừa nhận ông có trí tuệ sáng và sâu sắc, nhưng với tư cách là một nhà văn, tôi nghĩ rằng, ông ấy kiêu ngạo và nghĩ quá nhiều về bản thân; rằng ông ấy thích đánh giá văn học Nga với cái nhìn trịch thượng và thường là không hiểu đầy đủ sự việc.

Nghe tôi nói như vậy, Mase thôi chuyện với tôi luôn (vì họ coi Vogue như là một ông thánh).

Dự bữa tiệc còn có ba viên quan người An Nam, nhưng quan đốc sắp xếp họ ở đâu đó phía cuối bàn, vì vậy chẳng thấy họ đâu.

¹ «Ông ấy là bạn của những người Nga, đúng vậy không?»

² «Việc ông ấy là bạn của những người Nga không làm ông ấy trở thành bạn của tôi».

Chúng tôi đến dự tiệc muộn, đợi cho cơn mưa nặng hạt chấm dứt, vì phải đi bộ, mà cũng không phải là gần lắm. Xe ở đây, tất nhiên, là không có.

Đúng 7 giờ, quan đốc gửi người đến và nói là đang chờ chúng tôi, mặc dù mưa chưa tạnh hẳn, nhưng buộc phải đi để không xúc phạm đến ông già đáng kính.

Quan đốc dự tiệc với chiếc áo choàng màu đen, có lẽ sợ làm ướt chiếc màu xanh.

Ông sắp xếp tôi và ông công sứ ngồi đối diện nhau ở chỗ trang trọng; ông ngồi bên phải tôi, còn bên trái là Mase; ông xếp bà đầm duy nhất ngồi cạnh ông công sứ và ở phía kia là một viên chỉ huy nhà binh người Pháp.

Tất cả các món ăn, như thường lệ ở An Nam, được đặt trên bàn và tất cả mọi người phải lấy từ đó bằng đũa hoặc thìa, một lúc sau người ta cũng mang dao và nĩa đến.

Uống rượu vang đỏ và rượu sâm banh. Bữa tiệc kéo dài không lâu, và sau đó là phần văn nghệ.

Vừa đứng dậy khỏi bàn, quan đốc đưa chúng tôi đến một căn phòng nhỏ, hình tròn với những cái lỗ; căn phòng được trang trí rất đẹp bằng đèn lồng Trung Quốc. Ở đó, họ mời trà, và các vũ công đến, cũng với đèn trên vai như ở các thành phố khác, cũng chân trần và trong trang phục đầy màu sắc với dải băng; tất cả bọn họ đều rất trẻ và đáng yêu, các điệu múa của họ không khác với những gì tôi từng thấy trước đây là mấy. Múa khoảng nửa giờ, họ đi thay quần áo, còn chúng tôi được mang cho thứ bia nóng khá tệ (rõ ràng là quan đốc thích bắt chước phong cách

châu Âu). Nhân nghỉ giải lao, tôi gọi một trong hai cô con gái của quan đốc để nói chuyện. Tôi nói rằng, tôi rất thích những cái vòng của cô ta; cô ta tháo vòng đeo chân, đeo tay, đưa cho tôi xem, và nói: «Toi savoir Capitaine, passé deux semaine beaucoup battre serviteur vole bagues fort»¹; lúc đầu tôi không hiểu, và bắt chước cách nói tiếng Pháp giả cây của cô, tôi hỏi: «Toi battre serviteur pour quoi?»² «Vole bagues» — cô kêu lên, «moi beaucoup battre verger bambouc mon serviteur»³.

Cuối cùng, từ cách giải thích khác nữa, tôi hiểu rằng cô đã trừng phạt người hầu của mình bằng gậy tre (cá đu lười) vì tội trộm nhẫn.

«Chính tay cháu đánh nó à?» — tôi hỏi. «Cần gì phải cháu — cô ta trả lời, «cháu có hầu gái làm việc đó». Và cô tự mãn nói thêm: «Sẽ không trộm nhẫn thêm nữa, vì nó bị đánh ra trò, vất vả lắm mới đứng lên được, đến bây giờ vẫn còn ốm». «Sao cháu không động lòng khi thấy người bị đánh?» — tôi ngạc nhiên hỏi. «Lại còn thương tiếc kẻ trộm nữa kia đấy» — đến lượt cô ta ngạc nhiên vì câu hỏi của tôi. «Cháu luôn luôn trừng phạt tất cả bọn phạm tội».

Một tiểu thư nghiêm khắc — chẳng có gì để nói cả! Thậm chí trở nên đáng sợ khi nghĩ thế

¹ «Anh đại úy biết không, hai tuần trước đánh một tên hầu ăn trộm cái vòng lớn» (*tiếng Pháp bị bóp méo*).

² «Cô đánh tại sao?» (*tiếng Pháp bị bóp méo*).

³ «Ăn trộm vòng, tôi đánh gậy tre người hầu của tôi» (*tiếng Pháp bị bóp méo*).

này: mới ở tuổi 16 mà đã có sự đồi bại đạo đức này, thì cháu sẽ thành người thế nào, cháu Nương tội nghiệp? Cháu sẽ là một kẻ vô lại khủng khiếp mức nào, một khi hiện nay cháu mới là nửa trẻ con, nửa người lớn, mà đã ác độc, tàn nhẫn như thế!

Họ, những kẻ độc ác được hình thành như thế đấy! Và ở nước Nga của chúng ta, tôi biết năm hoặc sáu linh cầu như thế! Họ, giả sử mà được quyền, chắc cũng sẽ thể hiện bản thân như vậy. Tôi biết một cô đã đẩy một nữ đầy tớ vào tù mấy tháng trời vì tội ăn cắp cái trâm đính kim cương rởm. Tôi cũng biết một cô khác vừa cười vừa khoái trá kể chuyện một người đã uống thuốc độc tự tử vì thất tình với cô ta ra sao. Tôi còn biết một người nữa có tài sản kha khá, đuổi người bố già tội nghiệp khỏi nhà, không muốn biết gì đến ông, chỉ vì ông làm ảnh hưởng tới danh dự của cô ta vì sự nghèo túng của mình, các vị biết không!

Này, ba cô khi đọc những dòng này, hãy biết rằng, ở An Nam có người đồng điệu xứng đáng, thậm chí còn có thể vượt các cô đấy.

Kể xong chuyện đánh người hầu, cô bé vui vẻ chạy sang phòng khác lấy cho tôi cốc rượu sâm banh. Cô chị cũng chạy sang và mang cho tôi mấy quả nho, vài thiếu; nho thì tươi, còn vài thiếu đã sấy khô... Khi nào thì tôi mới được thử vài thiếu tươi. Hai cô bé nói rằng, vài thiếu sẽ chín cùng với dứa vào tháng tới, nghĩa là tháng Năm. Chúng ta sẽ chờ thôi, biết làm gì được!

Lúc sau các cô bé đi ra, nói phải trông chừng vũ công thay trang phục.

Các nhạc công An Nam chơi dòng nhạc hành khúc âm ỉ bằng nhạc cụ kỳ dị, và mười lăm phút sau các vũ công xuất hiện trở lại trong các trang phục khác nhau, nổi bật bởi sự sắc sảo không thể tin được của màu sắc.

Một cô ăn mặc kiểu nữ hoàng, trên đầu là lông chim trĩ [63] dài, dựng đứng có thể chạm trần nhà, những người khác mặc quân phục là lính của cô ta với các loại vũ khí trong tay.

Ở phía bên kia là những người lính được một vị vua trẻ chỉ huy đang biểu diễn. Tất cả các vai đều do phụ nữ đóng, họ vừa nói, vừa hát, có khi hét lên. vở kịch kéo dài khủng khiếp; nội dung chính có lẽ là vương quốc phụ nữ nổi loạn khiêu chiến với vương quốc đàn ông, nhưng kết thúc là vua và nữ hoàng yêu nhau.

Tất nhiên là không thể hiểu được gì từ chính vở diễn, và tôi chỉ đoán nội dung cơ bản từ cách giải thích ngắn quăng của hai cô con gái quan đốc.

Chờ cho đến khi kết thúc vở kịch cũng là không thể, nó đe dọa kéo dài đến sáng, chúng tôi tỏ lòng ngưỡng mộ trong hai giờ rồi cúi chào quan đốc, cảm ơn ông vì đã mang lại sự thú vị, chúng tôi ra về. Những người hầu của ông tiễn chúng tôi đến tận phòng ở, soi đường bằng đuốc.

Chia tay tôi, hai cô con gái quan đốc tặng tôi chiếc khăn quàng bằng lụa màu xanh được làm ở địa phương, và thông báo rằng, một số người trong đoàn vũ công là tỳ thiếp của cha mình, và rằng ông sẵn sàng bán họ, nếu thống đốc Pháp cho phép, bởi vì ông không cần.

Tôi mỉm cười với sự thẳng thắn ngây thơ này; tất nhiên là không có gì phải trả lời; tôi biết rằng người Pháp truy nã nghiêm ngặt bất kỳ sự mua bán nô lệ nào, hơn nữa, đây lại là nữ nô lệ; họ đã phải làm ngơ chế độ đa thê ở An Nam chỉ cốt để phụ nữ không bị chuyển từ tay người này sang tay người khác.

Ngày hôm sau, công sứ tổ chức tiệc ở nhà mình, tất cả quan lại đều được mời; họ đến cùng với quà tặng: mấy hộp chè và quế thanh. Quế ở địa phương này cũng nổi tiếng, rất đậm và ngon, tôi đặc biệt hài lòng với món quà này.

Cần phải có đi có lại, và tôi, theo lời khuyên của công sứ, tặng họ vài cái dao nhíp, kéo và dao găm được sản xuất ở châu Âu, con gái quan đốc thì tôi gửi cho mỗi người một miếng xà phòng và một thỏi son. Tất cả những thứ này đều được tìm thấy ở chỗ ông Mase, trong cái cửa hàng di động trên thuyền, và cùng với nó, ông ta đi sâu vào nội địa.

Trong bữa tiệc, ông công sứ muốn đề cao quan đốc An Nam, và như thường nói: «lui donner une contenance»¹, nhưng ông vẫn tiếp tục là một người khiêm nhường và nhút nhát.

Trong các thực khách là quan lại ngồi đây với chúng tôi, có một người trước đó từng là tù binh của bọn cướp, và chỉ được giải thoát sau khi nộp một khoản tiền chuộc lớn.

Ngày hôm sau cần phải lên đường đi tiếp.

Tôi đã rất chán đi trên con đường dọc bờ biển được gọi là đường cái quan, bằng phẳng, đơn

¹ «Để làm cảnh, để cho lịch sự».

điều; và tôi đã nói với ông khâm sứ là tôi muốn rời khỏi con đường đó để đi vào sâu nội địa và đi qua khu rừng nhiệt đới nguyên sinh. Được cảnh báo rằng, điều đó rất nguy hiểm, tôi nói chính sự nguy hiểm đó thu hút tôi, tôi xem mạng sống của mình chẳng là gì cả.

Bàn luận với nhau một lúc, rồi bằng điện tín với công sứ Đồng Hới, người Pháp quyết định để tôi đi đến đó. Hỡi han chính quyền An Nam về con đường đó, họ biết rằng, tuy nguy hiểm, nhưng có thể đi qua được.

Đó là cách rẽ về phía phải thị trấn Hà Tĩnh, để làm điều này, ông công sứ trang bị cho tôi lá thư viết cho viên đồn trưởng quân sự. Trong thư nói rằng, cần phải thiết lập đoàn hộ vệ không dưới 40 người và tìm những người dẫn đường, và lệnh cho viên đồn trưởng phải đi theo tôi, dù tôi muốn qua rừng chỗ nào, nhưng không được vượt ra ngoài khu vực của mình. Viên đồn trưởng chỉ có thể già biệt tôi trong trường hợp chúng tôi gặp đoàn hộ vệ do công sứ Đồng Hới gửi tới. (Trong các khu rừng, ranh giới giữa các tỉnh không được phân định rõ ràng, và cái lệnh té ra rất mù mờ: một mặt, không được đi ra khỏi vùng của mình, mặt khác, không được rời bỏ trước khi gặp đoàn hộ vệ Đồng Hới.)

Hà Tĩnh

Thị trấn nhỏ này nằm cách thành phố Vinh 50 *versta* về phía Nam. Con đường đến đó không khác với những đoạn đường chúng tôi đã đi qua

trước đây là mấy, và chính cái thị trấn nhỏ bé này cũng rất đổi bình thường, bao gồm các khu nhà có tường bùn bần thiêu bao quanh, có hai — ba cửa hàng, nơi người ta buôn bán sản vật phổ huyện. Giữa thị trấn có một cái ao đào lớn, và trồng si và các loài cây cọ. Luôn có người dân tắm rửa ở đó, ao khá sâu, nghe nói mới có một cô gái chết đuối ở đó.

Trong thị trấn cả thầy chỉ có hai người Pháp, viên đồn trưởng và người giúp việc của ông ta, họ sống trong các doanh trại dựng ngay giữa chiến lũy trong thành.

Ở đây cũng có quan lại, nhưng ít quan trọng hơn ở Vinh; họ đến để hỏi thăm tôi, mang cho trứng và chuối. Tất nhiên, tôi cảm ơn và hai giờ sau đó, cùng với hai người Pháp hộ tống, đến thăm người đứng đầu, những người còn lại đều tập trung ở đó. Chuyển thăm không kéo dài; các vị quan lại chiêu đãi tôi loại trà khá tệ, và theo phong cách châu Âu, lại cho đường, thành ra loại trà này quá kinh.

Khi chúng tôi chuẩn bị đi lên đường và tất cả mọi thứ đã sẵn sàng, đột nhiên, một sĩ quan đáng yêu phi nước đại từ Vinh vào, truyền lệnh của công sứ thuyết phục tôi từ bỏ chuyển thám hiểm xuyên rừng. Hóa ra, các bạn thấy đấy, có tin tức về các cuộc đụng độ với bọn cướp trong rừng; viên sĩ quan tội nghiệp đã phải đi suốt đêm, khẩn trương khủng khiếp để kịp gặp tôi. Sự sốt sắng lẽ ra phải xứng với mục đích cao quý hơn!

Tất nhiên, độc giả đoán được tôi đã trả lời anh ta thế nào: đi đến đó càng hay, có thể được nhìn

thấy bọn cướp chính hiệu. Và nhìn chung, liệu có thể tỏ ra hèn nhát, tự thú nhận điều này trước mặt người khác, lấy cớ nguy hiểm, trở về, trốn vào nơi an toàn? Tôi phải nói thẳng với độc giả điều này: chính tôi sợ hơn mọi thứ trên đời là công nhận trong con người mình có trạng thái sợ hãi hay nhút nhát.

Khi còn trẻ, một lần tôi đi tàu hỏa, một cơn giông rất lớn nổi lên. Lúc đó tôi đang sống cuộc đời rất vui vẻ, và tôi không muốn chết, trong một phút tôi nghĩ rằng, tôi ngay lập tức có thể bị sét giết chết, và tôi đưa tay ra để đóng cửa sổ cạnh tôi; tôi biết rằng, dòng điện không truyền qua thủy tinh, nhưng ngay lúc đó tôi kinh hoàng dừng lại, nhận thấy rằng, mình tỏ ra hèn nhát vì cái cơn giông ngu ngốc này; tôi lúc đó tỏ ra là một tên vô lại và ngu ngốc! Tôi sợ chết thế đó, muốn thoát khỏi ý Trời! Một khi Chúa đã phán quyết cái chết tức thì cho tôi, phải chăng tôi có thể thoát chết bằng cách đóng cửa sổ? Chính điều này giống như con đà điểu nghĩ rằng, có thể tránh bị phát hiện khi vùi đầu vào cát.

Để tạo cho bản thân không sợ cơn giông ngu ngốc, ngay lập tức, tôi mở tất cả các cửa sổ trong toa xe (tôi đi một mình) và cầm tay vào chân nệm bằng đồng, tôi biết kim loại thông qua gió thu hút dòng điện. Vậy là tôi ngồi suốt cả cơn giông, trong lòng nhút nhát, nhưng từ đó đến nay tôi không sợ những cơn giông nữa, tôi ghét chúng vì chúng vi phạm sự hài hòa trong tự nhiên, và như một dấu hiệu của sự hỗn độn, nhưng chúng không còn gây sợ hãi cho tôi. Tôi cũng dạy mình

không sợ bệnh tật, khi đến bất cứ nơi nào tôi đều có thể vào các bệnh viện, và chủ yếu đến khu bệnh nhiễm trùng, đã một lần tôi bị sốt ban đỏ, nhiều lần khác thì qua.

Vì vậy, tôi khuyên tất cả các bạn nên hành động thế này: sợ hãi cái gì, hãy xông vào cái đó; người Pháp gọi nó là «remonter son moral»¹.

Thấy trước sự phản đối của những người biết ít về tôi! Họ sẽ nói với tôi: tại sao ngài không đi theo đường biển? Tại vì, các bạn độc giả của tôi ơi, tôi không sợ biển, mà đơn giản không thích vì nguyên tắc, tôi hoàn toàn không cần biển, tôi đơn giản là bỏ qua nó như là một vật không cần thiết đối với tôi; còn nếu cần, tôi sẽ không phải suy nghĩ, sẽ đi theo đường biển ngay, dù trên con thuyền rách nát. Mà tôi đã từng đi theo cách này một chút, vượt qua vịnh Pa-de-Calais, Gibraltar, Messina vùng vịnh khi thủy triều xuống, hai eo biển Zund và Kerch. Tất nhiên, không có cuộc đi nào trong số đó kéo dài hơn 1 giờ rưỡi.

Đội quân để phòng mỗi hiểm họa lên tới 70 người, và đến cái làng phía trước, dự định lấy thêm 30 tay súng nữa.

Người dắt dẫn chúng tôi là một viên quan có gương mặt gian xảo đáng ghét. Tôi nhận thấy rằng, ông ta thì thâm với viên sĩ quan vừa mới đến và viên chỉ huy người An Nam của mình; và tôi tin chắc rằng, y sẽ sử dụng mọi nỗ lực, mọi lực lượng để đưa tôi tránh xa nơi có chiến sự; tôi tin rằng, ông ta được lệnh tránh tất cả con con

¹ «Lên dây cót tâm trạng, tinh thần».

đường nguy hiểm, nơi có thể gặp bọn cướp, và quyết định không nghe ông ta điều gì và sẽ cật lực phản đối ông ta.

Những khu rừng nguyên sinh đầu tiên

Cho đến bây giờ, tôi chưa bao giờ nhìn thấy chúng, lần đầu tiên nhìn thấy, chúng thật tuyệt, tuyệt ở mức kỳ diệu; không thể nghĩ ra điều gì tốt hơn chúng... Nhưng nói trước để làm gì, tôi sẽ kể theo trình tự.

Rời khỏi Hà Tĩnh 10 *versta*, chúng tôi đến ngôi làng mà đêm trước xảy ra đụng độ với bọn cướp; ở đó, giữa cánh đồng có một người bị bắn vào bụng, bị thương nằm ngay đó. Thậm chí không có ai nghĩ tới chuyện đỡ anh ta dậy và giúp đỡ điều gì. Khi tôi lưu ý điều đó với một người Pháp, ông ta ngạc nhiên kêu lên: «Làm sao lại có thể giúp đỡ kẻ tàn ác! Cứ để cho nó chết!»

Rõ ràng, những người này chưa đến Yasnaya Polyana và chưa được làm quen với nhà triết học vĩ đại [64] của chúng ta. Họ hoàn toàn không được khai sáng về những mối quan hệ với đồng loại.

Khó khăn lắm tôi mới thuyết phục được những người ở đây đưa anh ta vào lều, cho anh ta uống nước và rửa vết thương.

Viên sĩ quan, thậm chí lắc đầu, nói với tôi: «Chính ngài làm hấn khổ thêm. Với hấn bây giờ có gì tốt đẹp đâu, hấn hồi phục sức khỏe và ta phải chặt đầu hấn». Vâng, thực tế là có một sự

cần thiết khủng khiếp không thể hiểu nổi. Khủng khiếp, đương nhiên không phải dành cho kẻ phạm tội, hắn ta, có lẽ tốt nhất là rời bỏ cuộc đời, nhưng còn những gì người đao phủ chịu đựng suốt cuộc đời vì đã giết người!

Trong ngôi làng này còn có một tên cướp nữa bị bắt, hắn bị xích chân, và người ta chuẩn bị đưa hắn vào Huế để hành hình. Hắn chỉ khoảng 20 tuổi. Viên sĩ quan Pháp nhìn hắn, nói với tôi: «Tôi không muốn ở địa vị hắn, chẳng vui vẻ gì khi hắn phải chết trẻ như vậy!» «Có thể anh ta hạnh phúc» — một trung sĩ nghe chuyện của chúng tôi, nói. «Có lẽ anh ta sung sướng kết thúc cuộc sống lang bạt của mình và sang thế giới không có buồn phiền, lo lắng».

«Chỉ có một điều đáng tin» — tôi lưu ý với họ, «là giết chết anh ta, các anh không chắc sẽ đưa anh ta đến đâu và chuẩn bị cho anh ta thứ gì!» Ôi, thật đáng sợ và không thể hiểu nổi con đường của Chúa; tên cướp chuẩn bị bị hành hình này đã sống lâu hơn hai người Pháp đang can đảm bàn luận về số phận của anh ta! Nhưng về điều này sẽ nói sau.

Vượt qua 10 *versta* nữa, cuối cùng chúng tôi cũng bước vào khu rừng nhiệt đới rậm rạp tuyệt vời. Vẻ đẹp thực vật xích đạo không bút nào tả xiết! Ngôn ngữ của loài người bất lực trong việc miêu tả vẻ kiêu diễm của nó! Người phương Bắc lưu lạc tới đây, đi như một người bị mê hoặc (tất nhiên, nếu anh ta có ý thức thẩm mỹ và không phải là kẻ thô lỗ), trên mỗi bước đi lại mở ra một bức tranh mới. Chúng tôi đi như thể trong một

hành lang hẹp của màu xanh, mặt trời không nhìn thấy được, cả bầu trời được ken dày những loại dây leo, uốn khúc giữa cây, giống như một con rắn, và nhiều cây được ủ bởi mùi thơm của hoa, tỏa vào không gian xa thẳm; ở đâu đó, trong trắng cỏ có thể nhìn thấy những con công hoang dã nhất, và trên ngọn cây là những con vẹt; gần các con suối là hàng đàn bướm đầy màu sắc bay lượn, chúng tuyệt vời đến nỗi muốn hôn từng con.

Con đường chạy qua địa hình đồi núi và dốc, chúng tôi buộc phải nhiều lần lội qua cùng một con suối đó, đôi khi nước sâu tới thắt lưng, nhưng nước ấm áp và dễ chịu.

Trời ngả về chiều, những con đom đóm bắt đầu bay lượn, ở đây chúng lớn hơn ở châu Âu nhiều, nơi bụng chúng tỏa sáng một ngọn lửa màu xanh nhạt. Nikolai Gogol [65] đã miêu tả thật tài tình thiên nhiên cực Bắc nhợt nhạt, đơn điệu và nghèo nàn. Ông sẽ nói gì nếu ông được đến đây! Đến thiên đường trên mặt đất này?!

Tất cả mọi thứ trong khu rừng đáng yêu này đều quyến rũ, thậm chí cả loài vắt, từng đàn quăng mình nhào vào bắt chân chúng tôi, cũng không làm hỏng niềm khoái lạc dâng lên trong lòng chúng tôi, những người lần đầu tiên đi du lịch trong rừng nguyên sinh xích đạo chính hiệu. [66] Tuy nhiên, tôi nói chúng tôi là uống công, bởi vì người đẩy tớ trung thành của tôi, Ludvig, từ những bước đầu đã nâng ly với viên đội Pháp vì liên minh Nga — Pháp, đã uống đến mức gần như bất tỉnh và gần như không nhìn thấy gì dưới chân anh ta. Những con vắt bò trên cổ, trên tay

áo, trên tai anh ta; và anh ta cũng chỉ hạn chế bằng những lời chửi chúng là đồ hèn hạ và hút máu, quả thực anh ta đã không sai bởi chuyên môn của loại này chính là hút máu.

Trước đây tôi đã từng nghe nói về sự phong phú của loài vắt trong rừng nhiệt đới, nhưng chỉ mới gặp chúng trong chuyến thám hiểm này. Chúng cực kỳ đáng ngán, bò xuống chân, chui vào tất, nhảy lên đầu, lên tay bạn từ trên cành cây. Chúng cắn hầu như không thấy đau, vết thương gần như lành ngay, nhưng khủng khiếp là máu chảy nhiều; phải gỡ chúng ra bằng tay, xoa xoa thì không ăn thua gì, chúng bám rất chắc. Dân bản địa đã quen với chúng, họ hầu như không để ý đến chúng. Một cô gái làm phu khuân vác ở chỗ chúng tôi bị vắt bám đầy bắp chân, máu chảy bê bết; khi tôi chỉ cho cô, cô cũng chẳng thèm dừng lại, chẳng mất công gỡ chúng ra. Động vật nhạy cảm với vết cắn của vắt hơn, đặc biệt là ngựa và voi. Những con voi khéo léo dùng vòi bứt vắt ra khỏi da.

Điều buồn cười: voi hoàn toàn không cảm nhận cú đánh bằng roi, bằng gậy, bằng dùi, bằng dao; trong khi đó lại rất nhạy cảm với các vết cắn của vắt, rắn và muỗi.

Trong chuyến đi này, một vị quan người An Nam hộ tống chúng tôi, bắt được một người đi ngược chiều, nghi là bọn cướp, ra lệnh trói anh ta, giải theo đoàn chúng tôi; người này ngoan ngoãn cúi đầu đi.

Chúng tôi dừng lại nghỉ đêm đầu tiên ở nương chè, giữa rừng, tìm được bốn túp lều lót bằng lá

chuối khô. Những người dân thấy chúng tôi, bỏ chạy vì sợ, và những người lính đã tận dụng điều này, chiếm tất cả gạo và ngô dự trữ của họ. Viên chỉ huy người Pháp nói với tôi rằng, không phải thương tiếc những người này, bởi vì họ có thể là bọn cướp, sống bằng nghề cướp bóc.

Như thế để khẳng định lời của viên chỉ huy, chúng tôi tìm thấy trong lều của họ hai khẩu súng và một con dao săn lớn. Ban đêm, rất nhiều lính được cắt cử canh gác và đốt lửa xung quanh trại. Mỗi nguy hiểm không chỉ xuất phát từ bọn cướp, mà còn xuất phát từ hổ, báo, rắn và nhiều thứ khác trong khu rừng.

Tôi ra lệnh mắc võng của mình lên cây và ngủ dưới bầu trời. Viên sĩ quan Pháp không chấp nhận ngủ kiểu này, anh ta chui vào căn nhà (lều) ngủ; anh ta khẳng định rằng, khu rừng này khí rất độc, luôn tạo ra dịch sốt, và thường kết thúc bằng cái chết. Thật tội nghiệp, lúc đó anh ta không biết rằng, lời nói của anh ta sau này ứng nghiệm đúng như thế! Lúc đó tôi không tin lắm vào sự nguy hiểm của dịch sốt, cái chính là những thông tin về dịch sốt và nguyên nhân gây sốt được đưa ra rất tù mù và mâu thuẫn: người thì cho rằng vì cái nóng và độ ẩm; kẻ thì khẳng định là do nguồn nước trong rừng, ai đó lại cho rằng, vì hoa quả. Chỉ sau này, bằng bản thân mình, tôi đã học được về căn bệnh này và nguyên nhân của nó.

Ba ngày tiếp theo, chúng tôi đi dọc theo thung lũng rộng giữa những ngọn núi, ở một số nơi được bao phủ bởi thảm thực vật màu mỡ, ở những chỗ khác không hiểu vì sao nó bị cháy trụi và mặt trời

roi xuống không thương tiếc; ở vài nơi, chúng tôi đi qua các dấu vết của voi rừng (ở An Nam voi là vật nuôi, như ngựa và lạc đà của chúng ta, được sử dụng để chuyên chở đồ nặng hay làm việc đồng áng; ở những nơi khác, chúng cày ruộng và đập lúa; voi rừng rất hiếm, chúng đe dọa nền văn minh, bởi vì tuy không làm tổn hại đến người dân bản địa nhưng chúng ghét những cây cầu, lều trại và cột điện. Hễ nhìn thấy là chúng phá; hơn nữa, voi nhà cũng phá cột điện tín, vì vậy ở An Nam điện tín hầu như không hoạt động. Người Pháp đã thử đánh lừa voi là không dựng cột điện, chỉ đơn giản treo dây lên cây, nhưng cả điều này cũng chẳng giúp được gì.)

Chúng tôi gặp rất ít nhà ở, đồng lúa cũng hầu như không thấy, chúng được thay thế bằng ngô và khoai môn taro. [67] Nhìn chung, những thứ canh tác chẳng có nhiều.

Chúng tôi gặp các làng Công giáo, linh mục là người An Nam nói tiếng Latinh, các con chiên của họ mặc trang phục đen, đeo thập ác trên cổ; họ giống các nữ tu sĩ của chúng ta. Chúng tôi được các làng này đón tiếp rất trọng thị, mời ăn trái cây, mật ong, dừa và cả trâu nữa. Tất cả những thứ này được để trên những cái bàn nhỏ ở những khoảng trống giữa làng, sau đó, theo đề nghị của họ, chúng tôi lấy mang đi.

Trong một trong những ngôi làng như vậy, cuối cùng, tôi đã có cơ hội để thử món vải thiều. Loại trái cây này ở dạng khô đã được mang tới tận Sibir. Về bề ngoài, vải trông giống như các loại hạt, nhưng khi đập vỡ ra, ruột của nó gợi nhớ

hương vị quả mận. Người Trung Quốc rất thích vải, và họ nói với tôi ở Quảng Châu là không có loại trái cây nào ngon hơn loại này. Ý kiến này, đương nhiên là phóng đại: trái cây này khi chín và còn tươi, kích thước như quả mận của chúng ta, vỏ cứng, lột được ra như một chiếc găng tay, bên trong ruột trắng và có hạt lớn, hương vị như quả mận lai anh đào, rất ngon ngọt, nhưng quả bé, nhược điểm là bỏ công sức lao động [68] ra thì lớn, nhưng cái ăn được lại ít. Bạn có thể dành nửa giờ để ăn khoảng hai mươi quả, và thậm chí có cảm giác là chưa ăn gì cả.

Quả vải ở trên những cây cao sum suê lá, thành chùm giống nho hay chà là. Vải vườn ngọt và lớn hơn vải rừng. Ở Trung Quốc không có loại quả này ở dạng hoang dã.

Đồn quân sự Minh Cầm

Sau ba ngày, chúng tôi đã đến ranh giới tỉnh Vinh, ở đây có đồn Minh Cầm. Người Pháp ở đây không có, chỉ huy là một trung sĩ người An Nam; dưới quyền cai quản của anh ta có 20 người. Tỉnh Quảng Bình (Đồng Hới) bắt đầu từ đây; cách 30 *versta* về phía Tây là thủy giới, và từ đây đi sang nước Xiêm. Trước đây ở đồn này cũng có người Pháp, nhưng họ bị bệnh và đã chết.

Đoàn của Đồng Hới đi đón, đáng ra đã phải đến đây rồi, nhưng chẳng ai nghe tăm hơi gì về họ cả. Viên sĩ quan hộ tống tôi rơi vào hoàn cảnh khó khăn: để tôi lại đây, anh ta không dám, bởi

vì anh ta được lệnh phải giao tôi cho đoàn Đồng Hới, mà nguy hiểm thật sự cho tôi nếu ở lại mà không có quân lính; đi tiếp thì anh ta sợ vì quyền hạn của anh ta chỉ đến đây, anh ta không được ra khỏi lãnh địa của mình; chờ đợi ở đây là vô nghĩa; ngoài ra, chúng tôi có thể mắc bệnh và chết vì dịch sốt địa phương, nhưng hoàn toàn không biết phải chờ đợi trong bao lâu, và đoàn từ Đồng Hới có ra hay không; đường ở đây ít người biết — có thể đoàn đó vượt qua chúng tôi, đang tìm kiếm ở một chỗ khác? Phái hai — ba người đi tìm, nghĩa là đẩy họ vào cái chết chắc chắn, họ không chỉ bị bọn cướp giết, mà đơn giản hơn là bị hổ ăn thịt. Phân tích tình hình, viên sĩ quan quyết định hộ tống tôi đi tiếp, mặc dù anh ta đã rất mệt mỏi, vì không có ngựa nên đã đi bộ gần 130 *versta*, mà đi cáng thì rất nóng và ngột ngạt; ngoài những con ngựa của tôi đã bận cả, không có con ngựa nào khác. Tuy nhiên, chúng tôi nghỉ một ngày đêm ở Minh Cẩm. Đồn này được đặt tại một vị trí đẹp như tranh vẽ: bên cạnh hàng rào xuống vách đá dốc đứng của nó với sông Gianh chảy xiết, khá rộng và khúc khuỷu. Ở bờ bên là vách đá granit, gần như dựng đứng, tất cả được bao phủ bởi thảm thực vật nhiệt đới phong phú.

Phía sau đồn là những cánh đồng lúa và ngô, kết thúc bằng những vườn dừa và chuối, đâu đó có thể nhìn thấy những túp lều. Chúng là bằng chứng về sự mềm mại của khí hậu nơi đây, tất cả các túp lều đều đan bằng nan thưa, khe hở và lỗ thủng khắp nơi, gió mát lành lùa qua. Những túp lều này cố ý vách không đan đến đất, từ xa có

cảm tưởng những ngôi nhà được làm trên những chiếc chân gà.

Vào ban đêm, nếu bão xảy ra, gió thường thổi bay tấm vải đắp khỏi người đang ngủ.

Gió lùa khiến dân ở xứ lạnh sợ hãi, họ gán cho gió lùa gây ra cảm lạnh, còn ở đây gió được đánh giá tích cực, thiếu gió không thể sống được, vì mình nó hỗ trợ hơi thở. Khi không có gió, người ta phải tạo ra gió bằng cách kéo những bức rèm, như người thợ rèn thổi ống bễ.

Ra đường cái quan

Vùng này bắt đầu phong cảnh kém hấp dẫn, rừng thưa, thấy sông không xa bên phải, bên trái là những ngọn đồi, được bao phủ bằng những bụi cây, ở giữa chúng đã bắt đầu xuất hiện cây yao (một loài cây có đặc trưng là khi còn non, lá rất rộng, và khi già, lá nhỏ hơn. Trong vùng Bắc Bộ, cây yao phát triển như loài cỏ).

Chẳng bao lâu, trong đoàn của chúng tôi bắt đầu xuất hiện người bệnh; điều này khá ngộ nghĩnh: đột nhiên bạn thấy giữa trưa, trong cái nóng không chịu nổi, một người mặc quần áo ấm, vừa đi vừa run rẩy vì lạnh, răng đánh lập cập, chẳng bao lâu anh ta ngã gục, người ta dựng anh ta dậy, vác trên vai; đây là căn bệnh sốt rừng kỳ lạ!

Sau vài ngày, chúng tôi biết được rằng, có một số người truyền giáo sống gần đường, và chúng tôi đến chỗ họ để ngủ qua đêm. Các vị linh mục đón chúng tôi với niềm vui lớn; họ có một khu

vườn nhỏ xinh đẹp và có một vài cây mít có quả, nhưng chưa chín. Hình như tôi đã nói rằng, loại quả này có kích thước bằng quả dưa hấu, màu xanh, phủ đầy gai, bên trong có múi màu vàng rất ngọt và mùi thơm rất dễ chịu, có hạt to, kích thước và mùi vị giống hạt dẻ.

Qua các vị cha cố, tôi biết ở gần đường, gần làng Cự Năm có một cái hang rất hay, có thể đi thuyền vào hang mất khoảng gần một giờ.

Tôi quyết định đến xem cái hang đó, và khi đến được đồn duyên hải Quảng Khê, lại quay về bên đường cái quan. Nhưng Chúa Trời phán xét kiểu khác! Giấu bí cái này khỏi tôi. Câu chuyện tiếp theo sẽ giải thích điều này.

Khi đến được Quảng Khê, chúng tôi được biết đêm đoàn từ Đồng Hới được công sứ gửi đi đón tôi sẽ đến, họ đã tìm tôi khắp rừng. Vì thế, chúng tôi đi ngủ.

Căn bệnh nhiệt đới

Chiều đến, khi cái nóng đã giảm, tôi cảm thấy má nóng bừng, và khi nhìn vào gương, tôi nhận thấy hai má đỏ rựng, điều này chưa bao giờ có ở tôi cả, vì tôi luôn trắng nhợt.

Cả ngày tôi không ăn bất cứ thứ gì, buổi tối người ta mang cho súp gà, tôi không hề cảm thấy ngon miệng, thậm chí tôi sợ thức ăn. Thật lạ là trong tình cảnh như vậy nhưng tôi không cảm thấy bất kỳ triệu chứng nào của bệnh, ngoại trừ sự mệt mỏi khủng khiếp. Tuy nhiên, tôi hiểu điều

gì đang xảy ra, lần tay bắt mạch và đo nhiệt độ, tôi hiểu rằng, cuộc đời tôi thế là xong! Nếu tôi sống sót được sau cơn sốt đầu của bệnh sốt rừng này thì đây sẽ là một điều kỳ diệu. Vì rõ ràng là tôi đã mắc căn bệnh khủng khiếp mà vì nó người châu Âu ở các nước này chết như ruồi. Đã có rất nhiều người tiền bối đáng kính của tôi chết vì căn bệnh này ở Đông Dương, và tôi thấy dường như là Chúa cũng sẽ gửi cho cả tôi một cái chết tốt đẹp, mặc dù hơi sớm để phục vụ khoa học. Điều làm tôi ngạc nhiên là tôi không cảm thấy bất kỳ dấu hiệu bệnh tật nào, thậm chí đầu cũng không đau, không kiệt sức, và tôi, dẫu nhiệt độ cao tới 39,8 °C, nhưng vẫn hoàn toàn tỉnh táo.

Rất độc đáo là biết rằng cái chết đang đến gần mà vẫn giữ được đầy đủ nhận thức và không hề đau khổ.

Biết kinh nghiệm của một sĩ quan Pháp trong những vấn đề này, tôi yêu cầu anh ta nói thẳng cho tôi biết, tôi còn bao lâu nữa? Là một thanh niên xông pha trận mạc, quen nhìn cái chết là một hiện tượng bình thường, và thấy là tôi không có bất kỳ dấu hiệu nào của sự hèn nhát, nên anh ta trả lời thẳng là tôi có thể còn sống được ba ngày nữa, nếu kéo dài hơn nữa, sẽ là một cơn hấp hối. Được rồi, vậy là vẫn có thời gian để kịp xem hang động. Tôi ra lệnh sửa soạn chỗ ngủ cho mình ngoài sân, tôi không hề thấy lạnh, và tôi vẫn hy vọng mặc lòng những bằng chứng hiển nhiên, rằng cơn kịch phát [69] sẽ qua đi và kết thúc. Đêm đoàn hộ tống Đồng Hới ra đến nơi. Buổi sáng, tôi thức dậy, cảm thấy mình rất

yếu, tôi ra lệnh khiêng tôi đến Cự Nẫm (cách đây 25 *versta*).

Tôi từ biệt viên sĩ quan tốt bụng đã hộ tống tôi đến đây, và nói với anh ta khi chia tay: «Hẹn gặp ở thế giới bên kia». Những lời này đã trở thành sự thật tàn nhẫn, nhưng hoàn toàn không phải như tôi mong đợi: người chết không phải là tôi, mà là anh ta, sau vài ngày cùng lây bệnh như tôi.

Cầu cho anh được yên nghỉ, một người lao động trung thực!

Tôi vô cùng ngạc nhiên là tôi ngủ suốt cả ngày hôm sau, không ăn, không uống gì cả. Khi tôi được đưa đến Cự Nẫm, tôi thông báo rằng, tôi sẽ đi xem hang động vào ngày mai, còn bây giờ tôi muốn nghỉ ngơi, tôi yêu cầu chuẩn bị chỗ ngủ cho tôi giữa cánh đồng ngô.

Sau này tôi được biết rằng, viên sĩ quan đến từ Đồng Hới trao tôi cho viên trung sĩ, phi ngựa báo cho viên trung sĩ rằng tôi sẽ chết và nhận lệnh hướng dẫn chôn cất tôi. Sau này ông ta thổ lộ với tôi rằng, ông ta không nghĩ là tôi sống được đến sáng; viên sĩ quan này là một thầy thuốc.

Với tôi, đây chính là cuộc tấn công đầu tiên và nguy hiểm nhất của cơn sốt rừng. Bệnh này, như sau này tôi được biết, xuất phát từ việc nhiễm khí độc phát ra từ mặt đất ẩm ướt của rừng. Nó cũng tấn công người An Nam, nhưng đặc biệt là châu Âu; chống lại nó rất khó khăn. Người ta sẽ lên cơn sốt mạnh nhất và đôi khi đau đầu, không mê sảng, không bất tỉnh, ban đầu giấc ngủ bình thường, không có mồ hôi, toàn bộ cơ thể nóng bừng bừng và khô khốc, nhưng thỉnh thoảng lại

lạnh run, mồm miệng nhát thếch, ăn một chút vào, dù chỉ là một thìa súp cũng nôn thốc ra ngay. Khi bệnh tăng, sẽ ngạt thở và không ngủ được. Kịch phát kết thúc bằng việc vã mồ hôi, đến mức không chỉ tắm vài đắp, mà cả đệm cũng ướt sũng, sau đó là tận cùng suy yếu, và qua một ngày đêm, lặp lại lần nữa. Cái chết xảy ra trong thời gian ngạt thở.

Người Pháp không biết cách điều trị căn bệnh này và chết như rạ.

Người Anh ở các thuộc địa của mình, điều trị bằng nước đá, và gần như tránh được tất cả các trường hợp tử vong. Khi nhiệt độ tăng cao, người ta cho nuốt nước đá, hoặc những người không quen thì uống nước lạnh, cho mặc quần áo ấm, phản ứng xuất hiện gần như ngay lập tức, mồ hôi vã ra, kết thúc cơn kịch phát.

Để tránh đợt kế tiếp, nên dùng một liều mạnh thuốc ký ninh, nhưng chỉ khi nhiệt độ bình thường; khi bị sốt cao, dạ dày không thể hấp thụ được ký ninh và chẳng có công dụng gì, mà sau đó hoặc là bị ói ra, hoặc là không tan, đi thẳng vào ruột. Các thầy thuốc xứ lạnh không có khái niệm về căn bệnh này. Có những người khuyên nên uống trà, hoặc trà hoa gia, hoặc bất cứ thứ gì đó... Tất cả những điều này thật ngu ngốc khủng khiếp, bởi vì chỉ khiến bị nôn thêm, dạ dày vào thời điểm này cồn cào, không tiếp nhận thứ gì, và chỉ có thể nhận được những thứ lạnh, băng giá.

Bệnh này đôi khi biến chứng thành bệnh thương hàn rừng, đó là khi những cơn kịch phát liên tục diễn ra, hết cơn này đến cơn khác, không

có khoảng trống cho nhiệt độ bình thường, khi đó người ta bị hôn mê hoàn toàn, hiếm khi hồi phục.

Bệnh cũng biến chứng thành bệnh đậu mùa rừng, nếu khắp người bệnh nhân đầy nhọt, loại này là ít nguy hiểm hơn, và tử vong là hiếm.

Thức dậy ở Cự Năm giữa cánh đồng ngô, tôi ngạc nhiên nhận ra rằng, tôi không thể đứng dậy được, và thậm chí không đủ sức để nhấc đầu khỏi gối. Tất cả quay cuồng trước mặt tôi như một người say rượu. Nhận ra rằng, tình trạng của mình thật tồi tệ, tôi ra lệnh khiêng tôi vào Đồng Hới, hy vọng — ...ôi, hèn nhất quá! — tìm được thuốc ký ninh ở đó và thoát khỏi cái chết (lúc đó tôi vẫn chưa biết rằng, thuốc ký ninh không có tác dụng khi bị sốt cao).

Vậy là tôi đã hèn nhất, không đi thăm hang động, đi thẳng đến Đồng Hới. Hình như đây là hành động hèn nhất duy nhất của tôi trong suốt cuộc hành trình. Thật đáng ngạc nhiên, tôi vội đi đâu kia chứ!? Xem hang động thì chỉ mất không tới một tiếng đồng hồ. Người ta đã có thể đưa tôi qua động bằng thuyền, và bây giờ, tôi không phải xấu hổ để thừa nhận rằng tôi chưa được thăm cái động ấy.

Giả sử, bây giờ tôi cứ kể là tôi đã tới thăm hang động đó, và các bạn vẫn tin tôi, bởi có ai lại đi kiểm tra được. Nhưng lừa dối, theo tôi, cũng đáng xấu hổ như hèn nhất; và tôi không biết trong hai cái đó thì cái nào tệ hơn.

Người ta đưa tôi đến Đồng Hới trong hai ngày, tôi sốt li bì, nửa tỉnh, nửa mê. Tôi chỉ nhớ rằng,

ở các làng xóm, tôi được các quan lại và chức sắc khác nhau của chính quyền An Nam đón tiếp. Một người nào đó biếu tôi một chai rượu vang đỏ, nhưng tôi không thể ăn, không thể uống. Người uống chai rượu vang đỏ là Ludvig, người hầu của tôi; và lợi dụng bệnh tật của tôi, suốt dọc đường, anh chàng này liên tục uống và say khướt. Nay, chờ đấy, rồi dịch sốt cũng quật ngã cậu, lúc đó tôi sẽ say thay cậu. [70]

Đồng Hới

28 tháng Tư người ta mang tôi trên cáng vào Đồng Hới trong trạng thái ốm nặng, liệt giường, liệt chiểu, tôi được khiêng vào giường trong phòng ngủ công sứ.

Có một sự trùng hợp lạ lùng, ông công sứ cũng bị ốm và gượng dậy để đón tôi. Ông bị loại bệnh rừng khác, khiến con người bị kiệt sức vì tiêu chảy ra máu. Căn bệnh này có nguyên nhân khác, chủ yếu phụ thuộc vào nguồn nước, nhưng chỉ ảnh hưởng đến những người có da dày yếu và không nguy hiểm như bệnh sốt rét. Bị bệnh nhưng ông công sứ vẫn có thể đi lại trong phòng và ăn nhẹ.

Tôi nằm liệt như một khúc gỗ và nghĩ rằng cái chết đang đến gần. Tôi biết là mình ít có cơ hội phục hồi, đặc biệt là khi bệnh sốt rét đã đến giai đoạn mạnh như thế này. Điều trị bệnh này, vào thời điểm đó tôi lại chưa biết. Tôi nghĩ, để thoát mồ hôi nên uống trà nóng, nhưng điều này chẳng ích

lợi gì vì uống vào lại bị nôn ra ngay. Ngẫu nhiên, tôi nghĩ tới chuyện ngâm chân trong nước lạnh, và điều này mang lại một số kết quả.

Tôi nằm bất động trong vài ngày, khổ nhất là đêm không ngủ được; ban ngày tôi yếu đến nỗi cảm thấy mọi thứ như bông bênh trong một làn sương mỏng, và mỗi khi tôi nhấc đầu khỏi gối, căn phòng bắt đầu quay trước mắt, tôi thấy choáng váng.

Như tôi đã thông báo với độc giả, tôi không đặc biệt quý trọng cuộc sống của mình, và không tin vào sự kết thúc của nó. Linh hồn của chúng ta nếu không ở đây thì sẽ ở chỗ khác, sự biến mất của nó là vô lý.

Bởi vậy, tôi hầu như không buồn phiền gì cả, khi thấy mình rất gần với cái chết như thế, tôi rời khỏi cuộc sống trần gian với sự thờ ơ. Tôi chỉ thấy buồn bực khi chết ngay tại cửa ngõ thủ đô của An Nam mà không được thấy cung điện của họ.

Từ Huế, hoàng đế đã cử một viên quan ra đón tôi, và tôi không nghi ngờ gì về sự đón tiếp trang trọng sắp tới, tất nhiên, có sự sắp xếp theo sáng kiến của những người Pháp đáng yêu. Tôi có một nguyện vọng: giá như được yết kiến vua Thành Thái [71], được xem tất cả các nghi lễ cung đình, rồi sau đó có chết cũng không tiếc.

Với ý nghĩ như vậy, tôi cầu Chúa. Và Chúa đã thương tôi, làm cho tôi khỏe khoắn, thậm chí tôi có thể đứng dậy và tiếp mấy viên quan mang tặng tôi món quà là một mảnh gỗ hồng được chạm khắc thành hình tảng đá với hàng động. Tác phẩm nghệ thuật độc đáo và khéo léo. Thật không may,

nó to lớn, công kênh, nên đành phải chuyển cho công sứ nhờ gửi bằng tàu thủy. [72]

Một chuyến đi trên cang

Tuy chưa khỏe hẳn, ngày 3 tháng Năm, vào đúng cái ngày giáo viên người Pháp của tôi bị chết đuối ở ao 30 năm trước, tôi ra lệnh khiêng tôi lên đường vào Huế. Tôi vẫn chưa biết có đến được thành phố này hay không, dự tính có thể chết trên đường; vả lại căn bệnh đã giảm, thân nhiệt không còn cao như những ngày đầu.

Từ biệt tôi, ông công sứ thông báo rằng, nhiều người trong đoàn hộ tống tôi trong chuyến đi vượt rừng, mắc bệnh sốt rét và đã chết, trong đó có viên sĩ quan chỉ huy. Cầu chúc cho anh được yên nghỉ, người đàn ông cao thượng!

Đấy, mọi người không biết số ai được sống và số ai phải chết.

Trong khi đó, tôi đang dần dần hồi phục. Điều đầu tiên tôi cảm nhận khi đang hồi phục là sự buồn chán. Chưa thể làm được gì, còn quá yếu; đầu óc, tư duy chưa bình thường; tôi vẫn chưa đi bộ được mà cũng chưa cưỡi ngựa được. Trò tiêu khiển tuyệt vời khi du ngoạn, ăn uống, không hề hấp dẫn tôi, tôi hầu như không thể ăn gì, cảm thấy mọi thứ đều lợm giọng.

Chỉ có một điều an ủi là xem đồng hồ, và nghĩ xem giờ này người ta làm gì ở Nga, ở Paris, ở Wien.

Khi ở đây là 6 giờ sáng, mọi người thức giấc thì tại Peterburg, chắc là người ta đi ngủ, bởi vì

ở đó là nửa đêm (chênh lệch 6 giờ). Còn ở Paris là 10 giờ đêm trước, nghĩa là đang có biểu diễn sân khấu. Rất có thể tại nhà hầu tước phu nhân Salar đang có vũ hội (mọi người thường khiêu vũ ở đó), có thể mọi người đang bàn luận về tôi. Chắc là người ta đã gửi điện đến Hội địa lý thông báo về cái chết của tôi; không sao, khoảng giữa trưa hôm nay ông công sứ sẽ gửi điện tín thông báo về sự bình phục của tôi, và họ sẽ nhận được bức điện đó vào sáng sớm cùng ngày.

Tôi đã nói với Ludvig là tại sao điện tín lại được nhận trước khi chúng được gửi đi, và tại sao ở một số nước mọi người thức giấc thì ở một số nước khác mọi người lại đi ngủ. Anh ta suy nghĩ một lúc, rồi nói với tôi một cách dứt khoát: «Xin đức ông đừng tin điều vô nghĩa này, mấy người vô công rồi nghề bịa ra điều này để đánh lừa những người khờ dại. Không phải thế đâu; đã là buổi sáng thì ở mọi nơi đều là buổi sáng, còn đã là đêm thì mọi nơi đều tối. Con biết điều đó là chắc chắn».

Chẳng bao lâu, người ta mang tôi đến một ngôi làng, đặt vào một nhà kho trống. Một nhà truyền giáo đến và mời tới chỗ ông ta, cách khoảng hai *versta* để nghỉ qua đêm. Tất nhiên, tôi vui sướng đồng ý, và ông đã cho tôi trú ngụ trong căn lều nhỏ lợp bằng lá dừa của mình.

Ông linh mục tốt bụng chiêu đãi tôi hết thứ này đến thứ khác, nhưng vô nghĩa. Đêm, mặc dù đã làm tất cả những biện pháp để phòng, tôi vẫn trần trọc, và sáng dậy, không nghỉ ngơi, lên đường luôn.

Ngày 4 tháng Năm

Ngày này tôi nhớ rất mơ hồ, tựa như trong mơ. Chúng tôi đi qua những cánh rừng rậm, bên trái và bên phải rất nhiều các bụi cây phủ đầy hoa màu trắng và màu hồng, tỏa hương thơm tuyệt vời.

Sau buổi trưa, chúng tôi đến đồn quân sự So En, người ta đặt tôi trong một gian phòng, người ta mang bữa trưa theo kiểu An Nam đến cùng với loại rượu rất ngon của địa phương được làm từ loại quả mà tôi không biết; tôi không ăn gì, nhưng rượu thì tôi thích.

Lúc sau, mấy vị quan cùng với hai người Pháp đến: một người là điện tín viên, người kia là nhà ảo thuật rong.

Các viên quan mang biếu tôi bò đực, dê và gà rừng. Tôi chia tất cả những thứ này cho các tay súng cùng đi.

Nhà ảo thuật đề nghị xem anh ta biểu diễn và anh ta làm tôi mệt rũ rời bằng nghệ thuật của mình.

Đêm có giông và bão rất mạnh, mưa trút xuống tôi, làm ướt mặt, gối, khăn trải giường, nhưng, tất nhiên, với cái nóng như vậy thì không phải lo lắng gì cả.

Ngày 5 tháng Năm

Sáng sớm người ta đã đưa tôi đi. Một ngày âm u, có mưa phùn. Chúng tôi leo lên, tụt xuống theo những ngọn đồi nhỏ; ở đây cây cối đã ít đi, đã lại xuất hiện những cánh đồng lúa buồn tẻ đến phát chán. Đến giữa trưa, tôi được khiêng đến một căn nhà lá — ngôi nhà duy nhất khá lớn ở giữa đồng. Nhà bọc bằng những phiến gỗ khảm xà cừ, có treo những mảnh vải khác nhau, tất cả điều này, tất nhiên, được làm là vì tôi.

Thời tiết khó chịu (tức là theo cách hiểu ở đây là tốt, bởi vì không nóng), gió mạnh với mưa phùn, tương đối thoáng.

Tôi ra lệnh lấy chiếu che phía kia của căn nhà, nơi gió lùa, và thiếp đi được một lúc; giấc ngủ đã làm tôi khỏe thêm; tỉnh dậy, tôi thấy người ta mang bữa trưa An Nam đến cho tôi; tôi ăn một ít thịt gà, cơm và tôm rán (tôm ở đây có kích thước bằng những con tôm lớn ở sông Volga), tôi cũng đã cố gắng ăn một ít thịt lợn luộc, rồi lại ngủ thiếp đi. Không đáng để đi tiếp nữa, mưa vẫn tiếp tục; đường xá đầy bùn nhão không thể vượt qua (anh chàng Ludvig của tôi gọi là bùn nhão nhiệt đới, trong vốn từ vựng của anh ta, nhiệt đới có nghĩa là không bình thường). Hơn nữa, người và ngựa cũng đã kiệt sức rồi. Tất nhiên, thông minh nhất là nghỉ qua đêm và chờ thời tiết tốt hơn.

CUỐN VỞ THỨ 22

Quảng Trị

Ngày hôm sau, ngay từ sang, mặt trời đã chiếu rực rỡ và thời tiết tuyệt vời, nghĩa là theo cách hiểu ở đây là xấu, bởi vì sẽ rất nóng.

Chúng tôi lên đường và giữa trưa thì đến thành phố nhỏ Quảng Trị nằm ngay gần biển. Ở đây chỉ có hai người Pháp: viên đồn trưởng và điện tín viên.

Đón tiếp tôi có các quan chức An Nam mặc áo choàng dài màu xanh với những món quà khác nhau: họ mang đến lông đuôi công tuyệt đẹp, con công mái rừng còn sống, mấy con gà, trứng, chuối, vải thiều và dừa. Viên sĩ quan Pháp tặng tôi một lá cờ An Nam màu xanh có hình một con hổ ở giữa.

Buổi chiều tất cả các quan lại được mời đến dự bữa cơm của viên chỉ huy người Pháp, và ở đây tôi đã phải ngạc nhiên trước sự khéo léo và thực dụng của người Pháp.

Không có thực phẩm, do mưa bão nên không có con tàu nào đến, không thể bắt cá, không thể bắn chim; mặc dầu vậy họ vẫn làm được một bữa tiệc rất ngon với rất nhiều món.

Họ ra lệnh mổ một con trâu kéo, vốn được sử dụng để vận chuyển hàng hóa từ tàu thủy vào thành phố, và từ thịt con trâu này người ta làm ra rất nhiều món ăn; thêm nữa, họ điều binh lính vào rừng hái quả và rau.

Bữa tiệc xứng đáng được mô tả, bởi vì nó rất thực dụng.

Đây là thực đơn bữa tiệc:

1. Súp rau cải rừng.
2. Bánh nướng với măng và thịt băm.
3. Lưỡi sốt với hành và gừng.
4. Óc chiên.
5. Chả băm rán với hạt tiêu và quế.
6. Xương cục ninh với óc, ăn với những lát bánh rán bằng bột sago. [73]
7. Chân hầm nước mắt.
8. Thịt bít tết với khoai, chuối rán.
9. Nước quả chế biến từ vải thiều, đào, cam. Tất cả đều là quả rừng, tất nhiên, tất cả đều tươi.

Tuy nhiên, món ăn cuối cùng này không hoàn toàn thành công, ngoại trừ vải thiều và nho là những thứ luôn tuyệt vời ở đây, các loại trái cây còn lại đều kém: syzy [74] úng, như người ta đưa một món mứt nào vậy; đào và mơ nhỏ và chua, bị khô trước khi chín; còn cam, mặc dù lớn, nhưng lại quá ngọt mà không hề có tý vị chua nào thành ra không ngon. Cam ở đây mọc sâu trong rừng, trên những cây cao; có loại màu cam như

của chúng ta, có loại hoàn toàn màu xanh, song không phải vì thế mà ngon hơn.

Bữa tiệc kéo dài rất lâu, người Pháp rất vui vẻ; các viên quan phần lớn là im lặng, chăm chú vào những cái đĩa của mình. Dự tiệc cùng với chúng tôi có một vị linh mục — nhà truyền giáo, ông đến từ một làng Công giáo lân cận; ông làm thông dịch viên cho chúng tôi vì công chức ở đây biết tiếng Pháp kém, hơn nữa lại quá nhút nhát.

Ngày 7 tháng Năm

Tôi thu xếp lên đường trước khi trời sáng (đây là thời gian thuận tiện nhất cho việc du hành, bởi vì không quá nóng).

Trong những ngày này, tôi đã nghĩ ra một phương pháp đơn giản để đi đường: buổi tối tôi ngủ trên cang bằng cách buộc cang vào cây như buộc võng, sáng dậy chỉ việc cởi ra và khiêng đi ngay, vì vậy tôi không cần phải ngồi dậy và mặc quần áo, thậm chí khỏi cần thức giấc.

Tôi tắm rửa dọc đường và chỉ phải mặc quần áo chỉnh tề khi bị buộc phải vào thành phố, nơi có người Pháp.

Từ đây đến Huế còn 60 *versta*, và tôi định chia đoạn đường này ra làm hai ngày. Tuy nhiên, cần phải tăng tiến độ. Trong đêm một bức điện đã tới từ công sứ Huế, nội dung nói rằng ông ta đã điều một chiếc xe đón tôi ở làng Phước cách thủ đô 17 *versta*. Các viên quan khẳng định rằng, ở đó đường tốt, những người khiêng cang sẽ thay

nhau, ngựa đi không, và do đó dễ dàng để đi được trong một ngày.

Tôi quyết định thế này: đến làng Phước thì để Ludvig, thông dịch viên, đồ đạc và ngựa ở lại đó qua đêm, còn tôi đi tay không, chỉ một chiếc vali, ngồi xe của công sứ đến Huế.

Theo tính toán này, tôi cho rằng sẽ đến đó khi trời còn sáng.

Tuy nhiên, con đường lại rất khủng khiếp: hàng chục *versta* phải lội trong cát, người và ngựa hoàn toàn bị mắc kẹt. Cát ở đây màu trắng lóa, từ xa trông giống như tuyết của chúng ta, ở một số chỗ được phủ bằng bụi cây và cỏ, nhưng cũng không làm cho chúng cứng hơn, ở những chỗ này vẫn bị lún như những chỗ khác. Trên những vùng cát này không gieo trồng được gì cả, và chúng trải rộng mênh mông; chỉ có xương rồng gai và cây bông ô¹ là không sợ cát. Người Pháp gọi cây bông ô là «*arbre parassol*» (vì hình dáng của nó giống như mấy chiếc ô chụm lại), hoặc là «*faux cotonier*» (do người địa phương thấy từ đó những thứ giống như bông để làm vải và giấy). Loài cây nhỏ này có các nhánh khác nhau, tỏa rộng về tất cả các hướng trên cùng một độ cao, khi trời mưa, người nấp ở dưới đây không bị ướt, vì mật độ lá dày và được xếp tương đối đúng vị trí nên nước không qua được mà sẽ chảy ở bên hông giống như đài phun nước.

Vì con đường khổ ải như vậy nên tôi đã di chuyển rất chậm. Mãi 9 giờ sáng những viên

¹ Theo chúng tôi, đây là cây bông gòn. (N.D.)

quan hộ tổng tôi mới ra lệnh khiêng tôi đến một gian nhà đứng biệt lập bên sông, nơi họ đã chuẩn bị cho tôi bữa ăn kiểu An Nam. Gian nhà được trang hoàng sắc sỡ.

Tôi chưa thấy đói nên từ chối ăn, ra lệnh đưa tôi đi tiếp. Tất cả các viên quan ở lại ăn uống và nghỉ ngơi.

Đến giữa trưa, tôi dừng lại ở một ngôi làng nhỏ, vẫn chưa thấy muốn ăn nên tôi chỉ lót dạ qua loa. Tôi hạ lệnh kiếm được bắp cải và dưa trong làng, còn Ludvig được lệnh mổ thịt con công được tặng để nấu súp; chúng tôi có gừng, thứ mà tôi đã quen ở đây, nên món canh chim công khá ổn. Ăn xong, tôi tiếp tục lên đường. Các viên quan đuổi kịp tôi và chúng tôi cùng nhau đến Phước an toàn.

Ở đó một cỗ xe bốn bánh đã chờ đợi tôi, và những thứ tráng miệng được bày trong một căn phòng lớn.

Từ đây đã là đường nhựa, và không để mất nhiều thời gian, để tất cả đoàn tùy tùng của mình lại, tôi một mình vội vã đến thủ đô phương Nam vĩ đại của vùng Viễn Đông.

Tuy nhiên, khi tôi đến được Huế, đã khá muộn, đèn đã thấp sáng trong các doanh trại của Pháp, và đom đóm bắt đầu bay vòng quanh những túp lều An Nam.

Một viên quan quan trọng cũng đi xe đón tôi ở khoảng cách 8 *versta*, ông mặc chiếc áo thụng lụa màu tím có thêu vẽ hoa. Sau này tôi được biết rằng, chiếc áo này được may bằng vải Pháp, vốn được khâm sứ đặt mua để bọc bàn ghế, số lượng gửi đến quá lớn nên chúng được bán lại một phần.

Viên quan này được rất nhiều người đi ngựa và đi bộ mang cờ hộ tống. Khi trông thấy tôi, ông bước ra khỏi xe chào đón tôi, rồi cho xe đi theo phía sau. Đoàn người mang những lá cờ chạy theo chúng tôi, còn tôi, tất nhiên ra lệnh đi thong thả hơn. Những người đi ngựa bao quanh chúng tôi, và một số đi lên phía trước, rõ ràng đây là quan chức vì trên ngực họ đeo huân chương, họ cưỡi ngựa rất tề và rõ là rất mệt mỏi vì chưa quen.

Phần thành phố của Pháp được tách rời với phần của An Nam bằng một con sông rộng, không có cầu bắc qua; chúng tôi vượt sông cùng viên quan quan trọng trên một con thuyền sang trọng, đưa chúng tôi đến thẳng dinh thự của khâm sứ.

Huế

Thủ đô An Nam

Vậy là, cuối cùng nó đó, thành phố tuyệt diệu, đáng yêu, độc đáo, duyên dáng. Tuy nhiên, không hẳn chính thành phố, mà là vùng phụ cận.

Nó có chu vi 12 *versta*, đó là bức tường bên ngoài của nó, nhưng ở bên trong thì trông trái tựa như thành phố Nam Kinh: đồng ruộng, vườn tược, hồ, đầm lầy; nhà rất ít, nhưng các bức tường bao bọc, hình vuông vững chãi xung quanh thành phố. Không có dãy phố, chỉ có đường phố với những hàng cây si và cây sơn lựu hoa tuyệt đẹp, mặt đường lát đá, đi ngựa thuận tiện.

Cư dân rất ít, họ quây quần ở phía đông thành phố, những túp lều của họ làm bằng đất sét, thấp và bẩn. Ở đây cũng có người Trung Quốc — những nhà buôn.

Khu phố Pháp như là Paris, ở đó có quán cà phê, cửa hàng, các loại hình giải trí, nhưng chiếm ưu thế là quân sự. Phụ nữ Pháp có ít thôi. Để thỏa mãn nhu cầu, các sĩ quan mời phụ nữ Nhật Bản, vốn nổi tiếng về sự đàng điếm. Nói chung, ở các thành phố lớn, trong cả vùng Viễn Đông, làm cái việc đáng xấu hổ này chỉ toàn phụ nữ Nhật Bản, đến nỗi từ «gái Nhật» được xem là từ để chửi; phụ nữ có hành vi xấu, không gọi cách gì khác, ngoài cách đó.

Về chuyện này, tôi đã có cuộc trò chuyện khá vui nhộn với ông khâm sứ; ông kể cho tôi về một trong những phụ tá của ông, và nhận xét rằng đây là một kẻ bất hạnh, anh ta có vợ Nhật Bản!

«Tại sao lại thế?» — tôi hỏi. «Tại sao anh ta kết hôn với một phụ nữ Nhật Bản?»

«Thì làm sao mà đoán trước được phụ nữ» — ông khâm sứ trả lời. «Cô ta được giáo dục kỹ càng ở Paris mà».

«Thật vậy sao? Làm thế nào mà cô ta tới Paris được?»

«Thì cô ta sinh ra ở đó, dòng dõi nam tước mà», và ông thống đốc nhắc tên một dòng họ Pháp nổi tiếng.

Cái quái gì thế này, tôi nghĩ: phụ nữ Nhật Bản được sinh ra tại Paris, mang họ Pháp. «Nghĩa là cô ta nói được tiếng Pháp?» — tôi hỏi. Ông khâm sứ ngạc nhiên nhìn tôi: «Tại sao cô ta không nói

tiếng Pháp cơ chứ? Cô ta là người Pháp mà». «Nhưng mà chính ông nói: phụ nữ Nhật?» — tôi ngạc nhiên. «Trời ạ, ông bạn ơi, là tôi nói về đức hạnh của cô ta, như là phụ nữ Nhật» — ông khâm súc cười khẩy. Lúc đó chúng tôi mới hiểu nhau và cười nghiêng ngả.

Ngoại vi của Huế thật tuyệt vời, miêu tả thành phố bắt đầu từ đó... Những khu vườn với những loài cây quý hiếm dường như không bao giờ kết thúc, thật khó nói thứ gì không có ở đó: tất cả các loài cọ, cây này chen cây khác, cây cau xen lẫn cây si và cây cà phê; những cánh rừng thông mà không hiểu sao người ta rất quý; rồi bao nhiêu là dừa và cao su; quanh nhà là xoài, mít; dọc các bờ suối là dứa, dương xỉ, cây gỗ mun, gỗ hồng tâm, và cuối cùng, trong vườn của những ông quan giàu có là những cây chuối lạp thường, lá hình rẻ quạt. Loại cây này có nguồn gốc từ châu Phi, không mọc hoang dã ở đây, có hình dạng rẻ quạt, lá chỉ ở phía trên đầu, rộng như lá chuối bình thường, không có quả, thân mỏng và màu xanh, lá cây được sắp xếp thành một hàng đều, có chứa nước, có thể uống được.

Ao và đầm ở đây có cả ở trong thành phố lẫn bên ngoài thành phố, phủ đầy loài hoa sen trắng và sen hồng quý phái. Ở Ấn Độ, loài hoa này rất hiếm và rất thiêng liêng, còn ở đây chúng mọc đầy các ao hồ, dày đặc đến nỗi có thể ngăn cản thuyền đi lại. Những bông hoa khổng lồ này gợi nhớ những chiếc đèn chùm Vônơlơ lật ngược. Tôi chưa thấy loài hoa nào đẹp hơn loại này, mùi thơm của chúng rất dễ chịu, chúng

thuộc họ hoa súng; người An Nam ăn hạt của chúng, tôi chưa được thử vì khi tôi ở đó, chúng mới nở hoa. [75]

Tôi đã được thử loại xoài nổi tiếng mọc trên những cây cao nhất ở đây. Loại quả này, tất nhiên là rất ngon, nhưng thua loại đào phương Bắc của ta (vua của các loài quả). Xoài khi còn xanh trông giống quả lê, ruột màu vàng và hạt hình ô voan rất to. Xoài có thể cắt bằng dao, không bị hỏng, nhưng tách vỏ rất khó, rách nát như da lợn và mùi rất khó chịu. Hương vị của xoài giống dưa bở, nhưng ngọt hơn và có mùi thơm khác; không hề có vị chua như phần lớn trái cây nơi đây. Đáng chú ý là ở đây, thậm chí dưa cũng không hề chua, và không làm dịu cơn khát. Họ nói rằng, nó phụ thuộc vào chất đất.

Gần thành phố, giữa những cánh rừng sang trọng, dọc một nhánh sông nhỏ, có lăng mộ của các hoàng đế. Theo phong tục của đất nước này, mỗi hoàng đế khi còn sống, tự chọn và xây lăng mộ cho mình. Từ phía xa, lăng mộ có vẻ rất tráng lệ, bên cạnh lăng mộ là những chiếc hồ nhân tạo và những ngôi chùa được xây dựng theo phong cách Trung Quốc, những nhà vòm, gian nhà, với mục đích gì thì không rõ lắm. Tất cả được sơn bằng nhiều màu sắc khác nhau. Đường dẫn lên lăng mộ là những bậc thang, và phía trước là cung điện lát đá, hai bên có tượng đá hình voi, ngựa, người; các tác phẩm điêu khắc có kích thước nhỏ hơn đáng kể so với ở Trung Quốc.

Lăng mộ được giữ gìn và bảo quản rất kém, đá long ra, ngổn ngang tứ phía, sân đầy rác. Những

người cai quản sống ở đây càng làm bẩn thỉu và ô uế thêm.

Gần mỗi một khu lăng mộ, có một nhóm cây thông, và đôi khi có hẳn một cánh rừng thông. Hơi lạ lùng khi thấy loài cây của phương Bắc sống ở đây, trong khí hậu nắng nóng, chúng được giữ gìn cẩn thận và cho là cây thiêng. Xen giữa chúng có những cây quế nhỏ và cây long não lớn chẳng được ai để ý đến.

Gần các đền thờ là cây hoa nhài voi, sở dĩ chúng được gọi như vậy bởi voi rất thích ăn cây này. Hoa nhài voi cũng giống hoa nhài bên ta, nhưng to hơn, hương thơm và dễ chịu hơn.

Những khu lăng tẩm này được bao quanh bởi những cánh rừng, và sự im lặng của những ngôi mộ chỉ bị phá vỡ bởi tiếng chân nai chạy và tiếng líu ríu của những chú vẹt. Những chú vẹt này dường như cười nhạo sự tôn nghiêm ở đây, khi mỗi buổi sáng chúng tấu lên cả một buổi hòa nhạc. Viên sĩ quan hộ tống tôi bắn rụng một con màu lông xanh rực rỡ, và anh ta giữ lông để cắm lên mũ vợ mình.

Trong chính thành phố chỉ có hai tòa nhà đáng chú ý. Đó là cung điện nhà vua và nhà của hội đồng cơ mật nhiếp chính. Cả hai ngôi nhà, tất nhiên, đều chỉ một tầng.

Hoàng đế An Nam là cậu bé 15 tuổi tên Thành Thái, sống gần như một tù nhân trong cung điện của mình. Chức danh của vị vua này không được xác định rõ ràng, được gọi là vua và hoàng đế; còn trong các văn bản chính thức, được gọi là quân vương vĩ đại của miền Nam, là đế vương chính, là

người được Trời lựa chọn. Ngài thừa hưởng ngai vàng của người anh trai bị người Pháp đày đến An-giê-ri [76] vì bất tuân lệnh.

Cung điện của nhà vua rất giống với gia trang (nhà ở của quan lại) [77] của những người giàu bên Trung Quốc. Nó bao gồm nhiều khoảng sân được trồng cây, có những thủy tạ nhỏ và các hành lang, tất cả đều được bao quanh bằng vườn cây và hồ nhân tạo.

Phòng ngai vàng¹ rộng và rất giống nhà kho hoặc đền chùa, trần được chống đỡ bởi các cột lớn làm từ gỗ mun, phòng không có cửa, thông suốt. Ở sâu phía trong, cạnh bức tường là ngai vàng trên bệ cao. Sau phòng này lại tiếp tục là sân, và cuối cùng, là phòng tiếp khách của hoàng đế, xa hơn nữa là nơi không thể vào. Chỉ các chức sắc quan trọng nhất mới được đến đó.

Căn phòng này được bày trí theo kiểu Trung Quốc, nó được trang bị nhiều đồ gỗ đẹp, khám ngọc trai, bình sứ và các đồ trang trí khác; trên trần, giữa những chiếc đèn lồng Trung Quốc là đèn chùm kiểu châu Âu, nên không hài hòa. Ở giữa phòng khách là một chiếc bàn lớn, xung quanh là ghế kiểu châu Âu.

Tôi đến ra mắt vị quân vương ở đây vào ngày thứ ba tôi ở Huế, cùng với viên khâm sứ Pháp. Các quan nhiếp chính và các bộ trưởng đón chúng tôi ở cổng, họ mặc áo thụng lụa màu xanh, đeo huân chương. Một người lính gác cung điện mặc quần áo màu đỏ. Tất cả họ đưa chúng tôi vào các

¹ Ý nói Điện Thái Hòa. (N.D.)

phòng bên trong. Hai vị quan nhiếp chính cao cấp — chú của hoàng đế — chờ chúng tôi trong phòng ngai vàng, họ rất già, mặc áo thụng, móng tay dài đáng ngạc nhiên. [78]

Ở cái sân tiếp theo, ngay trước phòng khách là những viên hoạn quan, họ ăn mặc cực kỳ giàu sang và đa dạng.

Hoàng đế gặp chúng tôi ngay tại lối vào phòng khách, vị này tầm vóc bé nhỏ, ngượng ngáp và có vẻ như sợ hãi cái gì đó, có lẽ, vị hơi nhát và không biết phải giao tiếp với người châu Âu thế nào để vẫn giữ được phẩm giá riêng của mình.

Da mặt nhà vua màu vàng đậm, người mặc áo rất dài, bằng gấm, vàng, như cách ăn mặc của các vị phò lễ ở nước ta. [79] Đầu chít khăn lụa đen giống như khăn xếp, có đính một chuỗi ngọc trai lớn. Chân đi giày nạm đá quý. Sau những lời chào thông thường, nhà vua đứng lắng nghe, người bắt tay chúng tôi theo kiểu châu Âu, dẫn đến bàn, tự ngồi xuống chiếc ghế ở giữa và chỉ chỗ cho chúng tôi hai bên; hai ông chú của vua ngồi ở cuối bàn, các bộ trưởng, hoạn quan và thông dịch viên vẫn đứng.

Cuộc trò chuyện diễn ra không được mặn mà, vị hoàng đế nói nhỏ (có lẽ để nhớ ra những điều đã học thuộc) đến nỗi thông dịch viên đứng cạnh cũng nghe rất khó khăn. Với lòng tôn kính vua, anh ta còn cố gắng dịch nhỏ hơn, vì vậy chúng tôi chẳng nghe được gì cả, buộc phải đoán về những điều đã hỏi. Theo tục lệ phổ biến ở vùng Viễn Đông, nhà vua cũng không quên hỏi tôi về ngày tháng năm sinh.

Về phía mình, theo nghi thức địa phương, tôi cần phải hỏi, ở nước ta có lẽ đã khiến mọi người ngạc nhiên, về sức khỏe của các thái hậu — những bà mẹ của vua. Sự thể là thế này, ở An Nam, tất cả các vợ của những ông vua đã quá cố, đều được xem là mẹ của vua đang trị vì, họ giữ danh hiệu và tận hưởng tất cả vinh dự và ảnh hưởng đến công việc của nhà nước. Sự can thiệp của họ thường làm cho chính quyền lúng túng và gặp rất nhiều khó khăn.

Chẳng bao lâu, cốc đã được mang đến và sâm banh được rót ra. Sâm banh để trước mặt chúng tôi chừng năm phút, vì nhà vua không chạm đến, và chúng tôi cũng không sờ vào; cuối cùng thì Thành Thái cũng nâng ly lên và tuyên bố uống vì Tổng thống Pháp Carnot. Chúng tôi đáp lễ, tất nhiên là chúc sức khỏe nhà vua. Sau đó nhà vua hướng về phía tôi và nói, uống vì sức khỏe hoàng đế Nga, và muốn biết tên ông ta. Tôi cảm ơn và đáp ứng sự hiếu kỳ của nhà vua, nói rằng uống vì sự thịnh vượng của An Nam. Vị vua tỏ ra ngạc nhiên, làm sao có thể mang một cái tên dài và khó làm vậy, và dù đã cố gắng nhưng không thể nào nói nổi Aleksandr. [80] Vua còn tò mò muốn biết trong ngôn ngữ của chúng ta thì cái tên này có ý nghĩa gì không. Tôi giải thích rằng, tên này có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là «dũng cảm», người đầu tiên mang cái tên này là ông tổ của chúng tôi, Công tước Aleksandr Yaroslavich, biệt danh Nevski, quả thực là con người dũng cảm, tốt bụng và cương nghị; và để vinh danh ông, các hoàng đế và người dân thường đặt tên

này và noi gương nhân đức của ngài. Tuy nhiên, rượu sâm banh nóng và khá tệ, không thể uống nhiều. Vị vua nhìn xung quanh, ngáp, không biết phải nói gì. Nhận thấy điều này, khâm sứ Pháp yêu cầu nói với nhà vua rằng, không dám làm phiền người thêm nữa, chúng tôi cảm ơn vì sự đón tiếp và cáo lui.

Điều này giải tỏa khó khăn cho Thành Thái, người lập tức đứng dậy đi ra cửa trước chúng tôi, dừng lại ở đó, bắt tay chúng tôi một lần nữa và quay trở vào; chúng tôi được các quan nhiếp chính và các bộ trưởng hộ tống đến chính điện, ở đây, theo phong tục An Nam, mọi người ngồi bên bàn và uống trà.

Ở đây, tất cả đều ngồi, ngoại trừ hoạn quan tản ra các phía.

Các quan nhiếp chính và các bộ trưởng bắt đầu đặt câu hỏi cho tôi về nước Nga và về việc làm thế nào tôi có thể đến đây trên lưng ngựa, trong khi tất cả những người khác đi bằng đường biển. Những thông tin của họ về địa lý tỏ ra rất hạn chế. Tất cả đều chân thành thừa nhận rằng, trước khi tôi đến đây, họ chưa bao giờ nghe nói về Nga.

Tôi được nhìn thấy hội đồng cơ mật vào ngày hôm sau, khi các quan nhiếp chính và các bộ trưởng mở tiệc chiêu đãi trang trọng chúng tôi ở đó.

Đây là tòa nhà trước kia được dùng cho những phiên họp của hội đồng quốc gia, nhưng bây giờ chỉ để tiếp khách cao cấp.

Cả hai ông chú của hoàng đế đã quá già và không tham gia vào quản lý đất nước. Họ đã sống

qua thời trị vì của một nửa tá vị vua (phần lớn những ông vua ở đây đều bị đầu độc), tất cả các ông chú được phong là quan nhiếp chính và khô héo như những xác ướp thực sự. Quản lý tất cả là quan nhiếp chính thứ ba, người không bao giờ bàn bạc với bất cứ ai, bởi vì hai người trẻ hơn chỉ là tay sai của ông. Theo luật pháp, họ được bổ nhiệm năm người.

Viên khâm sứ Pháp không thích quan nhiếp chính thứ ba này và nói rằng, ông ta biến hội đồng cơ mật thành văn phòng riêng của mình.

Dấu sao thì tòa nhà này rất điển hình và cũng rất quyến rũ; vào dịp lễ lạt, chính quyền An Nam trang trí nó rất lộng lẫy.

Hai bên con đường từ bờ sông dẫn vào hội đồng dài khoảng hai *versta*, những cây si được trang trí bằng đèn lồng sắc màu huyền ảo và hình dáng hết sức cầu kỳ với hình mặt thú như hổ, rắn, cá mập.

Phòng lớn đầu tiên của hội đồng không có cửa, như một sân khấu nhà hát, dẫn thẳng ra vườn, giống như một vật trang trí cho phòng khách của vua, trên đó là bàn tiệc hoàn toàn theo kiểu châu Âu. Phía sau là một cái sân nhỏ hay là vườn gì đó, tôi cũng không biết phải gọi thế nào vì nó được treo những chiếc đèn lồng và ở giữa có một gian nhà nhỏ với ghế mềm, nơi tiếp chúng tôi trước bữa tiệc. Ba mươi người được mời, và chúng tôi được sắp xếp ngồi như sau: ở giữa là khâm sứ Pháp, bên cạnh ông ta là hai trưởng lão, chú của vua (những người luôn luôn ở vị trí đó; nói chung, mẹ, chú, con trai ở An Nam đây không

biểu hiện thực chất quan hệ ruột thịt, mà như thể là chức tước hay hàm phẩm. Vua có thể giáng cấp một người nào đó trong số những người mẹ, và sau đó người này không còn được liệt kê vào danh sách thái hậu. Còn với mẹ đẻ của mình, khi tiếp quản ngai vàng, vua phải xuống chiếu để định danh người mẹ, thậm chí còn có một buổi lễ đặc biệt cho việc này. Còn các con trai, vua có thể chọn bất kỳ ai bên ngoài, mặc dù thậm chí đã có con riêng của mình; còn chú, có thể thay như thay áo).

Tôi được sắp xếp ngồi đối diện với khâm sứ, hai bên là hai bà đầm châu Âu hiếm hoi ở Huế: phu nhân của khâm sứ và phu nhân của viên chỉ huy pháo đài; những người còn lại được bố trí thế này: tất cả người Pháp một bên, bộ trưởng An Nam và các quan nhiếp chính một bên.

Toàn bộ bữa tiệc được chuẩn bị từ những đồ hộp khá dở của châu Âu (tuyệt vời là nước đá, tất nhiên là làm bằng máy, được xem như là món tráng miệng). Chỉ có một món ăn là sản vật địa phương, món súp yến; ở đây món này được làm kém hơn nhiều so với ở Trung Quốc, tổ yến được nghiền nát, trôi nổi trong nước dùng thịt bò, và mười đĩa ở đây chỉ bằng một suất súp đặc như cháo bột ở Trung Quốc, dùng cho một người.

Trong bữa tiệc, có ca nhạc, bao gồm các nam, nữ ca sĩ người An Nam, những người này gào rít trong tiếng đệm của nhạc cụ quái đản, có cảm giác như họ bị cắt tiết hoặc bị nghẹt thở; hầu như không thể nói chuyện trong tiếng ồn khủng khiếp này.

Kết thúc bữa tiệc có diễn kịch, người mặc quần áo hình con thú, nhảy và lăn lộn trên bãi cỏ phía trước vọng lâu, nơi chúng tôi ngồi. Khán giả tụ tập rất đông để xem buổi trình diễn ồn ào này và thể hiện cảm xúc của mình bằng những trận cười như súng nổ. Mặc dù đã khá muộn, nhưng cái nóng vẫn khủng khiếp, tôi chưa biết làm thế nào để thoát khỏi sự quan tâm của những vị quan mẫn cán, và hoảng sợ nghĩ rằng, những buổi trình diễn như thế này đôi khi kéo dài đến sáng. May mắn thay, nhân lúc nghỉ giải lao, tôi rủ bà thống đốc ở lối ra, bà ta cũng mệt mỏi không kém gì tôi, nhưng nghĩ rằng điều này làm tôi thích thú, và không muốn làm gián đoạn niềm vui chung. Bà ta thật sự vui khi nhanh chóng được về nhà, vì rất không yên tâm khi để cho người giúp việc chăm sóc đứa con mới sinh. Tất cả các bộ trưởng tiễn chúng tôi đến xe ngựa, và sau đó lính bộ và kỵ mã An Nam với những bó đuốc to tướng đưa chúng tôi tới bờ sông.

Ông vua đáng yêu Thành Thái đã không bỏ qua tôi với ân sủng của mình: hôm sau, sau bữa tiệc đáng nhớ đó, thay mặt đức vua của mình, tất cả quan nhiếp chính và các bộ trưởng mang theo một thùng lớn quà tặng; chúng xứng đáng được mô tả chi tiết, các vị quan chức đã chuyển cho tôi cả danh sách đi kèm dưới đây:

1. Huân chương An Nam dân sự Kim Khánh; đây là một cái bảng vàng có hình dạng nửa tròn, nửa chữ nhật, với tên nhà vua trên đó, nó có thể dùng dây để đeo vào cổ và thông xuống ngực, nó còn có ba tua lụa nhiều màu.

2. Huân chương quân sự Rồng An Nam, là một ngôi sao bạc trắng men rồng xanh, nó được làm như con rồng đang ôm lấy ngôi sao; ngôi sao được treo bằng dải lụa trắng viền vàng, ở phía cuối gắn một ngôi sao khác, nhỏ hơn, mạ vàng và cũng với con rồng.

Đi kèm với hai tấm huân chương này có hai tài liệu được viết trên giấy da chữ vàng, đi kèm với bản dịch tiếng Pháp viết trên giấy thường.

Sắc chỉ đầu tiên tuyên bố: Hoàng đế vĩ đại của An Nam (ở đây liệt kê tất cả các danh hiệu của vua, kéo dài hơn nửa trang) căn cứ vào đề nghị của khâm sứ Pháp về việc một người từ nước Nga cưỡi ngựa đi vào An Nam — đất nước được các vị thần sùng ái — để bày tỏ sự tôn thờ chúng ta, vị vua toàn năng và được tất cả kính yêu, chúng ta quyết định ban thưởng cho vị khách du lịch này (tiếp đến là tên, chức vụ của tôi) và công nhận sự cống hiến của ông trong cuộc hành hương xứng đáng với huân chương Kim Khánh — huân chương chính của chúng ta, trao cho ông với sự phù hộ của các vị thần trên trời cao, trong không gian và dưới trần gian.

Sau đó là chữ ký, ngày, tháng, năm — theo các triều đại trị vì gì gì đó từ ngày thành lập nước An Nam đời thứ bao nhiêu đó.

Sắc chỉ thứ hai, về hình thức, giống cái này, nó hình như bổ sung cho tài liệu thứ nhất; ở trong đó, sau chức vụ là: ghi nhận tinh thần dũng cảm và kiên định trong việc khắc phục mọi chướng ngại, tặng ông ta huân chương quân sự cao cấp và ghi danh ông là quan nhất phẩm không giữ chức vụ.

Chúng tôi đã cười rất nhiều tại dinh khâm sứ về những giấy tờ này, cái chính là chức tước của vị vua nhỏ bé rất hài hước và không tương xứng với vị trí của mình.

3. Hộp có chứa mười huy chương bạc hình tròn, có khắc chữ rất tinh xảo. Về điều này, tôi được giải thích là, tất cả các huân chương thấp hơn, đều thuộc về tôi — người đã nhận huân chương Kim Khánh cao nhất.

4. Hai chiếc quạt lông công lớn có cán bằng ngà voi.

5. Một cái lọng bằng giấy sang trọng với kích cỡ rất lớn.

Hai món quà cuối cùng, mặc dù rất thú vị, nhưng lớn quá về kích cỡ nên tôi đề nghị thống đốc gửi bằng đường biển.

Chuẩn bị vào những nơi không thể đi qua

Nhận quà tặng xong, theo phong tục địa phương, tôi phải ra đi. Nhưng đi đâu? Tất cả mọi thứ thú vị ở đất nước này đều muốn được xem, và còn hơn thế nữa, muốn thăm nơi chưa được nhìn thấy, chưa được nghiên cứu. May mắn là người Pháp có trang trại ở nơi núi rừng hoang dã, ở đó các dân tộc ít người miền núi sinh sống.

Tiếp tục đi dọc con đường cái quan ven biển, dù rằng nó dẫn đến xứ sở Nam Kỳ tuyệt diệu và quá nổi tiếng, không còn ý nghĩa nữa. Người ta đang chờ đợi tôi ở nước Xiêm; thông tin về chuyến đi

trên đất liền của tôi đã tới đó, vậy cần phải đến đó không phải bằng một cách tầm thường, mà là, nếu có thể, mở ra một con đường mới. Công sứ Pháp tại địa phương đã hỏi han: khi nào tôi sẽ tới và từ hướng nào. Ông đã gửi cho tôi một bản sao chính thức của giấy mời được gửi từ Bangkok — thủ đô của nước Xiêm — ra lệnh cho tất cả các trưởng đồn biên giới phải đón và tiễn tôi. Những người Pháp đáng yêu và dũng cảm, tôi công bố với viên khâm sứ là tôi sẽ đi bằng đường thẳng xuyên núi, xuyên rừng để đến sông Mekong, đi qua vị trí thành phố Saravan của Lào, nơi mà chưa có ai đi qua. Ông ta quan tâm tới chuyến đi của tôi, tính rằng, người Pháp sẽ được lợi từ chuyến thám hiểm này. Quan hệ của họ với nước Xiêm luôn luôn có sự hiểu lầm, và biết được một con đường mới đến đó là rất có lợi.

Viên khâm sứ hứa sẽ cấp cho tôi 20 tay súng người An Nam và chỉ huy là sĩ quan người Pháp, thông dịch viên, voi và ngựa; tìm hiểu về khả năng thực phẩm đi đường và đôi điều về những tuyến đường hiện có.

Không thể bỏ nhiệm được trưởng đoàn, vì chuyến thám hiểm này rất nguy hiểm (không ai biết được những tộc người hoang dã đón tiếp chúng tôi thế nào) nên cần phải có người tình nguyện. Và có tới hai người tình nguyện cùng một lúc, thật hạnh phúc cho tôi, họ là những người dũng cảm, đầy kinh nghiệm và rất tuyệt.

Một ngàn lần cảm ơn những người bạn đường tốt bụng và trung thành này, họ cùng với tôi trải qua không ít khó khăn, và tôi nói thẳng thế này:

nhờ có nghị lực và lòng quả cảm của họ mà tôi thực hiện được các dự định của mình.

Đó là Bá tước De la Noue và Trung úy Garnier. Cả hai người đều còn trẻ.

Delanue là phó công sứ Đà Nẵng [81], anh ta không thân thiện với sếp của mình và muốn hộ tống tôi để tự xây dựng sự nghiệp. Đây là một con người rất thông minh, cấp tiến và trẻ, khỏe, vô cùng hữu ích và dễ chịu đối với tôi. Còn Trung úy Garnier là người sinh ra ở nơi đây, đã từng đi trong rừng An Nam, tự quan tâm đến chuyến thám hiểm này và thể hiện nguyện vọng gần như trái với ý muốn của khâm sứ là giữ gìn anh ta như một sĩ quan tốt.

Để làm tốt công tác chuẩn bị, cần năm ngày và Ông khâm sứ đề nghị tôi xuống thăm cảng biển Đà Nẵng, ở đây có nhiều thứ để xem.

Đường trong mây [82]

Người bản địa gọi nó như vậy; nó chính là điều thú vị cơ bản trên đường đi Đà Nẵng. Nó là một cái hẻm núi nằm trên độ cao rất đáng kể. Những du khách đến đây theo đường biển đều thích thú tới thăm chỗ này.

Từ đây đến Đà Nẵng khoảng chừng 100 *versta*, lối đi đó ở vào e cung đường, gần Đà Nẵng hơn.

Như thường lệ, tôi lên đường rất sớm, khoảng 5 giờ sáng. Ông khâm sứ đi tiễn và chở tôi trên một chiếc xe ngựa nhỏ [83] khoảng chừng 10 *versta*, từ thành phố tới bờ một con sông phải vượt qua bằng thuyền.

Tôi cùng với thông dịch viên và một vị quan không mấy quan trọng (tôi nói không mấy quan trọng bởi vì dọc đường không có ai cúi lạy, các trưởng thôn làng không tới chào) cùng qua sông. Không có đoàn và đội bảo vệ cùng cờ quạt đi cùng, nơi này được coi là khá an toàn; tôi đi bằng ngựa An Nam dùng để chuyển bưu kiện, còn ngựa của mình, tôi để lại Huế để được chăm sóc.

Đầu tiên con đường chạy trên mặt đất bằng phẳng, được trải nhựa, khá rộng, hai bên đường là những hàng cây si dày đặc, có chỗ là những cây dừa, vậy nên nó tương tự như những con đường thư ở nước Nga của chúng ta, chỗ thì ken dày những cây dương liễu, còn ở các tỉnh phía Bắc là những cây bạch dương.

Song, chẳng bao lâu sau, từ phía bên phải là những ngọn núi với rừng rậm nối dài và chân trời như khép lại.

Đường cái như thể mọi đường phố — hàng cây đẹp như tranh vẽ, khi thì bắt đầu dâng lên những ngọn đồi được bao phủ bằng những bụi cây, lúc lại uốn lượn quanh co. Phía bên trái nổi lên một cái hồ rất rộng, ngăn cách với biển bằng một dải cát hẹp; trên hồ là tổ của ngỗng trời, thiên nga, chim le le và bồ nông.

Giữa trưa, tôi đến ngôi làng nhỏ Ka Ga; không dễ dàng gì cho tôi trong việc kiếm cái ăn ở đây, dân địa phương đã quen với việc du khách đến đây mang theo tất cả những thứ cần thiết. Tôi phải chờ đợi một thời gian khá dài, cuối cùng thì một mẹt thức ăn cũng đã được đưa đến: có một con cá gì đấy luộc, một bát cơm, vài quả trứng, chục quả chuối nẫu, ba quả dứa xanh và một trái dừa;

dừa làm tôi đặc biệt thú vị, vì trong trường hợp nắng nóng thế này, nước ở đây lại không thể uống được, tôi bị cái khát tra tấn, thì, tất nhiên, không có gì làm thỏa cơn khát được như nước dừa mà người ta gọi là sữa, mặc dù nó chẳng giống sữa tẹo nào, cả về hình thức lẫn hương vị. Nước trái cây này hoàn toàn trong suốt, và chỉ đục khi bị hỏng. Cần phải uống ngay khi vừa bứt ở cây xuống, còn nếu bứt xuống từ ngày hôm trước thì nước không được ngon nữa. Ở đây có rất nhiều cây dừa, làng nào cũng được chúng bao bọc. Và đây có lẽ là cây đẹp nhất của loài dừa, ngọn cây rất sum sê và rất cao. Nó cũng thẳng nhất trong tất cả, thân cây dừa đôi khi có hình dạng rất kỳ lạ, phát triển ở một góc nghiêng 50 °C, và đạt độ cao đáng kể, chúng cần rất nhiều độ ẩm, nếu thiếu thì bị lụi tàn.

Về chiều, con đường càng trở nên đẹp hơn, bắt đầu có những cây đa tuyệt vời, hoa nhài voi, lan tây, bụi cây họ đậu, tất cả được phủ bằng những chùm hoa đủ sắc màu, nổi bật là màu tím (đây thường là màu được yêu thích của thực vật nhiệt đới, như tôi đã thấy).

Khoảng 6 giờ chiều, chúng tôi lên được một cái đỉnh nhỏ, vào đúng lúc mặt trời lặn, mở ra phong cảnh tuyệt đẹp: phía bên trái biển dâng những lớp sóng cao như bức tường, bên phải, một hồ nhỏ ánh lên vẻ lấp lánh, được bao quanh bởi rừng rậm và một thảm rong rêu đủ loại; ven bờ cảnh như tranh vẽ là một ngôi làng nhỏ với những túp lều nhỏ bé dưới bóng dừa cao vút. Con đường với những hàng cây bất tận đâm thẳng vào đây, và tôi quyết định nghỉ qua đêm ở đó.

Tất nhiên, tôi không ngủ trong làng, mà ra lệnh sắp xếp một chỗ ngoài trời, bên bờ hồ giữa các bụi cây sơn lựu và cà độc dược có mùi thơm quyến rũ. Thật khó mà diễn đạt được là đêm đó tôi đã ngủ ngon thế nào; phía trên tôi là bầu trời không một gợn mây với hàng tỷ vì sao và Chòm sao Nam Thập tự từ từ nhô lên sau hồ. Ngay cạnh tôi là tiếng sóng ru nhẹ nhẹ, gió khá mạnh thổi phồng tấm vải đắp của tôi như cánh bướm, ở một nơi nào đó vọng tới tiếng tru của lũ chó rừng (giống tiếng khóc của trẻ con), xung quanh tôi, lũ đom đóm tuyệt đẹp tỏa sáng quyến rũ bay lượn, tiếng cánh vo ve hòa vào bản hợp ca tuyệt diệu của thiên nhiên. Chỉ có một điều khó chịu là lũ muỗi. Chúng đốt người tôi một cách thô bạo, mỗi khi gió thổi bay tấm vải đắp hể phần nào hở ra là chúng đốt. Nhưng nỗi khổ này đã được loại trừ. Trưởng thôn cử hai cô con gái của mình dùng những chiếc quạt lớn để đuổi lũ muỗi dai dẳng và bảo vệ tôi khỏi lũ cá sấu có thể chui lên từ hồ; các cô được trang bị hai thanh giáo dài, các cô gái rất vất vả mới có thể nâng được chúng lên.

Việc đầu tiên là hai cô gái xuống hồ và bắt đầu dùng giáo đâm lung tung giữa những cây sen... dọa cá sấu chẳng?! Tôi không biết. Tôi nói với thông dịch viên, hãy giải thích rằng, tôi sợ muỗi hơn cá sấu, bởi vì tôi không tin rằng, chúng có thể ra khỏi nước, leo lên bờ và ăn thịt người ở gần làng.

Được quạt gió, tôi ngọt ngào ngủ thiếp đi; khá nóng, và mặc dù có gió nhưng vẫn ngọt ngào. Còn các độc giả của tôi, các bạn đang lạnh cóng? Ở

nước Nga bây giờ... Nhưng không, tôi xin lỗi, ở nơi các bạn cũng tháng Năm... Tôi đã quen với việc ở Nga hầu như luôn luôn là mùa đông, vì một lẽ gì đó, tôi có cảm giác là, ở đó khi nào cũng lạnh cóng. Tôi nhớ có một lần, vào tháng Năm vẫn cười xe trượt tuyết, mặc áo lông thú, đi ủng đông và rất lạnh, tuy nhiên, đó là ở tỉnh Arkhangelsk, nhưng ngay sau đó tôi đến Peterburg, mặc dù không có tuyết, nhưng còn khá giá lạnh.

Sau một đêm tuyết vời như vậy, tôi thức dậy tươi tỉnh và khỏe mạnh với sức lực mới, trời còn chưa sáng hẳn, tôi đã ra lệnh lên đường. Hóa ra trong đêm, các cô bé bảo vệ tôi đã đánh thó một hộp bích quy, một chai rượu vang và đã chạy mất! Thôi, Chúa cứu rồi chúng!... Chúc sức khỏe nhé!

Ban đầu trên đường ra khỏi làng phải đi men bờ hồ phủ đầy cát xộp xộp, có cỏ mọc phủ lên, nhưng điều đó cũng không làm chúng cứng lên, ngựa bị lún khủng khiếp. Sau khoảng 8 *versta* thì bắt đầu vượt cái dốc nhỏ đầu tiên để lên núi. Sau một phần tư giờ, đến được chỗ bằng phẳng, từ đây mở ra tầm nhìn tuyệt diệu phía sau: dưới chân là hồ với thung lũng trải dài, phía bên phải là Thái Bình Dương vĩnh hằng sóng vỗ, còn phía trước là những ngọn núi được phân ra bằng những thung lũng sâu và bao phủ bằng rừng rậm, chúng nổi tận chân trời.

Từ đây con đường bắt đầu quanh co ven bờ đại dương, nhưng trên một độ cao đáng kể; thảm thực vật từ mọi phía đều tuyệt: ở đây lần đầu tiên tôi nhìn thấy hoa bạch trà mọc thành từng bụi,

cao tới một *sazhen*¹ và hơn, và đủ loại phong lan khác nhau.

Chẳng bao lâu, bắt đầu dốc đứng, chúng tôi đi qua vài ngôi làng và hoàn toàn mất phương hướng trong rừng rậm, và khoảng 10 giờ sáng thì đến điểm cao nhất. Đây là đỉnh đèo, và chính nó được gọi là Hải Vân. May mắn cho tôi là trời trong sáng, không có một gợn mây nào ngăn cản tôi chiêm ngưỡng cảnh sắc thật sự tuyệt vời ở đây. Ở đây có bức tường đá như một pháo đài, có cổng và cạnh đó, bên sườn dốc có vài túp lều săn bắn tồi tàn. Ngọn núi này chứa chấp hàng đàn khí, thịt của chúng ở đây người ta ăn, còn da thì làm đồ. Thú vị nếu được biết rằng, điều gì đã thu hút chúng đến đây (ở An Nam chúng rất ít), phải chăng là vị trí đẹp như tranh vẽ? Hay là phong cảnh đẹp? Như đã lôi cuốn con người? Cảnh chiếm một vùng rộng có bán kính khoảng hơn một trăm *versta*: từ phía sau, như trong lòng bàn tay là toàn bộ quang đường đã đi từ Huế đến đây, bên phải là đại dương, một cái hồ lớn và dải đất phân cách chúng, phía trước là vịnh Đà Nẵng với những mũi đá, bờ đá kỳ thú, xa hơn là một số hòn đảo với những khu vườn và làng mạc ở đó.

Tôi chiêm ngưỡng cảnh thần tiên này trong khoảng một giờ.

Tất nhiên, độc giả của tôi biết rằng, tôi là người đã được thấy nhiều nơi sang trọng trong cuộc đời, không kể những nơi nổi tiếng nhưng thậm

¹ *Sazhen*: đơn vị đo độ dài của Nga, bằng 2,13 m.

tệ ở Thụy Sĩ, Tyrol [84] và Ý, chỉ có hai cảnh mà tôi có thể so sánh với cảnh ở đây — một là đỉnh Thánh Aphon, cái khác là phiến đá trên Biển Chết ở đất Thánh gần nguồn Enzhedi. Từ cảnh thứ nhất, có thể nhìn thấy gần như toàn bộ quần đảo với nhiều đảo, bờ biển Frakia [85], eo biển Dardanelles, cả ba bán đảo song song, hình thành nên vịnh Salunski, và xa hơn về phía Nam — đỉnh Olympia vĩnh viễn trắng.

Từ cảnh thứ hai, nhìn thấy rõ tất cả Biển Chết, những ngọn núi Moavityan [86], toàn bộ thung lũng Iordan với Ierihon, hồ Tennisaret, các vịnh Tiveria và Kapernaum và Viskhaida [87]. (Khoảng cách từ Biển Chết đến hồ Tiveriada khoảng một trăm *versta*.) Cũng không hề kém là cảnh từ đỉnh núi Etna và Vesuvi, với ba phong cảnh này, không có cái gì có thể sánh nổi. [88]

Đường xuống Đà Nẵng ít dốc hơn so với đường lên, và do đó, khi xuống phải đi rất lâu. Cảnh thì vẫn đẹp như vậy cho tới hết dốc, xuống ngang với mực nước biển trên bãi cát mênh mông; từ đây đến Đà Nẵng còn 15 *versta* sa mạc cát dọc bờ biển, chẳng có cỏ cây gì cả, đường đi rất chán dưới ánh mặt trời thiêu đốt; nóng, bụi bặm, ngột ngạt và tanh mùi cá thối, trên bờ rất nhiều thuyền câu. Mặc dù người An Nam kêu lên cảnh báo rằng ở dưới vịnh nhiều cá mập và tắm rất nguy hiểm, tôi vẫn nhảy xuống nước biển nóng hai lần và vào thành phố với quần áo chưa khô hẳn.

Đà Nẵng

Cảng biển. Nơi đầu tiên «*pied à terre*»¹ Pháp đặt chân đến An Nam, từ đây họ triển khai việc chiếm đóng toàn bộ đất nước. Ở đây, chủ yếu là xuất khẩu quế, gỗ mun, cà phê và thảo quả. Nơi này có rất nhiều người châu Âu sinh sống, nhưng tiện nghi thì không có gì; có cửa hàng, nhưng hàng hóa kém và đắt. Người ta nói rằng, nhiều thứ được mang đến đây bằng đường biển, nhưng chẳng biết để vào đâu nên họ lại gửi ngược trở lại! Vậy thì xin chúc mừng... Thương mại không có gì để nói!

Có một con sông rất rộng chảy qua thành phố, nhưng nước rất dơ và có mùi khó chịu. Có một dải bờ biển, nhưng nó luôn luôn hoang vắng, có những khu vườn ở một số nơi, nhưng cây cối ít và cằn cỗi, giống hệt các phố huyện của chúng ta.

Tôi được đón chào ở Đà Nẵng. Cùng ngày, khâm sứ tổ chức một bữa tiệc, giới thiệu tôi với chính quyền địa phương và chính quyền Pháp. Trước sự ngạc nhiên của tôi, ở đây mọi thứ nằm trong mối quan hệ quen biết nhau, dễ dàng đến với nhau, thậm chí vợ của các quan chức An Nam cũng tán gẫu bằng tiếng Pháp, mặc váy liền áo kiểu châu Âu đi ra đường, tất nhiên, trông họ mặc váy khá quê kệch. Ở đây, tôi làm quen với người đồng hành trong tương lai là Delanue, và

¹ «Nơi sống (ở) tạm thời — nơi trú ẩn».

tôi cũng ngạc nhiên hơn khi gặp ở đây một bà đầm xinh đẹp, vợ của một viên quan, mà tôi đã gặp ở Hà Nội. Chồng của bà được bổ nhiệm làm việc ở đây, và bà đã trở thành một quý bà ở đây. Sau bữa tiệc, một lễ hội dân gian được tổ chức trên sông; theo phong tục địa phương, rất nhiều thuyền (ở đây gọi là pirogi) được trang hoàng bằng những ngọn đèn khác nhau và chạy đua trên sông; những người trên thuyền, như thường lệ ở An Nam, đánh trống và vẩy đuốc. Cảnh tượng rất độc đáo và rất đẹp.

Ngày hôm sau, vũ hội được tổ chức trong khu vườn thành phố.

Khu vườn được trang trí những bức tượng cổ khác nhau¹, chúng được tìm thấy tại những ngọn núi gần đây, chúng rất giống với tượng của người Ấn Độ, bằng đá, và hầu như bị sút mẻ cả, nhưng rất điển hình. Một đám rước diễu qua khu vườn với đuốc và trống, được trang trí bằng những chiếc đèn lồng An Nam nhiều màu sắc khác nhau.

Sau đó, trên một bãi rộng bao quanh bởi những cây si, cây cọ cần cỗi, các nam, nữ vũ công địa phương tụ tập. Đây là thành phố An Nam đầu tiên, nơi tôi được nhìn thấy những người đàn ông nhảy múa, tuy nhiên, cả nam, cả nữ đã hóa trang kỹ càng, bôi nhọ khuôn mặt tới mức không thể nhận ra. Tất nhiên, điều này làm họ trở nên kinh sợ; họ nhảy với những chiếc đèn trong tay, đi kèm với điệu nhảy là tiếng hét dữ dội. Khi điệu nhảy

¹ Nay là bảo tàng Chăm ở Đà Nẵng. (N.D.)

bảo tố của họ kết thúc, người châu Âu trình diễn điệu valse và kadril; lúc này vai trò đã thay đổi, khán giả là người An Nam, và tôi nhận thấy, họ cười một cách kín đáo, có lẽ, họ không tán thành những điệu nhảy của chúng ta.

Tuy nhiên, sự thú vị chính của Đà Nẵng là hang động bằng đá cẩm thạch. Chúng là thiên tạo, nằm cách thành phố khoảng bảy *versta*, trong những khối đá cẩm thạch.

Ông khâm sứ đáng mến tập trung hẳn một đội để đi đến đó, và tổ chức một cuộc picnic thật sự.

Ban đầu, chúng tôi đi ngược sông trên một chiếc thuyền nhỏ. Sau đó, vì vào khu vực nước nông nên phải xuống thuyền, đi theo một nhánh sông, việc bơi lội trên nước mất tiếng rười òng hồ.

Hang động nằm cách sông nửa *versta*, để tới được đó, chúng tôi buộc phải đi qua cánh rừng nhiệt đới quẩn rũ, rất không may là bước xuống gần như bị chìm, cát ngập đến đầu gối. Xung quanh hang động có những đền, chùa được xây dựng, có vườn biệt lập với đủ các loài cây, những người An Nam theo đạo Phật sống ở đây.

Động chính nằm ở lưng chừng núi; cảnh nhìn từ đây rất tuyệt: một phía là đại dương, ở phía bên kia của thung lũng là sông Đà Nẵng và thành phố, gần liền với những dãy núi cao ở phía xa. Đường lên hang động đi theo những bậc thang đá do một ông vua An Nam nào đó làm.

Bản thân hang động chia ra làm hai phần: phần thứ nhất không lớn, có ánh sáng bên hông chiếu vào, đây cũng là lối vào. Tiếp theo, đi xuống mười

bạc thang, bước vào phần khác, rộng lớn hơn nhiều, ánh sáng được rọi từ trên xuống theo lỗ thông hơi. Phần này tuyệt vời, nó rất cao, hình dáng như nhà thờ Công giáo, tất cả do thạch nhũ tạo thành muôn hình vạn trạng. Người An Nam dựng bàn thờ ở đây, và đặt những bức tượng trông rất ghê, họ rất tôn kính hang động này, tất cả các bậc thang ở đây đều đặt các chế tác điêu khắc từ đá, và còn rất nhiều trong các góc tối, hốc đá. Bên cạnh thấy rõ những dòng chữ tâm thường của khách du lịch đã từng đến đây.

Những dòng chữ này luôn làm tôi bất ngờ khó chịu ở khắp mọi nơi. Thật ngu ngốc làm sao! Viết để làm gì và viết cho ai? Để đánh dấu sự vinh quang chẳng? Để chỉ ra rằng, đã có mặt ở đây, ở đó?! Ngớ ngẩn! Nếu anh là người du lịch đích thực, nghiêm túc, thì người ta sẽ biết về anh mà không cần những dòng chữ đó. Hữu xạ tự nhiên hương!

Nếu bạn chỉ đơn giản múa may một cách vô ích, tự bản thân cũng không biết để làm gì, thì bạn không thể đạt tới vinh quang được đâu, dù có viết lên khắp nơi trong cái hang động này. Nếu bạn N., thì vẫn mãi nguyên là N. Tôi đã gặp nhiều nhà du hành «vòng quanh thế giới» như vậy bên bàn ăn, đọc thực đơn. Tôi gọi họ như thế, bởi vì khi họ làm quen với bạn, họ nhất định ngả đầu về phía sau một chút, và nói rất ấn tượng: «Tôi đã đi du lịch rất nhiều, đi vòng quanh thế giới», và ở đây đúng là như vậy, nghĩa là ở trên tàu thủy đến phương Đông, rồi anh ta trở về từ phương Tây, hoặc ngược lại... Nhưng anh ta thấy cái gì? Thật

sự là chẳng thấy được cái gì ngoài khoang tàu của mình, mà thậm chí cái khoang tàu anh ta cũng không nhìn được kỹ vì suốt chuyến đi còn bị say sóng, nôn ọe. Nhưng anh ta nghiên cứu kỹ sách hướng dẫn du lịch các nước trên toàn thế giới «Baedeker», nắm rõ tất cả khách sạn ở các thành phố cảng và luôn luôn có thể xác định được ở đâu rượu vang chua hơn, còn súp lại nóng hơn; anh ta bàn luận về tất cả, về từng đất nước anh ta cũng có thể kể rất nhiều, nhưng tất cả những điều này anh ta đọc được trong sách, còn chính bản thân anh ta thì chẳng nhìn thấy điều gì, bởi vì thậm chí trong thời gian tàu dừng, anh ta cũng không lên bờ tham gia các cuộc tham quan tìm hiểu đất nước mà anh ta tới, vì anh ta không có thời gian; anh ta bận chơi bài whist, hoặc chơi tennis, hoặc hút xì gà.

Những nhà du hành «vòng quanh thế giới» như thế nhìn chúng tôi, những người đi du lịch, bằng nửa con mắt. Họ cho rằng, chúng tôi giẫm chân tại chỗ và nghiên cứu cái gì đó... Còn họ ngồi vào toa tàu, đi một hơi không ăn, không ngủ vài ngày là có thể lướt được khoảng cách mà chúng tôi cả tháng cũng không đi nổi. Còn nếu anh ta cầm sách để đọc, thì dù có là quyển sách bác học nhất, thông thái nhất thì anh ta cũng sẽ ngốn nó chỉ trong nửa giờ, và chẳng hiểu gì cả! Mà thực ra nếu anh ta có chọn sách để đọc thì cũng là những quyển chả có gì để mà hiểu. Và ở đây, trong cái hang động điển hình này, giữa những chữ ký tầm thường của những người «bạn du hành vòng quanh thế giới» của tôi, chúng tôi

tiến hành ăn bữa sáng mang theo từ Đà Nẵng. Tất cả mọi người, dĩ nhiên, đều rất vui vẻ, ăn uống ra trò! Và vì trong đám chúng tôi có một số tiểu thư, nên chúng tôi dồn gọn mấy bức tượng và bắt đầu nhảy tại chỗ linh thiêng này khiến người An Nam khiếp đảm nhìn chúng tôi qua lỗ thông hơi từ trên xuống.

Bên ngoài rất nóng, nhưng trong hang động, sự mát mẻ lại ngự trị.

Sự bài bố tuyệt vời của hang động này là một món quà của tự nhiên, tôi chỉ nhận thấy điều này khi các điệu nhảy kết thúc, chúng tôi mệt mỏi, ngồi bệt trên các bậc đá và đưa mắt nhìn lên trên; các vị có thể tưởng tượng được không, qua những lỗ thông hơi, mấy cái rễ đa buông xuống, chúng không chạm được tới đất, mặc dù một số có độ dài tới 3–4 *sazhen*, chúng treo cong queo như những con rắn khổng lồ đã chết.

Khi chúng tôi ra ngoài trời, một lũ trẻ nửa trần truồng chạy về phía chúng tôi, dúi vào tay những bông hoa cực kỳ long lanh và những bức tượng nhỏ bé bị sút mẻ. Có lẽ, những «nhà vòng quanh thế giới» đã dạy cho chúng điều này.

Hành trình ngược lại

Sau ba ngày lưu lại ở Đà Nẵng, tôi trở lại Huế, và trên đường trở về, tôi được chiêm ngưỡng một hiện tượng nhiệt đới rất hiếm.

Vào lúc 9 giờ sáng, khi mặt trời đã lên cao cách xa chân trời, cao đến nỗi như ở đất nước chúng

ta tại Peterburg vào giữa trưa cũng không bao giờ đạt được, giữa bầu trời trong sáng không một gợn mây xuất hiện cầu vồng mỏng nhưng rực rỡ, bao quanh mặt trời bằng một hình elip khép kín, màu sắc ở đó được sắp xếp theo thứ tự bình thường. Hiện tượng này kéo dài khoảng nửa giờ và rất đẹp, chỉ tiếc rằng rất khó thưởng thức vì hình elip cầu vồng quá gần mặt trời, vì vậy nhìn rất đau mắt.

Hiện tượng này lần đầu tiên được ông Gumboldt [89] trông thấy và coi như hiện tượng quang học, nghĩa là phụ thuộc hoàn toàn vào đôi mắt của chúng ta, nhưng sau đó người ta xác định rằng đây không phải là vậy; tuy nhiên, vì nó rất hiếm hoi nên chưa có lời giải thích chính xác. Người ta phỏng đoán rằng nó xuất phát từ việc các tầng không khí khác nhau nóng lên không đồng đều vì độ ẩm mà chúng lưu giữ. Ở những vùng khí hậu lạnh, hiện tượng này không thấy có.

Ngoại trừ cảnh tượng ấn tượng này (khiến Ludvig của tôi nhận xét rằng, ở An Nam, hoàng đế rất mạnh mẽ, bởi mặt trời ở xứ ông ta có vương miện bao quanh như vậy), không có gì đặc biệt diễn ra trong cuộc hành trình này.

Thời tiết nóng nực, ở mỗi làng tôi đều mua dừa để làm dịu cơn khát, tôi còn mua cả vải thiều và xoài, những loại trái cây mát và dễ chịu, cho đến khi ăn chán thì thôi, chỉ tiếc một điều là vỏ của chúng bốc mùi khó chịu, như nắm tươi vậy. Đáng ngạc nhiên, dừa ở đây không ngon, cứng và không có vị chua gì cả. Ông khâm sứ điều một chiếc tàu thủy đến làng Ka Gai, nằm trên bờ một

cái hồ lớn, cách Huế 40 *versta*. Cái hồ này thông với sông Hương ở Huế, và có thể đi tàu thủy đến tận hiên dinh khâm sứ.

Tuy nhiên, đi bằng tàu thủy ở vùng nước nông cũng rất khó khăn; phải dùng liên tục và có khi phải chống bằng sào.

Xuất phát từ 6 giờ chiều, mãi đến 8 giờ sáng chúng tôi mới đến Huế.

Không nghĩ là hành trình lại dài như vậy, tôi không mang theo chút thực phẩm nào, và bị cơn đói, cơn khát dày vò; nước hồ và nước sông đều mặn, chỉ gần đến Huế, nước mới ngọt.

Đêm nóng khủng khiếp và không có chút gió nào, dù chỉ để làm dịu không khí đôi chút.

Lại nói về bệnh sốt rét

Chính xác là nói về hậu quả của nó, nặng thêm, theo cảm nhận của tôi, vì ở đây quá nóng.

Suốt thời gian tôi đến vùng này, nhiệt độ ở chỗ tôi trong bóng râm dao động từ 37–39 °C, tức là vượt quá nhiệt độ cơ thể bình thường của người, còn dưới ánh nắng mặt trời thì khỏi phải nói, lên tới 60 °C vào giữa trưa¹. Hậu quả của điều này là, con người đã bị suy yếu trước đây do sốt rừng sẽ yếu đến mức rất khó để thực hiện mười bước quanh phòng, thật khó để ngồi mà không dựa vào một cái gì đó mềm; chỉ cảm thấy dễ chịu khi nằm. Đầu không đau, không hề bị sốt, mạch đều

¹ Tác giả hơi cường điệu. (N.D.)

đạn, luôn luôn đổ mồ hôi; nếu bạn gắng gượng, bắt đầu đi lại, chẳng bao lâu sẽ bị chóng mặt; rồi cảm thấy hơi ớn lạnh, sau đó đổ mồ hôi. Kỳ lạ là không thấy chán ăn, và sau khi ăn, mồ hôi lại vã ra, và nói chung là cảm thấy khỏe ra.

Vào buổi chiều, khi nhiệt độ giảm xuống, sức lực trở lại, triệu chứng bệnh tật biến mất.

Ban đêm, tuy nhiên, ngủ khó khăn, bởi vì cũng phải nói rằng, ở đây, thậm chí vào lúc gần sáng, nhiệt độ cũng không thấp hơn 32 °C.

Tuyệt là ở chỗ, ngoại trừ sự yếu sức, nắng nóng không gây đau đớn gì về thể chất, thậm chí ta còn không cảm nhận thấy và chỉ để ý đến nó vì mồ hôi đầm đìa mà thôi.

Một số người (đặc biệt là phụ nữ) không đổ mồ hôi, và những người này chịu khổ sở nhiều hơn; họ thường bị ngất xỉu, buồn nôn, nôn và đau bụng.

Sốt rét ở đây đôi khi chuyển biến thành sốt [90] với tất cả các tính năng đặc trưng của nó như ở châu Âu. Điều này gây ra sự nhầm lẫn lớn cho các bác sĩ địa phương, nhìn thấy cùng một triệu chứng của căn bệnh, họ cũng muốn thấy cùng một nguyên nhân, và họ tưởng rằng, sốt, như ở nước chúng ta, xuất phát từ cảm lạnh, vì vậy họ kê đơn những loại thuốc vô bổ nhất, nếu không nói là có hại nhất, để ngừa căn bệnh này.

Ở đây không thể bị cảm lạnh vì cái nóng hầu như ổn định quanh năm.

Theo lời khuyên ngu ngốc của các bác sĩ, nhiều người châu Âu mặc vải bông ấm, quần đai ấm, áo len dài tay và các thứ ngớ ngẩn khác.

Tất cả những thứ này chỉ làm tăng mồ hôi, cản trở sự ráo mồ hôi, nghĩa là ngăn làm mát cơ thể, và do vậy, càng làm cho người ta yếu đi.

Còn người An Nam thì thoát được chỉ nhờ việc họ hầu như đánh trần và đến một nửa ngày ngâm mình trong nước.

Nói chung, họ ít ốm và cũng không bị tử vong theo kiểu người châu Âu.

Khởi hành đến Xiêm

Tôi rời Huế ngày 20 tháng Năm, lúc 4 giờ chiều. Cả hai bạn đồng hành người Pháp của tôi đi bằng đường biển từ Đà Nẵng đến trước và đợi tôi ở đó.

Vào đúng thời điểm khởi hành, đột nhiên ở chỗ họ không có phu khuân vác; một ai đó trong số các quan An Nam đã bốc phét.

Để không bị chậm, vì tất cả ở chỗ tôi đã được chuẩn bị, khâm sứ khuyên tôi là cứ đi trước, đến hết đoạn một thì nghỉ đêm ở đó và đợi họ.

Buộc phải quay lại đường Quảng Trị, đến làng Phước một lần nữa, rồi từ đây, những người An Nam đưa thẳng vào rừng của người Mọi¹, tiếp giáp với biên giới nước Xiêm.

Tôi không nghi ngờ việc lên đường, tính toán rằng, dẫu sao tôi cũng sẽ có một thông dịch viên biết tiếng Pháp, tiếng An Nam và tiếng Xiêm.

¹ Người Mọi: người dân tộc thiểu số hàm ý khinh miệt, theo quan điểm kì thị dân tộc thời phong kiến, thực dân. (N.D.)

Ngài khâm sứ đã có ý đặt anh ta cho tôi từ đầu đó. Tuy nhiên, khi đã qua sông, tôi thấy ở bên đó vài viên quan cấp thấp với phù hiệu trong trang phục đại lễ, nhiều người với cờ quạt đủ màu sắc, nhưng không có thông dịch viên; vì không biết tiếng, tôi chẳng hỏi được gì về anh ta; không một ai biết tiếng Pháp cả.

Không có gì để làm, tôi chậm rãi đi tiếp, hy vọng rằng, người Pháp sẽ sớm đuổi kịp tôi, và tôi sẽ biết điều gì đó về thông dịch viên.

Ngay sau đó, những người với cờ quạt bỏ tôi mà đi, ở lại với tôi chỉ còn ba người An Nam.

Khoảng 8 giờ, tôi đến làng Phước, rất đói.

Các viên quan chuẩn bị chỗ ngủ cho tôi trong một căn nhà nhỏ. Vì không hỏi được bằng lời, tôi ra hiệu muốn ăn và họ đã hiểu, sau một tiếng đồng hồ, thức ăn được mang đến trên một chiếc khay gỗ: món thì rất nhiều, nhưng chúng tẻ đến nỗi tôi không thể ăn no.

Một con cá muối khô bốc mùi, tôm khô, một món canh gì đó lạnh ngắt, mỡ lợn, thịt lợn sụn, gà luộc (than ôi, còn sống, chưa luộc kỹ), trứng chim công (không được tươi lắm) và cơm. Đương nhiên, vì không thể giải thích cho người An Nam để họ luộc chín gà, tôi đành ăn mỗi cơm và uống rượu vang mang theo từ Huế. Một cụ già nào đó mang đến cho tôi mấy lá chè tươi hái trong rừng, nhưng khi nấu lên, nó cũng chẳng khá khẩm gì cả.

Chật vật xong bữa tối, tôi đi ngủ; người Pháp vẫn chưa đến. Phải làm gì bây giờ? Điều gì đã xảy ra với họ? Chẳng nhẽ họ lại đi theo đường khác?

Họ bị lạc đường chẳng?... Điều đó là không thể, đường đến Phước là đường nhựa.

Sự chậm trễ không hay chút nào. Tôi có nhiều lý do phải vội vã: giữa tháng Sáu ở đây bắt đầu mùa mưa và lũ ở các con sông sẽ lên, lúc đó thì đừng hòng mà đi qua. Suy nghĩ về điều đó, tôi ngủ thiếp đi, mặc dù bọn họ chết quấy quả, có Trời mà biết, chúng ở đâu ra.

CUỐN VỞ 23

Ngày 21 tháng Năm

Theo thường lệ, tôi dậy lúc khoảng 5-6 giờ; vẫn chưa thấy mấy người Pháp đâu cả. Tôi không hiểu nổi.

Rõ là phải đợi được họ; đừng có mà nghĩ tới chuyện đi lên núi một mình không có người dẫn đường và không có phiên dịch, không có đoàn hộ tống, chưa kể tới chuyện ở đó có những bộ tộc tự do, thù nghịch khiến chúng tôi có thể gay go, thì dọc đường, lũ hổ cũng có thể xé xác chúng tôi, lại còn có rất nhiều hổ trong rừng rậm nhiệt đới ngập nước.

Tôi không thể giải thích chuyện gì xảy ra với những người đồng hành của tôi. Hay là mấy người phu khuân vác tập trung muộn? Và không dám đi đêm nên họ đã ngủ lại Huế? Dù gì thì cũng phải chờ đợi thôi.

Tôi thử thuyết phục viên quan tháp tùng tôi để ông ta cử ai đó vào Huế dò tin về mấy người

Pháp, nhưng hoài công. Viên quan chẳng hiểu gì, chỉ lắc đầu. Phải kiên nhẫn chờ đợi thôi! Bao lâu thì tôi cũng chẳng biết.

Ludvig đưa ra một lời khuyên độc đáo là quay về Trung Hoa và qua đó, trở lại Nga, viện cớ rằng vợ con anh ta rất lo lắng.

Dù có đang bồn chồn vì những người đồng hành của tôi không tới thì tôi cũng không nhịn được cười vì một lời đề nghị ngây thơ như vậy.

Ăn sáng bằng cùi dừa xong, tôi đi lang thang trong làng và khu vực xung quanh. Chỗ nào cũng thấy chuối mọc xen kẽ với dừa và những túp lều bần thiu của người An Nam, xa xa là những cánh đồng lúa và ruộng mía bát ngát.

Loanh quanh khoảng gần một tiếng, tôi quay về, vẫn chẳng thấy bóng dáng mấy người Pháp; đã 8 giờ sáng; mặt trời lên cao và bắt đầu thiêu đốt thực sự. Những người An Nam tốt bụng đã sửa soạn mái che cho tôi trong sân (không thể ở trong nhà vì ngột ngạt). Tôi ngồi bên bàn và bắt đầu viết. Mấy người Pháp vẫn mất tăm; Ludvig hát một bài hát xưa về cuộc trở về nước Nga.

Một giờ nữa trôi qua, tôi phát chán. Có chuyện gì xảy ra vậy nhỉ? Hay là họ không muốn đi nữa? Hay là họ sợ người Mọi (một bộ tộc miền núi)? Hay là sợ sốt rét? Tình cảnh của tôi thật ngớ ngẩn. Vì buồn chán, tôi ra lệnh thẳng ngựa và lên đường vào Huế, bụng tính rằng nếu hôm qua mấy người Pháp chưa đi thì khi biết rằng, tôi không đợi được họ ở làng Phước, họ sẽ phải lên đường sáng nay, không muộn hơn 6 giờ, vì vậy sẽ có mặt tại đây khoảng 10 giờ. Nếu đến lúc đó mà tôi không gặp họ thì đó là bằng chứng rằng họ

sẽ không đi với tôi và khi đó tôi sẽ viết một bức thư cho ông khâm sứ để xin cử cho tôi một người phiên dịch.

Tôi đi và phóng mắt ra xa, hy vọng sẽ thấy những người đồng hành của mình, nhưng chẳng thấy gì ngoài khoảng trắng chói chang của con đường phủ đầy cây si, cây cọ và các loại cây nhiệt đới dễ thương khác.

Dọc đường gặp những người An Nam rảo chân đi chợ, thô nặng như những con trâu đủ thứ linh tinh, vợ và con gái họ gần như trần trụi lúp xúp chạy theo, lưng cũng trĩu những thứ đồ nặng quá sức.

Đàn bà ở đây chỉ che ngực, còn lưng, vai và chân họ luôn để trần vì họ mặc những chiếc váy rất ngắn chỉ đến đầu gối (ấy là khi họ có váy, thường là họ không có, nhất là lũ con gái).

Người ta lừa một đàn trâu đi về phía tôi, chắc là cũng ra chợ để bán. Như tôi đã nói, lũ trâu ở đây khác với bò của chúng ta ở chỗ chúng có những chiếc sừng to, cong hình lưỡi liềm, không sệ xuống mà dường như được cắm vào đầu, chúng rất thích nước và các kiểu đầm lầy, sẵn sàng cả ngày đầm trong đó; cũng như ở Trung Quốc, ở đây nghiêm cấm ăn thịt trâu, nhưng người ta kém tuân thủ điều này hơn là ở Thiên triều, nhất là ở những bộ tộc không theo đạo Phật.

Cuối cùng, khoảng gần 10 giờ tôi nhìn thấy ở phía trước một đám bụi mù mịt và chẳng mấy chốc đã thấy tỏ một đám bộ hành. Nhiều phu khuân vác khiêng đồ đi về phía tôi, sau họ là các tay súng An Nam, khóa đuôi là những người Pháp của tôi. Tôi quá đỗi ngạc nhiên khi thấy họ

đi bộ; té ra là lũ người hầu của họ chả hiểu mô tê gì, nên đã dẫn ngựa đi trước, đó chính là những kỵ sĩ đang hộ tống tôi. Mấy người Pháp khốn khổ kiếm họ khắp nơi, không thấy đâu nên đành quyết định đi bộ. Chính vì vậy mà tôi đã phải chờ họ lâu như vậy.

Đi cùng với họ còn có một người dẫn đường, một thanh niên gốc Campuchia rất đàng hoàng, rất giống một người châu Âu.

Mấy người Pháp vô cùng mệt mỏi và khổ sở, tức giận vô cùng với lũ người của họ (ở Viễn Đông, người ta gọi người hầu theo kiểu Ănglê là «bồi»). Theo phong tục của nước này, các sĩ quan chả phải đắn đo gì khi trừng phạt những kẻ phạm tội bằng nhục hình, cho biết mùi «cá đu lười» hay là mấy «roi».

Mà người An Nam cũng quen với chuyện này đến nỗi họ cũng chả mấy lo sợ.

Gần trưa, cả đoàn đến làng Phước dừng lại nghỉ ngơi. Chúng tôi quyết định chờ qua cái nắng và sẽ lại lên đường sau 4 giờ, còn bây giờ thì sửa soạn bữa trưa. Mấy người An Nam đem cho chúng tôi một loại quả chưa thấy bao giờ¹: nó méo mó, trông như một quả cà dái dê nhỏ, bên trong ruột lại đỏ, ngọt và rất ngon; mấy người Pháp cũng không biết là quả gì và sau này tôi cũng không bao giờ thấy loại quả đó ở đâu cả.

Chính ngày hôm đó một chuyện khó chịu, đặc trưng của khí hậu vùng này, xảy ra với tôi: cả hai chân tôi bị bỏng cát.

¹ Có lẽ là quả chay. (N.D.)

Khi tắm sông, để đến được chỗ nước sâu, tôi phải đi qua một trảng cát rộng khoảng 15 *sazhen*: lúc đó khoảng gần trưa, những đụn cát bị mặt trời thiêu đốt, và gan bàn chân tôi bị bỏng thực sự đến nỗi sau đó đi lại rất đau đớn.

Tuy nhiên, đến gần 4 giờ, chúng tôi lên đường và quay lại con đường quốc lộ vào sâu trong nội địa. Con đường chạy qua những khu vườn rậm rạp, có những túp lều của người An Nam đẹp như tranh vẽ, phía bên trái thấp thoáng con sông rộng, đôi bờ phủ kín những hàng tre rậm rạp, xa xa là những ngọn núi thấp thoáng, nhưng chưa có nhiều cây cối vì chúng ở gần làng mạc của người An Nam. Họ đốt rừng vì sợ lũ hổ báo.

Đi được khoảng 7 *versta*, chúng tôi nghỉ đêm tại một làng nhỏ tên là Cù Bi. Trời đã sẩm tối mà đường sá ở đây rất khó đi trong bóng tối. Bên bờ sông có một cái đền thờ lớn nơi chúng tôi dừng chân.

Người ta mang đến cho chúng tôi món mít, ở đây gọi là *jokette*, trong khi đầu bếp sửa soạn bữa tối. Hình như tôi cũng đã trình bày với bạn đọc rằng, loại quả này có kích thước bằng quả dưa hấu, mọc thẳng trên cành, trông méo mó dị dạng và phủ đầy gai, ruột màu vàng, ngọt, rất dính, chia thành từng múi, trong mỗi múi lại có một cái hạt to như quả óc chó, khi luộc chín thì có vị như hạt dẻ và ăn rất chắc dẻ, béo bổ. Mỗi quả có khoảng hơn hai mươi múi.

Những người dân làng tốt bụng còn mang thêm cho chúng tôi, ngoài mít ra, một con gà rừng, trứng và chuối.

Ngày 22 tháng Năm

Đêm hôm nay còn mát mẻ hơn cả hôm qua và rất nhiều sương, đến nỗi chân gối của tôi ướt hết. Bạn đọc sẽ chẳng ngạc nhiên là sương còn lọt cả vào khu đền. Ở đây, đền thờ nơi nào mái cũng rách nát, ở một số chỗ còn trống hoang.

Tuy nhiên, khoảng 6 giờ, trời đã nóng và tất cả đều khô ráo, và càng ngạc nhiên hơn rằng mùa này, mặt trời lên có lúc vào khoảng 6 rưỡi, nghĩa là vừa đủ để làm tăng nhiệt. Tóm lại, đối với một người dân phương Bắc, việc mặt trời mọc rất nhanh thật là độc đáo, cứ như một quả cầu xộp hiện ra giữa bầu trời.

Vả chăng bởi chúng tôi hôm nay đã lên tới độ cao nhất định so với mặt biển nên cũng không bị nắng nóng lắm. Giữa trưa, nhiệt độ trong bóng râm là 34 °C theo nhiệt kế.

Con đường hôm nay chúng tôi đi thật tẻ nhạt; lên đến núi, chúng tôi quay về hướng Bắc, hơi lên cao, đi được khoảng 10 *versta* đến làng Ba Chúc theo một trảng cát lớn phủ đầy những bụi cây lúp xúp.

Tới làng Ba Chúc, chúng tôi dừng nghỉ tại căn nhà của một vị linh mục Công giáo địa phương; ông ta không có nhà, và người hầu của ông ta tiếp đón chúng tôi. Trong các món thết đãi chúng tôi, anh người hầu đem ra một loại quả lạ, to bằng trái táo nhỏ, màu đỏ đỏ vàng vàng, vỏ dày, cứng,

vị rất khó chịu, bóc cũng rất khó, ruột bên trong màu trắng trắng, hơi chua có ngạnh cứng¹.

Không một ai trong số những người đồng hành của tôi biết tên loại quả này cũng như cái cây ra quả này. Tuy vậy cả hai người Pháp đều tuyên bố rằng nó giống loại quả nổi tiếng của phương Nam là quả măng cụt, loại quả ưa thích của người Xiêm. [91]

Không đợi gặp được chủ nhân, chúng tôi đi tiếp khoảng 7 *versta* nữa rồi nghỉ đêm tại làng Gria. Đây là một ngôi làng có rừng dừa dày đặc xen lẫn những bụi chuối, mít và bụi tre với những cành lá rậm rạp che phủ những túp lều thấp lè tè của người An Nam, trải dài trong một khoảng không bao la. Chúng tôi mất khoảng nửa giờ qua làng ấy, rồi mới thấy được chỗ ở tạm tạm.

Ngày 23 tháng Năm

Đêm trôi qua không có sự cố gì đặc biệt, chỉ có điều là từ chiều những người An Nam la hét rất ghê và chửi cho chúng tôi ngủ nghê gì, đến nỗi chúng tôi phải gọi viên quan hộ tổng lập lại trật tự. Họ cãi cọ nhau gì đó vì chuyện lương thực và phải phân xử ai ăn cắp của ai một bao gạo.

Chúng tôi lên đường khoảng 6 rưỡi sáng và chẳng bao lâu đã tới một cánh rừng rậm rạp, phủ kín những quả đồi cao, những nhánh núi đầu

¹ Có lẽ là quả bứa. (N.D.)

tiên của dãy núi An Nam — Xiêm hay còn gọi là Tây Nguyên.

Con đường xuyên rừng thật khó đi, thường phải qua những con suối rộng, nước chảy xiết ngập đến thắt lưng, sau đó phải trèo lên những ngọn núi đá dốc đứng, hiểm trở, rồi lại tụt xuống, bám chặt lấy những rễ cây đa trùng như những con rắn uốn éo quấn quanh các thân cây. Lữ ngựa trượt chân, ngã lên ngã xuống và phần lớn quãng đường chúng tôi phải đi bộ.

Con đường mòn hẹp mà chúng tôi đi thường bị phủ kín bởi vô vàn cây lá, muốn đi qua phải nhảy, đu như tập thể dục hoặc phải đi vòng qua những bụi gai.

Khu rừng tuyệt đẹp, đúng là rừng nhiệt đới thực sự, khắp nơi thơm ngát dễ chịu, rừng cây phương Bắc tẻ buồn của chúng ta đâu sánh được! Trảng rừng rậm rạp này chúng tôi đi qua như là bước theo một hành lang dài xanh ngát. Trên đầu chúng tôi thực sự là một mái nhà; mắt không thể nhìn xa được và cũng rất tối tăm, dù mặt trời đang thiêu đốt. Thực ra ở trong rừng, cái nắng nóng dễ chịu hơn nhiều lần so với ở ngoài trời.

Sau 5 tiếng du hành trong khu rừng kỳ diệu đó, chúng tôi đến được một bản nhỏ của người Mọi. Đó không phải là bộ tộc hoang dã, họ chịu sự cai quản của người An Nam; vả chăng sự hoang dại của họ chỉ ở chỗ họ cố nạp (sản phẩm tự nhiên: thóc gạo, rau quả, vàng cát và ngà voi) cho những ai tới yêu cầu, ngoài ra họ rất ít làm trồng trọt, chủ yếu sống bằng săn bắt, chẳng biết nghề nghiệp gì, họ không sử dụng tiền.

Trang phục của người Mọi ở đây rất giống người An Nam, nghĩa là họ cũng gần như ở trần, tuy nhiên nhà cửa thì khác hẳn: không thấp lè tè và trải sát mặt đất như của người An Nam mà hẹp và cao, luôn luôn là hai tầng. Tầng dưới có sàn đất để làm kho chứa đủ thứ linh tinh, lủ gà, lợn cũng ở đó luôn. Tầng trên là nơi ở, tối và rất thấp, không đứng thẳng được, chỉ có thể lom khom hoặc ngồi; sàn làm bằng tre đan, mái lợp rơm rạ. Tất cả công trình đều được làm bằng gỗ, từ ngoài vào có bậc thang bằng tre có thể di chuyển được (cũng giống như loại thang dùng để trèo lên lưng voi).

Nhà không có cửa sổ, thay vào đó là những ô khoét, che bằng những chiếc mảnh mảnh theo sở thích của chủ nhân, độ cao của những ô này được tính toán vừa tầm để người ta có thể từ đó ngồi luôn lên lưng voi. [92]

Người Mọi rất nghèo, họ không có cả những vật dụng tối thiểu, tất cả những gì họ cần đều phải kiếm từ người An Nam bằng cách trao đổi sản vật địa phương. Một trong những sản vật chính là cây đại ma (tầm gai) mọc đại vô thiên lủng ở đây. Họ chuyển xuống tuốt cho người An Nam.

Vì trời mưa như trút nên chúng tôi quyết định nghỉ đêm tại bản này. Những người Mọi tốt bụng, dù nghèo khó, đã đem cho chúng tôi trứng gà và chuối, đổi lại, chúng tôi tặng họ nửa phuntơ muối, thứ mà họ rất cần.

Buổi chiều họ đến bán cho chúng tôi một con công họ bắn được trong rừng và xin đổi lấy một cái đĩa hay một cái cốc của chúng tôi (họ không

biết và không dùng tiền). Chúng tôi đề nghị một cái vỏ chai rượu và cuộc trao đổi thành công: chúng tôi rất có lợi và họ cũng rất hoan hỉ.

Xin bạn đọc đừng nghĩ rằng họ cần cái chai ấy để chứa bất cứ một thứ chất lỏng nào, mà chỉ là để trang trí trong nhà, cũng như mấy cái vỏ cá hộp, tất cả những thứ đó họ treo lên tường nhà.

Ngày 24 tháng Năm

Chúng tôi ngủ ngoài sân, gần con suối. Gần sáng, trời trở nên mát mẻ hơn, thậm chí tôi phải đắp chăn, điều mà khá lâu rồi tôi không phải làm. Cả ngày trời con đường cũng giống hôm trước: rừng rậm không có nhà cửa gì, lúc thì dốc cao đến tận cổng trời, khi lại xuống đến tận địa ngục, rồi lại tắm trong những con suối mát mẻ nước ngập đến thắt lưng. Chúng tôi đi chậm chạp và đến chiều thì tới một khoảng rừng trống nhỏ, cây cối bị đốt sạch, có mấy túp lều tiêu tụy — đó là bản Ba Đá.

Chúng tôi vừa thu xếp xong thì gió mát nổi lên, sấm rền, chớp lóe lên và mưa ào xuống, cơn mưa nhiệt đới mà chúng tôi chưa hề có khái niệm, đúng là như trút nước, từng suối nước chảy từ mọi phía, chúng tôi phải trú nhờ trong những túp lều của người Mọi... Và đúng là mọi thứ đều là tương đối trong cuộc đời này: tôi thấy lạnh và buộc phải mặc áo bành tô. Nhìn nhiệt kế tôi thấy chỉ 26 °C. Nhiệt độ như vậy ở Nga được coi là nóng nực và người ta mặc đồ mát mẻ nhất; ở

đây thì chúng tôi thấy lạnh, bởi cái nóng đã quá nuông chiều chúng tôi và chúng tôi đã trót quen với nó.

Người Mọi trong bản Ba Đá đem cho chúng tôi gà rừng và trứng, còn chúng tôi cho họ mảnh vải sơn.

Ngày 25 tháng Năm

Lại thêm một ngày nữa chúng tôi đi trong khu rừng rậm theo con đường mòn hẹp, ngoằn ngoèo. Chúng tôi đói và mệt, quần áo bị những bụi gai cào rách bươm, chân thì đầy máu vì vô số vết. Mặc dù những bất tiện như vậy, thiên nhiên vẫn tuyệt vời làm ta quên mất sự vất vả khổ sở và vẫn khát khao thưởng thức vẻ đẹp nhiệt đới còn xa lạ với dân phương Bắc.

Tôi đã được thấy bao nhiêu cánh bướm tuyệt vời, thật phải cầu nguyện cho chúng: dù là bất kỳ một bảo tàng hay một bộ sưu tập động vật phong phú nhất thì bạn cũng sẽ chẳng thấy được những con tương tự!

Hơn nữa, trong các bộ sưu tập, chúng bị ghim phanh thây, nhột nhột và đã chết, còn ở đây, chúng sống động, vui tươi, hớn hờ lượn từ bụi này sang khóm khác, và vì rằng chẳng ai săn bắt chúng nên chúng cho phép đến gần và ngắm nghía thoải mái.

Tôi thu thập rất nhiều, và thật tiếc là hoàn toàn uổng công, chỉ phá hủy sự yên bình của lũ bướm, bởi toàn bộ bộ sưu tập của tôi sau này bị hỏng cả,

mà trong đó có biết bao tiêu bản tuyệt mỹ, quý hiếm.

Tôi sẽ không làm khó bạn đọc vì mô tả chi tiết những loài bướm lạ tôi tìm thấy trong cánh rừng thần tiên này, chỉ xin nhắc tới hai loại khiến tôi kinh ngạc nhất. Hai con bướm này sải cánh ra rộng tới 5 *vershok*. Những con bướm khổng lồ như vậy ở châu Âu chỉ có thể thấy trong mơ, thậm chí ở Bồ Đào Nha, xứ sở thần tiên cũng chẳng có loài tương tự. Một con màu đen ánh xanh lục và có những vòng trắng lớn ở mép cánh. Con kia thì trắng toát, lấp lánh ánh bạc và có đường viền màu da cam ở cả bốn cánh. Chắc chắn là bạn đọc chẳng quan tâm đến tên Latinh của loài bướm này, vì vậy tôi chẳng viết ra làm gì, và nói chung tôi không muốn làm mọi người phát chán với những chú thích mang tính khoa học, vì thừa biết chúng nhàm chán thế nào với những người không chuyên nghiên cứu về vấn đề này.

Mệt mỏi nhưng hài lòng vì tận hưởng thiên nhiên, chiều chúng tôi đến một bản Mọi tên là Mum (vẫn dưới quyền những người An Nam). Bản này trải dài trên ba ngọn đồi với cây rừng đã bị đốt, xung quanh bao bọc vẫn bởi cánh rừng rậm rạp trải dài khắp đất nước, và té ra là bao phủ cả bán đảo, từ biển tới biển, nghĩa là từ Thái Bình Dương đến Ấn Độ Dương.

Nương của người Mọi bản Mum gồm ngô, dứa, sắn (loại củ mà người ta làm hạt trân châu) và một số loại rau quả miền sơn cước.

Bộ quần áo đắt tiền của tôi bị rách bướm, tôi tả. Vì trời nóng nực quá nên tôi cởi phắt ra và ăn

trưa chỉ mặc độc chiếc áo sơ mi, mang đôi ủng. Như các vị thấy đấy, trang phục không hẳn là Âu châu, nhưng trong rừng rậm nhiệt đới thì nó chẳng khiến ai ngạc nhiên cả.

Ngày 26 tháng Năm

Hôm nay cánh rừng rậm rạp đã hết; đi một lúc chúng tôi bước ra thung lũng sông Quảng Trị và khu rừng biến thành những bụi cây lúp xúp, xa xa phía con sông có những cây lau sậy cao hơn đầu người.

Phía trước và sau khoảng rừng thưa đó, thấp thoáng những ngọn núi bị rừng cây che phủ và lẫn vào chân trời. Bên bờ sông có một làng nhỏ của người An Nam, bao quanh bởi những hàng tre, dừa và các loại cây ăn quả khác.

Cách ngôi làng ấy không xa có một viên đại úy Pháp sống ẩn dật và làm nông. Ông ta trồng cà phê, ngô, bông và các sản vật địa phương khác. Ông ta không có nhà mà sống trong cái kho đựng bằng mấy cột gỗ và có mái che.

Chúng tôi dừng nghỉ chỗ người ẩn sĩ đó một ngày và dường như ông ta rất mừng khi gặp chúng tôi. Ông ta có mấy cô hầu gái người An Nam, còn công việc ngoài đồng thì có mấy người dân làng làm thuê.

Từ đây, tất cả những người phu khuân vác của chúng tôi phải quay trở lại. Theo lời khuyên của viên đại úy, chúng tôi chất đồ đạc lên lưng ngựa đến làng Mọi gần nhất, từ đó sẽ phải chuyên chở

bằng voi. Người ta nói rằng tìm thuê voi không mấy khó khăn, người Mọi ở đâu cũng có nhiều voi.

Ngày 27 tháng Năm

Ngày hôm đó chúng tôi nghỉ lại chỗ ông đại úy lịch thiệp. Trời mưa cả ngày, tôi suýt chết đuối khi ra tắm ở con sông nhỏ, hóa ra ở đó có những xoáy ngầm kinh khủng và ngay sát bờ sông, độ sâu cũng không lường được.

Ngày 28 tháng Năm

Vì ông đại úy lịch thiệp không nín kéo nên chúng tôi luận ra rằng, đã đến lúc lên đường. Ông tiễn chúng tôi bằng cà phê vườn nhà. Tôi không khẳng định cà phê rất ngon. Nhìn chung, cà phê ở vùng Viễn Đông này còn xa mới ngon như cà phê Mocca nổi tiếng, có vẻ giống loại Martinique hơn.

Rời chỗ ông đại úy khá sớm sủa, chúng tôi đi dọc theo sông khá lâu và vì đi từ bờ này sang bờ kia, nước sông ấm áp nên cái vụ tắm ngoài ý muốn này không hẳn là quá khó chịu.

Con đường mòn thì nhỏ, cỏ mọc cao đến nỗi kỵ sĩ cũng mất dạng trong đó, từ phía trước và phía sau đều chả nhìn thấy gì.

Chúng tôi đi theo triền sông viễn bởi những dãy núi cao, trên sườn núi đâu đó ẩn hiện những bản của người Mọi. Gần một bản như vậy chúng tôi thấy mấy con voi đang lang thang bứt cỏ.

Không ở đâu người Mọi hòa nhập với người An Nam và rất miễn cưỡng kết thân với họ. Theo ngôn ngữ và phong tục thì họ giống người Xiêm hơn, và còn gần người Lào hơn nữa, tuy nhiên họ lại không thích và rất sợ người Lào bởi những người này từ lâu chuyên bắt cóc phụ nữ Mọi bán làm nô lệ. Họ còn đem cả những cô gái này sang tận Miến Điện, ở đây, do chế độ bảo hộ của Anh quốc, họ không thể trở về nhà.

Đến trưa ngày hôm đó, chúng tôi tới một ngôi làng lớn của người An Nam là Mai Lan (làng cuối cùng). Ở đó họ đã thuê và chuẩn bị sẵn voi cho chúng tôi từ hôm trước theo lệnh của một ông quan buộc phải rời chúng tôi tại đây.

Để xem cưỡi voi sẽ thế nào! Chúng tôi ngủ lại trong sân rộng của một ngôi đền, dưới bóng những cây cau. Ludvig của tôi nhanh chóng tổ chức phòng tục địa phương; khi chúng tôi đi nằm, anh chàng thân nhiên mò đến nhà trưởng thôn và yêu cầu một con gà mái, anh ta nấu súp và chén đầy. Khi tôi hỏi tại sao anh ta lại ăn không của người ta như vậy, anh ta thân nhiên trả lời: «Vì tôi là người Âu, họ là lũ người châu Á thì họ phải nộp cho tôi thôi!»

«Từ lúc nào mà cậu phát hiện ra rằng, một người châu Âu, dường như sống ở nước Nga, không hề biết gì về điều này?» — tôi nói.

«Thì bây giờ tôi được biết» — cậu ta trơ tráo trả lời. «Mấy người Pháp bảo tôi như vậy.»

Tuy nhiên tôi đã cấm anh ta từ nay về sau không được lợi dụng quyền hạn hoang đường của một người châu Âu, thậm chí lại huyền hoặc mình là kẻ chinh phục như chàng Côđắc Asinow

ở Abissini [93] và chuyển sang cướp bóc trắng trợn.

Ngày 29 tháng Năm

Chúng tôi rời chốn này khoảng 6 giờ sáng, ở đây như vậy là muộn, bởi người ta thường ra đi trước khi trời sáng. Nhưng vì phải mất khá lâu mới chất được hàng lên lũ voi. Người ta la hét, chửi nhau, đồ đạc lăn lóc, lũ voi gầm gừ... Mỗi khi voi gầm gừ và khua vòi, Ludvig chạy bán xối vào rừng trong tiếng cười rộ của mọi người, sau đó anh ta mặt mũi tái nhợt, sợ hãi len lén trở lại. Máy người Mọi vui vẻ vì nỗi sợ hãi của anh ta đến nỗi cố tình chọc giận mấy con voi để chúng gầm lên khiến cho người hầu trung thành và nhát gan của tôi khiếp đảm.

Phát chán vì trò hề này, tôi phải quát mọi người chấm dứt.

Cuối cùng thì mọi việc cũng xong và năm con voi chất nặng đồ khệnh khạng bước theo chúng tôi. Ở An Nam, người ta không chất quá nặng cho lũ voi, chỉ khoảng 15 đến 20 *pud*¹ mỗi con, cả túi hàng được chất vào một cái cũi nhỏ có hình dạng như một cái kiệu nhỏ rồi buộc lên lưng voi. Người quản tượng ngồi lên cổ voi và quát, nện chiếc gậy sắt vào đầu voi. Để leo lên voi, người quản tượng nắm lấy tai voi, còn con voi thì khụy chân xuống, tạo ra một bậc thang cho anh ta.

¹ *Pud*: đơn vị đo trọng lượng của Nga, bằng 16 kg.

Không ai điều khiển voi (điều này là không thể), chúng tự chọn đường đi và đi theo người dẫn đường, người này luôn đi bộ trước cả đoàn.

Mà lũ voi thường xuyên quay bên phải, ngoặt bên trái, nếu chúng cảm thấy không thuận tiện hoặc muốn ăn măng tre. Chúng luôn luôn dừng vùi cảm nhận đường đi và nếu thấy nền đường không đủ chắc chắn, chúng không bao giờ bước đi, dù có bị quất thế nào.

Trên đường rộng, bằng phẳng, lũ voi đi với tốc độ 6 *versta* một giờ, nhưng vì ở đây hầu như không có đường tốt mà chỉ toàn đất lún hoặc dốc đứng nên đoàn voi chuyển động cực kỳ chậm chạp, cộng thêm những lúc mấy người quản tượng cho dừng để buộc lại hàng hoặc để nghỉ ngơi, nhìn chung tốc độ chỉ khoảng 3 *versta* một giờ.

Ở An Nam người ta thích bịa chuyện ngụ ngôn về lũ voi: người ta nói rằng, chúng có thể trèo ở những nơi mà lũ sơn dương cũng không dám bén mảng, rằng lũ voi thông minh, biết chăm sóc người cưỡi chúng để họ không bị chao đảo, không bị vướng vào cây, không làm rơi hàng.

Tất cả những điều này quả là phóng đại. Voi vô cùng đồng đánh và hoang dã, ngoài chủ của mình, chúng chẳng muốn cho ai tới gần, khi chuyên chở đồ nặng thì làm như hạ cố. Hễ có gì không như ý là chúng hất tung mọi thứ trên mình hoặc đơn giản là dừng lại và nằm ườn ra. Chúng không chịu bất cứ một thứ dây dợ gì trên người. Vì vậy, không bao giờ có thể thắng được nó, hoặc ít ra là rất khó.

Chúng cũng chẳng biết leo trèo như lũ dê núi, nhưng tất nhiên là chúng khéo léo hơn lũ ngựa. Voi không bao giờ vấp và trượt chân, nếu đặt chân vào đâu, dù là chỗ nghiêng nhất, chân nó sẽ bám chặt tại chỗ.

Lũ voi rất hữu dụng khi vượt sông. Chúng không sợ nước và bởi vóc dáng to lớn, chúng có thể vượt qua những chỗ nước rất sâu mà người ngồi trên không bị ướt.

Tôi sẽ còn phải nói nhiều về loài vật này (bởi tôi đã vượt hàng ngàn *versta* đường trên lưng chúng và yêu loài voi hơn tất cả các loài vật khác).

Đoàn voi của chúng tôi đến chỗ nghỉ chậm hơn chúng tôi hai tiếng đồng hồ, mặc dù chúng tôi đi không nhanh, không quá 30 *versta* ngày hôm ấy. Mà thực ra sự chậm trễ này do lỗi của người quản tượng hơn là tại lũ voi.

Hôm nay chúng tôi đã đến được lưu vực sông Mekong, trải qua độ cao khoảng 1800 *fut* so với mặt biển. Nơi này lại còn đẹp hơn: rừng tuy không rậm rạp nhưng cây to hơn nhiều, có cả những cây khổng lồ (chủ yếu là cây tếch). Chúng tôi còn gặp nhiều cây chuối rừng.

Trong làng, nơi chúng tôi dừng chân ngủ lại, tôi được thấy một loại rau mới, gọi là củ khoai môn. Loài cây này có lá rất to bản, người ta luộc củ để ăn, vị của nó giống actiso đến nỗi nếu không nhìn bạn sẽ chẳng phân biệt nổi.

Trong rừng ở đây có một loại cây mọc hoang rất giống khoai môn, nhưng lại rất độc, có thể phân biệt rõ ràng bởi vị hơi đắng, chát của nó.

Ngày 30 tháng Năm

Buổi sáng trời rất lạnh, sương núi bao phủ khắp nơi, y như ở châu Âu. Đến tận 8 giờ sương mới tan. Chúng tôi đi xuyên rừng, chủ yếu là rừng tre. Lần này lũ voi được xua đi trước. Những người Mọi hộ tống chúng vừa đi vừa khua những ngọn giáo dài.

CUỐN VỞ 27

Công tước Vyazemski du lịch quanh Xiêm và Campuchia. Trước khi đến Nam Bộ (miền Nam Việt Nam) ông tham gia cuộc săn bắn do viên khâm sứ người Pháp tổ chức.

Cuộc săn bắn diễn ra trong những khu rừng nhiệt đới tuyệt đẹp và chúng tôi đi săn không phải bằng xe kéo, xe ngựa hay cưỡi ngựa mà là cưỡi voi, ngồi trong những chiếc cang mở và ngắm chân trời xa xa.

Sự đa dạng và phong phú của muông thú ở đây khiến tôi kinh ngạc.

Mấy chục người Campuchia la hét không mệt mỏi để xua lũ thú rừng cho chúng tôi, chỉ vồn vện có bốn tay súng, và từ 6 giờ sáng đến trưa đã bắn được: 7 con thỏ, 5 con sơn dương, 2 con linh dương, 1 con báo hoa, 3 con khỉ, 5 con công, 2 con chim trĩ, 6 con chim thiên đường, 3 con gà lôi, 8 con bồ nông và 11 con vẹt. Chúng tôi phải dành một con voi để mang những con thú săn được.

Dù đã bắn được vô số thú như vậy mà mấy người thợ săn vẫn không hài lòng, họ khẳng khái cuộc đi săn này không thành công, họ bức bối chẳng vớ được con hổ, con bò rừng hay con tê giác nào, những loại mà họ có ý đem theo loại đạn đặc biệt dành cho chúng.

Vì lẽ gì đó, ở đây người ta không ăn thịt chim trĩ, chim thiên đường, thậm chí cả lũ vẹt, họ giết chúng chỉ vì những cái lông. Còn lại thì họ đem nướng hết vào những ngày sau và tôi đã chén hết một cách thích thú, thậm chí cả thịt báo tôi cũng thích dù nó có vị gì đó khó chịu, mềm, nhão nhưng không tươi xồm.

Chuyến đi đến Nam Kỳ

Xứ này nằm tận rìa cùng ở góc phía Đông Nam châu Á, chẳng tiện đi đâu bằng đường bộ nhưng nên thăm thú. Tôi đã được nghe nói nhiều điều kỳ diệu về xứ này, nhất là thủ đô Sài Gòn (người Pháp gọi là Segon). Người ta nói với tôi rằng đó là Paris miền nhiệt đới, kết hợp sự tuyệt mỹ của hoa trái miền xích đạo với tiện nghi của thế giới văn minh, phải xem bằng được cái của lạ ấy.

Tôi vô cùng ngạc nhiên khi ông khâm sứ giải thích cho tôi rằng, vì nước lụt mới dâng nên phải đi bằng tàu thủy, rồi bằng thuyền, không phải trên sông mà là trên những cánh đồng lúa và ngô, trên những cánh đồng cỏ và rừng cây. Cả xứ này rất trũng và tất cả đều ngập nước, đến tận cuối tháng Mười hay tháng Mười một mới khô ráo.

Ông khâm sứ cho tôi mượn tàu riêng của mình đi đến biên giới rồi đánh điện tín để từ Sài Gòn người ta cử một chiếc tàu ra đón tôi.

Dương nhiên là có thể đi theo sông Mekong bằng tàu thư của bưu điện đến thành phố Mỹ Tho rồi từ đó đi bằng đường sắt, nhưng dĩ nhiên là đi vào nội địa thú vị hơn nhiều.

Trước ngày lên đường, Quốc vương Khor Me đến thăm tôi tại chỗ ở, ông đi khắp căn phòng, sờ mó, xem xét mọi thứ và hài lòng ra về.

Tôi đã lên tàu từ chiều để khởi hành vào lúc sáng sớm.

Ngày 10 tháng Bảy

Tôi ra đi lúc bình minh, ở xứ này thường là lúc 6 giờ sáng. Ai đó đã giải thích cho Ludvíc rằng, đó là do quy định ở đây rất nghiêm ngặt, thậm chí mặt trời cũng không được mơ mộng vớ vẩn như quen thói ở Peterburg: mùa hè thì dậy lúc nửa đêm, hầu như chả ngủ nghề gì, còn mùa đông thì lại ườn xác ra, chả chịu dậy, chỉ nhờn nhơ ở phía đường chân trời bằng mấy tia sáng rồi trốn mất tăm.

Lúc đầu chúng tôi xuống xuôi theo sông Mekong, đến ngôi làng nhỏ Ba Nam. Một người Pháp đồng hành đã chia tay tôi ở Pnom Penh và theo đường biển trở về. Ở Ba Nam có giáo đoàn, đền thờ rất đẹp, có trạm thuế và bưu điện.

Tôi đến nơi vào khoảng 8 giờ sáng. Một người công chức Pháp vô cùng ngạc nhiên khi thấy tôi và mời tôi ở lại ăn sáng. Qua báo chí họ biết về

cuộc du hành của tôi, nhưng không thể ngờ rằng tôi lại dừng chân tại ngôi làng hẻo lánh này.

Ở đây có nhiều con sông nhỏ ngập nhau, cùng đổ nước vào sông Mekong, nơi này ẩm ướt, đầm lầy. Dân làng Ba Nam gồm cả người An Nam và Campuchia.

Nói chung, ở khu vực biên giới Campuchia với Nam Bộ, dân chúng pha trộn và gồm ba tộc chính: người Campuchia thường làm ruộng, người An Nam thường buôn bán và người Trung Hoa thống trị cả người Campuchia lẫn người An Nam.

Những thông tin này đều do mấy vị công chức hay chuyện chia sẻ trong bữa sáng.

Họ khẳng định rằng, thật lạ lùng là ba chủng tộc này không hòa hợp với nhau. Người Tàu đôi khi lấy vợ Việt và Khơ Me, nhưng người Việt và Khơ Me không bao giờ lấy nhau. Sự thù hằn dân tộc luôn ngáng trở. Khi chúng tôi xong bữa sáng, nhấm nháp món dưa, người hầu ở đây đem ra một thứ quả lạ lùng: màu xanh, hình dạng như quả đậu Thổ Nhĩ Kỳ, dài khoảng 3 *vershok*, nghĩa là gần bằng quả dưa bở, nhưng lại dẹt dẹt. Người Pháp gọi nó là «korosol»¹, vị nó giống quả mắc cooc nhưng hơi chua. Tôi chẳng bao giờ thấy loại quả này ở bất kỳ nơi nào khác.

Từ làng Ba Nam, rời sông Mekong, tôi phải đi theo một con sông nhỏ nhưng nước rất sâu để xuôi xuống phía Đông Nam. Sông suối ở đây không theo quy luật chung: con sông bé Trở Bè chảy từ sông Mekong và mang nước đi song song với sông một quãng dài, sau đó đổ nước vào con

¹ Quả măng cầu xiêm. (N.D.)

sông Cái Cò nhỏ hơn, trông giống như con kênh và chẳng có tàu bè nào qua lại được, không phải vì không đủ độ sâu mà vì lòng sông quá hẹp.

Sông Trở Bè mùa đông cạn khô, uốn khúc chảy qua miền đồng bằng phì nhiêu, nhiều làng mạc, phân biệt bởi những hàng cây họ cọ và cây chuối. Cây họ cọ ở đây chủ yếu là thốt nốt, dừa và cây cau có vẻ hiếm gặp hơn.

Thường là con sông nhỏ chảy qua các làng vì vậy nhà cửa rải rác cả hai bên bờ sông.

Đi được chừng 70 *versta* dọc con sông này, tôi đến trạm thuế quan đóng ở chỗ sông đổ vào dòng Cái Cò, ngay chính biên giới Nam bộ, trạm này gọi là Thăng Bình. Khi tôi đến gần, một cơn bão nhiệt đới nóng ẩm nổi lên; mưa tuôn xối xả. Mặc dù vậy, một công chức cùng với đoàn thủy thủ đồn quân sự Xoài Riêng đã đón tôi ở bờ sông, quân phục chỉnh tề và ươi sững.

Chuyến đi bằng tàu thủy kết thúc ở đây; anh ta đón tôi bằng thuyền buồm có 8 tay chèo và đưa tôi về Xoài Riêng, cách đây khoảng 45 *versta*.

Đồn Thăng Bình do một người lai (bố người Âu, mẹ người bản địa) trẻ tuổi cai quản. Những người này bị người Pháp ruồng bỏ. Anh ta cưới một người phụ nữ Pháp trẻ tuổi, rất xuân ngốc và tầm thường.

Quang cảnh xung quanh rất hoang vu, nhưng vì cũng đã muộn nên tôi quyết định ngủ lại ở cái nơi chẳng lấy gì làm đẹp mắt này. Và quả tình, sau đó đã phải ân hận.

Ngày 11 tháng Bảy

Đêm hôm nay sẽ còn ở lại lâu trong trí nhớ của tôi. Tôi không thể chợp mắt, và các vị nghĩ xem, vì sao chứ? Vì lũ muỗi hành hạ chúng tôi khôn khổ. Mặc dù tôi rất giỏi chịu đựng và ít cảm nhận khi bị côn trùng cắn, nhưng sự tra tấn ở đây thật quá sức chịu đựng của tôi.

Tôi ngủ ngoài hiên, chiếc giường của tôi có mắc màn, vậy mà lũ muỗi vẫn lọt vào được. Chúng vo ve không mệt mỏi và đốt liên tục, tôi cố trùm vải trải giường lên đầu, chúng vẫn đốt được, tôi cuộn tròn trong cái chăn len, nhưng cũng không thoát được, chúng vẫn tìm cách lọt qua. Chỉ cần quờ tay là vỡ được cả nắm. Tôi chưa bao giờ thấy ở đâu muỗi nhiều như vậy.

Bị hành hạ cả đêm, trời vừa mới sáng tôi đã chia tay chủ nhà và vội vã rời cái nơi khủng khiếp ấy, nó gọi cho tôi về vùng Lưỡng Hà nằm giữa hai con sông Tigris và Euphrates, nơi thiên đường theo kinh thánh, nhưng ngày nay người ta lại phải khổ sở vì bọ chó. Ở đó tôi cũng từng bị mấy đêm mất ngủ. Dân địa phương thoát khỏi muỗi và bọ chó do có xoa một thứ gì đó kinh khủng cho cả người lẫn côn trùng.

Chúng tôi xuôi dòng Cái Cò, mà phải nói rằng thuyền của chúng tôi choán hết lòng sông. Con sông rất quanh co, chảy qua vùng hoang vu, mọc đầy lau sậy, chả có dân cư, thỉnh thoảng thấy mấy túp lều sơ sài của ngư dân, chẳng thấy cây cối gì,

những đàn bò nông đông đúc hoảng sợ vì con thuyền của chúng tôi, táo tác chuyển từ bờ này sang bờ kia.

Chúng tôi xuôi dòng và gió ủng hộ chúng tôi nên đã đi được 8 *versta* một giờ.

Dần dần con sông Cái Cò trải rộng hơn và đi qua vùng hồ lầy lội, phủ đầy những đám sen hồng tuyệt đẹp, thỉnh thoảng lại xen những bông hoa to màu xanh tím, thuộc loại hoa súng.

Con sông này nhiều chỗ phủ đầy rong rêu, rất khó đi qua.

Về mùa đông không thể bơi thuyền theo dòng Cái Cò vì nước cạn. Con sông này chảy qua biên giới và phân biệt Campuchia với Nam Bộ, nghĩa là phân chia vùng Pháp bảo hộ và thuộc địa Pháp.

Mùa đông, những cái hồ này đều cạn nước và trở thành ruộng đồng hay đồng cỏ. Có một con sông khá dài chảy vào đó (sông này mùa đông cũng cạn khô) và nơi hợp lưu này cũng có một trạm thuế quan, nơi công sứ Xoài Riêng đến đón tôi trên con tàu do khâm sứ Nam Kỳ cử đến.

Từ đây đến Xoài Riêng chỉ 10 *versta* và chúng tôi lập tức lên đường để khỏi lãng phí thời gian.

Đồn Xoài Riêng nằm trơ trọi giữa một nơi hoang vu, gợi cho chúng tôi về những miền thảo nguyên vùng trung tâm nước Nga chúng ta, cũng bề mặt bằng phẳng, buồn tẻ, chẳng cây cối, chỉ khác biệt ở chỗ là quanh khu này thay vì những cây liễu trắng là những bụi tre.

Trạm này nằm ngay biên giới, phân định bằng con sông và thuộc Campuchia, nhưng dân chúng ở bờ bên thì lại thuộc chính quyền Nam Kỳ.

Khắp bốn phía của khoảng không bao la này là lau sậy, vào thời điểm này đang ngập trong nước. Bây giờ thì đến voi cũng chịu, không thể đi vào đây bởi nơi này đã trở thành đầm lầy không thể qua được. Mùa đông, chúng sẽ bị thiêu đốt vì mặt trời và chả được tích sự gì. Xa xa, khoảng 20 *versta*, có thể thấy mấy ngọn đồi mà người ta nói rằng, có rừng bao phủ và người Pháp canh tác cà phê ở đó, nhưng không mấy thành công.

Nhân tiện nói về sản phẩm này, đúng hơn là về tên gọi của nó. Bên ta, chả hiểu theo phong tục sai lầm nào, cứ đòi là từ *кофе* (cà phê) không biến cách và phải viết là *кофе*, trong khi những anh em của cà phê lại biến cách thản nhiên và không viết với cùng một vĩ tố như ở ngôn ngữ gốc, như từ «chè» trong tiếng Trung Quốc và «sôcôla» trong tiếng Pháp. [94] Tại sao cà phê lại được ưu đãi vô luật như thế được? Hay là vì nó được mượn từ tiếng Anh? Tôi biết rằng người Anh là dân tộc kiêu hãnh nhất thế giới và chả chịu «biến đổi» trước bất kỳ ai. [95] Nhưng chúng ta phải quy phục họ như vậy làm gì? Đến nỗi thậm chí từ ngữ của họ khi thâm nhập vào tiếng ta, ta cũng không dám «biến cách»? Người Nga uống cà phê đã lâu, đã đến lúc Nga hóa các từ này. Trong bất cứ trường hợp nào, dù hoàn toàn tôn trọng người Anh, nhưng tôi cũng không nghĩ rằng sự tôn trọng này phải bao gồm cả ngôn ngữ của họ và tôi đề nghị: chỗ nào tôi viết là *кофе* xin đừng sửa thành *кофе*.

CUỐN VỞ 28

*Công tước Vyazemski du hành trên đất Campuchia
và Nam Bộ*

Lại bàn về cà phê

Biết trước rằng sẽ có vô số những lời phản đối trút xuống đầu tôi bởi hành động trái khoáy của tôi với từ này, tôi xin tuyên bố với tất cả những ai còn nghi ngờ về khả năng biến cách của nó rằng, tôi đã bắt đầu cuộc chiến chống lại sự thủ cựu toàn năng không phải à la légère¹ mà được đảm bảo bởi một liên minh hùng mạnh.

Tôi đã tra cứu được về vấn đề này từ ngài F. I. Buslaev [96], cha đẻ của Ngữ pháp Nga, và vị giáo sư đáng kính này đã trả lời tôi rằng theo quan điểm của ông, viết кофе là một lỗi lớn, là một sự hạ mình trước người Anh. Dĩ nhiên, họ là dân tộc thượng đẳng, trình độ văn hóa cao, nhưng họ không phải là cấp trên của ta, chẳng việc gì phải

¹ «Không suy nghĩ kỹ».

phục tùng họ trong vấn đề này. Và về vấn đề cao nguyên Pamir [97], tôi cũng đồng quan điểm như vậy, để tránh bất đồng, có thể trả quách cho họ, bởi nó chả đáng giá gì thậm chí cả về mặt chiến lược, bởi ở đó cũng chả ai sống được. Nhưng một khi từ ngữ của họ nhập vào ngôn ngữ của ta, vì sự công bằng, phải tuân theo nguyên tắc chung. Từ кофуи ở cả tiếng Thổ và tiếng Hy Lạp đều biến cách. Và thêm một nhận xét nữa, không phải về mặt ngôn từ mà về chính sản phẩm này: trong tất cả các loài cây cỏ phục vụ ăn uống cho con người, cà phê là giống đồng đánh nhất. Nó không chỉ sợ lạnh, dù chỉ lạnh chút xíu, mà còn không chịu được ẩm, rồi lại còn rất khó tính về thổ nhưỡng. Thậm chí ở vùng nhiệt đới cũng không đủ độ ẩm áp, cà phê quyết không mọc ở bất cứ đâu quá vĩ tuyến 14 về phía Bắc. Ở An Nam và Xiêm, nó mọc kém, ở Ấn Độ thậm chí rất ít, trong tất cả các quốc gia châu Á, chỉ ở Ả Rập là có nhiều và tốt.

Ở châu Á, cà phê không mọc đại và ở châu Phi cũng ít có cà phê mọc hoang dã. Mà đây là loại cây lợi nhuận cao nhất trong tất cả. Quả cà phê chín quanh năm, không đếm xỉa đến mùa nào, chỉ việc nhanh chóng thu hoạch mà thôi. Cả một gia đình có thể sống nhờ 5-6 cây cà phê. Dĩ nhiên không phải nhờ ăn quả (vì nó không đủ dinh dưỡng) mà là nhờ bán sản phẩm. Quả đáng tội người ta cũng đã tiến hành thí nghiệm trên một số tội nhân: chỉ cho họ ăn quả cà phê và một số trong bọn họ đã sống tới năm tháng. Ở châu Á, hầu hết các đồn điền cà phê thuộc về nhà thờ Công giáo, dĩ nhiên trừ các đồn điền Ả Rập.

Vào những năm được mùa, quả cà phê nhiều đến nỗi chủ vườn không thể thu hoạch hết, vì thế có câu ngạn ngữ Ả Rập: khi nào muốn mô tả một công việc dai dẳng, mãi không xong, người ta ví với hái cà phê.

Cà phê có rất nhiều loại, loại tốt nhất, dĩ nhiên là mokko, nó khác biệt bởi ngoài vị đắng, nó hơi chua chua. Ở nước Nga khó kiếm loại này, và cái thứ mà người ta bán ở ta dưới cái tên này chỉ là thứ pha tạp. Ở châu Âu loại Martinique và Ai Cập, cái thứ kinh khủng, phổ biến hơn. Người ta đem chúng vào Nga qua Thổ Nhĩ Kỳ, ở đó họ thường trộn lẫn với cà phê Ả Rập và bán ở ta dưới cái tên cà phê Li Băng.

Cái tên này thật ngớ ngẩn và khó hiểu, dẫn đến hậu quả là nhiều người tưởng rằng cà phê này từ Li Băng! Nhưng điều này là phi lý bởi Li Băng là xứ lạnh, ở đó không chỉ cà phê mà thậm chí cam cũng không chín nổi, nho còn mọc không xong. Li Băng nằm ở vĩ tuyến 36–33, ngoài ra nước này nằm ở trên cao, là vùng núi non, mùa đông thậm chí còn có tuyết.

Không phải ở đâu cũng dùng cà phê như nhau: ở phương Đông, người ta hoàn toàn không xay cà phê mà chỉ cán chúng ra thành bột và không lọc bã. Ở Hy Lạp, người ta cho quế vào cà phê, còn ở Sirya, thay vì đường người ta bỏ muối. Ở Ý và Tây Ban Nha, người ta pha loãng đến nỗi nó giống như nước rác. Người Anh nghĩ ra trò thêm sữa vào, còn người Pháp thì thêm rượu Rôm. Tuy nhiên, tất cả đều thường uống cà phê sau bữa ăn, không phải khi bụng rỗng. Ở Thụy Điển, tất cả

đàn ông uống cà phê hàng ngày, trong khi đó ở miền Nam châu Âu, người nghèo không với tới món này. Còn ở Hy Lạp, không một ngày lễ nào có thể thiếu cà phê, đặc biệt trong các dịp tang lễ. Trong các tăng viện nghiêm ngặt của Hy Lạp, người ta không cho phép dùng cà phê khi ăn chay. Theo số liệu của một nhà bác học, hiện nay, trên thế giới, hàng năm lượng cà phê được người ta sử dụng lớn hơn là lượng cà phê được sản xuất ra!? Quý vị muốn hiểu thế nào thì tùy! Thống kê là thế đấy!

Đồn Xoài Riêng

Sau chuyến đi tẻ nhạt trên những con sông, suối đơn điệu, tôi rất khoan khoái được nghỉ một ngày, dù là ở trên hoang mạc. Hơn nữa, quan công sứ sở tại, Ngài Palie, là một người vô cùng lịch thiệp, ông đã làm mọi thứ có thể để giúp tôi tiêu khiển.

Từ sáng sớm chúng tôi đi xem hết cơ ngơi: chuồng ngựa, trại lính, nhà tù, vườn rau. Tất cả đều qui củ, đầu vào đấy.

Trong trại lính có 40 tay súng người An Nam, họ sống cùng vợ con theo phong tục châu Á. Trại được chia ra thành những căn buồng cho từng cặp, sàn nhà bằng đất, vách và trần bằng phen tre, khắp nơi đều sạch sẽ, ổn thỏa, thậm chí còn có ý đồ xa xỉ: đôi chỗ có treo tranh; giường đều che bằng vải sa để chắn muỗi và ruồi (đại họa địa phương). Một người vợ lính đều trẻ (họ đuổi hết

những người đàn bà đứng tuổi), họ đi lại lòa lổ và có vẻ rất hài lòng với số phận. Một số người có con cái, đích thân các ông bố bế ẵm con vào lúc rảnh rỗi.

Nhìn họ, tôi ngẫm nghĩ tại sao ở châu Âu không làm như vậy? Tại sao không xây dựng những trại lính, nơi họ có thể sống cùng gia đình? Có gì phải bắt họ ra khỏi gia đình? Sự dã man chỉ ảnh hưởng xấu đến đạo đức đó để làm gì?

Cứ cho là ở ta khó thực hiện được điều này vì lương bổng mà quân nhân được nhận quá thấp, chả làm sao mà đủ để anh ta nuôi vợ. Nhưng ở Tây Âu, lương bổng của quân nhân cao đến nỗi thừa đủ cho mọi cuộc hoang tàng, trác táng và loạn đả, anh ta có thể nuôi vợ con chả mấy khó khăn và điều này sẽ nâng cao đáng kể đạo đức của các hạ sĩ quan.

Nhà tù ở đây cũng bằng tre đan, gồm hai ngăn chật hẹp, nam riêng, nữ riêng, và đều bỏ không.

Chuồng ngựa không lớn lắm, trong đó chỉ có một con ngựa của quan khâm sứ. Vườn lại rất rộng, trong đó rau xà lách, tỏi, hành xen với khoai, sắn, khoai môn; thay vì bờ rào là những khóm dứa.

Ngôi làng nhỏ gần trạm rất đặc trưng: những ngôi nhà phen tre của người An Nam xen với những ngôi nhà tranh vách đất của người Hoa và những ngôi nhà sàn cao của người Campuchia (Khơ Me) với chuồng gà ở tầng dưới.

Thay vì khoảng sân rộng thả thú nuôi, ở đây có đồng cỏ có hàng rào có lũ hươu chạy nhón nhơ (không hiểu sao ở đây người ta gọi chúng là nai) và lũ công nước, lũ chim nhồng, gà Phi.

Hai con khỉ nhỏ bị buộc bằng hai sợi dây thừng nhỏ, khiến cái đám chúng sinh hiền hậu này kinh hãi.

Chơi cá

Khoe xong cơ ngơi của mình, ngài thống sứ hỏi tôi: đã bao giờ tôi được xem chơi cá? Và khi tôi nói chưa, ông nói sẽ cho tôi được thưởng thức cảnh ngoạn mục ấy.

Lập tức ông sai người mang đến hai bình nước, mỗi bình có một con cá nhỏ màu xám, khoảng bằng nửa con cá bống của ta. Đây là giống đặc biệt, chỉ có ở các đầm lầy Nam Kỳ. Người ta thả hai con cá vào một bình. Tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy hai con cá quẩn vào nhau với một vẻ thù nghịch. Lại càng ngạc nhiên hơn khi thấy vây và đuôi của chúng biến thành đủ sắc cầu vồng; cả hai con lấp lánh dưới ánh nắng, quẫy đuôi rất mạnh.

Dường như chúng lấp lánh vì lũ cá hút nước vào những bong bóng nhỏ li ti dưới dạng lăng kính ở vây của chúng.

Mấy phút sau, chúng xông vào nhau và bắt đầu đánh nhau bằng má, thỉnh thoảng tóm lấy hàm nhau, chúng lôi nhau. Trong trận chiến khốc liệt này, từng mảnh đuôi, vây và vây cá chìm xuống đáy bình.

Sau nửa giờ ẩu đả, một trong hai con chìm xuống đáy và trở lại màu xám ban đầu. Con kia ngoi lên mặt nước, ra dáng ăn mừng thắng lợi.

Người Campuchia rất thích những trận đấu như vậy. Họ nuôi riêng những con cá này và cuộc nhau xem con nào thắng.

Nhìn những con cá tưởng chừng hiền lành, tôi băn khoăn không hiểu chúng lấy đâu ra cái bản năng ác độc ấy! Điều gì đã thôi thúc chúng đánh nhau và làm hại nhau? Ở loài người thì cứ cho là sự ích kỷ, ham muốn thú tính (không phải lúc nào cũng đem lại khoái cảm), ước muốn phát tài, gây chiến và thù hận. Nhưng còn ở mấy con cá này thì là cái gì? Chúng lấy đâu ra cái bản năng thù nghịch ấy? Thiên nhiên đôi khi có những điều thật lạ lùng! Nhưng với tôi điều còn lạ lùng hơn nữa là con người, một sinh vật có trí tuệ, thấu hiểu sự đê tiện của cái ác lại có thể thưởng thức cuộc chiến của loài vật?! Mà trong lúc đó chúng đang khổ sở, hành hạ nhau một cách vô nghĩa.

Trong trường hợp này, điều tôi quan tâm là sự mới lạ tôi chưa từng chứng kiến, ấy là về phương diện khoa học. Tuy nhiên, chọi gà, đấu bò tót, vật tay của thanh niên luôn khiến tôi thấy ghê tởm và những người khoái cảnh tượng ấy là những người không bình thường về đầu óc.

Tôi cho rằng, tất cả những cảnh tượng gắn với nguy cơ gây thương tích cho thân thể là một sự vô đạo đức ở cấp độ cao nhất. Tất cả các tiết mục xiếc trình diễn để mua vui cho thiên hạ và có thể gây ra những hậu quả chết người chỉ cho thấy sự man rợ của chúng ta và tất nhiên là với sự tiến bộ của văn minh, sẽ bị loại trừ, giống như các cuộc giao đấu lỗ bịch của các hiệp sĩ từng hấp dẫn biết bao kẻ vô công rồi nghề thời trung cổ nay đã bị loại trừ ra khỏi tập quán của chúng ta.

Có lần ở Paris tôi đã thấy một anh hề thực hiện một cú nhảy không thành và bị chết ngay tại chỗ. Điều này đã gây ra sự kinh hoàng, nhiều quý bà thốn thức, nhiều người cuống quýt bỏ về. Sự việc này gây ảnh hưởng rất lớn đối với tôi. Về nhà, tôi tự hỏi: ai là người có lỗi trong cái chết của anh hề ấy? Vì sao anh ta chết? Và tôi kinh hoàng nhận ra rằng, tất cả chúng ta đều có lỗi trong cái chết ấy, rằng anh ta chết vì muốn mua vui cho chúng ta. Mà chúng ta, những kẻ rối hơi, những người thích cảm giác mạnh, như người ta vẫn thường gọi, lại tìm thấy sự khoái trá khi thấy kẻ đồng loại nhào lộn trước mắt mình, tiềm ẩn nguy cơ gây các bộ phận cơ thể và mất mạng. Và vẫn có những kẻ tội nghiệp như vậy: không sở hữu động sản hay bất động sản, những người làm hài lòng chúng ta vì chút tiền công, đôi khi để nuôi gia đình mình, đã phải thực hiện những cú nhào lộn nguy hiểm và không đáng ấy. Thật ghê tởm! Thật hèn hạ! Thật tội lỗi!

Quân cờ Campuchia

Ở đây tôi còn chứng kiến một trò giải trí tôi chưa từng thấy nữa. Để trình diễn trò chơi địa phương, quan công sứ cho gọi một người dân làng đến và chơi cờ với anh ta. Các quân cờ cũng giống như của chúng ta, nhưng được làm thô thiển hơn, luật chơi có khác một chút. Quân tốt không đứng ở hàng hai mà là hàng ba, thành ra giữa chúng và các quân khác ở đầu ván có khoảng trống. Quân hậu và tượng chỉ có thể tiến theo

đường chéo và chuyển động trong một phạm vi. Ngoài ra, quân tượng có quyền ăn con đứng trước bằng nước nhảy. Từ đó suy ra rằng quân hậu là quân yếu nhất. Quân vua, hậu, tượng và tốt có thể đi hai bước một, chính vì thế mà quân tốt lập tức rơi vào hàng thứ năm, nghĩa là phía đối thủ. Các luật còn lại thì cũng tương tự như của ta. Nhưng chỉ riêng thế thôi cũng đủ khiến trò chơi này rắc rối và khó hiểu đối với chúng tôi. Ăn tượng lạ lùng nhất chính là quân hậu hoàn toàn yếu ớt, chẳng đáng bảo vệ vì nó chẳng hơn con tốt là mấy và nếu con tốt ở cuối bàn thì nó thậm chí còn yếu hơn cả tốt. Trong trò chơi này, chiếu bí vua và hậu là không thể. Quân mạnh nhất lại là xe rồi đến mã; vua tương đối ít bị nguy hiểm hơn và có thể mạnh dạn đi lại trong bàn cờ ở đầu ván cờ mà không cần nhập thành.

Những luật chơi lạ lùng này ở đâu ra? Và trò chơi này được biết đến ở Campuchia này lâu chưa? Tôi chịu, không biết được.

Ngày 12 tháng Bảy

Buổi chiều ngày hôm ấy, cái ngày mà tôi được biết bao nhiêu điều mới lạ, công sứ lịch thiệp đã mời tất cả bộ máy hành chính địa phương tới ăn trưa. Tham dự có cả hai nhà truyền giáo, những ông già vui tính, hiểu biết tốt về nước này và kể rất nhiều chuyện kỳ thú về nó.

Ngày hôm ấy với tôi thật không uổng phí.

Hoàng đế La Mã Titus [98] cho rằng, một ngày uổng phí là ngày mà ông không làm được điều

thiện, vậy mà vẫn đánh dấu sự trị vì vương quốc của mình bằng vô vàn tội ác và tội lỗi. Tôi coi một ngày uống phỉ là ngày mà mình không học được điều gì mới lạ, và có lẽ dù sao vẫn đánh dấu cuộc đời mình bằng những kiến thức thật nghèo nàn. Sự cách biệt giữa ý định và việc thực hiện thật là lớn! Và sự khoác lác quả là bản chất của con người!

Sau bữa trưa tôi lên tàu. Con tàu được cử đến từ Sài Gòn và đã đi theo sông Vàm Cỏ tới thành phố Tân An của Nam Bộ cách đó 140 *versta*. Tôi vượt qua khoảng cách này trong vòng một đêm. Làn gió mạnh, ẩm áp đã ru tôi một cách dễ chịu và tôi hầu như không để ý đến quãng đường.

Tôi vô cùng sung sướng thấy rằng trong lúc tàu chạy, lũ muỗi hầu như không bay vào tàu, có lẽ chúng sợ tiếng ồn! Và tôi đã ngủ ngon giấc, cả đêm không hề bị một con nào «tấn công».

Ngày 13 tháng Bảy

Khi tôi tỉnh giấc, đã 5 giờ và trời bắt đầu sáng. Khúc sông này khá rộng, không có vẻ hoang vu như ở vùng Xoài Riêng. Chúng tôi gặp nhiều chiếc thuyền nhỏ. Hai bên bờ sông có những cây dừa nước mọc hoang dã. Đây cũng là lần đầu tiên tôi nhìn thấy chúng. Chúng nhiều vô kể và mọc rậm rạp như lau sậy, mọc từ nước lên, chỉ cao khoảng một *sazhen*, và mỗi cây chỉ có một thân với những tàu lá dài. Nhưng chúng tuyệt đẹp.

Những làng mạc chúng tôi gặp dọc đường có vẻ trù phú hơn làng mạc của Campuchia, xung quanh có nhiều cây xanh và hoa.

Tân An

Chúng tôi đến Tân An khoảng 7 giờ sáng, ở đây đã có thể cảm nhận được nền văn minh châu Âu.

Đầu tiên là cây cầu treo bằng sắt rất to, tàu hỏa chạy qua nó để về Sài Gòn (chỉ khoảng 40 *versta* là tới).

Dinh công sứ (ở đây các vị quan Pháp không gọi là quan thống sứ mà là công sứ) nằm ngay bên bờ sông. Tòa nhà bằng đá to, kiến trúc rất đẹp, bao quanh bởi một khu vườn lộng lẫy.

Ông già công sứ, dù trời mới sáng, đã ra đón tôi tận tàu và đưa về nhà mình. Nội thất các phòng phù hợp với bề ngoài của dinh thự: tiện nghi châu Âu kết hợp một cách hài hòa với sự tao nhã châu Á. Sàn nhà bằng đá xẻ hoa văn như đá hoa, trên tường treo nhiều bức tranh khác nhau và bức tranh thêu viền nổi tiếng của xứ Quảng Châu. Chỗ nào cũng có đồ sứ trang trí.

Trước khi đưa chúng tôi đi thăm thành phố, ngài công sứ gợi ý tôi điếm tâm sau chuyến đi, và người ta đem lên cho chúng tôi nhiều loại hoa quả khác nhau. Có hai loại hoàn toàn mới đối với tôi: loại đầu giống măng cầu xiêm¹, chùng bằng

¹ Theo mô tả thì đây chính là quả măng cầu xiêm hay còn gọi là xiêm gai. (N.D.)

quả lê to, cũng màu xanh như vậy, phủ đầy gai và dáng như quả đậu Thổ khổng lồ, ruột màu trắng, có hạt đen, có nhiều thịt, vị rất dễ chịu: ngọt và chua nhẹ. Tuy nhiên, không thể ăn nhiều vì nó rất nặng bụng và ngọt sắc như quả chuối và quả xiêm gai.

Một loại quả nữa từ cây cọ bản địa: nó giống quả dừa nhỏ, cũng gần cứng như vậy và cũng có nước trong như vậy, tuy nhiên vị ngọt hơn nước dừa, và trong mỗi quả lượng nước chỉ không quá nửa ly, ruột cũng ăn được, mềm và ngọt hơn cùi dừa. Quả này có hình elip, trông như quả trứng gà tây to¹.

Hoa quả ở các nước nhiệt đới này phong phú đến kinh ngạc! Hầu như ở mỗi tỉnh ta lại gặp một loại quả mới.

Chuyện gẫu xong, chúng tôi đi dạo.

Thành phố Tân An pha trộn giữa yếu tố châu Âu và châu Á; ở đó có các công trình cả Trung Hoa, An Nam và Campuchia. Trong nhà của người Trung Hoa đặc biệt bẩn, nhưng đường phố chỗ nào cũng sạch sẽ nhờ sự rót ráo của người Pháp. Mỗi túp nhà đều bao bọc bởi nhiều cây cối, cứ như trong vườn. Ở đó có nhiều thốt nốt, dừa, cau, có cả chuối, đu đủ, thanh long, và cả loại cây màu lửa², chính là loại tôi đã từng thấy hồi mùa đông ở phía Nam Trung Quốc, rụng trụi lá và phủ đầy hoa đỏ. Ở đây ngược lại, nó vẫn xanh, nhưng không có lá; lá nó giống cây acacia³ nhưng

¹ Theo mô tả là quả thốt nốt. (N.D.)

² Cây phượng. (N.D.)

³ Cây chi keo, loại cây họ đậu, hoa vàng. (N.D.)

to hơn, nghĩa là trên một phiến lá có nhiều lá nhỏ li ti.

Ở đây người ta khẳng định rằng đó chính là cái cây mà Thánh Moisei đã nhìn thấy trong sa mạc, người đã nhầm tưởng rằng đó là bụi cây cháy¹. Tuy nhiên, khó mà giả định được rằng loài cây chỉ mọc ở xứ nhiệt đới này lại có thể chỉ mới bốn nghìn năm trước mọc ở vĩ tuyến 30, ở sa mạc Sinai. Sự biến đổi khí hậu nhanh chóng như vậy thật đáng nghi ngờ.

Trở về nhà, một bữa sáng thịnh soạn đã đợi chúng tôi với các loại rượu vang tinh tế, thậm chí còn có cả trứng cá Nga, nhưng tất nhiên là loại rất tệ.

Nói chung, cả người Anh lẫn người Pháp đều rất thích vượt mặt người Nga và ở nước họ, thường thết đãi người Nga bằng món trứng cá và rất ngạc nhiên khi thấy người Nga từ chối món này, và họ không đoán ra được rằng món này ở nước họ hoàn toàn ở dạng không sài nổi! Những người bán hàng, vì muốn làm cho trứng cá đen khô đã ép giống trứng cá hạt nên càng làm hỏng chúng bằng cách pha dầu với nước. Những người ngoại quốc khốn khổ khi ăn cái thứ kinh khủng này lại băn khoăn, sao người Nga có khẩu vị kỳ cục, rằng họ thích cái món chẳng ra thể thống gì, họ không đoán được rằng nó trở nên không nuốt nổi chỉ do chính tay của họ.

¹ Chi tiết trong Kinh Thánh khi Thánh Moisei chăn chiên ở sa mạc Sinai, nhìn thấy đám cháy trong bụi cây, cháy mãi không tắt, khi tới gần là cây phượng đỏ.

Bữa trưa cũng hoành tráng tương xứng với bữa sáng và tôi ngạc nhiên về sự sáng tạo của người dân Nam Kỳ và kỹ năng kiếm được các loại thực phẩm phong phú.

Chẳng còn gì hơn để nói về Tân An, quả đáng tội, cách đó không xa có mộ phần của một vị quan, nhưng nó không có gì đặc biệt, thu nhỏ, nó cũng giống như các ngôi mộ của người An Nam mà tôi đã mô tả trước đây.

Ngày 14 tháng Bảy

Tôi không đi thẳng từ đây tới Sài Gòn mà để được thăm thú đất nước nhiều hơn, tôi quay sang phía Đông Bắc và đi về hướng thành phố Tây Ninh, từ đây đi bằng đường sông khoảng trăm rưỡi *versta*. Thoạt tiên phải đi ngược dòng 12 *versta*, vẫn theo con sông mà tôi đã đi, sau đó theo con kênh hẹp, mới đào, khoảng 15 *versta*, rồi sau đó theo con sông Tây Ninh khoảng 120 *versta*.

Quang cảnh rất sinh động, trái dọc theo kênh là làng mạc bao bọc bởi những khu vườn. Vô số những chiếc thuyền chiếm lòng sông, khiến cho giao thông chậm và khó khăn. Tôi mất hai tiếng trên tàu để đi qua con kênh ấy. Ngài công sứ lịch thiệp đã dự trữ cho tôi các loại rượu vang và hoa quả nên tôi có thể giải sầu.

Bờ sông Tây Ninh lúc đầu hoang vu, nhưng sau đó phủ dần bởi các bụi cây, thậm chí có rừng, con sông khi đến gần Tây Ninh thì co lại và cạn lòng.

Bến sông cách thành phố 8 *versta*. Công sứ Tây Ninh ra đón tôi bằng xe của mình.

Bến sông và các công trình lân cận được trang hoàng bằng các lá cờ nhiều màu. Bên bến sông vẫn con tàu đó, đã được trang hoàng. Chắc là nó chạy những chuyến thường kỳ giữa Sài Gòn và Tây Ninh, để làm điều đó, nó ra biển, đi vòng theo đất mũi, nhưng hành khách thì có thể xuống tàu và đi tiếp bằng tàu hỏa.

Nấn ná một chút và uống mấy vại bia lạnh (ở xứ nóng luôn dễ có những đồ uống tương tự hơn là ở xứ lạnh, cũng có thể bởi vì ở đó người ta quý hóa chúng hơn), chúng tôi lên xe và dong ngựa trên con đường bằng phẳng và rất đẹp, chạy qua những trảng cỏ vui tươi và những cánh đồng lúa.

Chỉ nửa tiếng sau chúng tôi đã tới dinh thự của công sứ.

Tây Ninh

Thành phố nhỏ, sạch sẽ và xanh tươi. Dinh thự của công sứ thật tuyệt vời: nào là đá cẩm thạch, đồ đồng, đồ sứ, đồ gỗ bọc gấm, trong vườn có nhiều cây quý hiếm, có những cây cọ xòe như cái quạt. Lần đầu tiên ở đây người ta cho tôi xem họ lấy nước từ cây như thế nào: phải khía vào cành từ phía dưới, nhựa chảy ra, một cành có thể cho đầy một cốc nước. Nghe nói trong rừng Guyan, loại cây này mọc hoang và rất có ích cho những người đi du lịch.

Tây Ninh — một thành phố sôi động, có cả một hội kiều dân châu Âu ở đây, nhiều quý bà, nhiều cô gái Pháp vui vẻ, dễ thương.

Công sứ cho mời tất cả đến ăn trưa.

Tất nhiên, nhiều quý bà thờ dài nhớ nhung nước Pháp xa xôi yêu dấu, nhưng những người khác hoàn toàn ổn định và thấy đất nước này tuyệt vời.

Trong số họ có nhiều nữ nhạc công tài ba, may mắn là không phải những người sùng bái Wagner [99], cả buổi chiều họ hát những bài hát nhí nhảnh. Ấn tượng thật lạ lùng khi nghe họ hát giữa rừng nhiệt đới!

Gần Tây Ninh có ngọn núi tuyết vời (ngọn núi duy nhất ở Nam Kỳ). Nó tuyết vời bởi vẻ đẹp của nó và xung quanh là khu rừng đẹp tuyệt bao phủ, và còn bởi gần đỉnh núi lại có một đền thờ độc đáo.

Mọi khách du lịch yêu thiên nhiên khi đến Tây Ninh đều trầm chổn này. Tôi cũng quan tâm và muốn đi xem.

Từ thành phố đến chân núi khoảng 20 *versta*, con đường đẹp và tráng lệ, đồng thời cũng thật tệ hại. Nó xuyên qua khu rừng cổ nhiệt đới hàng trăm năm nhưng mặt đất lại gồ ghề và bùn lầy.

Tôi muốn cưỡi ngựa nhưng ngài công sứ cả quyết rằng ngựa sẽ chết chìm và không thể đến nơi. Ngài đưa tôi đến đó bằng xe bò kéo, người ta gọi con vật ở đây như vậy, nó giống con trâu, đường nào thì chúng cũng đi được 9 *versta* một giờ. Máy con bò này rất hung dữ, thường lao vào người, đặc biệt là những người châu Âu vì

trang phục của họ không gây cho chúng sự tin cậy. Người ta thường thắng chúng theo cặp vào những cái xe có mái che, (giống như xe của người Tacta, nhưng thấp và chỉ có hai bánh). Tệ hơn và bất tiện hơn loại xe này chắc chỉ có cái gọi là xe — vali của người Mông Cổ. Lò xo giảm sóc tất nhiên là không có, người ngồi thỉnh thoảng lại va đầu vào mũi phủ tùm lum như mái lều; phía trước và sau đều mở.

Tư thế duy nhất trong những chiếc xe như vậy cho khách là nằm, nhưng với con đường xóc như vậy, bạn có nguy cơ bị văng ra sau, chả bầu víu được vào đâu.

Sau lượt đi như vậy, đường về tôi thà đi bộ, dù là phải lội trong nước và bùn bắn nhớp nháp, có chỗ quá đầu gối.

Tôi về tới nơi, dĩ nhiên là ướt lướt thướt và bắn thiu, nhưng chuyến đi thật bổ công. Con đường lên đỉnh núi đặc biệt đẹp: giữa những sườn núi đá hoang dã, ta có thể chiêm ngưỡng vẻ tuyệt mỹ của cỏ cây, hoa lá xích đạo, với những dây leo kỳ quái trông như những con rắn vằn mình từ mọi phía và dường như muốn khép một vòng tay huynh đệ và những tảng đá lạnh lẽo chết chóc, rồi những cây thường xanh tươi tốt. Những dây leo này bò vào tất cả các khe và vươn lên tới ngọn cả những cây cao nhất, cao gấp ba, bốn lần những cây sồi trăm tuổi của bên ta mà chúng ta vốn tự hào. Trên đỉnh núi có những miếu thờ nhỏ, nhếch nhác.

Chúng tôi đến đúng vào dịp cúng tế, hay nói cách khác là dâng cúng cho các thánh thần, và

bởi vì họ không tham lam và chỉ muốn được ăn chay vĩnh viễn theo bản chất bằng đồng và đá của họ nên lễ vật được các sư thầy thụ hưởng.

Khi chúng tôi bước vào, trước tượng thần có nhiều cái bàn rất bản, trên bày la liệt các thứ hoa quả, đồ ăn An Nam. [100] Những người chủ lễ mặc áo tế kẻ ô và đội mũ, trông họ giống giáo chủ của ta. Họ quì lạy trước bàn thờ. Những người phụ tá của họ gõ chuông và đánh trống, còn đám đông thì chả ngại gì sự long trọng của buổi lễ, cứ đi lại quanh đền, hút những điều thuốc hơi xì cuộn bằng lá chuối.

Thông ngôn viên vừa đến với chúng tôi, ngay lập tức sà vào nghi lễ này, sau đó là đánh chén ở gian sau, chắc là để các vị thánh thần khỏi nhìn thấy người ta cướp mất lễ vật của các vị như thế nào.

Trong chuyến đi này, ngài công sứ bị sốt rét và suốt phần còn lại của chuyến thăm Tây Ninh, tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn của người phụ tá của ngài. Mà thực ra ở đây cũng chẳng có gì hơn đáng chú ý.

Vì Tây Ninh vốn là một điểm trọng yếu chiến lược trước khi người Pháp chiếm Campuchia, nên ở đây người ta xây pháo đài, bệnh viện, trại lính khổng lồ có thể chứa hàng mấy trăm binh lính, bây giờ bỏ không vì ở đây ven ven có 90 người.

Người ta xây trại lính với tiện nghi đáng kể: có vòi tắm hoa sen nước lạnh, có nhà tắm cho binh lính, có nhiều xưởng khác nhau. Các bác sĩ Pháp quyết định rằng, binh lính hàng ngày phải

dội qua nước lạnh để có thể chịu đựng được khí hậu Nam Bộ và không bị sốt rét. Họ đã đúng, bởi theo thống kê của họ, tỉ lệ người mắc bệnh này giảm đi trông thấy.

Tất cả những đầu tư ấy của người Pháp rất tốn kém và bây giờ thành ra vô dụng. Ngay chiều hôm ấy tôi lại bị sốt, nhưng cơn sốt rất lạ, rất nhẹ. Mặc dù mạch của tôi đập 90 lần một phút, nhiệt độ là 38,6 °C, tôi ăn vẫn ngon miệng và đã ngồi cả buổi chiều, nghe mấy bài hát, thậm chí còn đi mấy vòng vanxơ.

Ngoài việc hơi mệt tôi không cảm thấy bất cứ triệu chứng gì của bệnh tật. Rõ là cơ thể tôi đã quen và suy giảm vi trùng sốt rét. Từ lâu đã phải thế rồi.

Đêm tôi ra nhiều mồ hôi và cơn kịch phát qua đi, và trong suốt chuyến du hành của tôi ở Nam Bộ, tôi không hề bị lại.

CUỐN VỞ 29

Ngày 16 tháng Bảy

Từ đây đến Sài Gòn 105 *versta*, đi theo đại lộ, khá trơn tru, chạy dọc theo những khu vực rất trù phú: những hàng cây, đồng ruộng, vườn tược, xóm làng nối đuôi nhau như trong một bức tranh đầy màu sắc.

Tôi được chở đi trên một chiếc xe hai bánh, thắng một ngựa. Cứ sau 12 *versta* lại thay ngựa một lần, mặc dù phải mất cả tiếng đồng hồ cho khoảng cách đó và con ngựa tội nghiệp đến nơi bị kiệt sức, toàn thân đầm mồ hôi, ngựa ở đây quá yếu.

Viên công sứ bị bệnh nên đưa đón tôi là thư kí của ông ta, O'Konnell, người Ireland, cháu họ của một phiến quân nổi tiếng cùng tên [101], một người rất tử tế, nhưng cũng rất ngờ nghệch.

50 *versta* đầu tiên từ khu dân cư Trảng Bàng gần như toàn là rừng, chủ yếu là các bụi cây. Tỉnh Tây Ninh kết thúc ở đây, đón tôi là phó công đốc Sài Gòn.

Ở Trảng Bàng có một đồn binh và ban chỉ huy quân sự địa phương.

Người Pháp lịch sự đến mức trang trí bằng cờ toàn bộ ngôi nhà mà tôi dừng lại để ăn sáng. Những đại diện danh dự của địa phương cùng người lãnh đạo đến chào đón tôi.

Người An Nam đứng đầu ở đây gọi là phuì, theo tiếng Trung Quốc có nghĩa là đại tá. Ông nói tiếng Pháp tốt; tôi mời ông cùng ăn sáng và ông có vẻ rất hãnh diện về điều này.

Kết thúc bữa ăn, chúng tôi vội vàng đi đến Sài Gòn; viên công sứ muốn để tôi đi xe chở khách bịt kín, nhưng tôi dứt khoát phản đối; chưa nói tới chuyện trong thùng xe nóng và ngột ngạt, nhưng điều cơ bản là ngồi trong đó thì không thể nhìn thấy gì cả, mà tôi đi du lịch với mục đích là để ngắm nhìn. Nhìn chung thì tôi không thể chịu được chiếc xe bịt kín chỉ thích hợp cho người bệnh, những kẻ ốm yếu hay người say rượu. Tôi thà chịu ướt nhoẹt dưới cơn mưa nhiệt đới ẩm áp trên xe ngựa hai bánh còn hơn nghẹt thở trong thùng xe chật chội, ngột ngạt, luôn luôn có mùi da dê và cái gì đó khác.

Ngay như ở nước Nga tôi cũng không bao giờ đi trong những cỗ xe bịt kín, huống hồ đây lại đang ở một nước nhiệt đới. Giống như tất cả những người yếu phổi, tôi sợ tất cả những nơi khép kín, không có không khí thoáng đãng.

Cuối cùng buộc phải xử lý thế này: người hầu của tôi và hành lí được bố trí vào chiếc xe mà viên công sứ đến đón tôi, còn chính chúng tôi lại ngồi vào chiếc cộ nhỏ được gửi đến để chở hành lí,

và xe lăn bánh trên con đường bằng phẳng theo hướng Đông Nam tới thủ đô Nam Kỳ.

Ở đây đã thấy nhiều cánh đồng rộng rãi hơn, chủ yếu là trồng lúa, có một đầm lầy, có cả ruộng cấy những cây mía cao. Hai giờ sau, chúng tôi lại đến một ngôi làng lớn, nơi đã sắp xếp một cuộc gặp gỡ trang trọng của tôi với dân địa phương. Một viên quan An Nam dáng vẻ kính cẩn với rất nhiều huy chương trên ngực ra đón tôi, xung quanh là một đám đông dân chúng. Theo phong tục, tất cả đều cúi đầu chào rất thấp.

Ngôi nhà chuẩn bị cho tôi một lần nữa lại được trang trí đầy cờ, trong căn phòng lớn kê một cái bàn, trên đó là trái cây và bánh quy; một điện báo viên người Pháp mang rượu sâm banh và rượu vang đỏ đến. Tôi vui sướng uống mấy ngụm để làm giảm cơn khát dọc đường.

Toàn bộ cuộc đón tiếp này làm tôi nhớ Bắc Kỳ đáng mến xa xôi.

Sau khi nghỉ ngơi trong nửa giờ, chúng tôi đi tiếp. Vùng này rất đông dân cư, làng nối tiếp làng gần như liên tục. Ở một vài nơi có dáng vẻ Trung Quốc, với những miếu đền duyên dáng và những bức tượng đồng mạ vàng.

Thật tuyệt là ở đây, mặc dù hơi nóng, nhưng tuyệt nhiên không hề có bụi — điều này là do khí hậu có độ ẩm rất cao và những cơn mưa hàng ngày vào mùa này.

Cuối cùng, vào lúc 6 giờ chiều, sau khi đi qua con đường hai bên có những hàng cây me và cây si tuyệt vời, chúng tôi đến ngôi nhà sang trọng của viên công sứ. Nằm cách Sài Gòn chỉ ba *versta*,

nhưng vì ngút ngàn cây xanh to lớn nên không thể nhìn thấy thành phố, ngôi nhà như bị chìm ngấm trong khu rừng nhiệt đới tuyệt đẹp. Trên đường đến nhà viên công sứ, không nhìn thấy gì ngoài những khu vườn xinh xắn, và đột nhiên thấy mình đã ở trên sân thánh đường, bên trên ngọn dừa hiện ra các mái vòm nhà thờ.

Viên công sứ đề nghị tôi nghỉ ngơi chỗ ông ta khoảng 15 phút trong lúc chuẩn bị xe, vì ông ta cho là không thể chấp nhận được khi đi vào thủ đô trên một chiếc cộ chở đồ đạc.

Hóa ra ông ta có một bà vợ rất đáng yêu và một lũ con. Tất nhiên, người ta mang tới cho chúng tôi rượu sâm banh, bánh nướng ngọt và bánh mì kẹp thịt mà tôi rất thích vì cũng đã thèm đói.

Bà công sứ phu nhân bắt đầu ca ngợi thành phố của họ, đặc biệt là về khí hậu, điều cơ bản mang đến sự sáng khoái là không cần phải lo lắng về quần áo ấm, trang phục mùa đông. Thời tiết và nhiệt độ luôn luôn ổn định. Ngay cả trong thời gian mát nhất vào tháng Mười hai và tháng Một, nhiệt kế không bao giờ chỉ dưới 15 °C, đó là vào ban đêm và sáng sớm, vì thế các cô gái của bà có thể quanh năm mặc áo liền váy vải mỏng.

Phi nước đại chừng mười phút qua các đường phố xinh đẹp, qua các cửa hàng sang trọng kiểu châu Âu, chúng tôi đến ngôi nhà tuyệt đẹp dành cho tôi. Ngôi nhà được bao quanh bởi mảnh vườn nhỏ nhưng đáng yêu. Viên công sứ để tôi lại một mình, và tôi có thể nghỉ ngơi yên tĩnh sau chặng đường mệt mỏi, hạnh phúc nhận thức được rằng tôi đã đến thủ đô tuyệt vời của vùng Viễn Đông,

không phải vượt biển, mà đi bằng đường bộ, chưa bao giờ có ai làm được điều này! [102]

Sài Gòn

Đây là điểm cuối trong chuyến du ngoạn vòng quanh châu Á của tôi, từ đó sẽ bắt đầu chuyến đi ngược lại. Tôi sẽ không đi xa châu Âu thêm nữa, và mỗi tháng tôi sẽ về gần nó hơn. Tôi còn phải phiêu du bao lâu nữa? Có Trời biết!

Tôi sẽ trở về theo những con đường nào, qua những đất nước nào? Trời cho sao, được vậy! Mà tôi có còn trở về được không đã? Phụ thuộc ý Trời. Nhưng điều cơ bản nhất (mặc dù không phải là khó khăn nhất) đã được làm xong: tôi đã chứng minh khả năng đi xuyên qua toàn bộ châu Á. Từ Moskva đến đây, tôi đi qua khoảng 17 ngàn *versta*, thời gian mất hơn một năm, tất nhiên, không theo đường thẳng, mà theo hình chữ chi.

Bằng đường biển, từ đây đến Odessa khoảng 21 ngàn *versta*, thường thì tàu đi mất khoảng ba tháng, kể cả thời gian dừng tại các điểm. Ludvig của tôi đề nghị: «Chúng ta còn muốn gì thêm nữa? Chúng ta đã đến nơi, lại nguyên vẹn, và bây giờ là lên tàu về nhà».

Không thể như thế được! Nếu vậy là làm trò cười cho cả châu Âu. Huênh hoang, vậy là, rúc đầu vào bụi rậm. Không, chúng ta hãy uống đến cùng chén du ngoạn, đến tận đáy. Nhưng đó nhìn chung không phải là chén đắng, mà ngược lại, rất ngọt ngào.

Về Sài Gòn có nhiều chuyện để kể. Đây là thành phố văn minh nhất của vùng Viễn Đông, là thành phố đậm chất châu Âu nhất trong những thành phố châu Á mà tôi đã thấy. Thành phố không lớn, nhưng có tất cả các tiện nghi, ở đây có thể mua được các sản vật của châu Âu, giá rất rẻ.

Cư dân ở đây bao gồm người Pháp (quan chức, lính, người di cư), Trung Quốc (thương nhân và người lao động) và người An Nam (dân bản địa, nông dân).

Nửa giờ sau khi tôi đến, thư kí của công sứ đến chỗ tôi và nói rằng ông đã được giao nhiệm vụ đi cùng với tôi vào thành phố, hướng dẫn cho tôi tất cả các điểm cần thăm quan, mà ở đây không ít những điểm như vậy. Những người Pháp rất dễ thương, tôi rất biết ơn lòng tốt của họ!

Tôi đề nghị với viên thư kí là giữ nguyên toàn bộ chương trình thăm quan, tôi tuyên bố là tôi quan tâm tới tất cả mọi thứ.

Từ ngày hôm sau, tôi với anh ta thăm quan thành phố. Tôi sẽ mô tả những gì tôi nhìn thấy theo thứ tự mà người thư kí chỉ cho tôi.

Chúng tôi bắt đầu từ dinh thự của viên toàn quyền: đây là một tòa nhà lớn, có hiên; xung quanh là khu vườn tuyệt đẹp. Đã hơn một năm không có ai sống ở đây vì viên toàn quyền của xứ thuộc địa luôn luôn vắng mặt, hiện giờ đang ở Nhật Bản để chữa bệnh.

Hội trường lớn ở tầng trệt có thể làm rạng danh cho bất cứ cung điện hoàng gia nào, trang trí các phòng khác cũng rất sang trọng, chắc là

đắt tiền, tất cả được trang trí, tất nhiên, theo đẳng cấp châu Âu.

Dinh thự của thống đốc dân sự cũng rất tuyệt. Tôi thấy nó lộng lẫy trong ánh sáng của nhiều loại đèn thấp sáng, đèn chùm, nến trong ngày viên thống đốc tổ chức tiệc chiêu đãi trọng thể để vinh danh tôi. Những người Pháp cực kì tốt bụng ở đây, cũng như ở Bắc Kỳ, đã hết sức khen ngợi khi tôi thực hiện hoàn hảo chuyến đi vòng quanh châu Á. Hầu hết mọi người đều ngưỡng mộ tôi, nhất là binh lính và các nhà báo, họ dội lên tôi những lời ngợi khen hơi quá.

Ngoài dinh thự của toàn quyền và thống đốc, một tòa nhà tuyệt vời nữa là bưu điện. Nó rất lớn. Phòng để nhận thư tín giống ga đường sắt, có một mái nhà hình bầu dục, buổi tối toàn bộ tòa nhà thấp sáng bằng điện. Trước kia mái nhà bằng kính, nhưng sức nóng của tia nắng mặt trời xích đạo [103] liên tục làm nứt thủy tinh, phải thay thế bằng các tấm kim loại.

Người Pháp cũng hãnh diện về kho vũ khí của họ. Tôi không phải là chuyên gia trong vấn đề này. Có thể một chuyên gia sẽ đánh giá cao, nhưng ở đó, tôi chỉ nhìn lướt qua tất cả nhà xưởng, và chạy như ra khỏi địa ngục: tiếng ồn của máy móc, khói, sức nóng, ngọt ngào mùi than — tất cả trộn lẫn, tác động một cách chết chóc lên các dây thần kinh.

Người Pháp nói rằng, các tàu nước ngoài thường xuyên đến đây để sửa chữa. Thì cứ để cho họ thực hiện! Với mục đích này, một bể lớn được

xây bằng đá, họ nói, phải mất bốn năm mới xong. Người Pháp tự hào về kích thước của nó; cũng cần phải công nhận là nó thực sự to.

Hấp dẫn nhất đối với tôi trong thành phố này là Thảo Cầm Viên, nó nổi tiếng khắp phương Đông và mang lại niềm vui lớn cho dân chúng. Tất nhiên, do điều kiện khí hậu ở đây thuận lợi, việc xây dựng một vườn thực vật vô cùng phong phú ở đây cũng không phức tạp lắm.

Trái với những gì được thực hiện ở châu Âu, ở đây xây dựng nhà kính không phải để tăng nhiệt, mà là để làm nơi bảo quản cây cối tránh khỏi các tia nắng mặt trời. Ví dụ, một số loài hoa lan vốn phát triển trong khu rừng rậm, phơi ra trong ánh nắng mặt trời là chết, vì vậy phải để chúng trong nhà. Khu vườn này sẽ phong phú hơn nếu như người ta không chỉ trồng những loại cây hoàn toàn có nguồn gốc Đông Dương.

Trong số các loại thực vật hấp dẫn, đáng chú ý là cây dương xỉ, các loài thông xích đạo (thon thả như cây nến, chúng khác với loài thuộc vùng nhiệt đới đang phát triển ở phía Nam Trung Quốc), đặc biệt là loài khuynh diệp lớn, xương rồng và cây vani.

Ngoài ra, tất cả các loài thú và các loài chim của các khu rừng khác được đưa về và nhốt trong các lồng ở đây. Chúng rất nhiều, phải mất hàng giờ mới có thể xem kĩ được. Mô tả tất cả, dĩ nhiên, là không thể, vì vậy tôi sẽ chỉ đề cập đến những loài đặc biệt thú vị. Chiếm đầu bảng là những con vật to lớn tuyệt vời — hổ đực và hổ cái; tiếp là loài cá sấu rất lớn, loài vẹt xanh lam, chim bồ câu màu

xanh, đúng hơn là màu tím nhạt, có mào (các mẫu vật quý hiếm được đưa đến đây từ các hòn đảo, trên đất liền không có những con vật này). Ngay cạnh đó, tôi nhìn thấy một con rắn chuối, màu xanh sáng rất đẹp.

Để làm tôi vui, người trông vườn bỏ vào lồng trần ba con gà, nghĩ rằng trần sẽ ăn chúng, nhưng những con trần này no tới mức không thèm động đậy; người trông vườn lại cẩn thận ném những con gà vào ngay đầu những con trần, chúng cũng không màng, và mấy con gà cực kì sợ hãi, nhưng có thể nhảy thoai mái giữa những con trần. Thấy sự thể chẳng đi đến đâu, người canh vườn bắt một con gà ném vào lồng rắn chuối. Sự việc diễn ra tốt hơn. Con rắn nhìn gà chăm chú vài phút, nhanh chóng trườn lại và đớp, nhưng con gà đã vùng ra. Rắn đớp gà năm lần như vậy, và cuối cùng con gà yếu dần vì cuộc chiến không cân sức, ngừng vùng vẫy; con rắn siết răng nuốt chửng con gà (rắn ăn không bao giờ nhai).

Tuy nhiên, con rắn vật lộn với con gà ở miệng khá lâu, khiến tôi không đủ kiên nhẫn để chờ đợi và bỏ đi.

Tôi cũng đến thăm trại lính. Người Pháp rất tự hào về chúng, và thực sự, đây là những tòa nhà với đầy đủ tiện nghi mong muốn. Chúng được bao quanh bởi màu xanh tươi tốt, rộng rãi, với các sân thượng ở hai bên, ở khắp mọi nơi đều thoáng khí, mọi thứ đều sạch sẽ và gọn gàng, người lính được ăn uống tốt không kém gì sĩ quan của chúng ta. Để minh chứng cho sự đầy đủ này, chỉ cần kể ra rằng, mỗi người lính, không tính đến chuyện

có thể uống rượu vang thoải mái, mỗi bữa ăn có ba món và được dùng nước đá (khí hậu nóng mà) tùy thích.

Trời ạ, ở nước ta — đất nước luôn luôn giá lạnh, ngay giữa mùa đông, ở các quán rượu nơi phố huyện cũng khó có thể kiếm được lượng nước đá vừa ý, thậm chí ở những nhà hàng uy tín, muốn dùng nước đá cũng phải hét lên mới có.

Ở đây, nước đá là một trong những thực phẩm bắt buộc theo quy định của bác sĩ như một công cụ phòng chống sốt hiệu quả.

Do có tất cả các tiện nghi này, nên binh lính Pháp muốn phục vụ ở các xứ thuộc địa, dù là rất xa xôi.

Ở Sài Gòn bệnh viện cũng rất tốt, rộng rãi, sạch sẽ, với không khí thoáng đãng và đầy đủ tiện nghi. Cũng phải nói điều này: hệ thống thông gió hoạt động rất tốt và dễ dàng, vì gió có quanh năm, suốt ngày đêm, chỉ cần mở cửa sổ. Trên thực tế, trong điều kiện đó, khung cửa và kính hoàn toàn không cần thiết.

Trong bệnh viện có một phòng thí nghiệm, nơi các chuyên gia quan sát bằng kính hiển vi tất cả các vi trùng bệnh theo hướng dẫn của người học trò của Pasteur [104] danh tiếng.

Người ta chỉ cho tôi những kẻ vô tội nhưng là tử thù của nhân loại. Chúng khiêm tốn bơi trong chất lỏng dành cho chúng; có thể chúng sẽ rất ngạc nhiên nếu được thông báo rằng, vì chúng mà mỗi năm hàng ngàn người chết. Khuẩn phẩy tả và vi trùng lao được Koch [105] phát hiện và sử dụng (bất hạnh cho những người cả tin) để điều

trị bệnh lao. Chúng bình thản và yên tĩnh nằm đè lên nhau, khe khẽ trở mình; ai nhìn chúng cũng có quyền nghĩ: chẳng nhẽ những sinh vật nhỏ bé này lại gây hại đến thế? Phải chăng đó là ảo tưởng hay sự tưởng tượng của con người ham nghiên cứu?

Ở đây cũng có những chú thỏ bị kết án phải chết do vi khuẩn. Chúng bị chủng gây bệnh tả, bệnh lao, bệnh đậu mùa, bệnh dại và các bệnh tật khủng khiếp khác. Liệu tất cả chúng có chết theo thời hạn bác sĩ xác định? Và có phải chết vì chính các vi khuẩn mà chúng được cấy vào? Vẫn còn bóng tối của sự chưa rõ ràng! Có một điều chắc chắn rằng, tất cả các bác sĩ ở đây chân thành tin tưởng và tự giác dành phần lớn thời gian trong ngày cho các thí nghiệm.

Vị bác sĩ trưởng đáp lại sự thương cảm của tôi đối với những chú thỏ, nhận xét một cách sâu sắc: «Chúng đã là cái gì, như con người trên trái đất bị chết mà không biết vì cái gì, tại sao; thậm chí chúng còn hạnh phúc hơn con người vì cho đến phút cuối cùng vẫn không biết là phải chết; còn con người trong thế giới này, từ thơ ấu đã nhận ra rằng phải chết; và không có thể làm gì để ngăn chặn cái chết và không thể nào biết được tại sao và để làm gì mà cái chết lại cần thiết đối với con người». «Trong tất cả các loài động vật» — vị giáo sư triết lý nói thêm, «con người có khả năng tưởng tượng và cảm nhận được cái chết là tất yếu khi đang ở trong tình trạng rất khỏe mạnh, tỉnh táo và điều này là bất hạnh lớn nhất của con người».

Vâng, nhưng bù lại, chỉ duy nhất con người lĩnh hội được các giáo huấn của Chúa Cứu thế, nhận thức được bản chất phù du của cái chết, sự không tồn tại, hư ảo của nó... Điều này, vị thầy thuốc đáng kính ưu sầu về nhân loại lại bỏ qua.

Nhà tù cũng thuộc về số các tòa nhà xa xỉ của Sài Gòn. Tôi đi thăm quan nhà tù trong sự hướng dẫn của chính công tố viên và rất có ấn tượng bởi sự rộng rãi, thoải mái và hùng vĩ của thứ nhà đáng buồn này. Chỉ có những ổ (bộ) khóa sắt chắc chắn nhắc nhở rằng, ở đây không có tự do. Còn trong tất cả các khía cạnh khác, không thể phân biệt được nhà tù với doanh trại, trường học và bệnh viện. Nhà tù cũng được xây dựng cùng kiểu cách, trong cùng một không gian, cũng sạch sẽ và thoáng khí như tất cả các công trình xây dựng kiến trúc. Phòng tù nhân sáng, cao, thậm chí có thể nói là đẹp nữa, trong mỗi phòng có khoảng hai chục nam hoặc nữ tù nhân sống, nhưng không ở đâu có sự chật chội.

Hầu hết các tù nhân, tất nhiên, là người dân bản địa. Người châu Âu có rất ít và họ được tách biệt hoàn toàn; họ được cho ăn tốt hơn, chỗ ở thoải mái hơn, họ ngủ trên giường sắt, những thứ không được dành cho người Trung Quốc hoặc An Nam, mà đối với những người này giường cũng vô nghĩa, vì họ luôn luôn thích ngủ trên chiếu trải dưới sàn.

Ở giữa nhà tù là một không gian rộng, có bố trí một khu vườn vui chơi, giải trí cho những người bị kết án, tuy nhiên không có cái đó họ vẫn tỏ ra vui vẻ và khỏe mạnh.

Hầu hết bọn họ đang tham gia các công việc khác nhau và nghề thủ công. Nhiều người khi thấy chúng tôi, lịch sự cúi chào công tố viên và các quản tù: đây là những người tái phạm, anciens clients¹ — như họ được gọi ở đây.

Trong số nữ tù nhân có rất nhiều người trẻ tuổi, thậm chí là những cô bé; họ bị tù vì trộm cắp, tuy nhiên, cũng có người vì tội giết con. Những người này rất ngạc nhiên khi bị nhốt vào nhà tù và không hiểu mình bị tù vì tội gì. Theo tục lệ của đất nước, trước khi người Pháp chiếm đóng, làm chết con không bị xem là có tội.

Các tù nhân trong nhà tù không được phép đi bộ khóa thân, tất cả đều mặc áo tù màu xanh của nhà nước, nhưng không hề có giày dép.

Ở đây có giam giữ cả bọn cướp, còn có cả những người bị tù chỉ vì nợ nần. Hình thức này người Pháp đưa vào để thay thế cho việc bán làm nô lệ khi mắc nợ.

Tất cả các tù nhân trong nhà tù đều thoả mái với các tiện nghi mà dĩ nhiên họ chưa bao giờ nhìn thấy khi còn ở nhà. Điều này mang lại tiếng tăm về sự nhân đạo cho chính phủ Pháp.

Tôi cũng đã đến thăm tòa án quận: đó là ngôi đền thần tượng của văn minh. Người Pháp rất thích cách gọi của tôi; họ không nhận ngay ra lí do tôi gọi như vậy, và tôi đã phải giải thích cho họ rằng, bởi vì tòa án được gọi là ngôi đền của Themis, mà Themis là một vị thần ngẫu tượng nên ngôi đền là nơi thờ thần tượng, mà ở đó thường

¹ «Khách hàng thường xuyên».

có bức tượng bằng đá cẩm thạch — biểu tượng ngoại giáo, như thường thấy ở Sài Gòn. Những phần còn lại của tòa án không có gì đặc biệt.

Nhà thờ ở đây cũng đẹp, mặc dù rất bình thường: nó to lớn, phía bên trong tối, rất vững chãi, từ nóc tòa tháp mở ra một quang cảnh tuyệt vời. Có thể chỉ ra rằng, cả Sài Gòn là một khu vườn rộng, chứ không phải là một thành phố, nhà và cửa hàng tương đối ít, nhưng khắp nơi đầy cây cối, màu xanh, và hoa. Rừng bao quanh thành phố trên tất cả các hướng và trải ra trong một không gian rộng lớn.

Vị linh mục nhà thờ (đúng hình ảnh một trưởng lão trong Kinh Thánh với một bộ râu dài màu bạc) đích thân dẫn tôi đi xung quanh và chỉ cho tôi thấy tất cả các bộ phận của nhà thờ. Ông thết đãi tôi loại rượu vang nhà thờ rất ngon. Ở miền Viễn Đông này các giáo sĩ luôn luôn sử dụng rượu vang Lisbon; tất nhiên, không phải loại bán ở Nga dưới cái tên này được làm bằng vodka rẻ tiền với đường, nhuộm màu bằng nho đại, uống ly đầu tiên đã buồn nôn; còn rượu vang Lisbon thật được sản xuất tại Bồ Đào Nha, dùng nho vườn của quận Lisbon.

Để hoàn thành việc mô tả Sài Gòn, tôi xin thông báo với độc giả rằng, có một nhà hàng rất lớn, đủ khả năng cạnh tranh với các nhà hàng tốt nhất châu Âu và rất giống ở Paris: các bàn nhỏ được kê thành hàng thẳng tắp như những người lính duyệt đội ngũ, rượu vang Pháp loại tốt và miễn phí bữa trưa và bữa sáng. Đội ngũ phục vụ toàn bộ là người Trung Quốc, mặc đồ

màu trắng, như bồi bàn trong các quán ăn ở Nga.

Đáng chú ý là ở đây rất nhiều dứa. Chúng lớn nhất và ngon nhất trên khắp bán đảo Đông Dương. Một chục quả giá chỉ có 5 *kopeika*¹.

Nơi này cũng nổi tiếng về măng cụt, kích thước của chúng bằng quả mơ, da cứng và nâu, rất dễ bóc, bên trong thịt trắng ngon, ròn rớt chua. Hạt khá lớn, nằm bên dưới vỏ. Hương vị măng cụt là một cái gì đó giữa quả đào, anh đào và vải thiều.

Chợ Lớn

Vào ngày cuối cùng ở Sài Gòn, tôi đến thăm thành phố của người Trung Quốc là Chợ Lớn, cách Sài Gòn chỉ 6 *versta*. Ở đây có sự pha trộn đầy đủ giữa các yếu tố châu Âu và châu Á; mọi người say mê buôn bán, và cũng thấy có xưởng sản xuất, nhà máy; dưới sông tấp nập tàu thuyền chở đầy gạo, có nhiều máy xay xát gạo, tôi đã tới thăm một trong những nhà máy xay xát thuộc về nhóm người Trung Quốc đến từ Singapore. Quy mô nhà máy rất lớn, có nhiều máy móc, công việc được thực hiện đồng loạt trong nhiều tầng, khắp nơi ồn ào, chát chúa, bụi mù mịt chui vào mũi, mắt và tai; các ông chủ người Trung Quốc vui vẻ, hài lòng dẫn chúng tôi đi tham quan trong cái cảnh bát nháo này, buộc phải nhìn, ngửi và nuốt rất nhiều bụi, tuy nhiên, sau đó có một chút an ủi

¹ *Kopeika*: đơn vị tiền Nga; 1 rúp bằng 100 *kopeika*.

là chúng tôi được mời uống rượu sâm banh thoải mái.

Có vẻ như là các nhà máy mang lại rất nhiều tiền, căn cứ vào gương mặt béo mẫm và cách xử sự của các ông chủ.

Ở đây có cả xưởng sản xuất thuốc phiện, nó lại còn kinh tởm hơn; ở đây có ít máy móc hơn nên tiếng ồn ít hơn, nhưng mùi nặng và tởm lợm đầu độc bầu không khí và tràn vào phổi những người ngốc nghếch tới đây, chỉ có Chúa mới biết để làm gì!

Nhựa cây thuốc phiện được ninh, chiên, nhào thành bột, sấy, sau đó xếp vào hộp và gửi đi để đầu độc con người.

Khi nhìn thấy việc này, bạn ngạc nhiên tự hỏi: tại sao một dân tộc văn minh lại có thể sử dụng bao nhiêu nỗ lực và lao động để giết hại công dân của mình?!

Mọi người đều biết tác hại của hợp chất tởm lợm này (người Pháp và người Anh biết rõ hơn bất cứ ai khác, bởi vậy ở các chính quốc châu Âu việc sử dụng chất này bị nghiêm cấm), và đó là vì lòng tham khủng khiếp, trái với ý nghĩ lành mạnh và tình cảm của nhân loại, chính bản thân nhà nước tham gia phân phối chất độc hại này!

Nhà máy được thành lập trong thời cai trị của Mac-Mahon. [106] Thuốc phiện thu được ở dạng thô từ Ấn Độ và được chế biến hợp với khẩu vị của người dân địa phương, được rải khắp Nam Kỳ, An Nam và Campuchia.

Trong việc kinh doanh này, ngoài việc hoàn toàn vô đạo đức, nó còn khiến tôi ngạc nhiên về

sự thiên cận của các thành viên chính phủ. Họ thừa biết thuốc phiện làm suy yếu con người, làm cho trở nên lười biếng, mê muội, không thể làm việc, trước khi giết chết hoàn toàn. Họ cũng hiểu rõ rằng, các thuộc địa chỉ phát triển được nhờ sức lao động của dân bản địa, và họ nhận thức được rằng, lao động đang thiếu, đất Nam Kỳ vì thiếu lao động mà chưa mang lại những điều nó có thể mang lại. Thế mà họ lại còn phổ biến thuốc phiện độc hại vì vài xu lợi nhuận, triệt tiêu tất cả năng lượng trong dân, làm cho dân chúng ốm yếu và bệnh tật, thiếu khả năng lao động, và như vậy càng tổn thất hơn vì làm cho đồng ruộng bị bỏ hoang; ngoài ra, làm cho họ tự chống lại mình bằng cách gọi dậy toàn bộ phần dân chúng sáng suốt hiểu họ được cung cấp chất độc như thế nào.

Điều ngạc nhiên là trong phiên họp quốc hội Pháp không ai nêu vấn đề này ra!

Tôi cho rằng, điều thú vị nhất ở Chợ Lớn là ngôi nhà của viên quan chức đứng đầu người An Nam. Nó được xây dựng theo phong cách Trung Quốc với nhiều đồ trang trí châu Âu và châu Á. Tất cả mọi thứ được sắp xếp với sự sang trọng tuyệt vời và sự trang nhã (người đứng đầu này là triệu phú). Mái nhà được đỡ bởi những cột gỗ mun, được chạm trổ bằng các tác phẩm điêu khắc và các pho tượng; trên tường treo những bức tranh Nhật Bản và các loại vũ khí khác nhau: giáo, kiếm, gậy hình thức rất phức tạp, sưu tập các bình sứ và khay có khảm ngọc trai được đặt ở đây đó; một số được chế tác rất điệu nghệ. Lại còn có cả tượng đồng mạ vàng, không hiểu sao

lại đặt trong phòng ăn, trang trí theo lối châu Âu. Ngoài ra còn có một cỗ đại phong cầm (sản xuất tại Paris) chơi các khúc ca Trung Quốc.

Viên quan này có hai vợ, cả hai đều là người Trung Quốc, và họ đẻ một đồng con. Tôi nhìn thấy hai cô con gái: cô chị khá ưa nhìn, 22 tuổi, đánh phấn trắng và má hồng quá mức, cô ta mang cho chúng tôi sâm banh; cô thứ hai, khoảng 15 tuổi, luôn luôn ưỡn ẹo và có vẻ rất tò mò. Hai cô ăn mặc như các tiểu thư Trung Hoa trên tranh — bộ váy lụa với mũ trùm đầu, tay áo rộng và một loạt các đồ trang sức bằng vàng trên tay và cổ, chân trần. Cả hai nói tiếng Pháp không hề bối rối, tay họ sạch sẽ, nhưng móng tay rất dài.

Trong phòng khách, ở vị trí trang trọng nhất treo chân dung ông chủ bằng sơn dầu, mặc trang phục đại lễ với dải băng quàng qua vai đính vô số huân chương. Trên bức tường đối diện treo bức chân dung người vợ cả của ông, mặc theo kiểu Trung Quốc với bó hoa lan rừng trong tay.

Viên quan giới thiệu cho chúng tôi toàn bộ ngôi nhà, thậm chí cả bếp, nhà kho. Mặc dù tất cả đều sang trọng là thế nhưng trong các phòng ngủ không có cái giường nào cả, chính bản thân ông và các bà vợ, các cô con gái đều ngủ trên những tấm thảm trải trên sàn nhà, mỗi người có một chăn lụa. Các cô con gái cho tôi xem cả tủ quần áo của mình, tôi ngạc nhiên khi thấy tất và giày. «Các cô cần những thứ này để làm gì» — tôi hỏi, «nếu không dùng đến chúng?» Các cô bé cười và nói rằng, những ngày lễ lớn, khi được chính quyền Sài Gòn mời, họ có dùng.

Trên ông quan này ở Chợ Lớn còn có một ông quan người Pháp, ông này tỏ vẻ xem thường người đàn ông An Nam giàu có này.

Trong thời gian tôi ở Sài Gòn, Ludvig của tôi bệnh nặng và làm cho tôi rất lo ngại. Anh ta đã bị nhiễm sốt rét địa phương, loại dịch mà tôi suýt chết ở An Nam nhưng còn rắc rối hơn vì những biến chứng đau dạ dày, đôi khi anh ta mê sảng, chán ăn, tất nhiên, và nhiệt độ lên đến 41 độ.

Kể từ đây trở đi, trong tất cả những phần tiếp theo của chuyến du hành, chúng tôi thay phiên nhau đau ốm, tôi thì phần lớn ốm trên đường đi, còn anh ta thì ốm những lúc dừng lại nghỉ.

Mặc dù vào mùa này ở Sài Gòn trời nắng nhiều nhưng cũng không cảm thấy nóng lắm, vì mỗi ngày đều có những trận mưa rào với sấm, chớp và nhiều khi có cả giông bão.

Và phải thấy mặt trời xích đạo mạnh mẽ đến nhường nào — dù mưa lớn như vậy nhưng không có bùn ở bất cứ chỗ nào. Sau những cơn mưa, trên đường phố và trong các khu vườn, nước chảy thành dòng suối, nhưng sau một giờ rưỡi tất cả đã hoàn toàn khô ráo.

CUỐN VỞ 30

Hành trình trở về

Điểm cuối cùng đã đạt được, bây giờ có thể quay trở lui.

Ngày 22 tháng Bảy năm 1892, tôi phải lên tàu hỏa rời Sài Gòn vào lúc 6 giờ sáng để đến thành phố Mỹ Tho, rồi lên tàu thủy đi theo sông Mekong đến Phnom Penh.

Tàu thủy ở đây mỗi tuần đi một lần, và hầu như không có hành khách, chỉ chở hàng.

Sau khi nhìn thấy gần như tất cả Nam Kỳ, tôi khá tò mò muốn quay trở lại theo cách này và bơi trên hạ lưu sông Mekong — con sông rộng nhất mà tôi từng được thấy. Không đề cập đến sông Volga, Obi, Irtysh và Enisei ở Nga; sông Mekong lớn hơn sông Nil ở Ai Cập và Trường Giang ở Trung Quốc, và bờ của nó thì đẹp hơn gấp trăm lần.

Suốt thời gian tôi ở Sài Gòn, Ludvig của tôi bị ốm nặng vì bệnh sốt rét, anh ta không ra khỏi

giường, không ăn bất cứ thứ gì, và thậm chí còn mê sảng. Sau đó, tôi nhận thấy rằng, liên tục đã xảy ra như thế này: chỉ khi chúng tôi dừng lại nghỉ ở đâu đó vài ngày, không có việc gì làm thì anh ta bệnh; cần phải lên đường, anh ta khỏe ngay.

Giờ đây điều này cũng xảy ra: đến ngày khởi hành, anh ta hồi phục, khỏe mạnh, tập trung, thu xếp mọi đồ đạc, và chúng tôi có thể lên đường.

Thời tiết ở Sài Gòn thường mưa vào buổi chiều, còn từ sáng đến trưa, thời tiết tốt bình thường, khô ráo, ấm áp. Cái nóng, thậm chí bắt đầu trước bình minh, trời chỉ mát hơn đôi chút khi những cơn mưa chiều đổ xuống, mà cái mát này, nếu ở châu Âu vẫn gọi là nóng.

Đến nhà ga, tôi biết được rằng, những người Pháp lịch thiệp đã chuẩn bị cho tôi một toa đặc biệt, có trang trí cờ Nga, họ thể hiện sự đáng nể của mình tới mức không muốn lấy tiền của tôi cho chuyến đi này. Cậu Chúa mang sức khỏe đến cho họ vì điều này.

Viên quản trị hành chính Chợ Lớn tiễn tôi và thông báo rằng, ở Mỹ Tho từ lâu đã được biết về chuyến đi của tôi, vì vậy, nếu tàu thủy đến trễ, tôi có thể đi dạo thành phố và các khu vực xung quanh.

Từ Sài Gòn đến Mỹ Tho chỉ 70 *versta*. Con đường xuyên lượn qua địa bàn đông dân cư, dọc đường nhìn thấy những ngôi làng với những vườn dừa rậm rạp. Ở những nơi làng kết thúc, đó là nơi bắt đầu đồng lúa rộng mênh mông, ngập nước, những người An Nam ở trên mấy như ếch; bạn đọc suy nghĩ xem, họ làm gì ở đó?

Trong bùn bắn, giữa đầm lầy, họ bắt cá bằng tay! Và họ bắt được số lượng lớn; cá ở đây nhiều đến nỗi, thậm chí có thể bắt được chúng trong những vũng nước ven đường, vốn được tạo thành một cách ngẫu nhiên do mưa. Ở đó còn bắt được cả cua đồng, và mỗi để bắt không cái gì khác, ngoài cơ thể của chính những người đi bắt. Các cô bé chỉ đơn giản đứng khoảng 20 phút ở nơi đầm lầy đến thất lũng, mà ở đó cua rất nhiều, và sau đó chúng leo lên, chân của chúng rất sắc, có thể gây chảy máu, chúng kẹp rất chắc bằng càng. Leo lên bờ, các cô bé chỉ việc gỡ tất cả những con cua bám vào người; và sau đó lại xuống đầm lầy, lặp đi lặp lại cùng một hoạt động như vậy. Ấn tượng và đơn giản!

Đường xe lửa đi qua nhiều suối và kênh rạch, mà đáng ngạc nhiên là dân bản địa đã xây dựng những cây cầu sắt lớn, lũ voi rất không thích những cây cầu này, khi nhìn thấy, chúng gầm lên khủng khiếp.

Tôi không nhớ là tôi đã nói hay chưa, rằng voi không thích những gì mà chúng không biết: cầu nói chung là những thứ mà chúng có ác cảm, nếu quân tượng cố bắt đi qua cây cầu gỗ, chúng bình thản phá nát cây cầu này, rất thiện nghệ chúng gỡ từng thanh gỗ này, đến thanh gỗ khác bằng vòi và ngà, và rất khó để bắt chúng ngừng công việc của mình. Voi cũng không thích cột điện thoại, chúng sẽ kéo cột khỏi mặt đất và quần nát dây. Ở nước Xiêm, nơi trong rừng có nhiều voi hoang dã, hậu quả là hoạt động điện tín hầu như luôn luôn bị gián đoạn.

Ngày trước voi cũng không thích các loại lều bạt, chúng thường kéo đổ và giày nát, nhưng bây giờ chúng đã quen rồi.

Trước khi đến Mỹ Tho, tàu xuyên qua một rừng chuối, dừa và cau; khi thấy tàu, mấy chú khỉ nhỏ tinh nghịch nhảy từ cây này sang cây khác, nhào lộn không thua kém các chú hề khéo léo nhất.

Nhìn chúng, tôi nghĩ, không phải các chú khỉ tội nghiệp này luôn luôn bắt chước con người, mà có khi ngược lại; con người nhìn mặt và nhảy lên, tất cả các nghệ thuật này, nhào lộn trên thang, đập phá, diễn những trò hề — đây là gì, nếu như không phải bắt chước khỉ? Vậy, hãy tự hào, anh em bốn chân à, nhiều thứ loài hai chân ghen tị với anh em đấy, nhưng rõ ràng là họ có thể hơn người anh em trong sự khéo léo và hài hước.

Khi tàu thủy đến, vẫn còn hơn một giờ, viên quản trị hành chính Mỹ Tho đón tôi, mời thăm quan thành phố và vùng ngoại ô.

Thành phố Mỹ Tho sạch sẽ, mới mẻ, đẹp để tọa lạc bên bờ sông Mekong. Một điểm đặc biệt là sự góp mặt phong phú của cây dừa, chúng được trồng dọc hai bên đường phố, như cây dương ở Voronezh, cây keo ở Odessa, và cây dẻ ở Paris, tất nhiên với một sự khác biệt là ở đây đẹp và độc đáo gấp một trăm lần.

Xung quanh thành phố, ở khắp mọi nơi là những vườn cau, chúng bị chia cắt bởi các con suối, kênh, mương và ao, gần như hoàn toàn được phủ màu hồng và màu trắng tuyệt vời của hoa sen.

Một mảnh nhỏ của thiên đường trên trái đất — thành phố Mỹ Tho là như vậy, nhưng hơi ít người, trên đường phố thiếu sự sống động. Người châu Âu sợ cái nóng chuyển mùa nên quanh quẩn ở nhà, còn tất cả người dân bản địa thì ở trên sông, nơi hàng hóa được xếp và dỡ gần như bất tận từ con tàu đi và đến. Dọc bờ sông ken dày các loại tàu, thuyền, bè có kích thước khác nhau, sà lan, tàu kéo, v.v. Tiếng người hét âm ầm, tiếng còi tàu chối tai vang vọng, chỉ thỉnh thoảng bị tiếng voi chở hàng gầm dũng mãnh phá vỡ, nhắc nhở rằng, đây không phải là một cảng châu Âu nào đó như Stetin hay Hamburg, mà là một đất nước gần xích đạo, đất nước của rừng vĩnh viễn, của niềm vui sướng và thịnh vượng. Ở đây không có ông chủ nào cóng lạnh đi buôn bán rừng bên hàng xóm, ông ta cũng không cần phải sưởi ấm nhân viên của mình, mặc dù ngay cả khi mục đích của cuộc sống trở nên khá rõ ràng với ông ta, không có ngựa vướng vào đông tuyết (từ này ở đây không ai hiểu), đường không bị tuyết dôn đông, và không cần bất kỳ cột mốc quan trọng nào, không cần áo lông, không cần áo da, không cần ủng ấm.

Tuy nhiên, đi xung quanh thị trấn dễ thương này, tôi không thể không nghĩ về tất cả những điều đó, bởi vì triết gia vĩ đại của chúng ta chưa viết cuốn truyện «Ông chủ và người làm công» đáng khen ngợi và không thể nào quên [107], và tôi không có khả năng tiên đoán. Tất cả những điều này bây giờ ở trong đầu, khi tôi sắp xếp lại những ghi chép trên đường của mình để xuất

bản, ngồi tại đất nước của tướng cướp nổi tiếng Alexandr Makedonian trên bờ biển Adriatic.

Trong sóng âm thanh ồn ào gần sân thượng làm tôi nhớ lại cái nóng của vùng nhiệt đới và đầm lầy của nước Nga, còn từ phòng khác có thể nghe thấy những giai điệu của Beethoven [108] do phụ nữ đẹp Hy Lạp hòa tấu.

Để độc giả của tôi không ngạc nhiên vì tôi thường nhớ về vua Makedonian, với vẻ rạng ngời, tôi nhắc họ rằng, bởi vì tôi ở đất nước này suốt cả mùa đông năm nay, và đây không phải lần đầu tiên. Người Moskva rất khó khăn, không nhớ về bánh kalach trong hiệu bánh mì của ông Filipp — niềm vinh quang thuộc Moskva; < ... > cũng khó khăn như khi sống ở Macedonia, không phải suy nghĩ về vị cướp nổi tiếng của đất nước này, và bây giờ ở đây có rất nhiều kẻ bắt chước ông, tuy họ không thể nghiền nát nửa thế giới như người thầy — ông tổ của họ, Alexandr, nhưng họ thường buộc phải làm sạch túi của du khách, và vào buổi tối trong một hẻm núi, đâm chém người thừa.

Ngày mai tôi phải đi đến quán rượu và sẽ phải mang theo hai hoặc ba hiến binh để những kẻ bắt chước Alexandr Makedonian không tấn công và không cướp bóc.

Bơi thuyền trên sông Mekong

Thật không may, tôi chẳng thể kể cái gì thú vị về chuyến đi này. Những con tàu thủy khá lớn,

mỗi tuần chạy một lần, đến Mekong, vòng qua mũi Nam Kì trên đại dương, và sau đó đi lên đến những cái hồ lớn [109], bơi qua đó và quay trở lại, chúng dừng ở Mỹ Tho không quá 15 phút để lấy hàng hóa các loại.

Lần này thuyền trưởng là một người vui vẻ, hành khách ở khoang hạng nhất, ngoài tôi ra thì chẳng có ai nữa, và chúng tôi ăn sáng gồm bốn người: thuyền trưởng, thợ máy, thủ quỹ và tôi.

Trên tàu không quá rộng rãi, phòng ăn đồng thời là phòng khách, nhưng tất cả rất sạch sẽ và ngăn nắp. Từ Mỹ Tho đến Phnom Pênh 300 *versta*, đi mấy ngày ròng, bởi vì dòng chảy rất mạnh, gây khó khăn cho việc bơi ngược lên.

Bờ sông ở đây rất thấp và bằng phẳng, được bao phủ bằng rừng rậm, ở giữa sông có những hòn đảo nổi lên, nhưng cũng chẳng đẹp là mấy.

Tàu đến Phnom Pênh khoảng giữa trưa và ở đó cho đến 7 giờ sáng ngày hôm sau; tất nhiên, tôi đi đến chỗ thống đốc và dành cả ngày này để chuẩn bị cho một hành trình dài. Một lần nữa, tôi lại đến những nơi hoang dã, những nơi chưa từng nhìn thấy, ở đó rất khó kiếm được cái gì, vì vậy phải mang theo tất cả.

Tôi dự tính vào nước Xiêm từ đây, sau khi đến thăm các tháp Angkor [110] mà một đồng nghiệp của tôi De Vollan [111] đã chiêm ngưỡng và mô tả từ năm ngoái; rồi từ đây chuyển lên phía Bắc, tới sông Mun (một nhánh của sông Mekong), nơi có con tàu do em trai của vua Xiêm gửi tới từ Ubon [112] đang đợi để đưa tôi về phía Đông, đến dinh thự của ông ta.

Nhưng bạn đọc sẽ nói: ở đó tất cả đều đi bằng thuyền dọc sông, đâu là cuộc du ngoạn trên lưng ngựa như đã hứa? Thứ nhất, bạn đọc đừng quên rằng, tôi đã đi 10 000 *versta* qua Nam Sibir, Mông Cổ, Trung Quốc, Bắc Bộ và những cánh rừng của nước Xiêm tới sông Mekong. Và thứ hai, chẳng bao lâu nữa tôi lại sẽ ngồi trên ngựa một lần nữa, và đi như thế đến vùng Kavkaz, vào thành phố Lenkoranh [113], nơi cuộc hành trình bằng ngựa của tôi sẽ kết thúc.

* * *

Sau đó, Công tước Vyazemski đã đến thăm Campuchia, Xiêm La, Lào, Miến Điện, Ấn Độ, Tây Tạng, Turkestan [114], Ba Tư, vùng Kavkaz. Mãi tới ngày 14 tháng Mười một năm 1893, ông mới trở về Moskva, kết thúc chuyến du lịch vòng quanh châu Á.

BÌNH LUẬN VÀ CHÚ GIẢI

Chuyến phiêu lưu của Công tước Vyazemski ở Việt Nam. LỜI NÓI ĐẦU

1. Chính sách của các đế quốc tư bản và phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á (1871–1917). Các văn kiện và tài liệu. Phần II. Moskva, 1967.

2. Xem cuốn sách «Những người Nga đầu tiên đến Việt Nam» (Moskva, 2007, bản tiếng Nga; Moskva — Hà Nội, 2013, bản tiếng Việt) trong đó bao gồm các tác phẩm của nhiều tác giả.

3. Về chính bản thân Konstantin Aleksandrovich Vyazemski, cũng như về những chuyến đi của ông, được viết rất ít. Nhà địa lý người Moskva A. V. Sokolov hai lần phát biểu về chủ đề này ở các phiên họp của Hội Địa lý Liên Xô, đã chuẩn bị một số ấn phẩm. Năm 1973, một cuốn sách của I. Vsevolodov và A. Nikiforov «Cầu vồng đích thực» ra đời, trong đó có đề cập ngắn ngủi về Vyazemski. Những sự kiện thú vị về chuyến thám hiểm Maroc của họ được đề cập tới trong ghi chép của bà T. L. Musiatova «Từ Tangier đến Marrakech trên lưng ngựa. Du ngoạn của Konstantin Aleksandrovich Vyazemski», in năm 1990.

Cá tính của Konstantin Aleksandrovich Vyazemski khiến nhà nghiên cứu nữ người Leningrad E. A. Zapadova, tác giả nhiều công trình về Miến Điện quan tâm. Năm 1989, bà đọc báo cáo «Hành trình của Konstantin Aleksandrovich Vyazemski ở Đông Nam Á

(thế kỷ XIX)» tại hội nghị thường kỳ Phân viện Leningrad Viện Nghiên cứu Phương Đông, Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô. Cũng như Vsevolodov và Nikiforov, trọng tâm của bà là chuyến đi của Vyazemski đến Miến Điện và Thái Lan. Trong tất cả những tác phẩm này, bà đặt trọng tâm sự chú ý của mình vào vấn đề, hoặc rất hẹp (Miến Điện) hoặc quá rộng (toàn bộ Đông Dương và tất cả những người du ngoạn), còn chuyến đi của Vyazemski đến Việt Nam chỉ được đề cập vài đoạn.

4. «Bình luận Nga». 1894. Số 9. Tr. 317.

5. «Bình luận Nga». 1894. Số 29. Tr. 317.

6. Như trên. Tr. 318.

7. Như trên. Tr. 320–321.

8. Một số phần của chuyến du ngoạn của ông đến Việt Nam đã được công bố vào năm 2003 trong số đầu tiên tạp chí «Sưu tập Phương Đông» (xem: Sokolov A. A. Cuộc hành trình vòng quanh châu Á của công tước Vyazemski), sau đó đã được đưa vào cuốn sách «Những người Nga đầu tiên đến Việt Nam».

9. «Bình luận Nga». 1894. Số 9. Tr. 326.

10. Về những cuộc gặp gỡ và trao đổi thư từ giữa Lev Nikolaevich Tolstoi và Konstantin Aleksandrovich Vyazemski có các mục trong nhật ký của nhà văn. Xem: Tolstoi Lev Nikolaevich Toàn tập tác phẩm trong 90 tập. Moskva, 1952. Tập 51. Tr. 71–73, 159.

11. Xem: Mikhailov A. K., Hitrovo L. K. Con đường, mà Chúa Kitô chỉ ra, là con đường của tình yêu, không ác ý (Thư của linh mục tu viện Aphon về sự tuyệt giao của Lev Nikolaevich Tolstoi với Giáo Hội.) // Niên giám của Cục Bản thảo Nhà Pushkin — 2000. Sankt-Peterburg. Năm 2004. Tr. 148–179.

12. Tu viện Thánh Panteleimon: Tu viện Nga của Thánh Panteleimon nằm ở Hy Lạp, trên bán đảo Halkidika, về phía tây — nam núi Afon.

13. Mikhailov A. K., Hitrovo L. K. Con đường, mà Chúa Kitô chỉ ra, là con đường của tình yêu, không ác ý. Như trên. Tr. 153.

14. Như trên.

15. Nataliya Sollogub (còn có tên Bode) — chị em họ của Konstantin Aleksandrovich Vyazemski.

16. Thư viện Quốc gia Nga mang tên Mikhail Evgrafovich Saltykov-Schedrin. Phòng Bản thảo. Quỹ 118 (Bykov), trường hợp (hồ sơ) 313, tờ 1-2. Bức thư đề ngày 28 tháng Năm năm 1891. Trong nhật ký Việt Nam, Vyazemski không đề cập đến việc ông chụp ảnh.

17. Trong cuộc hành trình quanh châu Á của Công tước Vyazemski có Ludvig, người đẩy tở và người bạn trung thành, là cựu binh.

18. Przhevalski Nikolai Mikhailovich (1839-1988): nhà du ngoạn và nhà tự nhiên học người Nga, ông đã thực hiện một số cuộc thám hiểm ở Trung Á.

19. «Công tước Konstantin Aleksandrovich Vyazemski. Du ngoạn vòng quanh châu Á trên lưng ngựa (Nhật ký). Thư viện quốc gia Nga. Phòng Bản thảo. Quỹ 178, Bảo tàng tác phẩm 8390, cuốn vở 19, tờ 271 (sau đây — Vyazemski).

20. Vyazemski. Cuốn vở 19, tờ 272.

21. Như trên. Tờ 276.

22. Vyazemski. Cuốn vở 21, tờ 329.

23. Như trên. Tờ 330.

24. Như trên. Tờ 336.

25. Vyazemski. Cuốn vở 28, tờ 371.

26. Như trên. Tờ 372.

27. Chúng tôi nhớ lại rằng, trong thế kỷ XX nữ nhà văn Nga nổi tiếng, đồng thời là dịch giả Tatiyana Lvovna Schepkina-Kupernik đến Al-gie-ri. Kết quả của chuyến đi là một quyển sách nhỏ đã được viết, có tên «Hoàng tử Lý Tzong» nói về một hoàng tử Việt Nam bị đi đày ở đó;

tên thật của người này là Hàm Nghi (xem: Schepkina-Kupernik T. A. Thư từ xa. Moskva, 1903). Bà đã nhiều lần gặp ông và mời đến thăm Nga, và nhận được từ ông ta câu trả lời sau đây: «Tôi là một con chim tội nghiệp, bị sợi dây buộc vào chân» («Je suis un pauvre oiseau avec un fil à la patté»).

28. Lưu trữ Văn học và Nghệ thuật Quốc gia Nga. Quỹ 453 (Sollogub), trục 1, trường hợp 1366, tr. 4. Bức thư đề ngày 10 tháng 5 năm 1892 và được gửi đi từ Huế.

29. Có lẽ là nói về núi Bà Đen, đạt đến độ cao 986 m.

30. Vyazemski. Cuốn vở 28, tờ 565.

31. Vyazemski. Cuốn vở 29, tờ 585.

32. Như trên. Tờ 586–587.

33. Sokolov V. A. Nhật ký và thư của nhà du ngoạn Konstantin Aleksandrovich Vyazemski (1852–1904) // Tài liệu của chi hội Moskva của Hội Địa lý Liên Xô. Moskva, 1969. Xuất bản 3. Tr. 11.

CUỐN VỞ 19

34. Ngày 9 tháng Ba năm 1831 vua Pháp Louis-Philippe Orlean ký lệnh thành lập đơn vị quân sự mới — Đội quan lê dương (la Légion étrangère), mà ở đó những người không phải là người Pháp có thể phục vụ (nghĩa là đối tượng không phải công dân Pháp). Đội quân này được sử dụng ở nước ngoài, chủ yếu là trong các cuộc xung đột quân sự.

35. «Tôi không biết những gì danh hiệu này có nghĩa gì» (chú thích của tác giả).

36. Thổ: Tên gọi chung những bộ tộc thiểu số ở miền núi phía bắc Việt Nam.

37. Thessaly: khu vực lịch sử ở phía Đông Bắc Hy Lạp, nằm dọc theo bờ biển của biển Eger.

38. Gibraltar: Phần lãnh thổ hải ngoại của nước Anh ở phía Nam bán đảo Pirenei, bao gồm cả vách đá Gibraltar và eo cát nối liền vách đá với bán đảo Pirenei.

39. Trong chuyến thăm Marocco trong năm 1881–1882, công tước Vyazemski gặp gỡ với nhà lãnh đạo địa phương — Hoàng đế Khan Mulle.

40. «Hóa ra là chính người Pháp đã tự áp dụng chính sách của hoàng đế quá cố rằng, ông đã tránh tất cả các cuộc chiến tranh» (chú thích của tác giả).

41. Trong nhiều năm, các nhóm nhạc, sân khấu khác nhau của Pháp đến lưu diễn ở Đông Dương, những buổi biểu diễn của họ có thể có tác động đến các tiết mục và phong cách của các nghệ sĩ địa phương.

CUỐN VỞ 20

42. Hội nghị Quốc tế Berlin năm 1878 đã được triệu tập để xem xét các điều kiện của Hiệp ước San-Stefano trong năm 1878.

43. Đề cập đến Beaconsfield, tức là huân tước Benjamin Disraeli (1804–1881): chính khách Anh và nhân vật chính trị.

44. Hiệp ước hòa bình San-Stefano kết thúc cuộc chiến tranh Nga — Thổ Nhĩ Kỳ 1877–1878.

45. Larissa: một thành phố ở phía đông Hy Lạp.

46. Carnot Marie François (1837–1894): tổng thống Pháp.

47. Xem chú thích 63.

48. Pierre: thông dịch viên đi cùng Konstantin Aleksandrovich Vyazemski ở Trung Quốc.

49. Đề cập đến nhà thờ ngoại giáo cầu nguyện cho thẩm tượng.

50. Vilno: thành phố Vinyut hiện nay — thủ đô của Litva. Thời gian tác giả mô tả, thành phố này thuộc Đế chế Nga.

51. «Các bạn đang sai lầm, những người thân yêu à, nếu Chúa cho phép tôi hoàn thành cuộc hành trình này và trở về Nga trên lưng ngựa, đi vòng quanh cả châu Á như tôi dự định; vâng, sau đó đến châu Mỹ cũng trên lưng ngựa, đi qua eo biển Berinh trên băng. Vâng, đây chính xác là điều bất thường! Khi đó, có lẽ, có thể chết một cách yên tâm rồi» (chú thích của tác giả).

52. Krumiry: dân cư ở phần phía bắc của Tunis.

53. Caen: nơi lao động khổ sai của Pháp ở Guyana, tồn tại từ năm 1852 đến năm 1946. Những người lao động khổ sai làm việc trên công trường xây dựng đường, làm khô đầm lầy. Điều kiện vệ sinh ở đây rất khủng khiếp, mức độ bị chết rất cao, cuộc sống ở trại khổ sai chỉ từ 3 đến 5 năm.

54. Đường cái quan xuyên suốt đất nước và kết nối phần phía bắc với phần phía nam của Việt Nam.

55. Nói về Cha Phê Rô Trần Lục (1825–1899), tên thật là Trần Văn Hữu, được gọi là cụ Sáu, vì ông là một linh mục Thiên chúa giáo chịu chức Sáu (diacre), người đã thiết kế, xây dựng nhà thờ Phát Diệm nổi tiếng. Tác giả chắc chơi chữ, ý so sánh Đức Giám mục La Mã Siktus. (N.D.)

56. «Đây là điều rất điển hình: mong muốn hiện đại kiếm lợi từ việc thờ cúng» (chú thích của tác giả).

57. Liszt Ferenc (1811–1886): nhà soạn nhạc Hungary, nghệ sĩ piano và chỉ huy dàn nhạc.

58. Lanessan Jean-Marie: toàn quyền Đông Dương trong năm 1891–1894.

59. Morny Charles Auguste (1811–1865): chính khách Pháp.

60. Đề cập đến Dryada: nữ thần rừng trong thần thoại Hy Lạp.

61. Pushkin Aleksandr Sergeevich (1799–1837): nhà văn hào Nga.

62. Vogue Eugène Melchior (1848–1910): nhà văn Pháp, tác giả nhiều công trình phê bình văn học về văn học nhà văn Nga.

63. «Argus — một loài chim của các nước ấm áp, có màu nâu sẫm, một cái đuôi dài. Tên của nó được gọi như vậy vì nhìn được xa và nhạy cảm» (chú thích của tác giả).

64. Đề cập đến nhà văn hao Nga Tolstoi Lev Nikolaevich (1828–1910).

65. Gogol Nikolai Vasilievich (1809–1859): nhà văn vĩ đại Nga.

66. «Họ hoàn toàn có thể được gọi là xích đạo, bởi vì đường xích đạo cách đây dưới 2000 *versta*» (chú thích của tác giả).

67. Taro: một cây lâu năm thuộc gia đình cây Atiso.

68. Công việc bao gồm việc tước vỏ và loại bỏ các hạt» (chú thích của tác giả).

69. Đề cập đến các cuộc tấn công theo chu kỳ của bệnh; quá trình bệnh nặng thêm.

70. «Và thực tế đã xảy ra như vậy, sau đó 3 tháng ở Nam Kỳ, anh chàng này đã bị đúng cái bệnh mà tôi mắc phải» (chú thích của tác giả).

71. Đề cập đến vua Thành Thái (1889–1907).

72. «Sau đó, nó đã bị mất tích và không đến được nước Nga» (chú thích của tác giả).

CUỐN VỞ 22

73. Sago: tinh bột sắn có nguồn gốc từ cao lương.

74. Syzy: một loại quả rừng.

75. »Tôi thường thức chúng sau này khi ở Xiêm vào tháng Tám. Chúng trông rất giống đậu Thổ Nhĩ Kỳ, nhưng có vị chua không hoàn toàn thú vị» (chú thích của tác giả).

76. Đây là nói về Thái tử Hàm Nghi. Xem thêm chú thích 27.

77. Gia trang (tiếng Trung Quốc: yamen), có nghĩa là một tổ chức nhà nước; — thuật ngữ được sử dụng trong văn học Nga để tham khảo cho các cơ quan chính phủ khác nhau ở Trung Quốc.

78. Móng tay dài, theo ý kiến người Việt Nam, chứng tỏ đẳng cấp cao trong xã hội và có điều kiện kinh tế khá giả của người chủ, những người không tham gia lao động chân tay nặng nhọc.

79. Đây là nói về áo lễ ngắn — một chiếc áo choàng dài với tay áo rộng của phó tế.

80. Đây là nói về Hoàng đế Nga Alexandr III (1845–1894).

81. Trong nhật ký của mình, tác giả dùng tên Turan thành phố Đà Nẵng hiện nay.

82. Đây là nói về đèo Hải Vân.

83. Đây là nói về một loại xe ngựa hai bánh hoặc bốn bánh.

84. Tyrol: một thành phố của nước Áo.

85. Frakia: vùng đất phía đông của khu vực Balkan.

86. Moavityan: bộ lạc Do Thái.

87. Kopernaum (Capernaum): thành phố quê hương của các tông đồ Petr, Andray, Ioann, Iakov. Viskhaida (Bethsaida): tên của hai thành phố trong Kinh thánh.

88. «Sau này Chúa cho phép tôi được nhìn thấy cảnh thứ tư có thể so sánh với cái này: đó là ở Miến Điện, cảnh ở thành phố Mandalai» (chú thích của tác giả).

89. Humboldt Alexandr phon (1769-1859): bác học, nhà bách khoa toàn thư, nhà vật lý, nhà thực vật học, nhà địa lý học người Đức.

90. «Một sự phân biệt rõ ràng giữa hai bệnh là ở chỗ, với bệnh sốt rét, sau cực điểm, sốt giảm xuống mức bình thường, còn với bệnh sốt, mặc dù nó không tới cực điểm, nhưng lại không đổi» (chú thích của tác giả).

CUỐN VỞ 23

91. «Sau này tôi biết được rằng, đây là nó, nhưng là quả rừng, hoang dã và do đó nó nhỏ hơn vườn nhiều. Cây ra thứ quả đó tên Gyute (Gutier)» (chú thích của tác giả).

92. «Các hình thức xây dựng tương tự được rải rác khắp Đông Dương, thậm chí được nhìn thấy ngay cả ở Ba Tư, tại các tỉnh Galyang, Mazanderang, v.v.» (chú thích của tác giả).

93. Côđắc Nikolai Ashinov đã thực hiện một chuyến thám hiểm đến Abyssinia vào giữa những năm 1880; chuyến thám hiểm này gây ồn ào trên báo chí, là kết quả của những tin đồn sai sự thật về số lượng những người tham gia.

94. Trong tiếng Nga, danh từ có ba giống: đực, cái, trung; đại đa số danh từ biến đổi theo cách. Ngoài ra, một số danh từ được du nhập vào tiếng Nga từ các ngôn ngữ khác; một số danh từ không xác định được giống và không biến đổi theo cách. Danh từ cà phê (кофеи) thuộc loại này, nhưng tác giả không muốn thế, mà muốn Nga hóa từ này, buộc nó cũng phải biến đổi theo cách.

95. Ở đây tác giả có ý chơi chữ để phê phán sự bảo thủ và sùng bái tiếng Anh và nước Anh.

CUỐN VỞ 28

96. Buslaev Fyodor Ivanovich (1818–1897): nhà ngôn ngữ học, nhà sử học, nhà sử phạm nổi tiếng người Nga.

97. Pamir: hệ thống núi ở Trung Á, chủ yếu là ở Tadzhikistan.

98. Titus Flavius Vespasianus: Hoàng đế La Mã (trị vì những năm 79–81).

99. Wagner Richard (1813–1883): nhà soạn nhạc và chỉ huy dàn nhạc người Đức.

100. «Có lẽ độc giả của tôi không biết rằng, phần lớn dân số Nam Kỳ là người An Nam» (chú thích của tác giả).

CUỐN VỞ 29

101. Đề cập đến O'Connell Daniel (1775–1847): nhà hoạt động xã hội lớn Ireland, luật sư, đấu tranh cho độc lập của Ireland.

102. «Những chuyến di chuyển dọc theo các con sông, tất nhiên, không được tính» (chú thích của tác giả).

103. «Tôi nói là xích đạo, chứ không phải là ánh nắng mặt trời nhiệt đới, bởi vì Sài Gòn nằm ở kinh tuyến 11, gần đường xích đạo hơn là vùng nhiệt đới» (chú thích của tác giả).

104. Pasteur Louis (1822–1895): nhà khoa học và vi sinh vật học người Pháp.

105. Koch Robert (1843–1910): nhà khoa học và vi sinh vật học người Đức.

106. Có thể ở đây đề cập đến Mac-Mahon Patnes (1808–1893): bá tước, nhà chỉ huy quân sự và là nhà chính trị người Pháp.

CUỐN VỞ 30

107. Đây là nói về Lev Nikolaevich Tolstoi, tác giả truyện Ông chủ và người làm công.

108. Beethoven Ludwig van (1770–1827): nhà soạn nhạc, nghệ sĩ dương cầm và chỉ huy dàn nhạc người Đức.

109. Có lẽ, Konstantin Aleksandrovich Vyazemski đề cập đến hồ lớn nhất ở Campuchia — hồ Tonle Sap, một đặc điểm quan trọng của nó là diện tích mặt nước của hồ tăng gấp ba lần trong thời gian lũ lụt.

110. Quần thể di tích Phật giáo Ankorvat.

111. De Vollen Grigori Aleksandrovich (1847–?): nhà hoạt động nhà nước, đồng thời là nhà hoạt động xã hội, nhà ngoại giao, nhà văn và nhà báo người Nga.

112. Ubon: thành phố ở nước Xiêm.

113. Lenkoran: thành phố ở Azerbaidzhan, cảng biển Caspi.

114. Turkestan: tên gọi vào thế kỷ XIX — đầu thế kỷ XX phần lãnh thổ ở Trung Á, do những bộ tộc người Turkmenia định cư.



Nhà tài trợ chính

Hiện nay Ngân hàng VTB là Ngân hàng Nga có mạng lưới hệ thống rộng, đã tổ chức ra Tập đoàn tài chính quốc tế. Tập đoàn VTB có trong tay một mạng lưới hiểm hoi đối với các ngân hàng Nga, gồm trên ba mươi ngân hàng và các công ty tài chính ở 19 nước trên thế giới. Tập đoàn VTB cung ứng dịch vụ tổng hợp cho các khách hàng ở các nước SNG, Châu Âu, Châu Á và Châu Phi. Trên thị trường ngân hàng Nga Tập đoàn VTB chiếm vị trí thứ hai xét theo các chỉ tiêu cơ bản.

Mạng lưới bán hàng của Tập đoàn VTB gồm 957 văn phòng ở Nga, SNG và Châu Âu. Bên ngoài nước Nga Tập đoàn VTB thực hiện hoạt động của mình thông qua:

- * 12 ngân hàng con đặt tại các nước SNG (Armenia, Ukraina, Belarus, Kazakhstan và Azerbaidzhan), ở Châu Âu (Áo, Síp, Đức Pháp), ở Gruzia, ở Châu Phi (Angola) và ở Việt Nam;

- * 2 cơ quan đại diện Ngân hàng VTB ở Italia và Trung Quốc;

- * 2 chi nhánh của Ngân hàng VTB ở Trung Quốc và Ấn Độ;

* Đến ngày 30 tháng Sáu 2011 Tập đoàn VTB là tập đoàn tài chính lớn thứ hai của nước Nga tính theo tài sản có (4720,0 tỷ rúp) và tiền của khách hàng (2634,7 tỷ rúp).

Cổ đông chính của ngân hàng VTB là Chính phủ LB Nga, thông qua Cơ quan Liên bang về quản lý tài sản quốc gia. Cổ đông này đang nắm giữ 75,5 % vốn cổ đông. Tháng Mười 2010 Ngân hàng đã kỷ niệm 20 năm thành lập và hiện nay đang phát triển rất mạnh. Chiến lược phát triển những năm 2010–2013 là nhằm tăng cường vốn tư bản và nâng cao về căn bản hiệu quả kinh doanh của Tập đoàn.

Giấy phép hoạt động chính của Ngân hàng Nga № 1000.

www.vtb.com

**Князь Константин Александрович
ВЯЗЕМСКИЙ**

**ПУТЕШЕСТВИЕ
ВОКРУГ АЗИИ ВЕРХОМ**

*Вьетнамские дневники
1892 год*

Составитель А. А. Соколов

**Перевод на вьетнамский язык
Хо Бат Хуат, Нгуен Тхи Ньы Нгуен**

Редактор Чинь Хонг Хань

**Художник Андрей Никулин
Вёрстка Ольга Гребенюк**

**Konstantin Aleksandrovich
VYAZEMSKI**

**DU NGOẠN VÒNG QUANH CHÂU Á
TRÊN LƯNG NGỰA**

*Nhật ký Việt Nam
năm 1892*

Chủ biên: A. A. Sokolov

HỒ BẮT KHUẤT, NGUYỄN THỊ NHƯ NGUYỄN
dịch từ nguyên bản tiếng Nga

Người biên tập *Trịnh Hồng Hạnh*

Họa sĩ *Andrei Nikulin*
Trình bày *Olga Grebenyuk*

Nhà xuất bản Thế Giới
46 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, Việt Nam
www.thegioipublishers.vn
thegioi@thegioipublishers.vn

Lokid Premium Ltd
17-2 Perevedenovskiy per., Moscow, Russia, 105082
www.lokid.ru
lokidpremium@mail.ru

